

Sông Lam

SỐ 20 (THÁNG 01+02 / 2022)

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

*Xuân
Nhâm Dần
2022*





Lời chào người lính - Ảnh: THANH YÊN



Đôi bạn - Ảnh: HÀ AN



Một dải Lam Giang - Ảnh: HỒ CHIẾN



Hoàng hôn Cửa Lò - Ảnh: HỒ CHIẾN



Hòn Bút - Ảnh: NHẬT THANH



Cho kịp thời vụ (Bầu Nón, Nam Đàn) - Ảnh: QUỐC ĐÀN

Sông Lam

Số 20 (Tháng 01+02 / 2022)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THUY VINH
- Phó tổng Biên tập:
ĐÀO THỊ THUY HOA
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

• Tòa soạn:
Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: vanngheghean.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
525/GP-BTTTT ngày 02/12/2019.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số đặt mua Tạp chí

Sông Lam

qua bưu điện: B 18.2

Giá: 60.000 đ

MỤC LỤC

■ THỜI LUẬN	
MAI NAM THẮNG	Văn hóa hội nhập... thời hội nhập.....5
■ TIẾNG NÓI VĂN NGHỆ SĨ	
Nhà thơ TÙNG BÁCH	Nhịp mùa đi.....16
■ KÝ	
BÙI SỸ HOA	Rừng trời, rừng ta20
PHAN THANH CHUÔNG	Ngày Tết, nhớ tiếng tăm vông chợ Cồn25
HỒ NGỌC THẮNG	Thành phố Vinh - kỷ ức và hiện tại.....30
CAO KHOA	Cuộc đời có chí thì nên.....34
■ TRUYỆN NGẮN	
TỔNG NGỌC HÂN	Đò phiêu.....43
TIẾN DỨNG	Người về bến Giác49
PHAN ĐỨC LỘC	Gắm sàn mùa Xuân58
NGUYỄN VŨ	Nắm kèn đen62
NGUYỄN VĂN LẠC	Nước mắt chảy xuôi.....69
HOÀI HƯƠNG	Tuổi 20 sóng gió, tuổi 25 ngọt ngào74
TẠ THỊ THANH HẢI	Những bông hoa mặt trăng82
■ THƠ - NHẠC	
HỒ PHI PHÚC: Hồ Xuân Hương (tr.88) • HỒ MẬU THANH: Ngày Xuân, đọc thơ tình Hồ Xuân Hương (tr.88) • THẠCH QUỲ: Trong buổi chiều gió thổi bẹ măng rơi - Những ngày cách ly (tr.89) • NGUYỄN HÙNG VỸ: Nối vòng tay ôm (tr.90) • BÀ CANH: Em cấy lúa Xuân (tr.90) • ĐINH TIẾN HẢI: Giấc mơ (tr.90) • NGUYỄN ĐÌNH ANH: Với mẹ chiều cuối năm (tr.91) • NGÔ MẬU TÌNH: Hôi sinh (tr.91) • DƯƠNG THUẤN: Em đẹp thì anh cứ yêu - Đánh đàn gọi bạn tình (tr.92) • NGUYỄN ĐÌNH CHÍ: Bài thơ chưa đặt tên (tr.92) • MAI LIÊU: Tháng Giêng (tr.93) • HỒNG THỦY TIÊN: Những chiếc lá hồi sinh (tr.93) • NGUYỄN BÍCH LAN: Bạn sống... (tr.94) • LÊ HẠNH: Tiễn người đi biển (tr.94) • LÊ HOÀNG SƠN: Lãng đãng tình Xuân (tr.95) • LỮ MAI: Bức tranh Xuân - Hoa Xuân (tr.95) • LÊ THÀNH NGHỊ: Cảnh bướm đỏ thắm - Đêm Vĩnh Yên (tr.96) • NGUYỄN HỒNG CƯỜNG: Ngày không đơn côi (tr.96) • VÂN ANH: Lối nhịp nhân gian (tr.97) • TRẦN NGỌC KHÁNH: Nhớ (tr.97) • TRẦN THỊ HUYỀN TRANG: Tìm - Trên đường (tr.98) • PHAN THỊ THANH NHÀN: Tượng Phật ở chùa Dâu (tr.98) • TRẦN QUANG DIỆN: Cuối Đông (tr.98) • NGUYỄN NGỌC PHÚ: Viết ở Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt (tr.99) • VŨ AN: Ký ức xanh (tr.99) • VÕ VĂN THOAN: Đón giao thừa (tr.99) • THANH YẾN: Vọng... (tr.100) • TỬ UYÊN: Xuân lỡ hẹn (tr.100) • PHẠM HỒ THU: Trò chuyện với nàng Mona Lisa (tr.101) • VƯƠNG LONG: Tháng Giêng chiều gió (tr.101) • TRẦN QUANG QUÝ: Phố sách ngày cuối năm - Sáng (tr.102) • PHAN THÚC ĐỊNH: Thèm (tr.103) • NGUYỄN VĂN HÙNG: Với thơ (tr.104) • HOÀNG LIÊN SƠN: Hàng rào (tr.104) • VƯƠNG NGỌC BÍCH: Tâm sự cùng hoa (tr.104) • TRẦN THU HẢI: Trả lại niềm vui cho bóng (tr.105) • NGUYỄN THÁNH NGÃ: Tết của cây (tr.106) • HUY LINH: Hội làng (tr.106) • TRỊNH QUANG THUẬN: Nụ cười thành phố mùa Xuân (tr.107) • NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT - QUANG VƯỢNG: Mùa Xuân và hoa đào (tr.108)	
■ TẢN VĂN	
HOÀNG THỊ TUẤN HƯƠNG	Tết quê xưa109
ĐẶNG THIÊN SƠN	Nhớ thương những mùa Tết cũ.....113
LÊ NHUNG	Bao giờ cho đến ngày xưa?115

■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ		
HỒ SỸ TÁ	Tết ở xứ Nghệ.....	118
VƯƠNG TRỌNG	Bà chúa thơ Nôm.....	121
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM		
MINH HUẾ: Bánh chưng ngày Tết (tr.126) • NGUYỄN TRỌNG TUẤT: Hát cho mùa Xuân (tr.126) • NGUYỄN VIỆT LỢI: Lom khom bóng bà (tr.127) • DƯƠNG THẾ VÔ: Sáng Xuân (tr.127) • TRẦN ĐỨC CƯỜNG: Mẹ đi chợ Tết (tr.127) • VÕ THU HƯƠNG: Hương Xuân (tr.128)		
■ KÝ SỰ NHÂN VẬT		
TRUNG TRUNG ĐÌNH	Nhà văn Thái Bá Lợi, không nhanh mà cũng chả chậm	130
■ ĐỌC VÀ NGẮM		
HỮU BẰNG SƠN	Hồ xuống đồng bằng	138
■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH		
PHONG LÊ	Xuân 2022 và những chuyện đáng nhớ về các bài thơ Xuân của Bác Hồ	139
PHẠM QUỲNH AN	Hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử: Cơ hội mới cho tiểu thuyết và cho lịch sử.....	143
NGUYỄN HOÀI NGUYỄN	Thao thức “Nơi con sông đổ về biển”	149
ĐÀO TAM TÍNH	Chữ Xuân trong thơ Hồ Xuân Hương.....	157
■ SỔ TAY NGHỀ VĂN		
HỒ ANH THÁI	Chữ nghĩa quân sự; Chữ nghĩa hành chính; Liên tục ngà mũ kính cẩn.....	161
■ TIỂU PHẨM		
HUỲNH CƯỜNG	Trao đổi trực tuyến giữa Ngọc Hoàng và Táo Thờ	164
VŨ BA LAN	Cuộc vịnh thơ độc đáo.....	166
■ TÌM TRONG VỐN CỔ		
NGUYỄN HUY KHUYẾN	Thơ về hồ của hoàng đế Minh Mạng	168
■ CHÂN DUNG HỘI VIÊN		
P.V	Có một “hồn thơ thật”	172
TRẦN HỮU VINH	Người nhạc sĩ đa tài.....	175
■ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI		
KHÁNH PHƯƠNG (dịch)	Cuộc đời đau đủ dài, hà cớ gì mà mệt nhoài lo xa!.....	178
■ CÂU ĐỐI		
HÀ VĂN TÀI, ĐÀO TAM, THẾ VĂN		
■ MỸ THUẬT:	TẠ TÂM, BÁ SIẾU, HỒ THIẾT TRINH, HOÀNG MINH PHƯƠNG, TRỌNG HIỆP, TIẾN DŨNG, MINH CHÂU, HẢI THỌ, PHAN THẢO ĐAN, HỮU TUẤN, HOÀNG TRUNG, HOÀNG TÀI, HÀ NHƯ, TRƯỜNG HƯNG	
■ ẢNH:	NGUYỄN THANH HẢI, NHẬT THANH, QUỐC KHÁNH, THANH YÊN, HÀ AN, HỒ CHIẾN, QUỐC ĐÀN.	
■ BÌA 1:	TRẦN THẮNG - Mùa Xuân • BÌA 2: HỒ CHIẾN, LÊ THẮNG, HẢI VƯƠNG • BÌA 3: DUY SƠN, THANH HẢI, LÊ THẮNG	

Văn hóa hội nhập... thời hội nhập

MAI NAM THẮNG

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 tổ chức cuối tháng 11/2021 vừa qua, quan điểm “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” được nhiều đại biểu nhấn mạnh, phân tích và đề cao trong các tham luận của mình. Đây là lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát biểu chỉ đạo Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946. Thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn 75 năm qua đã chứng minh “văn hóa soi đường” cho dân tộc ta vượt qua muôn trùng gian khổ khó khăn, tiến hành sự nghiệp kháng chiến cứu nước thành công, xây dựng đất nước sau chiến tranh và tiến hành công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hết sức to lớn và toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày nay, chúng ta đang phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu về kinh tế. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng: nguyên nhân của sự tụt hậu này không chỉ nằm trong kinh tế mà còn nằm trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là văn hóa. Thậm chí nguyên nhân quan trọng nhất là do những hạn chế về *văn hóa hội nhập* của chúng ta. Không có *văn hóa hội nhập* thì không thể hội nhập thành công. Không có *văn hóa hội nhập* thì chẳng những kinh tế bị tụt hậu mà nhiều lĩnh vực khác cũng bị thua thiệt, đặc biệt là nguy cơ “hòa tan” bản sắc văn hóa dân tộc. Mà văn hóa dân tộc là “thẻ căn cước”, là “mã định danh” của một dân tộc. “Văn hóa dân tộc còn thì dân tộc còn” như khẳng định của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài phát biểu chỉ đạo Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 vừa qua.

Từ cuối thập niên 80 của thế kỷ trước, Ủy ban Văn hóa và Giáo dục Liên hiệp quốc (UNESCO) đã có khuyến cáo rằng: Bước sang thế kỷ 21, nền khoa học của nhân loại có những bước tiến như vũ bão, làm đảo lộn nhiều giá trị tưởng như đã

ổn định. Những thành tựu kỳ diệu của khoa học, công nghệ... sẽ kéo theo những thay đổi về văn hóa, tác động sâu sắc đến các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng tích cực hoặc tiêu cực. Vì vậy, các dân tộc cần chuẩn bị cho quá trình hội nhập một cách thông minh, trên cơ sở bảo tồn vững chắc những tinh hoa truyền thống của nền văn hóa dân tộc mình, góp phần làm phong phú nền văn hóa chung của nhân loại. Sự “chuẩn bị” ấy chính là quá trình xây dựng *văn hóa hội nhập* cho dân tộc để tham gia hội nhập toàn cầu, trong đó có hội nhập văn hóa.

Văn hóa hội nhập là khái niệm có biên độ mở, bao gồm cả những kỹ năng cần thiết khi giao lưu, quan hệ, trao đổi, “làm ăn” với nước ngoài. Trong đó yêu cầu trước hết là phải hiểu biết những quy định pháp lý của đối tác và quốc tế. Có như vậy mới không bị lép vế, thua thiệt mà cái giá phải trả cho sự “khờ khạo” trên “sân chơi lớn” thường là rất đắt. Đồng thời, văn hóa hội nhập đòi hỏi phải có bản lĩnh khi tiếp xúc - tiếp nhận cái mới, cái khác; biết tôn trọng sự đa dạng, khác biệt nhưng cũng phải biết chọn lọc tiếp thu, biết loại bỏ những thứ không phù hợp, thậm chí là xấu, độc.

Từ Đại hội lần thứ XII, Đảng ta xác định phải “xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế”. Có thể nói, đây chính là cốt lõi của *văn hóa hội nhập* Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa. “Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế”, vì văn hóa không đứng ngoài chính trị và kinh tế. Hội nhập văn hóa cũng đồng thời diễn ra trong quá trình hội nhập kinh tế. Tuy nhiên, quá trình hội nhập kinh tế diễn ra theo xu hướng hòa đồng các giá trị kinh tế; còn quá trình hội nhập văn hóa thì vấn đề cốt tử là phải bảo tồn cho được các giá trị riêng biệt, đó chính là bản sắc văn hóa của dân tộc. Và nữa, hội nhập văn hóa có những đặc thù riêng, không giống hội nhập trong các lĩnh vực khác. Đó là sự thống nhất giữa “nhận” và “cho”. “Nhận” cái mới của nước ngoài nhưng chúng ta cũng phải “cho” thế giới, đóng góp cho thế giới những điều đặc sắc của văn hóa Việt Nam. Tức là, trong quá trình hội nhập văn hóa, chúng ta không chỉ tiếp biến văn hóa nhân loại, “gạn đục khơi trong” để làm giàu có thêm kho tàng văn hóa Việt Nam, mà văn hóa Việt Nam có thể đóng góp những giá trị đặc sắc gì của mình vào văn hóa chung của nhân loại. Văn hóa Việt Nam có đủ tầm vóc, bản lĩnh, tự tin để tham gia định hình những giá trị chung trong văn hóa của nhân loại. Đó là một nội dung quan trọng của *văn hóa hội nhập* trong *hội nhập văn hóa*. Và đó cũng là cách để làm “đầy” thêm vốn văn hóa truyền thống của dân tộc; bởi khác với các loại tài nguyên vật chất khác, tài nguyên văn hóa càng khai thác và “cho đi” thì càng giàu có thêm, góp phần xây dựng một thế giới đa dạng bản sắc văn hóa.

Lịch sử nhân loại chưa có một nền văn hóa nào, kể cả những nền văn hóa lớn và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, mà có thể tồn tại và phát triển một cách biệt lập, riêng biệt, khép kín với các nền văn hóa khác. Nhưng hội nhập bao giờ cũng có hai mặt tích cực và tiêu cực. Mặt tích cực là giao lưu và hội nhập sẽ giúp cho văn hóa mỗi dân tộc luôn phát triển, tiếp nhận được những tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác để bồi đắp thêm cho văn hóa của dân tộc mình, đồng thời cũng quảng bá được những giá trị văn hóa của dân tộc mình

cho các dân tộc khác. Tuy nhiên, cùng đó là nguy cơ “đồng hóa” các hệ giá trị, các chuẩn mực văn hóa dân tộc, đe dọa tính sáng tạo của các nền văn hóa dân tộc, dẫn đến tình trạng “vong bản”, thậm chí thủ tiêu các giá trị văn hóa dân tộc. Điều này trong lịch sử đã từng xảy ra với một số dân tộc trên thế giới.

Bản sắc văn hóa của một dân tộc chính là cốt cách của dân tộc ấy. Đó là những phẩm chất tương đối ổn định và bền vững, bởi nó được hình thành và tồn tại trong lịch sử phát triển của dân tộc. Đồng thời, cốt cách dân tộc được thể hiện rõ nhất là ở lĩnh vực văn hóa, làm nên bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cũng chính là giữ gìn cốt cách của dân tộc. Và một nền văn hóa giữ được cốt cách dân tộc sẽ là một nền văn hóa có đủ nội lực đề kháng, chống lại các cuộc “xâm lăng văn hóa” từ bên ngoài. Một nền văn hóa như vậy mới đủ tự tin và bản lĩnh để tiếp nhận chọn lọc những giá trị văn hóa của các dân tộc khác, “dân tộc hóa” những giá trị văn hóa nhân loại để đồng hành cùng nhân loại.

Dân tộc Việt Nam trải qua nghìn năm Bắc thuộc, trăm năm Pháp thuộc và hai mươi năm xâm lược của đế quốc Mỹ. Trong quá trình đó, các thế lực ngoại bang luôn tìm mọi cách đồng hóa dân tộc ta về văn hóa. Nhưng văn hóa Việt vẫn trường tồn, vẫn giữ được bản sắc dân tộc. Được như vậy là nhờ ông cha ta đã giữ được cốt cách dân tộc, biết cách bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc; đồng thời biết tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại, “Việt hóa” thành công những giá trị văn hóa từ bên ngoài. Nội lực ấy của nền văn hóa Việt Nam là một nguồn lực làm nên sức mạnh tổng hợp, giúp dân tộc Việt Nam chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, giữ vững bờ cõi.

Tuy nhiên, trong quá trình giao lưu văn hóa hiện nay, sự xâm nhập, thẩm thấu các giá trị văn hóa ngoại lai vào nước ta diễn ra thông qua nhiều hình thức, nhiều con đường rất tinh vi, thông qua các loại hình nghệ thuật phức hợp, khiến bên tiếp nhận nhầm tưởng mình đang thụ hưởng một thứ văn hóa quen thuộc của chính dân tộc mình. Ấy là chưa kể, đang có những âm mưu làm mờ nhòe ranh giới, thậm chí làm “mù nhận thức” của người tiếp nhận để áp đặt một nền văn hóa phục vụ mục đích kinh tế và chính trị. Có thể nói, đây là những cuộc xâm lăng không tiếng súng, nhưng nó có thể giết chết tinh thần của dân tộc. Nguy cơ ấy đòi hỏi dân tộc ta phải khẳng định bản lĩnh văn hóa của mình, để không tự đánh mất mình, không hòa tan và cuối cùng biến mất trong khát vọng tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá.

Và nữa, nếu không khẳng định được bản lĩnh văn hóa của dân tộc mình, thì cũng không thể phát huy được “sức mạnh mềm” của văn hóa dân tộc trong thời đại hội nhập toàn cầu, như một số nước gần gũi chúng ta đã biết cách sử dụng hữu hiệu sức mạnh ấy trong quá trình “hóa Rồng, hóa Hổ”. Cũng như trong lịch sử dân tộc, nếu nền văn hóa truyền thống của Việt Nam không đủ sức đề kháng, thì dân tộc Việt Nam đã bị bại liệt, đã bị thủ tiêu bởi các thế lực xâm lược hùng mạnh hơn nhiều lần. Đó là bài học nhồn tiển thiết thực cho *văn hóa hội nhập* trong quá trình *hội nhập văn hóa* ngày nay.

Nhân vật & đối thoại



Chủ tịch Alphabooks Nguyễn Cảnh Bình

Chủ tịch Alphabooks NGUYỄN CẢNH BÌNH:

“Trong thời đại của Internet, sách vẫn
là nguồn tri thức đáng tin cậy nhất”

■ Nguyễn Cảnh Bình được ví như ngọn nến cháy hai đầu vì làm rất nhiều việc với một năng lượng lúc nào cũng bùng cháy. Ở tuổi ngũ thập, điểm lại những gì anh đã làm được cũng đáng kể: sáng lập và xây dựng Alphabooks - một công ty sách hàng đầu Việt Nam, cùng các thương hiệu sách khác như Omega+ Books, ETS, Sóng, Giám đốc Trung tâm trí tuệ Việt Nam, sáng lập và là Viện trưởng Viện lãnh đạo ABG, phát triển nhiều chương trình đóng góp cho sự phát triển cộng đồng như Hành trình Tri thức, Cùng đọc sách, Đại sứ Văn hóa đọc; tác giả, dịch giả biên soạn cuốn “Hiến pháp Mỹ được làm như thế nào?”. Nguyễn Cảnh Bình vẫn thường làm những điều hơi “trái khoáy”, như đang là cán bộ của Tổng công ty Xăng dầu bỗng một ngày nghỉ việc ra làm sách; sinh ra, lớn lên ở thủ đô nhưng đang là Trưởng ban Khuyến học của Hội Đồng hương Nghệ An; vẫn còn trẻ nhưng viết tự truyện, cuốn “Sinh năm 1972 - Khát vọng sống” vừa mới xuất bản đang được đón đọc.

Thế hệ mất mát

Tôi đã đọc cuốn tự truyện “Sinh năm 1972 - khát vọng sống” của anh. Anh viết về anh và thế hệ của anh - sinh vào thập kỷ 70 của thế kỷ trước - giai đoạn lịch sử ấy đã ảnh hưởng thế nào đến tính cách, nhân sinh quan, văn hóa và cả số phận của những người thuộc thế hệ của anh?

Mọi con người đều chịu tác động bởi hoàn cảnh, bối cảnh lịch sử xã hội, cộng đồng, của gia đình, của thời đại, của thời cuộc và đương nhiên là những chuyện xảy ra đối với chính họ. Vì thế, những người sinh ra và lớn lên trong thời kỳ bao cấp hẳn sẽ có những dấu ấn và chịu tác động riêng. Những khó khăn vất vả về vật chất và tinh thần của thời bao cấp, nhưng cùng với đó là sự yên bình và nhẹ nhàng, của tình cảm giữa con người với con người, của sự gần gũi, thân tình, chân thành giữa những người bạn bè.

Đặc điểm và các yếu tố của hoàn cảnh đó giúp cho hình thành nên những tính cách của con người, thứ nhất là sự bền bỉ và kiên trì, sự chấp nhận những gian khổ để vươn lên (phần nào cũng giống như người xứ Nghệ trên mảnh đất nghèo khó nên bền bỉ, kiên trì, giàu ý chí, nhưng những suy nghĩ có phần đơn điệu, chất phác, thiếu đi những yếu tố nghệ thuật và tự do...)

Lứa chúng tôi bắt đầu bước chân vào cuộc đời khi một hệ thống các giá trị cũ đang thay đổi, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và chế độ bao cấp ở Việt Nam đang tan vỡ chuyển mình mở ra những giá trị mới và kinh tế thị trường... Những người bạn tôi ở Đông Âu, du học ở Đông Âu là những người giỏi nhất, nhưng họ bước chân sang đó khi không được sự chuẩn bị để đương đầu được với những biến động, nên rất ít người theo đuổi việc nghiên cứu khoa học như kế hoạch ban đầu, và tôi gọi đó là thế hệ mất mát. Chúng tôi ở trong nước có phần yên ổn hơn, nhưng cũng nhìn thấy những biến động diễn ra mạnh mẽ khi cuộc sống và xã hội cởi mở hơn, nhưng cũng phải tranh đấu ở mức độ nào đó với những ràng buộc, hạn chế và những quan niệm cũ kỹ, lạc hậu và có phần chật chội...

Vì sao anh gọi thế hệ mình là thế hệ “mất mát” - thực ra tôi thấy có rất nhiều người thuộc thế hệ anh rất thành công - bản thân anh là một ví dụ - nên hiểu sự “mất mát” ấy như thế nào?

Thế hệ chúng tôi sinh vào giai đoạn đất nước chiến tranh, nhưng trưởng thành khi đất nước thống nhất, đủ lớn để nhớ về thời bao cấp, về xã hội đóng cửa, nhưng khi trưởng thành được chứng kiến sự chuyển biến của xã hội. Chúng tôi vừa chập chững bước ra đời đúng vào thời điểm đất nước thay đổi, kinh tế khủng hoảng, những quan điểm sống cũ thay đổi, những giá trị cũ bị tan vỡ, tất cả chỉ quan tâm đến tiền.

Thế hệ chúng tôi, trở trêu thay, có những người đi học nước ngoài tử tế, bài bản với mục tiêu trở thành nhà khoa học của đất nước, nhưng hầu hết đều thay đổi, đều trở thành con buôn, sớm tiếp xúc với thị trường. Người ở lại thì bạc nhược, bí bách, mất phương hướng, rồi lại lao vào kiếm tiền. Và theo một cách nào đó,

chúng tôi đều đi chệch khỏi những quỹ đạo mong muốn của mình. Lẽ ra, một số người bạn học giỏi, thích nghiên cứu mày mò sẽ trở thành giáo sư, viện sĩ, những người rất nhạy bén, giao tiếp từ nhỏ sẽ phải rẽ sang hướng kinh doanh, thành doanh nhân mới đúng. Nhưng cuộc đời thật buồn cười, những người lẽ ra trở thành nhà khoa học lại thành con buôn, còn những người phù hợp với việc đi buôn lại trở thành nhà khoa học. Tôi không biết đó là may hay rủi, nhưng một điều không thể phủ nhận rằng đó là sự lãng phí. Lãng phí tài năng, lãng phí tổ chất, lãng phí đầu tư, công sức của những năm tháng tuổi trẻ.

Đến bây giờ bạn bè tôi đều đã gần 50 tuổi, cũng nhiều người giỏi, đã tự bươn chải, tự lo cho gia đình mình một cuộc sống sung túc, đầy đủ, chẳng phải lo lắng nhiều về vật chất. Nhưng tôi lại nhìn thấy ở rất nhiều người trong số ấy một sự thiếu thốn, họ hầu như chẳng còn mấy khao khát đóng góp cho xã hội, chẳng còn khao khát tranh đấu và hình như đến giờ có những người mới bắt đầu đi tìm ý nghĩa cuộc đời mình. Điều gì đã xô đẩy chúng tôi đi theo con đường mà chẳng ai từng nghĩ mình sẽ đi như thế? Phải chăng là sự thay đổi thời cuộc, sự hoang mang về lý tưởng sống đúng vào thời điểm chúng tôi vừa bước ra đời...

Và tôi gọi thế hệ chúng tôi là thế hệ mất mát. Có thể tôi gọi như vậy không đúng với nhiều người. Nhiều người bạn tôi không nghĩ như vậy. Bạn tôi vẫn nhiều người thành đạt... Nhưng với cá nhân tôi, chúng tôi vẫn là một thế hệ mất mát. Nếu thế hệ trước chúng tôi từng gắn với một niềm tin, gắn bó với một lý tưởng và những thế hệ sau này lại có một niềm tin khác, thì chúng tôi chơi vơi ở giữa...

Việc đọc giúp trí tưởng tượng bay cao

Có thể thấy đời anh gắn liền với sách, cả tuổi thơ đắm chìm trong sách, thời thanh niên viết sách và khởi nghiệp với sách, trung niên thành công với một công ty sách. Anh nghĩ gì về vai trò của sách với anh và vai trò của sách trong thế giới hôm nay vốn bị các phương tiện giải trí nghe, nhìn và Internet lấn lướt?

Trong một không gian khó khăn ngày xưa, rõ ràng sách là nguồn tri thức hầu như duy nhất giúp cho mọi người trưởng thành, giúp cho chúng ta nhìn ra thế giới khác, và tôi hiểu nhiều hơn những gì tôi học trong nhà trường. Dần dần trưởng thành hơn nhờ những tờ tạp chí, nhờ những bản tin tham khảo của cha tôi, nhờ những tờ tạp chí nước ngoài mà tôi mua được, trong bối cảnh chưa có Internet và không gian tri thức như ngày hôm nay thì sách vở rõ ràng là một nguồn tri thức giúp cho tôi trưởng thành nhanh chóng.

Ngày hôm nay, trong thế giới nghe nhìn và Internet thì hiển nhiên sách giấy không còn vị thế quan trọng như những ngày xưa nữa, nhưng có mấy vấn đề cần phải được lưu ý.

Đó là, việc cô đọng tri thức vào trong cuốn sách khó hơn nhiều so với việc nói tràn lan trên mạng và những phương tiện truyền thông khác nên chất lượng những tri thức ở trên sách chắc chắn khác nhiều và có mức độ sâu hơn, tốt hơn so với các kênh thông tin khác. Tri thức ở trong sách về tổng thể tương đối có chất

lượng và chiều sâu, được lựa chọn cẩn thận nên sẽ vẫn là một nguồn thông tin vô cùng quan trọng và cơ bản. Các phương tiện nghe nhìn giúp cho việc xử lý thông tin nhanh hơn, lan truyền thông tin nhanh hơn nhưng chiều sâu thì không thể so sánh với sách.

Mặt khác khi đọc sách, chúng ta phải tư duy nhiều hơn so với tiếp nhận thông tin từ phương tiện nghe nhìn. Ngay cả bản thân tôi, khi nghe một cuốn sách nói hoặc là xem một bộ phim thì nhiều khi tư duy không tập trung như đọc sách. Việc đọc sách giúp trí tưởng tượng bay cao, đang đọc có thể dừng đúng lúc để suy ngẫm về những vấn đề mà tác giả đặt ra, là những thứ mà các phương tiện nghe nhìn không thể có được. Vì thế tôi có thể nói rằng mặc dù vị thế của sách không còn giữ vai trò độc tôn như khi chưa có Internet nhưng cho đến tận bây giờ đó vẫn luôn là một nguồn tri thức đáng tin cậy nhất, đáng kể nhất và giúp cho chúng ta trưởng thành.

Anh đã xác định mục đích chính của cuộc đời mình là phát triển tri thức và phát triển con người. Đó là mục đích đầy nhân văn nhưng cũng đầy gian khó, mà thường thì người ta cho rằng nó là việc của Nhà nước. Anh đã có ý thức đi và tìm hiểu nhiều nền văn hóa trên thế giới, đọc Đông Tây kim cổ, cả những cuốn sách của người nước ngoài nói về người Việt Nam như “Xứ Đông Dương”, hay những cuốn sách của người Việt mổ xẻ những vấn đề của người Việt, anh có những đánh giá gì về căn tính, não trạng của người Việt và những điều đó có thuận lợi và cản trở gì đối với sự nghiệp phát triển đất nước hiện nay?

Đây thực sự là một câu hỏi khó, và xa hơn nữa để giải quyết về những vấn đề này cũng là một thách thức lớn nào đó đối với tất cả những người có trí tuệ, đối với giới học giả và trí thức và đối với cả đất nước. Tôi cũng nghiên cứu nhiều về chủ đề này và chưa nghĩ rằng mình có thể giải đáp hết được mọi câu hỏi được đặt ra, không phải chỉ là câu hỏi của anh, mà còn là câu hỏi của dân tộc, của thời đại và của bao nhiêu người khác đang được đặt ra. Tôi vẫn đang trong hành trình kiếm tìm những câu trả lời đó, kiếm tìm những lời giải đó, tuy nhiên, tôi cũng có thể trả lời một cách sơ bộ những vấn đề này như sau.

Về tổng thể, người Việt là một dân tộc dũng cảm, mạnh mẽ, thậm chí phải dùng từ là một dân tộc kiên cường, như Paul Doumer đã nói trong cuốn *Xứ Đông Dương*, “Phải rất lâu rất lâu mới có thể tìm thấy một dân tộc như thế, phải đi sang tận Nhật Bản mới thấy một dân tộc có thể tương đồng phần nào đó với dân tộc Việt Nam”. Nói thế để thấy rằng nhiều học giả đồng ý rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc có tổ chất, có ý chí, có nghị lực và sự kiên cường. Phải có một sự kiên cường như thế nào đó mới có thể chống lại được những thế lực trong quá khứ như với người Trung Quốc, như với Pháp, Mỹ...

Nhưng dân tộc Việt bị những rào cản, bị hạn chế và chịu ảnh hưởng từ trong quá khứ, khiến cho cả dân tộc vẫn chưa tìm được cách thức vươn mình lên như những khao khát mà nhiều thế hệ đang mong muốn. Trong quá khứ, những rào cản đối với người Việt Nam đây chính là những yếu tố địa chính trị, khi khoa học

công nghệ chưa được phát triển, khi chưa có giao thương buôn bán, khi hàng hải và hàng không chưa phát triển, người Việt Nam gần như chỉ có một con đường kết nối duy nhất với thế giới văn minh, đó chính là Trung Hoa và Trung Hoa là nền văn minh thế giới duy nhất khi đó. Các học giả của Việt Nam trưởng thành là nhờ cái cánh cửa kết nối với Trung Quốc, với Nho học và đó là sự độc tôn gần như duy nhất. Trở ngại lớn tiếp theo đối với người Việt đây chính là chữ viết, nếu những người Triều Tiên, người Nhật Bản đã có chữ viết cho riêng mình từ thế kỷ thứ 8 và thế kỷ 12 hay người Thái Lan và người Mã Lai đã có chữ viết cho mình từ thế kỷ 13 thì người Việt Nam vẫn loay hoay kiếm tìm chữ viết riêng, là chữ Nôm nhưng không thành công khi không lan tỏa được và đưa nó trở thành một chữ viết chính thức, đơn giản, phổ cập cho mọi người. Mọi văn bản, ghi chép, tư tưởng của quốc gia/dân tộc cho đến tận thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 vẫn chỉ dựa vào chữ Hán. Việc chậm trễ kiếm tìm được chữ viết cho mình đã làm dân tộc chậm phát triển lên rất nhiều...

Cũng chính do yếu tố địa chính trị quan trọng, là cánh cửa mở thông với phía nam của Trung Quốc, mở thông với vùng Đông Nam Á mà Việt Nam đã trở thành một mảnh đất đầy hứa hẹn cho sự khai thác thuộc địa, để cho người Pháp đặt chân đến đây, và tiếp theo trở thành một cái nơi mà người Mỹ và hệ thống XHCN coi là một mặt trận để tranh giành ảnh hưởng, để rồi bi kịch của đất nước chúng ta là ở yếu tố địa chính trị đó. Nhưng giờ đây, yếu tố địa chính trị đó cũng chính là cơ hội khổng lồ mở ra cho Việt Nam.

Trong khoảng 10 năm qua và đặc biệt là vài năm gần đây chúng ta lại trở thành tiền đồn, một vị trí, một quốc gia có những yếu tố địa chính trị vô cùng quan trọng trong một cuộc xung đột mới đó là cuộc xung đột giữa các giá trị phương Tây với Trung Quốc. Tôi đã nhìn thấy đâu đó những sự tương đồng với quá khứ, nó vừa hấp dẫn, vừa lôi cuốn nhưng cũng đầy bi kịch nếu chúng ta không tự tìm cách thoát ra được tình thế khốn khó này.

Ngày hôm nay, đã 100 năm sau khi chữ Quốc ngữ được phổ cập, tôi hy vọng rằng với trí thức, với kiến thức của người Việt đã vươn lên mạnh mẽ hơn rất nhiều, sự hiểu biết với nền tảng của dân tộc, với những cay đắng của quá khứ, với những bài học, rồi đây có thể hy vọng và trông đợi rằng chúng ta cũng không rơi vào cái bẫy bi kịch.

Sự phát triển của con người không thể tách rời sự phát triển của cộng đồng

Bản thân anh là người xứ Nghệ và anh có mối quan hệ thân thiết với nhiều trí thức xứ Nghệ như ông Nguyễn Trần Bạt, Nguyễn Sĩ Dũng, anh thấy vì sao các trí thức xứ Nghệ từ trước đến nay thường phải rời xa quê hương mới có thể phát triển, thành tài?

Thực ra không phải chỉ là những trí thức của xứ Nghệ mới rời xa quê hương để phát triển và trưởng thành. Hầu hết mọi địa phương đều như vậy, mọi người đều rời khỏi quê hương để rồi về những trung tâm văn hóa lớn nhất của đất

nước. Điều này cũng đúng trong những giai đoạn phong kiến, ngay cả Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ cũng rời khỏi xứ Nghệ để ra Hà Nội. Thời hiện đại, ở Nghệ An có Nguyễn Xiển, Hoàng Xuân Hãn và nhiều học giả khác cũng đã ra Hà Nội, đó là chân trời để họ bay.

Bây giờ, khi không gian sống được mở rộng hơn, khi những thế hệ trẻ ngày nay có thể vươn ra với thế giới, chúng ta đang và rồi sẽ còn thấy những người xứ Nghệ xuất hiện ở những trung tâm trí thức của khu vực và thế giới như ở Singapore, ở châu Âu, ở Nhật Bản và cả ở Mỹ. Cái căn bản cuối cùng đó chính là một không gian, đó chính là một mảnh đất màu mỡ nơi mà những hạt cây có thể nảy mầm, có thể phát triển trở thành những cái cây xum xuê cành lá. Họ không thể ở trong quê, nơi phần nào đó rồi cũng chật chội về suy nghĩ, chật chội về không gian.

Mặt khác, giờ đây không gian mạng được mở ra cho tất cả, công nghệ phát triển cùng với sự tác động của dịch bệnh Covid-19 khiến cho sự tương tác giữa con người với nhau thuận lợi hơn. Nhưng dòng chảy tri thức trên mạng xóa nhòa mọi khoảng cách địa lý. Những trí thức và bạn trẻ ở Nghệ An hôm nay đã rất dễ dàng tiếp cận được những dòng chảy đó, tiếp cận những sự kiện, hội thảo, tọa đàm được tổ chức ở Hà Nội ở Thành phố Hồ Chí Minh và ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Tuy không sinh ra, lớn lên ở Nghệ An nhưng anh là thành viên tích cực của Hội Đồng hương Nghệ An, đã khởi xướng và tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa dành cho quê hương. Động lực nào để anh dành thời gian, công sức đóng góp cho Nghệ An?

Mọi sự gắn bó của con người đều phải bắt đầu từ những điều gần gũi, thân thiết nhất. Mọi quan tâm đầu tiên của tất cả chúng ta cũng đều là gia đình, bố mẹ, ông bà và rồi từ đó mới có tình yêu với quê hương và với đất nước. Ban đầu tôi cũng chỉ xuất phát từ việc được về quê rất nhiều lần từ khi còn bé, được đi thăm nhiều di tích, gặp gỡ con người nên thấy quen thuộc và gần gũi với làng xóm và họ hàng... Dần dần khi trưởng thành hơn, qua những chuyến về quê, tôi đã mở rộng tầm mắt, đi thăm những di tích lịch sử của dòng họ, rồi ra các huyện khác... Bắt đầu từ những việc như thế dần dần mối quan tâm của tôi đã mở rộng ra với cộng đồng xung quanh, về xứ Nghệ, dần dần tôi bắt đầu gặp gỡ các trường học, các trường cấp ba ở Vinh, trường Đại học Vinh, các trường phổ thông ở huyện Đô Lương và các huyện khác. Dần dần tôi nhận ra rằng sự phát triển của một dòng họ, sự phát triển của một gia đình không tách biệt khỏi sự phát triển của cộng đồng và địa phương. Không thể phát triển một dòng họ lớn nào bền vững nếu cộng đồng xung quanh đó không được nuôi dưỡng và phát triển.

Một yếu tố khác đó là các hoạt động xuất bản của mình luôn gắn bó chặt chẽ với cộng đồng. Chúng tôi có thể phát triển nếu cộng đồng ủng hộ và ngược lại, chúng tôi có thể đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng. Khi tổ chức hàng trăm những hội sách và những cuộc trò chuyện tôi nhận thấy quê hương chúng ta, tỉnh Nghệ An là một trong những tỉnh dẫn đầu về truyền thống hiếu học, cho đến tận bây giờ. Trong cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc mà tôi là người khởi xướng thì Nghệ An là tỉnh mà có nhiều em học sinh được giải nhất, dù phần nào

đó truyền thống bị mai một, mất mát đi. Tôi nghĩ rằng mình sẽ không thể phát triển được nền văn hóa đọc trong quốc gia nếu tôi không phát triển tốt ngay trên quê hương và cộng đồng của mình, vì thế tôi sẵn lòng dành thời gian để phát triển các hoạt động ở Nghệ An và huyện Đô Lương.

Tôi nhận thấy quê hương Nghệ An in đậm trong cuốn tự truyện của anh, ký ức về ông nội, về dòng họ và những người thân ở mảnh đất Đô Lương với bề dày văn hóa có ý nghĩa thế nào với anh?

Có thể suy nghĩ của tôi không hoàn toàn chính xác, nhưng tôi nhận thấy văn hóa rất đặc trưng và góp phần tạo nên nếp gia phong, sự trật tự và ngăn nắp của các gia đình ở Nghệ An những năm tháng đó. Hiện nay, khi các điều kiện vật chất đã phát triển hơn nhiều, nhưng những yếu tố về tinh thần, về văn hóa dường như lại kém hơn trước nhiều.

Đâu đó ở ngoài Hà Nội này những hoạt động văn hóa vẫn được duy trì, bao nhiêu sự kiện văn hóa và hội nhập quốc tế được tổ chức ở đây, nhưng ở nông thôn thì không có gì ngoài việc thương mại, buôn bán, làm ăn. Dòng chảy dân cư đã cho phép nhiều người ở Nghệ An ra Hà Nội, trong đó có rất nhiều người giỏi, có học vấn, có trình độ và điều kiện luôn tìm cách rời xa khỏi quê hương để về sinh sống ở Vinh hoặc ra Hà Nội, hoặc đi các nơi.

Nếu như trước đây ở phố huyện của tôi có một hiệu sách và mặc dù nó cũng nhỏ bé thôi nhưng cũng có nhiều cuốn thật thú vị và rất hữu ích đối với người dân ở quê thì bây giờ không còn nữa. Những người thầy, những nhà nho, tạm gọi là những trí thức và học giả ở xứ Nghệ vẫn còn sống ở thôn quê dù có phần thiệt thòi hơn so với Hà Nội nhưng sự cách biệt đây không có nhiều. Họ như thể là những hòn đá tảng, như thể là kim chỉ nam để điều chỉnh và định hướng cho những hoạt động văn hóa ở quê tôi. Đâu đó vẫn còn có nhiều thầy đồ mà khi gặp gỡ họ vẫn tiếp tục trò chuyện về những vấn đề của xã hội, của đất nước, về những giá trị văn hóa và lịch sử. Nhưng thật tiếc, ngày nay những buổi trò chuyện như thế thật là ít ỏi và không còn lớp người tạm gọi là thầy đồ ngày xưa. Hậu quả của việc này rất lớn: Nếu như nhiều thập niên trước, Đô Lương có những nhân vật văn hóa, những người giỏi vươn lên thì nay đã ít đi nhiều, không còn những học giả, những nhân vật như Thái Bá Vân, Nguyễn Cảnh Toàn,... nữa, dù có thể có doanh nhân nhiều hơn, nhà cửa giàu có hơn, nhưng cái gốc văn hóa đã mai một đi rất nhiều.

Ôn cố để tri tân, ký ức về những ngày Tết theo cha về xứ Nghệ đón Tết trong anh hẳn vẫn nguyên vẹn, không mai một theo thời gian?

Cái cảm giác thích thú và yên bình thuở bé trước gia cảnh, nếp nhà của ông bà nội ở Đô Lương vẫn in sâu trong tôi. Vì là cháu đích tôn nên suốt những năm tháng ấu thơ, cứ đến Tết bố lại đưa tôi về quê. Chừng 27-28 Tết, bố con tôi ra ga Hàng Cỏ đón chiếc tàu hỏa chạy xình xịch, chậm chậm và chật chội. Có những lần bố con tôi phải ngồi trên sàn, đồ đạc linh tinh, lợn gà nhếch nhác, hoặc đi

nhờ xe của quân đội về ngã ba Diễn Châu rồi chờ bắt xe tải để trèo lên thùng xe về Đô Lương. Khi về quê, ông nội hay dẫn tôi đi chào hỏi các cụ, thăm nhà người này người kia, đến nhà thờ họ. Dù ngày ấy, tôi không hiểu những truyền thống và phong tục đó, nhưng sau này, tôi thấy được giá trị và ý nghĩa của chúng tác động nhiều đến suy nghĩ và hành động của tôi. Tôi tâm niệm, điều quan trọng của một người là được dạy dỗ và thấm nhuần những giá trị làm người tốt đẹp, khi còn nhỏ biết hiếu kính, lớn lên sống có đạo lý, biết trên dưới, phải trái, trước sau.

Ngồi trên chiếc xe ngựa kéo hoặc trên thùng xe tải chạy theo đường 7 về Đô Lương, tôi nhìn thấy những đám khói bay ra từ nóc nhà, từ những căn bếp tranh, mái rạ thấp lè tè vào lúc trời chạng vạng tối. Tiếng chó sủa inh ỏi vang khắp ngõ quê lúc đêm khuya... Những ấn tượng về quê hương làm tôi thấy thân thuộc với đồng quê. Nhờ thế tôi bắt đầu biết đến những câu chuyện lịch sử và tổ tiên từ khi nào không biết nữa.

Một điều thú vị khác là khi về quê tôi tìm thấy nhiều sách trong nhà ông nội. Ngày ấy sách báo rất ít ỏi, chẳng mấy nhà có, nhưng thật may mắn vì chú ruột tôi là cửa hàng trưởng cửa hàng sách ở phố huyện Đô Lương, nên nhà cũng lưu giữ ít sách để đọc. Cái hiệu sách tuyệt vời đó nhiều năm nay đã trở thành cửa hàng Thế giới Di động và điều khiến tôi rất thất vọng là khi về thăm họ hàng, hầu như tôi không tìm được cuốn sách nào. Những truyền thống văn hóa của cả vùng đất, của dòng họ tôi đã mất mát đi nhiều. Không còn cảnh các cụ già chống gậy đi thăm nhau hoặc bàn những chuyện văn hóa, lịch sử địa phương và cả đất nước nữa. Giờ đây, câu chuyện mỗi lần gặp chỉ là chuyện kiếm tiền, xây nhà... Đó cũng là động lực thúc đẩy tôi phát triển các hoạt động văn hóa, nói chuyện tặng sách cho học sinh các trường cấp II, III Đô Lương nhiều năm nay.

Xin trân trọng cảm ơn anh!

PHÙNG NGUYỄN (Thực hiện)

Nhịp mùa đi

Nhà thơ **TÙNG BÁCH**

Nhận lời viết cho chuyên mục “Tiếng nói văn nghệ sỹ” của Tạp chí Sông Lam khiến tôi trăn trở. “Viết cái gì? Viết cho ai?” Câu tự hỏi này với người cầm bút luôn đúng và không hề cũ.

Chúng ta thường quan niệm người làm báo luôn có xu hướng nghiêng về tuyên truyền, cập nhật sự kiện... Người làm văn thiên về nỗi niềm thân phận con người. Nhà báo luôn mang trong mình cây thánh giá “thư ký của thời đại”. Vậy thì nhà văn có bốn phận gì với đời? Văn chương mình họa sẽ khó có chỗ dung thân, nói chỉ đến tồn tại truyền đời!

Tôi nhớ có lần báo chí phỏng vấn nhà văn Nguyên Ngọc, đại để: “Nhà văn viết bằng cái gì? Ông trả lời “Nhà văn muốn viết gì cũng cần có ba cái chính: Một là, tài năng (tài năng là thứ trời cho); Hai là sự trải nghiệm (tức vốn sống); Ba là nền tảng văn hóa dân tộc và nhân loại mà ta có được. Lớp trẻ cầm bút ở ta hiện nay thiếu hụt hơn cả chính là cái thứ ba này”.

1. Ý kiến nhà văn suy cho cùng chính là tác phẩm. Còn ý kiến cấp thời của nhà văn trên các diễn đàn văn học nghệ thuật liệu có gì khác với ý kiến nhà báo, ý kiến nhà khoa học? Tiếng nói nào cũng là tiếng nói công dân. Tiếng nói tự đáy lòng về thời cuộc, về thân phận con người, khác với tiếng nói xã giao, đả bôi kiểu “tân cổ giao duyên”

Tiếng nói của nhà văn Phùng Gia Lộc từ năm 1987 trong bút ký “Cái đêm hôm ấy đêm gì” (*Tuần báo Văn Nghệ* ngày 23 tháng 1 năm 1988) là tiếng kêu thảm thiết về nạn cường hào ác bá địa phương. Và cũng chính nhờ cái can trường dũng

cảm của nhà văn dám bật nắp cái “hũ mả” bấy lâu dầy mùi ở một làng quê xứ Thanh khiến nhiều người phải động lòng trắc ẩn, nhìn ngó lại sự thao túng, buông trôi, thả lỏng của mình. Và cũng từ “Cái đêm khủng khiếp ấy... ngọn gió đổi mới được khơi dậy (khai phong) góp phần tạo nên trận gió mới thay kiếp đời cho hàng chục triệu mảnh đời đen bạc!”

Thập niên 80 thế kỷ trước không chỉ nông thôn mới nẩy nời ra bọn ác bá cường hào mà ngay cả thành thị cũng biến thái đủ thứ nhiều khê sách nhiễu không kém. Nhà báo, nhà văn Trần Huy Quang so với Phùng Gia Lộc xem ra cũng một mớ một chín. Những loạt bài phóng sự đăng tải trên tuần báo Văn nghệ như “Câu chuyện về ông vua lớp”, “Lời khai của bị can”... đã thấu đến “Khai Phong phủ”. Phải chăng vì thế mà vua lớp Nguyễn Văn Chấn được giải thoát khỏi vòng lao lý, trở lại làm người đứng nghĩa một công dân.

“Tôi đang là bị can của một vụ án, vụ Z.30. Đây là lời khai của bị can. Hôm nay bị can mới được nói về số phận của “cái kiến”. Ai cho phép “cái kiến” quyền được nói? *Tôi xin quý xuống đất và xin được vãi hai vãi: một cho đồng chí N.V.L. và một cho báo chí...*” (Lời ông Vua Lớp Nguyễn Văn Chấn trước truyền thông báo chí sau khi được trả tự do).

Nếu không có tiếng nói nhà văn, hay nói cách khác là các nhà văn không dám lên tiếng thì ngay cả chúng ta, những người đương thời, cũng khó mà hình dung ra không chỉ “thủy hỏa mới sinh đạo tặc” mà ngay cả khi “bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng”, cái ác, cái xấu vẫn sinh sôi nảy nở và ngang nhiên tồn tại! Những chị Dậu trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố; những anh Pha trong “Bước đường cùng” của Nguyễn Công Hoan,... Nếu không có tiếng nói nhà văn, liệu hậu thế có hình dung ra “cái đêm hôm ấy đêm gì” mà ghê tởm thế? Cái đêm “chị Dậu vội chạy ra sân, trời tối như mực và như cái tiền đồ của chị” là cái đêm gì?

Tiếng nói nhà văn trên các diễn đàn báo chí tuy nhỏ lẻ nhưng đây là tiếng của người dân. Tác phẩm văn học quốc gia nào, nhà văn nào cũng thế, luôn hội đủ “hỷ, nộ, ái, ố”. Người đọc dễ dàng nhận ra những diễn biến xã hội, con người trong tác phẩm được nhà văn tái hiện vào quãng thời điểm, thời gian, thời kỳ nào? Nhà văn chính là những “biên niên ký”, là “thư ký của thời đại”.

Ấy là những chuyện ngày xưa

Thuở Internet còn chưa ra đời.

2. Phải thừa nhận kể từ khi Internet ra đời, thế giới loài người như thêm lần được khai sinh, hay chính xác hơn là được khai phóng. Chân trời, góc bể giờ đây đã không mấy xa lạ với loài người. Trái đất vẫn tròn, nhưng thế giới hiện tại đã được coi là phẳng. Mọi kết nối liên lạc giao thoa giữa con người với con người, giữa con người và vũ trụ, thiên nhiên đã trở nên gần gũi. Như lâu nay chúng ta vẫn thường nói, thường nghe “thế giới bỏ túi”.

Giáo sư Rob Hurle, Đại học Quốc gia Australia (ANU) là người đầu tiên đặt nền móng cho sự phát triển Internet tại Việt Nam từ những năm cuối thập niên 90 thế

kỷ 20. Đến nay (2021) số người dùng Internet nước ta đã xấp xỉ 70 triệu người. Hầu hết các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp từ Trung ương đến xóm thôn đều có cổng điện tử. Mọi sự điều hành lớn bé luôn kịp thời, chính xác.

Cũng lại theo sự biết của tôi qua nhiều năm tiếp cận, sử dụng mạng Internet, mọi diễn biến xã hội không chỉ trong nước mà trên toàn cầu... chỉ cần một vài thao tác trên bàn phím máy vi tính hay trên điện thoại thông minh, mọi sự muốn biết sẽ được đáp ứng một cách nhanh chóng, kịp thời.

Chỉ riêng mạng xã hội Facebook cũng có thể coi là “Tờ báo của nhân loại”. Ai cũng có thể cất lên tiếng nói của riêng mình bằng rất nhiều thứ ngôn ngữ tượng thanh, tượng hình, nhiều cung bậc, đa màu sắc mà không cần một thứ triết lý nào cả, bởi người chơi tự biết mình nên và được phép đăng tải những gì lên trang cá nhân của mình.

Facebook còn được ví như một nhà hàng buffet. Tùy sở thích của từng người, mà tìm kiếm, khai thác nguồn tin, bài... Sau hơn mười năm lập trang Facebook, hầu như ngày nào tôi cũng tranh thủ dành một khoảng thời gian có thể, vào mạng lướt qua một vài lượt xem tình hình trong nước cũng như thế giới có gì mới lạ không? Các trang kết nối bạn bè gần xa có gì vui, buồn, giải bày tâm tư?

Phải chăng, vì lâu nay nhiều người quá lạm dụng Internet, dần thành quen và thích khai thác những vấn đề cập nhật kiểu như “món ăn nhanh” mà quên, hay nói cách khác là ít ngó ngàng, quan tâm đến báo giấy, văn hóa đọc sách? Theo tôi, trong câu hỏi đã có câu trả lời: Chưa hẳn thời nay không có những tác phẩm hay để đọc? Cũng chưa hẳn những chuyện nhà văn viết ra đã hay, thật và hấp dẫn bằng những chuyện đã và đang xảy ra hàng ngày, hàng giờ mà họ (cư dân mạng) đọc được, thấy được qua Internet. Giá như trước những năm 2000 chúng ta cũng có Internet như ngày nay thì những “Cái đêm... khủng khiếp như “cái đêm hôm ấy” của Ngô Tất Tố, của Phùng Gia Lộc sẽ được cả thế giới loài người biết đến, ngay và luôn trong cái đêm hôm ấy mà không phải đợi đến sáng sớm hôm sau!

Vạch mặt, lên án cái xấu, cái ác kịp thời cho bàn dân thiên hạ biết cũng là biện pháp cảnh báo hữu hiệu, ngăn chặn cái xấu, cái ác - dấu biết cội ta bà, cái Ác và cái Thiện luôn song hành tồn tại. Phải chăng vì thế mà cuộc đời thi vị hơn chăng? Và còn có cái để mà yêu, để mà ghét, để mà hy vọng, ước mơ...

3. Tiếng nói nhà văn ở các chuyên mục, trên các diễn đàn báo, tạp chí, trên các trang mạng cá nhân lâu nay về những vấn đề bức thiết của xã hội, không ít những tiếng nói (bài viết) tâm huyết, thẳng thắn có khi đến gay gắt... nhưng cũng chỉ là những tiếng nói, những ý kiến nhỏ và lẻ!

Kể từ năm 2000 trở lại đây rất hiếm những tác phẩm văn học hay, tạo được dư vang, và sự lý thú trong lòng bạn đọc. Có chăng, cũng chỉ dừng lại đâu đó dăm bảy cuốn tiểu thuyết lịch sử, danh nhân văn hóa. Nói như một số người trong các cuộc trà dư tửu hậu là loại sách người tốt việc tốt, kiểu “ăn mày dĩ vãng”, còn tác phẩm về đề tài đương đại (kể cả văn xuôi và thơ) hầu như đang thời kỳ quá độ.

Đừng trách bạn đọc, đặc biệt là thế hệ bạn đọc trẻ tuổi ngày nay quay lưng với sách đọc, báo giấy. Cũng đừng ngạc nhiên với khán giả truyền hình trong nước vì sao họ thích xem phim nước ngoài - loại phim về tâm lý xã hội và phim cổ trang! Thế giới đang ngày một phẳng. Mọi phát ngôn, bài vở đăng tải đến người xem, đọc..., tùy theo sở thích của mỗi người. Món ăn tinh thần cũng cần được tự chọn, phải luôn mới, lạ, đẹp, hay, và hấp dẫn.

4. Năm Tân Sửu 2021 đầy biến động với toàn nhân loại, bởi đại dịch Covid-19 đã cướp đi sinh mạng của trên 35 ngàn người dân nước ta trong số hơn 5 triệu người tử vong trên toàn thế giới. Hiện thời dịch Covid đang có nguy cơ bùng phát, diễn biến phức tạp với nhiều dạng biến thể nguy hiểm. Phòng vệ là biện pháp được cho là hữu hiệu của loài người lúc này.

Tiếng nói của giới khoa học, ngành Y trong hai năm qua có tính cấp thời, mục đích nhằm ngăn chặn, hóa giải, làm giảm bớt sự nguy hại đến tính mạng con người bởi loài siêu quái ác. Tiếng nói của giới y học cùng chung mệnh đề vaccine. Còn tiếng nói của giới văn nghệ sỹ trên toàn thế giới, theo thông tin mà cá nhân tôi biết, vẫn chưa thấy tác phẩm nào ra tằm ra món. Có chăng, cũng chỉ là những tiếng nói (những ý kiến) bài viết nhỏ, lẻ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cái mà chúng ta quen gọi là tuyên truyền. Tác phẩm văn học nghệ thuật về đại dịch Covid-19 toàn cầu hiện thời chưa có, chưa thấy, chắc rồi sẽ có, sẽ xuất hiện. Nhưng chưa phải lúc này.

5. Lâu nay ta nghe đâu đó những lời khuyên nhủ bảo ban nhau nên “sống chậm”. Vậy thế nào là sống chậm? Thế nào là sống nhanh? Theo tôi, sống chậm, chỉ có mỗi cách là hãy trân trọng từng giây, từng phút, từng giờ ta đang sống, sống có ích, sống khỏe, sống vui... Muốn sống chậm lại thì mọi động thái của chúng ta đều phải nhanh, rất nhanh và hiệu quả. Tôi tin cuộc sống của chúng ta sẽ ngày mỗi bình yên tốt đẹp như “Những bông hoa vẫn cứ nở đúng mùa” (câu thơ của Nguyễn Trọng Tạo).

Ký



Bản Huồi Tụ (huyện Kỳ Sơn) nhìn từ trên cao - Ảnh: THANH HẢI

Rừng trời, rừng ta

BÙI SỸ HOA

C huyển lên huyện miền núi rẻo cao Kỳ Sơn - Nghệ An hồi đầu năm, tôi ngỏ ý với lãnh đạo huyện về việc muốn đến Tây Sơn, Huồi Tụ ngắm mây núi, ngắm cây rừng, chụp ảnh, viết bài cho... báo xuân năm tới! Ông Lầu Bá Chờ, Trưởng ban Dân vận huyện, người tình nguyện dẫn đường sau đó, hóm hỉnh "Nhà báo cũng chọn đề, uơng bài cả năm trời nhỉ? Ta biết nhà báo định đến đó tìm cái chi. Đó chỉ có cây pơ-mu, sa-mu. Cây của người Mông ta ấy à, uơng lâu, chăm trồng càng lâu, có khi cả đời người. Nhà báo chịu khó leo bám, vừa ngắm vừa thở dốc là đủ tư liệu viết..."



Vâng, tôi từng cuộc bộ, leo núi suốt buổi, trợn ngày nhiều lần, lên Kỳ Sơn đi ngắm, đi dài cũng không ít. Nhưng được đi thoải mái, không bị gò bó thời gian, công

việc được giao như chuyến này thì đây là lần đầu. Tôi cũng từng được ăn Tết cùng đồng bào Hmông, đến bản Hmông vào dịp cuối Đông, xúm quanh bếp lửa và nói chuyện với những người đàn ông biết sỏi tiếng Kinh, còn phần lớn phụ nữ và trẻ em ngày ấy chỉ gật đầu chào?

Tôi từng đọc được đâu đó ý rằng, người Hmông nói chung khá khép kín trong sinh hoạt, giao tiếp? Nhưng đi cùng và chuyện trò với Lầu Bá Chò, cháu ngoại ông Vũ Chông Pao, vị già làng từng được gặp Bác Hồ hồi những năm sáu mươi thế kỷ trước, thì lại thấy con người này cởi mở, gần gũi kỳ lạ. Chò từng xuống núi theo học trường nội trú tỉnh ở thành phố Vinh, học hành thành đạt rồi lên quê núi công tác, là “nguồn” cán bộ từng luân chuyển làm Bí thư xã Mường Lống và đại hội vừa rồi được phân vai Trưởng ban Dân vận huyện. Phải tinh ý lắm, nhất là hỏi họ tên thì mới biết Chò là người Hmông.

Lên xe, Lầu Bá Chò nhỏ nhẹ rằng, *Kỳ Sơn nhà cháu* là nơi còn giữ được những cánh rừng nguyên sinh trên các dãy núi đá vôi xen với núi đất, có nhiều cây gỗ quý hiếm như sa-mu, pơ-mu... mà các nhà khoa học gọi là “ưu hợp thực vật điển hình” có giá trị về gỗ và nhiều mặt khác. Đó cũng là đất sống, môi trường sống của người Hmông, là những cánh rừng pơ-mu, sa-mu hàng trăm năm tuổi, cao vài ba chục mét, những thân cây cao vút, thân rộng cả vòng tay ôm.

Người Hmông gọi đó là rừng trời, rừng của trời trồng! Già làng Vũ Pà Rê ở bản Huổi Giăng 3, xã Tây Sơn là người đầu tiên trong bản có lần nghiêm giọng nói với các con trai rằng: “Rừng pơ-mu, sa-mu là rừng trời trồng, do ông trời trồng lên từ *thuở cha sinh, mẹ đẻ...*”.

Người Hmông sinh sống dưới bóng cây pơ-mu, cây sa-mu thơm ngát, ở trong ngôi nhà làm toàn bằng gỗ pơ-mu, gỗ sa-mu, cột cắm sâu trong lòng đất, càng lâu càng sáng láng, bền chắc, không bao giờ mối mọt, mùn rữa. Mái nhà lợp bằng tấm gỗ sa-mu, càng nhiều mưa nắng, sương gió, nhiều khói bếp ám lên càng không bao giờ bị thấm dột.

Kỳ lạ là nhiều khi tấm gỗ lợp nhìn qua như khắp khênh nhưng khi trời mây trĩu nặng, mưa gió sắp kéo về thì tự nhiên tất cả trở nên kín khít, phẳng phiu, sẵn sàng chống chọi bất cứ tác động nào của thiên nhiên. Những ngôi nhà sử dụng hoàn toàn bằng gỗ pơ-mu, sa-mu thường có “tuổi thọ” hàng trăm năm nên không chỉ người Hmông biết yêu, biết quý cây gỗ đặc biệt này mà người dưới xuôi cũng biết, cũng sục tìm?

Đó chính là nguyên nhân dẫn tới chuyện “động rừng”, phá rừng trong nhiều năm gây ra bao hậu họa khôn lường. Không chỉ là việc “xin rừng một chiếc giường con” mà là cả một “sức ép dân sinh” khủng khiếp (như các nhà khoa học khẳng định), là tệ nạn khai thác rừng bừa bãi của những người chưa “học” được câu nói cha ông từng tổng kết “ăn của rừng rừng rừng nước mất”.

Và người Hmông chính là những người đầu tiên nhận ra khoảng trống đau xót khi những cây gỗ quý hiếm trong rừng già ngày đêm ngã xuống. Vẫn là già bản Vừ Pà Rê, người đầu tiên tự nhận về mình rằng *“Rừng trời trồng, đời bố đã chặt hết mất rồi. Nay bố cùng các con phải tìm cách trồng lại, một lần chưa được thì hai lần, cho đến khi mô được...”*

Đó là “lai lịch” của cánh rừng trồng pơ-mu, sa-mu Tây Sơn rộng 50 ha năm nay đã bước sang tuổi 25 cứng cáp mà nhà báo sắp đến đây - Lầu Bá Chò ngừng lời, chỉ tay về phía trước con đường quanh co nhưng đã được rải nhựa phẳng lì. Đã thấy thấp thoáng những ngôi nhà người Hmông trên sườn dốc và cả rừng cây vươn thẳng, tỏa rộng trong sương mây mờ gần, mờ xa...



Đáng nói hơn cả về cánh rừng trồng pơ-mu, sa-mu của người Hmông ở Kỳ Sơn là không chỉ bố con ông Vừ Pà Rê, bản Huồi Giăng 3, xã Tây Sơn tự thấy trách nhiệm rồi đứng ra gánh vác, lo toan mà cứ thế từng hộ, từng nhà ở Huồi Giăng 2, Huồi Giăng 1... lần lượt làm theo cách làm đúng của già làng Vừ Pà Rê.

Rời từ Tây Sơn, chuyện trồng rừng pơ-mu, sa-mu lan sang các xã miền núi rẻo cao lân cận có cùng điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng, trong đó có Huồi Tụ với tấm gương điển hình cũng là người Hmông từ bỏ việc chặt phá rừng để bắt tay trồng lại rừng. Đó là ông Vừ Vả Chổng với diện tích rừng trồng pơ-mu, sa-mu sau 10 năm lên tới khoảng 10 ha, cây đã mọc lên thành rừng xanh tốt. Từ thành công của ông Vừ Vả Chổng, ở Huồi Tụ lần lượt xuất hiện những hộ tích cực trồng rừng pơ-mu, sa-mu đều là đồng bào Mông như Vừ Nhia Hòa, Lầy Y No (bản Huồi Mụ), Vừ Giống Chớ (bản Huồi Đun) và nhiều hộ khác.

Ở Tây Sơn, già làng Vừ Pà Rê và các con là những người khởi xướng, đi trước tự đi tìm giống, tự ươm trồng cây pơ-mu, sa-mu trên đất rừng bản mình, tự tay trồng nên *“rừng ta, rừng trồng của ta”* như lời già nói với các con và dân bản. Ở Huồi Tụ, ông Vừ Vả Chổng là người đi đầu học cách gieo ươm, trồng cây từ “thầy” Vừ Pà Rê, rồi rút kinh nghiệm trên thực địa, bày vẽ lại cho bà con dân tộc mình, để tiếp tục trồng *“rừng của ta”, “rừng của mình”* bạt ngàn, xanh mát, có giá trị lớn như hiện nay.

Để trồng được *“rừng ta”*, bà con người Hmông dù không xa lạ gì với cây pơ-mu, sa-mu nhưng để ươm hạt giống nảy mầm, thành cây non rồi ươm thành bầu, bứng ra trồng cho sống được, lên xanh được giữa rừng sâu, núi thẳm lại là chuyện không hề đơn giản. Thất bại cũng có. Chán nản cũng trải. Nhưng rồi, mỗi sáng mở mắt là nhìn thấy những cánh rừng trơ trọi, nhìn con cái nheo nhóc, thấy người khác làm được, trồng được rừng, lẽ nào mình bó tay?

Già làng Vừ Pà Rê “ăn đời, ở kiếp” với pơ-mu, sa-mu nhưng không phải lần đầu vào rừng nhặt hạt về ươm là có ngay cây giống để đem ra trồng như những cây con bình thường khác. Ông Vừ Vả Chổng trẻ tuổi hơn, đi được nhiều nơi hơn,



Anh Lầu Bá Chò dẫn đoàn công tác đi tham quan rừng Kỳ Sơn.

thậm chí bỏ nhiều tiền để mua cây giống, lại được học cách làm thành công của già Vũ Pà Rê nhưng cây chết, cây không lên xanh nổi, mất vốn, mất công... trong những đợt trồng đầu tiên khiến ông càng nung nấu hơn, không thể buông xuôi mà phải đi đến cùng.

Đi đến cùng là thương yêu cây, chăm sóc cây như chăm sóc mình, như chăm người ốm, người yếu. Trồng cây lên, ông Chổng không quên trồng bao hàng rào bảo vệ, che chắn. Đêm mưa như trút, ông căng vải bạt che chở những thân cây non. Mùa nắng nóng, ông xuống suối, lên dốc công nước tưới mát từng gốc khô...

Yêu cây, yêu "rừng ta", già làng Vũ Pà Rê và bà con người Hmông ở Huổi Giàng 1,2,3 không quên chuyện lo bảo vệ cây một cách lâu dài, thực tế bằng cách thực hiện nghiêm "hương ước" của bản, trong đó có nội dung quan trọng nhất là không chặt cây pơ-mu, sa-mu vì bất cứ mục đích gì! Trong khi đó, ông Vũ Và Chổng có lần bán vội vì được giá một cây pơ-mu 10 tuổi, đã ân hận, day dứt nhiều đêm sau vẫn không ngủ được. Hôm dẫn chúng tôi đi tham quan rừng, có vị khách vô tình hỏi ông, ý là nếu ai tìm mua, không chỉ một vài cây mà cả cánh rừng với giá vài chục tỷ đồng, ông chối đây đây "Không, ta không bán! Tiếc lắm, tiếc đứt ruột. Giữ ai chặt cây ta cứ thấy như chặt tay mình. Không, ta nuôi đã, nuôi tiếp, trồng tiếp chơ..."



Chuyện rừng trời, rừng ta của người Hmông Kỳ Sơn tôi nghe kỹ, ghi đủ, lưu trong bộ nhớ rồi - tôi quay sang nói với người dẫn đường Lầu Bá Chò. Vậy Chò làm dân vận, có làm được việc gì để giúp người dân yên tâm trồng rừng, giữ rừng không, như với ông Vũ Và Chổng chẳng hạn? Chò đáp rất nhanh: *Nhà cháu cũng*

KÝ

giúp được vài ba việc cơ bản, bác ạ. Ví dụ như giúp bà con Tây Sơn xây dựng được hương ước để bảo vệ rừng, thúc giục các đơn vị khai thác rừng đảm bảo việc trồng lại rừng, thuê bà con chăm sóc, bảo vệ cây rừng.

Hay như chỗ Huồi Tụ đây, chỗ ông Chổng và bà con đây, *nhà cháu* hướng dẫn giúp trồng các loại cây ngắn ngày như chè tuyết shan, táo mèo, chăn nuôi gà đen, trâu bò... vừa để “nuôi” người, vừa để “nuôi cây” dài ngày như pơ-mu, sa-mu. Không những thế, riêng ông Chổng còn tiếp thu hăng hái việc biến khu rừng này thành địa điểm du lịch. Đã ủi đất làm mặt bằng cho khu vui chơi, sinh hoạt của du khách, nơi chụp ảnh cưới của bạn trẻ. *Nhà cháu* cũng đang vận động để giúp ông Chổng mua máy bơm nước từ dưới khe lên phục vụ tưới cây và sinh hoạt của khu du lịch.

Tôi ghi ghi, chép chép xong xuôi thì ngẩng lên nói với Chò: Chỉ có chụp ảnh là khó, vì rừng cây đẹp vô vàn, xanh cao mọc thẳng ngấm mê ly, nhưng chụp *thấy rừng thì không thấy cây, thấy cây lại không thấy rừng!*

Chò lại hóm hỉnh: Bác cứ chụp già làng Vừ Pà Rê hay ông Vừ Vả Chổng bên cây pơ-mu nhiều năm tuổi nhất, cao to nhất, xanh tốt nhất đi. Đó cũng chính là những cây pơ-mu, cây sa-mu của *người Hmông nhà cháu*, càng nhiều tuổi càng cho nhiều hạt giống, rụng xuống lòng đất, lòng tay con người, cứ thế sinh sôi nảy nở nơi *đất cao, trời thấp* này.



Minh họa: HỒ THIẾT TRINH

Ngày Tết, nhớ tiếng tầm vông chợ Cồn

PHAN THANH CHƯƠNG

Khoảng dịp này đây, đồng trong bãi ngoài đậu lạc, ngô, khoai đã trồng tria xong, cây lúa cũng đã xuống đồng bén rễ... người dân xóm Bãi náo nức chuẩn bị cho hội tầm vông (một loại nhạc cụ giống như trống), mùa thi tài của con trai, con gái. Đúng vậy, hội tầm vông rộn rã tung bừng làm thức dậy cả một vùng đất trời dọc tả ngạn sông Lam.

Với thói quen, dân quê tôi gọi xóm Bãi, thực ra cồn cư này trải dài một vệt lõm từ chợ Da của xã Xuân Tường cho đến tận Bàu Ó của xã Thanh Lương, Thanh Yên,

huyện Thanh Chương, phía sau lưng là con sông nhỏ chạy dọc làng qua cầu Trà xuống đến chợ Cồn Lim, xóm Bãi được phân định tự nhiên là vậy.

Người dân xóm Bãi chủ yếu làm nghề nông, bốn mùa trồng khoai, trồng lúa, tria đỗ, lạc là chính (lúa rất ít). Mùa nông nhàn cả xóm làm nghề đan lát thúng, mủng, dầm, sàng... Đặc biệt, người xóm Bãi còn có tiếng nói rất riêng, thổ âm, thổ ngữ trong giao tiếp hàng ngày chỉ có dân bản địa mới thấu tỏ. Người ở xóm Bãi có truyền thống chơi “nhạc gõ” tầm vòng độc nhất vô nhị, tạo nên một vùng “dân nhạc” đặc thù không nơi nào có được.

Tầm vòng được gắn kết bởi những nguyên vật liệu truyền thống như gỗ ròng của cây mít già đốn hạ từ lâu để ngoài vườn cho tới khi giác của nó tự phân hủy, chỉ còn trơ lại lõi gỗ ròng, chủ nhà cho xuống ao, đĩa nhà mình chôn dưới lớp bùn đen ngăm một thời gian dài khoảng một đến vài năm mới vớt lên xẻ mỏng, phơi nhiều nắng cho thật khô rồi bào nhẵn để làm tang cho tầm vòng. Mặt tầm vòng làm bằng da trâu, da bò... được ngâm tẩm kĩ càng (nên nhớ không dùng da của con trâu, con bò nhiều tuổi). Để có được mặt tầm vòng phẳng, mịn ưng ý dân làng dùng vỏ cây sui trộn muối hạt già bột rắc đều lên mặt trong của da rồi dùng vỏ con vẹm cạo, chuốt, bào mỏng đều rồi đem phơi trong bóng râm đến lúc ta nhìn vào cứ tưởng như là những tấm lụa sồi mỏng tang. Vật liệu để gắn tầm vòng được làm bằng sợi mây tắt (loại mây nhỏ bằng đầu đũa có màu vàng cháy) dùng dao lược mỏng, bó thành từng lọn hong trên trần bếp cho đến khi sợi mây có màu vàng cánh gián rồi bện thành hoa văn hình con rết dùng để làm cữ, giới hạn cho các loại, cỡ tầm vòng. Các thanh tang được gắn với nhau bằng mù cây sung già trộn với mật ong rừng rồi thêm vào ít bột nếp chảo... ngoài ra còn chuẩn bị những dăm tre được làm từ gốc tre già vót nhọn hình chiếc đinh để dựng, căng mặt da của tầm vòng. Hai đầu mặt da được định âm bằng chất liệu của bánh mật gai, người nghệ nhân phải tạo cho được cái tâm khum khum ở chính giữa mặt tầm vòng (công đoạn này có tác dụng định ra âm trầm, âm thanh của tầm vòng)... Đó là quy trình ban đầu cho việc dựng (bung, đóng) tầm vòng.

Việc dựng tầm vòng ở xóm Bãi còn có ý nghĩa liên quan đến cả phong tục, tín ngưỡng của người bản xứ. Theo lệ xưa, trước lúc dựng tầm vòng thường phải ngong trời, ngó đất, các nghệ nhân cao tuổi lại chọn ngày lành, giờ vui! Không gian cho việc dựng tầm vòng được làm mái rạp đằng hoàng ở sát với hiên nhà chính, ghé bàn được sắp đặt hàng trong hàng ngoài, phía chính giữa được trải chiếu hoa, nhà khá giả thì làm mâm cỗ để cúng thần thiên, địa, cầu trời khấn Phật cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cầu cho tầm vòng nhà mình được vang rền như tiếng sấm...

Hương tàn, hạ lễ, người cao tuổi nhất trong hội có sức khỏe, có tài đánh tầm vòng khởi lễ bằng cách dùng hai tay cầm hai thanh tang gỗ mỏng ghé sát vào tai gõ vào nhau tượng trưng cho việc làm dẫu, làm phép... rồi mới đến lượt trai thanh nữ tú vây quanh chuyển các vật dụng giúp thợ đan vòng, sắp tang gỗ... Thời gian này cả làng râm ran mời trầu, mời rượu để mừng cho nhà sắp có tầm vòng mới.

Sau dăm ba ngày chiếc tầm vông mới được ra đời với dáng dấp xinh xắn, ưa nhìn. Người già, con trẻ ai cũng chen chân đến để được chạm tay vào tầm vông gọi là nâng niu “bạn bè cùng hội”. Đến lượt làm lễ khai sinh cho “bạn mới” lễ thức cũng không kém phần trang trọng. Nơi bậc thềm thoáng rộng dành cho các nghệ nhân cao tuổi, với đủ bộ lễ áo the khăn đóng, mang bên mình những chiếc tầm vông màu hạt dẻ bóng nhoáng, họ cử ra một bậc trưởng lão tài hoa trình trọng ra bài lễ để khai âm cho chiếc tầm vông mới này. Người đại diện khê khàng, hai tay nâng chiếc tầm vông lên quá đầu người rồi bái lạy bốn phương tám hướng cầu mong những điều tốt lành về với bạn, với hội. Cùng lúc cả dàn tầm vông to nhỏ đã trong tư thế múa tay, miết mặt da, âm thanh rung chuyển ngõ từ rất xa, rất sâu ùa về, tất cả như nén lại, trầm ấm hơn để nâng niu tầm vông trẻ cất tiếng chào đời bằng những âm thanh mảnh mai, rồi tất cả hòa vào dàn tấu làm sôi động cả một vùng nước non, không gian bỗng trở nên chật chội, náo nức lòng người.

Vào dịp Tết, cái rét rim lộc ngọt hơn, trời quê lất phất mưa Xuân, sớm chiều bên nước quê tôi tiếng nói, tiếng cười rộn rã, các bà, các chị, các o trên vai long tong đôi quang gánh đầy những lá dong xanh, họ ra sông chải lá, vò nếp, chà đỗ... Hồi đó, cả làng tôi chỉ có vài cái bung thần lằn để nấu bánh chưng, bánh tét. Bà con trong làng tự phân công, nhường cho nhau, nào nhà ông Thư nấu bánh đêm Hai mươi mốt, bà Hảo nấu đêm Hai mươi ba, nhà cô Luyện nấu vào chiều Hai mươi sáu, nhà tôi chưa đến lượt nhưng lũ nhóc chúng tôi đã có mỗi đứa một chiếc bánh chuột của bà con làng xóm biếu cho.

Rồi cũng đến lượt nhà tôi nấu bánh, lũ thằng Vẹm Y, thằng Hậu, con Dũng, con Sửu, con Hà... cũng quây quần bên nồi bánh chưng nhà tôi, tiếng nước sôi ừng ục, mùi lá dong, mùi nếp rồng thơm tràn cả nhà trong, nhà ngoài. Giữa tiếng nhộn nhạo vui đùa của bạn bè, thi thoảng đâu đó vọng về tiếng trầm đục, tiếng tích tắc, tiếng thanh vút cao từ bên kia bên đò Ròng, đò Phướng vọng sang. Ôi, tiếng trầm đĩnh đạc, chậm chậm nghe như tiếng đất mở, mừng tượng như tiếng sấm chìm sâu trong cổ tích, tiếng mỏng tang, nỉ non, giọt giọt như tiếng của nụ chồi tách mầm đội vỏ.

Đêm về khuya, mấy đứa bạn nằm lăn kềnh trên đống vọt ngủ mê mèm, mẹ tôi một mình thay nước, trở bánh thì thụp làm nước mướt té vào khiến tôi giật thột. Lúc này tiếng tầm vông vọng về càng rõ mồn một, tôi tỉnh nhanh như sáo, cầm lấy cổ áo thằng Hậu giật, nó chuếnh choáng chạy theo tôi như cái bóng, hai thằng trụt xuống hác bà Kiêm, bươn qua bãi bù nhà ông Chí... Tưởng chỉ có hai đứa, ai ngờ cả lũ cũng chạy theo chúng tôi như ma đuổi, không đứa nào nhủ đứa nào, tất cả chúng tôi đều ngồi thụp trên cát như bầy chim cánh cụt vểnh tai hướng về phía xóm Bãi...

Lớn lên, đứa vào bộ đội, đứa làm cô giáo, đứa là kỹ sư, bác sỹ... còn tôi theo học và làm nghề sáng tác âm nhạc, cũng nhờ thế mà tôi có chút phương tiện căn bản để được hiểu thêm những âm giai của loại nhạc cụ độc đáo, quý hiếm này của quê tôi.

Nhân một chuyến điền dã, tôi tìm đến nhà thầy giáo Huê con trai của cụ Bộ Kiếu. Năm ấy thầy đã gần chín mươi tuổi, là cư dân bản địa lâu đời của xóm Bãi, cả nhà ai cũng biết làm và chơi tầm vông (bây giờ cư dân xóm Bãi đã di chuyển vào vùng đồi), xóm cũ hiện giờ chỉ còn lúp xúp bãi ngô, ruộng lạc... duy chỉ còn con đường đất cát ngoằn ngoèo chạy xuống mép bến đò Rồng thẳng ngày chờ khách qua sông.

Cụ giáo Huê biết tôi là nhạc sỹ nên khi vừa mới gặp, cụ như muốn trút hết nỗi niềm. Cụ kể cho tôi nghe về những bậc giai nhân tài giỏi biết làm và “chơi” tầm vông hay nhất vùng như là cụ phó Bàn, ông Hoe Tứ, cụ Lý Cường, cụ Tỳ Sâm, cụ bà Hoe Sáu,... Thấy tôi trân trọng, cụ xuống bếp đưa lên cho tôi xem bộ sườn tầm vông còn sót lại, mặt da đã rách bươm phủ dày một lớp bồ hóng vàng cháy bám vào thành gỗ như vỏ con hàu biển bám chặt vào đáy ghe. Cụ xúc động kể cho tôi nghe cách diễn xướng tầm vông trong những ngày tết, ngày hội hoặc cả những ngày nông nhàn. Gọi là hội nhưng thực ra đó chỉ là một khái niệm về một không gian khi ta nghe tiếng tầm vông rộn ràng mà thôi! Chứ thường là tầm vông nhà nào thì đánh ở nhà ấy, chỉ nhẩn gửi nhau qua tiếng trong, tiếng đục của tầm vông mà thôi, thi thoảng lắm mới có dịp để các nhóm, các nghệ nhân được tụ họp gần gũi nhau.

Từ quá trình cộng sinh, cộng cảm, từ sinh hoạt thường ngày rồi có hình thức “xướng”, “xô” bằng tín hiệu của các loại tầm vông lớn, bé phát ra. Việc xướng là của tầm vông đại, việc xô là của tầm vông tiểu. Tóm lại là người đã chơi tầm vông ít nhiều phải biết được đôi chút về âm nhạc “ngũ cung” của dân tộc, phải biết tý chút về phách, nhịp, phải có cảm xúc mạnh. Ví dụ, khi đã có tiếng trầm báo nhịp (xướng) thì các “bè trầm” phải “ứng” rồi tiếp nối “cả làng” cùng “tấu” lên với hàng chục, hàng trăm cung bậc âm thanh khác (xô) theo tạo nên một âm hưởng kỳ lạ, náo nức cả một vùng đất trời. Cụ còn cho biết “Người xóm Bãi xưa kia có ai được học hành chi về âm nhạc mô, chỉ thông qua sinh hoạt với nhau lâu thành quen, rồi tự đưa ra một thứ niêm luật, câu cú mạch lạc trong cách thể hiện rất riêng đó mà thôi!” Cụ lại kể cho tôi nghe mạch lạc như suối tuôn không ngưng nghỉ:

“Có lần dân xóm Bãi đón giao thừa, khi giọng trầm được phát ra thì tất cả các thanh âm cùng tấu lên hồi hả để mở đầu tạo “bữa tiệc tầm vông” nên không khí vô cùng sôi động, náo nhiệt. Phần giữa thì có xướng, có xô, tiếng thanh rồi rít, vụt tắt, rồi lại tiếng trầm xuất hiện lắng lại, sâu hút, có lúc rành rọt, có lúc đầm thắm và cũng có cả nét buồn, man mác, hay nỗi niềm khắc khoải. Phần cuối, cả làng cùng vang lên với tốc độ nhanh hơn (tiết tấu) trở lại như phần mở đầu, tiếng trầm tinh táo cầm nhịp, loại tầm vông có âm vực trung và loại có âm thanh cao, sáng hơn cứ giòn tan như pháo nổ, tất cả tầng tầng lớp lớp cứ đan cài vào nhau, lúc dâng lên, lúc ghìm nén, chìm khuất, lúc thì thôi thúc như bão cuốn, như núi lở...”

Cụ lại kể cho tôi nghe chuyện con trai, con gái tỏ tình với nhau qua tiếng tầm vông: “Những đêm tháng Giêng trời đầy trăng hoặc những mùa nước nổi, xóm Bãi trở lại như một ốc đảo, đêm trăng mờ, thi thoảng có vài ông lái ngồi trên những chiếc nóc thúng bơi là là trong sương... Nghe “tiếng” con trai ở xóm trong

“hỏi” chuyện con gái xóm ngoài bằng tiếng tầm vông. Họ “chào nhau, hỏi nhau, giải bày, thanh minh, bộc lộ hết nỗi niềm của mình nghe thao thiết vô cùng. Khi con trai vỗ bảy tiếng trầm ấm, mỗi âm thanh đi kèm tiếng láy kép, cứ bốn nhịp rồi trở lại như lần đầu... Cô gái vỗ chín tiếng, trong đó có bảy âm thanh có tiếng luyến láy kép và vỗ đúng số lần như cậu con trai thì có nghĩa là đã “thuận”, là họ có thể gặp nhau nói chuyện với nhau ngoài đời và ngược lại! Cũng qua từng tiếng, từng câu rành rọt thì con trai xóm trong biết được con gái ở xóm ngoài có cha mẹ thế nào, làm nghề gì và con gái cũng hiểu thấu đáo về hoàn cảnh của người con trai, về nếp gia phong, nghề nghiệp làm ăn và học hành chữ nghĩa thế nào!”. Tôi khê khằng hỏi cụ:

- Thưa cụ, thế làm cách nào để biết được đôi trai gái ấy sẽ là bạn đời của nhau?

- Chú coi, khi ta nghe tiếng tầm vông của cậu con trai trầm lắng lại, tiết tấu có vẻ ngúc ngắc (như đảo phách) thiếu mạch lạc, vẻ hồi hộp, băng khuâng và lúc này tiếng tầm vông của bạn gái càng lạnh lốt, rồi rít, tha thiết đến tột cùng cảm xúc. Đặc biệt là khi tiếng bạn trai rong ruổi, dang hoàng ầm ập như tiếng đất mở làm bè trầm cho dang nớ tấu lên thanh thoát râm ran như tiếng chim hót, tiếng nước chảy, tựa tiếng tách mầm của hạt... nghĩa là anh đã là đất đai mỡ màu, em là nước mát, là nụ chồi... thì đã có tín hiệu của phồn thực, là cuộc sống sẽ đủ đầy no ấm, là sinh sôi nảy nở và, họ sẽ là vợ là chồng của nhau.

Cụ còn cho biết cái thời giặc giã, tiếng tầm vông như là bùa hộ mệnh, chở che cho cán bộ cách mạng, tiếng tầm vông thông báo cho dân làng biết được giặc đến giặc chạy, tiếng tầm vông ngày xuân của làng trên xóm dưới báo cho nhau biết được mùa màng bội thu, báo cho nhau nghe được niềm vui nỗi buồn của làng nước... Cũng bởi từ hình thái văn hóa sinh hoạt cộng đồng, trong giao tiếp ứng xử chính là quá trình giúp cho dân làng được nhận thức sâu sắc. Hơn thế nữa, sinh hoạt âm nhạc dân gian này như là cầu nối, là tình nghĩa xóm mạc càng đậm ấm hơn, người càng biết yêu thương người hơn, họ gắn kết với nhau lo việc làng việc nước.

Tết đã đến, Xuân vừa chạm ngõ, những người con xa về quê ăn Tết. Những gương mặt rạng rỡ, hăm hở, những nụ cười hồn nhiên như đã được gột rửa tất cả những gì bộn bề lo toan đời thường, trên tay nâng niu những cây mai vàng đang trong, những cành đào rực rỡ của xứ đào ngoài về với nơi chôn nhau cắt rốn, về với tổ tiên, ông bà, về với cha với mẹ, với làng xóm, bạn bè... Ấy vậy mà một góc hồn tôi cứ nao nao nỗi nhớ mông lung. Ấy là nỗi nhớ tiếng đục, tiếng trong của tầm vông xóm Bãi chợ Cồn quê tôi!

Thành phố Vinh ký ức và hiện tại

HỒ NGỌC THẮNG

Tôi sinh ra, lớn lên ở Tĩnh Gia (Thanh Hóa) nay là thị xã Nghi Sơn, giáp với huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An). Những năm tháng tuổi thơ, tôi từng chứng kiến cuộc sống còn đói nghèo, lạc hậu của nông thôn miền Trung. Hồi đó, tôi và các bạn bè đi chân đất đến trường, không có áo ấm để mặc trong mùa Đông giá lạnh. Năm 1963, khi lên chín tuổi, tôi được ba mẹ cho đi thăm anh em họ hàng ở thị xã Thanh Hóa, nay là TP. Thanh Hóa. Dạo quanh khu bờ hồ nằm giữa trung tâm thị xã, tôi đã ngỡ ngàng trước cuộc sống nhộn nhịp của chốn thị thành. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy đèn điện chiếu sáng, máy nước công cộng, lại được ăn kem que lạnh buốt răng. Sau lần đó, tôi có ước mong lớn hơn là thăm thành phố Vinh, bởi vì mọi người kể, Vinh là thành phố lớn, hiện đại hơn nhiều mà đoạn đường ngắn lại hơn so với chặng đường tới Thủ đô Hà Nội. Hơn nữa, TP. Vinh - còn là thủ phủ của xứ Nghệ, quê hương của Bác Hồ kính yêu. Nhưng ước mong của tôi không thể trở thành hiện thực, vì cuộc chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ. Những năm tháng đó, Quốc lộ 1A từ quê tôi vào Vinh được gọi là “con đường máu lửa”. Hàng ngày máy bay Mỹ điên cuồng bắn phá, tàu chiến Mỹ thuộc Hạm đội 7 pháo kích thường xuyên từ Biển Đông. Mọi cây cầu trên đường Quốc lộ 1A nối liền quê tôi và Vinh đều bị đánh sập. Ban ngày, không một chiếc ô tô nào có thể di chuyển trên đường, phải chờ đến đêm, các đoàn xe mới có thể nối đuôi nhau, ì ạch chuyển bánh dưới ánh sáng từ đèn gầm.

Đầu năm 1972, khi vừa tròn 18 tuổi, đang học lớp 10 trường phổ thông hệ 10/10, tôi nhận giấy báo nhập ngũ và trở thành chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam. Vừa khoác bộ quân phục lên người, tôi đã nghĩ mình có thể sẽ trở thành chiến sĩ pháo binh, sẽ tham gia chiến đấu bảo vệ vùng trời thành Vinh. Nhưng không, sau ba tháng huấn luyện tân binh ở vùng rừng núi của tỉnh Hòa Bình thì nhận lệnh “đi B dài”. Tôi mừng thầm, có lẽ đây là cơ hội hiếm có để đến Vinh trên đường hành quân về phương Nam. Trước đó, nhiều đoàn quân ra trận bằng tàu hỏa vào Vinh, sau đó hành quân bộ vượt dãy Trường Sơn. Lại một lần nữa, tôi thất vọng, ước mong đã không thành hiện thực vì ngày 6/4/1972, Tổng thống Mỹ ra lệnh tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Đây cũng là cuộc chiến tranh ác liệt hơn, tàn bạo hơn so với lần thứ nhất. Ngày 10/4/1972, máy bay B.52 Mỹ ném bom TP Vinh, ga Vinh bị tàn phá tan hoang. Để tham gia chiến dịch Xuân - Hè Trị - Thiên năm 1972, từ địa điểm tập kết ở ngã ba Chuối (nay là thị trấn Nông Công, Thanh Hóa), tôi và đồng đội di chuyển bằng xe quân sự theo đường 15 vào ban đêm. Vì mưa to gió lớn, chúng tôi quá vất vả khi vượt qua dốc “Bò Lăn” để vào huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Sau một ngày ở Binh trạm Nghĩa Đàn, đêm đến chúng tôi đi xe tiếp đến Binh trạm Nam Đàn. Gọi là Binh trạm, nhưng đó là khu dân cư, và chúng tôi được bố trí ăn nghỉ trong các gia đình. Qua trò chuyện, tôi biết, ông chủ nhà có hoàn cảnh như ba tôi, sinh ra và lớn lên ở TP Huế. Tôi hỏi “Bác ơi, TP Vinh có xa đây không?”. Ông bảo: “Vinh ở phía đông, cách đây 15 km, sao chú lại hỏi, có anh em họ hàng chi ở đó?”. Tôi thổ lộ chân thật rằng từ bé tôi đã ao ước một lần đến Vinh, nay “đi B” chưa biết bao giờ có dịp được tận mắt nhìn thấy. Ông chủ nhà liền đáp, nếu đơn vị cho phép đi thăm thành phố tôi cho chú mượn xe đạp của nhà. Tôi mừng rỡ đi gặp trung đội trưởng và nói, em muốn xuống Vinh thăm người bác ruột, đi xe đạp của ông chủ nhà, em đi khẩn trương độ sau một tiếng đồng hồ là tới nơi và quay lại ngay. Câu trả lời làm tôi tiêu tan hy vọng: “Không được, có thể chiều nay đơn vị hành quân tiếp”. Đúng thế, khi mặt trời vừa lặn, chúng tôi đã hành quân bộ theo đường đê sông Lam vào Binh trạm Đức Thọ ở Hà Tĩnh, rồi vào Quảng Bình để nhập “đường mòn Hồ Chí Minh” vào chiến trường Quảng Trị. Khi vượt sông Bến Hải ở thượng nguồn, tôi tự an ủi mình, mai kia hòa bình lập lại, tôi sẽ trở về và có nhiều cơ hội để thỏa lòng ước mong, được chiêm ngưỡng Vinh, thành phố giàu truyền thống cách mạng.

Tới khi kết thúc trận Cửa Việt ở Triệu Phong - Quảng Trị ngày 31/1/1973, tôi và các đồng đội thuộc Tiểu đoàn 1 bộ binh, Trung đoàn 101, Sư đoàn 325, đã trải qua những chuỗi ngày gian khổ và trận chiến đẫm máu. Nhưng bằng việc ký Hiệp định Paris về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, miền Bắc nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng, có điều kiện để bắt đầu khôi phục và xây dựng lại, đó là cuộc sống yên bình. Một lần họp đơn vị để phổ biến tình mới, tôi vô cùng sung sướng khi nghe thủ trưởng đơn vị thông báo: Ngày 1/5/1974, Phó Thủ tướng Đỗ Mười (sau này là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) đã đặt viên gạch đầu tiên xây dựng lại TP Vinh. Thành phố được

xây dựng lại với sự hỗ trợ của Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Đức. Các chuyên gia đề nghị thiết kế đô thị theo kiểu hiện đại, tức là với các đại lộ lớn, rộng và các dãy nhà chung cư. Như mở cờ trong bụng, tôi tự khuyên mình hãy kiên trì chờ đợi, một ngày không xa sẽ có dịp dạo bước trên đường phố Vinh. Và điều kỳ diệu đã đến, tháng 10-1974, từ một điểm chốt phía nam trong tuyến phòng thủ bảo vệ cảng Cửa Việt, tôi nhận lệnh ra Bắc đi học trường quân đội. Từ thị trấn Đông Hà đổ nát (nay là TP Đông Hà - Quảng Trị), chúng tôi khởi hành bằng xe quân sự của Binh đoàn 559, vượt sông Bến Hải bằng cầu phao dã chiến nằm ở phía tây cầu Hiền Lương bị bom Mỹ đánh sập năm 1967. Sau hơn hai năm xa miền Bắc thân yêu, nước mắt tôi dâng trào khi đặt chân lên thị trấn Hồ Xá - Vĩnh Linh.

Thành phố lên đèn cũng là lúc chúng tôi đến Binh trạm Vinh. Đêm đầu tiên tại Vinh tôi không thể ngủ được, cứ thao thức chờ trời sáng. Dậy từ lúc tờ mờ, tôi chạy ra cổng doanh trại đứng nhìn quang cảnh đường phố, người xe tấp nập ngược xuôi. Lúc đó tôi mới ý thức được rằng, ước mơ của tôi đã thành hiện thực, tôi đang ở Vinh, và hơn thế nữa, tôi đã trở về hậu phương. Sau khi được thông báo, đoàn chúng tôi sẽ rời Vinh vào buổi tối bằng chuyến tàu hỏa Vinh - Hà Nội, tôi tranh thủ dành toàn bộ thời gian trong ngày để thực hiện hành trình cấp tốc khám phá thành Vinh. Trong một ngày tôi không thể đi thăm thú toàn bộ thành phố, nhưng hình ảnh những nơi tôi đặt chân đến và tận mắt chứng kiến vào ngày hôm đó vẫn đọng lại trong tâm trí, đó là vô số hố bom chằng chịt khắp nơi, xen kẽ là những ngôi nhà đổ nát, những đồng gạch ngổn ngang. Những vết tích đau thương còn lại đó cũng đủ để cho thấy rằng rất nhiều người dân Vinh đã mất mát trong những đợt bom rải thảm của không quân Mỹ. Thành phố lên đèn cũng là lúc tôi chia tay thành phố và tin tưởng rằng người dân Vinh sẽ xây dựng lại quê hương mình “đàng hoàng hơn to đẹp hơn” như Bác Hồ đã căn dặn.

Sau nhiều năm đi du học, làm việc ở CHDC Đức, mãi đến những năm 1990 của thế kỷ trước, tôi mới có điều kiện trở lại thăm Vinh. Đến lúc đó, người dân Vinh đã vượt qua các năm tháng khó khăn vất vả của thời hậu chiến. Nhờ chính sách Đổi mới, xứ Nghệ nói chung và TP. Vinh nói riêng đã thay da đổi thịt. Các con tôi sinh ra, lớn lên ở Đức, lúc đầu chỉ biết qua lời kể của tôi rằng: xứ Nghệ là “địa linh nhân kiệt” nhất trong rất nhiều vùng đất “địa linh nhân kiệt” của Việt Nam. Tôi sẽ không bao giờ quên những kỷ niệm tuyệt vời khi tôi đưa các con về thăm xứ Nghệ, lần đầu đi xe từ Hà Nội vào Vinh và Huế, lần sau đó, từ Đà Nẵng ra Huế và Vinh. Đã từng đưa các con đi du lịch nhiều quốc gia, đã bay qua Đại Tây Dương và Biển Đông, nhưng hành trình về thăm miền Trung nói chung và xứ Nghệ nói riêng, là những chuyến đi hạnh phúc nhất trong cuộc đời tôi và các con. Rất thích thú, các con tôi không chán khi ngắm dãy núi Hồng Lĩnh từ phía TP. Vinh trải dài vào Hà Tĩnh, dọc theo sông Lam. Trước đó, khi ghé thăm thị trấn Cầu Giát (Quỳnh Lưu), các con tôi nhìn thấy dãy núi trùng điệp nằm ở phía tây và hỏi, đó có phải là dãy Trường Sơn hùng vĩ ôm ấp con đường huyền thoại - “Đường mòn Hồ Chí Minh” mà ba đã chinh phục thời chiến tranh chống Mỹ. Mỗi lần truyền hình ở Đức chiếu cảnh ngập lụt và sạt lở núi ở miền Trung, các con tôi đều rơi

nước mắt và hỏi, đó có phải là quê hương của Bác Hồ, nơi mà gia đình mình đã có những chuyến đi tuyệt vời? Các chi tiết đó cho tôi biết rõ, không chỉ trái tim của tôi, mà cả trái tim của các con tôi, đã luôn mỉm cười và đôi khi khóc cùng mảnh đất của những con người xứ Nghệ mến khách.

Là một cựu chiến binh, mỗi khi về thăm Việt Nam tôi đều về thăm chiến trường xưa Quảng Trị, thấp nén tâm nhang cho các đồng đội đã ngã xuống và đó cũng là cơ hội để tôi ghé thăm Vinh. Và mỗi lần đến Vinh, tôi lại khám phá ra những thay đổi của thành phố, một đô thị hiện đại, không thua kém nhiều thành phố lớn ở châu Âu, đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ đã ngày càng được mở rộng và thuận tiện. Một trong những tin vui nhất đối với tôi là: năm 1994, trước nhu cầu khai thác vận chuyển hàng không, Nhà nước đã đầu tư trên 20 tỷ đồng để sửa chữa đường cất - hạ cánh, xây dựng nhà ga, đường lăn, sân đỗ; năm 1995 đưa vào khai thác thường lệ đường bay Hà Nội - Vinh - Đà Nẵng; tháng 1 năm 2015 khánh thành nhà ga hành khách mới và công bố quy hoạch Cảng Hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế. Trong lần về nước năm 2018, tôi đi từ Vinh tới Cửa Lò và biết đến kế hoạch chuẩn bị xây dựng cầu Cửa Hội. Nhịp cầu bắc qua cửa sông Lam nơi đổ ra Biển Đông là niềm mong mỏi của nhiều thế hệ người dân Nghệ - Tĩnh. Ngay từ lúc đó, tôi đã mong muốn sẽ đi qua cầu này trong lần về thăm tiếp theo. Khi hình ảnh cầu thông xe vào ngày 14/3/2021 công bố trên mạng, tôi đã lên kế hoạch bay về Việt Nam, đáng tiếc, chuyến bay phải tạm ngừng do đại dịch Covid-19. Và tôi tự hẹn một ngày không xa, khi Việt Nam chế ngự căn bệnh thế kỷ thành công, tôi sẽ trở về để thăm lại Vinh, chiêm ngưỡng cầu Cửa Hội. Tôi tin là lần trở về đó, sẽ tiếp tục được chứng kiến thêm nhiều kỳ tích trên quê hương xứ Nghệ của tôi.



Ông Nguyễn Xuân Tạo

Cuộc đời có chí thì nên

CAO KHOA

Ngồi trước tôi là ông cụ đã bước vào tuổi 90. Ấy vậy mà, nếu không nói thì ai cũng tưởng ông chỉ ngoài bảy mươi thôi. Da dẻ săn chắc, cơ bắp không có dấu hiệu nhăn nhão của người già. Đặc biệt, đôi mắt vẫn tinh anh, giọng nói vẫn chắc nịch. Chỉ có một bên tai hơi kém, ông bảo là: "Do bị bom ở Quảng Bình khi tôi vào công tác trong đó". Khi đó ông đang làm việc trong ngành Hải sản của Nghệ An.

Những câu chuyện của ông cuốn hút tôi từ cung bậc này sang cung bậc khác. Cuộc đời của ông là những khúc quanh gồ ghề. Con đường ông đi không xuôi chèo mát mái. Tôi hình dung ra ông, lúc nào cũng như một tay đua thuyền dũng mãnh, gò lưng quật nước, quyết đưa con thuyền vượt nhanh về phía trước. Trên đường đua của cuộc đời, ông đã từng vấp ngã, đứng dậy đi tiếp, và ông đã thành công.

Chuyến đò nên duyên

Ông sinh ra và lớn lên ở làng Kim Lũy, xã Diên Kim, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An. Tên khai sinh là Nguyễn Xuân Bồng, nhưng sau đổi thành Nguyễn Xuân Tạo, vì một lý do của câu chuyện tình từ một chuyến đấm đò hi hữu.

Năm 1947, lúc đó chàng thiếu niên tên Bồng đang ở tuổi mười lăm. Tại bến Vích, sông Bùng, Bồng cùng nhiều người trong xã đi trên chuyến đò từ phía Kim Lũy sang bên làng Thanh Bích. Đang giữa tháng Sáu, nước sông Bùng ngập bãi mênh mông, con đò chở khoảng bốn, năm chục người dập dềnh trên mặt nước. Ra đến giữa sông, con đò chòng chành rồi chìm vào dòng nước, mấy chục con người với gánh gồng, thúng mủng nhón nháo giữa dòng sông. Một cơn vùng vẫy hoảng loạn của người già, phụ nữ, đàn ông, người nọ bám lấy người kia, chìm xuống, nổi lên, tiếng la hét kinh hoàng, náo động. Trong cơn hỗn loạn đó, Bồng bám được vào một tấm ván lót đáy thuyền nổi dật dờ trên mặt nước. Trong một phút trấn tĩnh, anh nhìn lại phía sau thì thấy một cô gái đang chơi với “giã gạo” giữa dòng, anh vội đập mạnh chân vào nước cho tấm ván trôi về phía đó. Bồng đưa tay kéo cô gái lên, mặt cô nhợt nhạt, mái tóc rối tung, bết bết. Lúc này, dù đã mệt nhưng anh vẫn gắng dùng hết sức của mình để đưa cô gái vào bờ. Hai người cập bờ, nằm lả ở bãi sông, giữa dòng vẫn nhón nháo, người trong làng chạy ra ứng cứu khá đông, các thuyền đánh cá trên sông cũng lao đến vớt những người đang hấp hối. Tuy vậy, vụ đấm đò cũng đã cướp đi mười sinh mạng.

Cô gái tên Đào, năm đó 17 tuổi. Hai người cùng lớn lên ở một làng, Đào lớn hơn Bồng 2 tuổi. Sau vụ đấm đò, mẹ Đào làm một mâm cỗ cúng gia tiên rồi mang sang biếu bố mẹ Bồng để cảm ơn anh. Từ đó, hai người đến với nhau như tri kỷ. Bồng đổi tên thành Tạo để hai người có một tên đôi là Đào - Tạo liền vần. Đôi bạn trẻ cùng sinh hoạt trong chi đoàn thanh niên của địa phương, anh tham gia đội trinh sát của xã nhà trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Tình yêu của họ cứ lớn dần hòa với niềm vui trong công tác đoàn thể. Năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ thì họ cưới nhau, gia đình hai bên hời hởi lòng dạ, bạn bè thân hữu hết sức mừng vui. Từ đây, chị chu tâm chăm sóc việc nhà, anh làm giáo viên dạy bổ túc văn hóa ở xã, rồi làm cán bộ Đoàn ở địa phương. Năm 1961, Nguyễn Xuân Tạo vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng, niềm vui lớn cho cả gia đình. Người vợ thảo hiền, xinh đẹp, nét na rất đỗi tự hào về người chồng luôn phấn đấu và sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng.

Vào ngành Hải sản

Nghỉ dạy bổ túc văn hóa ở địa phương, ông đi dân công hỏa tuyến thượng Lào một năm. Khi hết hạn về quê, ông được mời làm việc cho Trạm Hải sản Diên Châu, được một thời gian lại lên làm cho Công ty Hải sản của tỉnh Nghệ An. Tiếng là lên tỉnh, nhưng cơ quan cũng đóng loanh quanh trong mấy xã của huyện Diên Châu, huyện Yên Thành và huyện Quỳnh Lưu. Vì chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ nên công ty phải sơ tán hết nơi này đến nơi khác để đảm bảo an toàn sản xuất. Từ một thanh niên ở thôn quê, khi bước vào nghề làm hải sản, ông phải

bỏ nhiều thời gian để học hỏi kỹ thuật chế biến, quy trình sản xuất nước mắm, mắm tôm. Ông lại được giao làm thư ký công đoàn lao động tiền lương, được bầu là Phó Bí thư chi bộ phụ trách tổ chức. Ông say sưa với công việc hàng ngày, tận tâm, tận lực để hoàn thành xuất sắc mọi việc được giao. Tất cả nhiệt huyết tuổi trẻ của ông xuất phát từ ý thức, trách nhiệm của một người đảng viên. Ông như một tấm gương để cán bộ, nhân viên trong cơ quan học tập, noi theo. Thời gian này vợ chồng ông đã có ba con nhỏ, đời sống kinh tế hết sức khó khăn. Tuy ở cách nhà không xa lắm nhưng ba, bốn tuần ông mới tranh thủ về nhà một lần vào Chủ nhật. Lương tháng chẳng được bao nhiêu, ông tiêu pha dè sẻn, còn lại phải dành dụm cho vợ nuôi con, rau cháo qua ngày. Được cái, bà vợ rất thương yêu ông, thông cảm cho ông, luôn động viên ông cố gắng hoàn thành nhiệm vụ Nhà nước giao phó.

Làm việc trong công ty hải sản của tỉnh, ông thường đi công tác về các huyện miền núi và ra cả tỉnh ngoài để khai thác cây tràm, củ nâu, mây... để đóng xẻ thuyền và sản xuất các dụng cụ đánh bắt cá. Mỗi lần ông đi công tác chỉ bằng chiếc xe đạp cá nhân, lộc cộc đạp trên đường đèo dốc, có ngày đi hàng trăm cây số. Ăn uống dọc đường phải tự túc. Trên xe phải đèo thêm gạo, mắm, cá khô, xoong, bát, củi. Đến đâu là vào nhà dân nấu nhờ hoặc nhóm bếp bên đường tự lo cơm nước đơn sơ cho qua bữa. Việc của ông là khai thác nguồn hàng, thống nhất với các hợp tác xã mua bán của các bản làng về số lượng rồi quay về báo lại với cơ quan để cơ quan cử người đến thanh toán và thuê người khai thác, vận chuyển về trạm.

Trong một chuyến công tác Quảng Bình, ông đi cùng một cán bộ nữa, tên là Yên, người xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu. Sau khi xong công việc, hai người đạp xe trở ra. Vừa đến phà Ròn, máy bay Mỹ lao xuống thả bom. Hai người chỉ kịp xuống xe nấp vào vệ đường. Hàng loạt bom nổ dưới bến phà dựng lên từng cột nước, đất đá trên bãi bắn ra tung tóe, mảnh bom bay ràn rạt trên đầu. Một quả bom nổ gần, hất ông tung lên đột ngột. Ông chỉ biết có vậy rồi ngất lịm, người ta đưa ông đi cấp cứu ở trạm xá xã, năm ngày sau mới báo được cho gia đình và cơ quan đón ông về.

Người chủ nhiệm HTX năng nổ

Vào tháng 4 năm 1970 cơ quan giảm biên chế, không nằm trong diện giảm biên nhưng ông muốn nhường cho người khác, ông xin về quê, để tiện vừa công tác vừa chăm sóc gia đình. Trở lại địa phương, ông được bầu làm Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp Xuân Hương, kiêm trồng dâu nuôi tằm, làm nghề cá, làm chiếu và làm thảm xuất khẩu. Trong ban chủ nhiệm còn có ông Phạm Nhơn, làm Bí thư chi bộ.

Một đồng công việc bộn bề. Suốt ngày ông bắm ruộng đồng, bắm bãi, bắm xưởng ương tơ, điều động nơi này, hướng dẫn nơi kia. Lòng ông luôn đau đầu làm sao cho HTX chạy công chạy việc, làm ra nhiều sản phẩm, ăn chia cho xã viên có ngày công cao. Tuy vậy, trong cơ chế “cào bằng” của thời bao cấp, xã viên thường đi muộn, về sớm. Trong lao động thì cầm chừng, né tránh việc khó, đùn đẩy

nhau, nên sản phẩm làm ra chẳng được là bao, thu nhập của xã viên mỗi ngày công chỉ được tính bằng vài lạng thóc. Trước tình hình đó, ban lãnh đạo HTX Xuân Hương bàn bạc với nhau, thống nhất khoán ruộng đất, khoán sản phẩm đến từng tổ, từng đội và khoán đến người lao động. Ai làm vượt chỉ tiêu thì được động viên, khen thưởng. Sau khi thực hiện cơ chế khoán, xã viên lao động tự giác, mọi người đều có trách nhiệm cao trong sản xuất, thi đua cải tiến kỹ thuật. Trong nông nghiệp thực hiện thâm canh, tăng vụ, trong ngành nghề xã viên đi sớm về muộn, tranh thủ làm thêm, huy động cả các cháu học sinh tham gia lao động trong giờ nghỉ, ngày nghỉ. Từ đó, sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm dâu tằm và sản phẩm chiếu, thảm đều được nâng cao. Hàng ngày đi trên cánh đồng, lòng ông phơi phới khi thấy những bãi ngô, khoai, đậu... được trồng xen vụ lên xanh mơn mớn. Mùa thu hoạch, xã viên hớn hờ gánh sản phẩm về nhà, chất đầy bồ đầy cọt. Cuộc sống vui như ngày hội.

Cuộc sống thôn quê đang phơi phới đi lên thì năm 1972, đội công tác 192 của tỉnh Nghệ An về địa phương thực hiện công tác chỉnh đốn Đảng. Nhiều cuộc họp trong chi bộ và Đảng bộ xã được tổ chức. Cuối cùng, đội công tác kết luận việc làm của Ban Quản trị HTX đã vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng (dù trước đó, chủ trương khoán sản phẩm đã được một số nơi, một số người thực hiện, mà tiêu biểu là ông Kim Ngọc, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc). Ông Phạm Nhơn (Bí thư chi bộ) và ông (Nguyễn Xuân Tạo - Chủ nhiệm HTX) bị cách chức và khai trừ khỏi Đảng. Việc đó như một xô nước lạnh dội vào bếp lửa đang ngùn ngụt cháy, xã viên ngao ngán, đảng viên buồn rầu. Ông như người bước hụt giữa mảnh đất quê hương mà ông vô cùng yêu dấu, vô cùng trăn trở để đưa xóm làng thoát khỏi cảnh đói nghèo, cơ cực bao năm. Nhiều đêm nằm bên người vợ yêu thương, ông thở dài nẫu ruột. Bà Đào tìm lời an ủi, động viên để ông người ngoài trong cuộc sống. Các con ông, chỉ có cô con gái đầu đã đến tuổi trưởng thành, là đoàn viên nên rất ngưỡng ngùng mỗi khi đi cùng chúng bạn. Còn sắp nhỏ đang ở độ tuổi thiếu niên, đang vô tư, nhưng nhiều khi nghe mọi người bàn tán chuyện bố mình bị khai trừ khỏi Đảng, chúng không khỏi chạnh lòng.

Năm 1973, lại đến kỳ tổ chức đại hội HTX, ông như người mất hồn đến dự với tư cách một xã viên. Đến phần đề cử, bầu cử, nhiều ý kiến tiến cử ông. Ông đứng dậy ngập ngừng, xin phép bà con cho được rút vì cảm thấy không đủ tư cách để gánh vác công việc cho HTX. Ý kiến đại biểu rộ lên *"Ông cứ làm đi, chúng tôi ủng hộ ông"*! Ông xúc động trước tình cảm của bà con. Kết quả bỏ phiếu kín đạt 99% tín nhiệm.

Tiếp tục gánh vác công việc của HTX, thấy cần phát triển nghề làm muối để giải quyết lao động dư thừa của địa phương, ông lên kế hoạch và vận động bà con tổ chức khai hoang, mở rộng diện tích đồng muối. Công việc hết sức khó khăn, nhiều người nhìn vào cánh đồng hoang hóa mênh mông mà nản. Ông huy động nhân dân đắp đê cổ ngựa từ Vạn Đông đến sát Cồn Giếng, sát Cầu. Nhận thấy sức người không kham nổi việc san lấp mặt bằng, ông đưa ra quyết định thuê máy cơ giới từ trên huyện về thi công. Kẹt nổi, đường về làng cách con kênh Nhà Lê chỉ có một cây cầu tre cho người đi bộ; xe cộ, máy móc không thể nào qua

được. Trong “cái khó, ló cái khôn”. Ông quyết định mua cả một bãi phi lao, huy động xã viên chặt thành hàng mấy trăm khúc trăn xuống giữa dòng, tạo thành một con đường qua sông chắc chắn. Có đường, máy xúc, máy ủi nối nhau qua sông, bà con hò reo vang dậy. Sau một thời gian ngắn, ông đã cho san bằng 30 héc ta đất hoang hóa thành những ruộng muối phẳng phiu, giải quyết được việc làm cho 200 hộ của HTX Kim Châu. Sau khi đội cơ giới rút đi, ông cho bốc hết số phi lao dưới sông lên, bán củi cho lò gạch cũng thu được số tiền tương ứng với số tiền đã bỏ ra để mua cây. Việc làm thông minh, táo bạo và quyết đoán của ông đã tạo nên thành công ít ai ngờ tới. Cũng trong thời kỳ này, ông kiêm luôn cả việc làm Phó chủ nhiệm HTX mua bán. Công việc luôn chân luôn tay, nhập cái này, xuất cái kia, cố gắng đảm bảo cho bà con có thêm các mặt hàng phục vụ đời sống và sinh hoạt.

Dẫu cố gắng đến đâu, cuộc sống trong thời kỳ bao cấp vẫn vô cùng thiếu thốn. Điện không có, sản xuất thủ công, phương tiện đi lại và sinh hoạt gia đình chẳng có gì đáng kể. Mỗi nhà, mỗi người hàng ngày chật vật tìm cho đủ hai bữa ăn đã rất khó khăn, quần áo vá chằng vá đụp. Nhà ông đông con, bữa no, bữa đói thất thường. Nhiều hôm đi làm về, nhìn thấy vợ con ngồi quanh ổ khoai luộc, mấy đứa nhỏ vè chán chường, nhai trệu trạo, lòng ông thất vọng. Cả xóm cả làng ăn đói, mặc rét. Có hai gia đình cho con ăn sắn, bị say mà chết rất thảm thương, có gia đình mất cả hai con nhỏ. Hôm đưa tang con bác hàng xóm về, ông đi như người say sóng, bước thấp bước cao, nước mắt giàn giụa. Tính ông là thế, rất cương nghị, thẳng thắn, quyết đoán nhưng rất giàu tình cảm và hay xúc động. Ngày qua ngày, lúc nào ông cũng nghĩ, làm sao cho dân có cái ăn cái mặc, cuộc sống được cải thiện. Làng quê thì đất chật, người đông. Có hôm đứng trước cổng trường cấp 1, nhìn bọn trẻ kéo nhau lũ lượt trên đường, ông nghĩ, rồi chúng nó lớn lên, dựng vợ gả chồng, lớp này rồi lớp khác, không biết lấy đất đâu mà ở. Thế rồi ông xin nghỉ Chủ nhiệm HTX, quyết tâm đi tìm miền đất mới.

Cánh chim đầu đàn của vùng kinh tế mới

Có một người cháu là Nguyễn Văn Anh, con ông bác ruột là bộ đội đóng quân ở trong Nam trở về địa phương cho biết, vùng sông Ray, Đồng Nai đất đai màu mỡ, phì nhiêu, sau giải phóng vẫn bỏ hoang mênh mông bát ngát. Đêm đêm ông vắt tay lên trán suy nghĩ mấy hôm liền, người vợ lo lắng, hỏi ông:

- Dạo này có chuyện chi mà thầy em tỏ ra lo lắng vậy?

Ngần ngừ một lát, ôm chặt vợ vào lòng, giọng như nghẹn lại, ông nói:

- Em ạ, có một việc rất hệ trọng, anh định bàn với em mà chưa biết bắt đầu từ đâu.

Đêm đó ông đã thảo luận cùng vợ về ý định vào Nam xây dựng kinh tế mới. Vợ ông lo lắng. Ở một nơi xa xôi, lạ nước lạ cái, tiền không có, gạo không có, con cái lít nhít một đoàn. Rồi nhà cửa ở đâu, lấy cái gì ăn, có ai quen biết đâu mà nương tựa? Bà đặt ra bao nhiêu câu hỏi làm ông phải suy nghĩ trăn trở. Không tính sao được, bước ngoặt lớn cả cuộc đời, quyết đoán là rất cần, nhưng liều lĩnh sẽ thất bại. Bàn

đi tính lại, cuối cùng ông tổ chức một nhóm gồm ông, làm trưởng đoàn, Nguyễn Xuân Anh làm phó đoàn, cùng hai ông là Nguyễn Tiến Dũng và Xuân Doạt. Mọi người chuẩn bị những thứ cần thiết, ra ga Sy mua vé, nhảy lên tàu, Nam tiến!

Miền đất mới mà đoàn “thám hiểm” do ông dẫn đầu là ấp Lâm San, xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là Cẩm Mỹ), tỉnh Đồng Nai. Cả một vùng đất bạt ngàn cây xanh và cỏ dại, ước khoảng hàng trăm héc ta mà chỉ lác đác mấy nóc nhà. Theo giới thiệu của Văn Anh, nhóm của ông tìm đến căn nhà của Chủ tịch xã Nguyễn Trọng Thế. Chủ nhà tiếp đoàn niềm nở, cơm nước dâng hoàng. Nhìn thấy gia đình đổ một đồng sắn ở góc sân dùng để chăn nuôi, củ nào củ nấy to như cánh tay lực lưỡng, ông liên tưởng ngay đến quê nhà, nhiều gia đình ăn sắn trừ bữa cũng chỉ được vài ba củ khăng khiu. Nhìn ra bãi thấy đất đai màu mỡ, phì nhiêu, cây cối tốt tươi đầy sức sống, lòng ông ngập tràn hy vọng. Đoàn của ông đặt vấn đề với vị chủ nhà về ý định muốn đưa một số gia đình vào sinh sống nơi đây. Vị chủ nhà niềm nở nói *“Tôi cũng là người Bắc vào đây từ mấy năm trước. Ở đây đất rộng, người thưa, làm ăn cũng dễ. Tôi nhận cấp đất cho các bác khoảng 20 gia đình, mỗi hộ vài héc ta”*.

Về quê, những người cùng đi trong đoàn của ông tổ chức vận động bà con trong xóm, trong xã. Mọi người cũng đắn đo, bàn qua bàn lại vì chưa biết ra sao. Nhưng làng xóm tin ông, thấy ông đưa gia đình mình đi thì họ đi theo, dẫu có do dự ít nhiều nhưng lòng vẫn khắp khởi một sự đổi đời để thoát vòng nghèo đói. Vậy là đợt đầu ông tổ chức cho 50 hộ lên đường, khi đi có xin giấy của chính quyền địa phương đi kinh tế mới. Vào đến nơi thì đâu cũng vào đó. Năm mươi gia đình giúp nhau chặt cây rừng, tre nứa, cỏ tranh dựng tạm nhà cửa đơn sơ. Vùng này không có bão lụt, nắng gió cũng không gay gắt như ở quê, nhà cửa thế nào cũng chịu được. Các gia đình nhanh chóng ổn định cuộc sống, chặt cây, phát cỏ, khai phá đất hoang. Những đụn lửa đốt cây, đốt cỏ rần rạt cháy suốt ngày đêm. Chỉ dăm ba tháng sau, các loại lúa nương, khoai, ngô, sắn, đậu và rau, củ quả các loại đã tràn ngập quanh vườn, quanh bãi. Thắng lợi đầu tiên là không lo thiếu lương thực, nhà nào nhà nấy kiến thiết dần dần. Dân làng ở quê nghe tin liền tổ chức từng tốp, từng tốp kéo vào. Chỉ vài ba năm đã lập nên xóm làng đông đúc. Thấy cuộc “di dân” tự phát thành công, ông Nguyễn Hữu Đợi phụ trách khai hoang báo cáo với lãnh đạo tỉnh Nghệ An, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy mời ông đến để trao đổi kinh nghiệm. Đến nay, làng khai hoang đó đã có 400 nóc nhà, nông thôn đổi mới, điện, đường, trường, trạm, nhà cửa khang trang. Rồi làng đã trở thành thị trấn, có chợ, có bến xe, cửa hàng cửa hiệu mọc lên san sát. Nhiều con em của Diễn Kim vào đó đã trở thành bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ. Có người là cán bộ cấp tỉnh. Riêng gia đình ông chỉ ở vùng đất mới được 6 năm, khi cuộc sống đã ổn định, kinh tế đã dồi dào, vợ chồng, con cái lại gồng gánh nhau trở về xứ Bắc. Tháng 10 năm 2020, kỷ niệm 40 năm lập làng vùng “kinh tế mới”, dân làng mời ông vào dự lễ rất long trọng. Trong bài phát biểu chào mừng, ông bày tỏ: *“Trải qua 40 năm buồn vui ở xứ lạ quê người, nay bà con làng Kim Lũy quê ta đã rất tự hào về sự phát triển không ngừng, cuộc sống ngày một ấm no hạnh phúc. Giờ phút này ta không thể không nhớ lại*

KÝ

ngày đầu gánh gồng đưa nhau qua bến đò Vích, bước chân nặng trĩu xuống đò, lòng nhỏ lệ phải tha phương cầu thực”... Mọi người đã ôm lấy ông mà cười, mà khóc, những giọt nước mắt biết ơn, những giọt nước mắt tủi hờn khi nhớ về mùa Đông năm đó, những giọt nước mắt mừng vui khi mọi thứ đã đủ đầy, đã rất đàng hoàng trong cuộc sống hôm nay.

Câu chuyện của ông đang say sưa, tôi xin phép hỏi ông vài ý:

- Ngày đó nhà văn Thiên Sơn của ta đi học trường nào ạ? (Thiên Sơn là con trai ông, tên thật là Nguyễn Xuân Hoàng, tác giả của cuốn “Người bên lề”, “Đại gia”, “Gió bụi đầy trời” và nhiều tác phẩm khác, đến nay là một cây bút trẻ thành công với 2 lần được trao giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam).

- Đã bảy, tám tuổi rồi vẫn chưa được đến lớp. Hàng ngày chăn trâu, chăn bò và làm lụng việc nhà giúp bố mẹ. Khi đời sống ổn định hơn, ở Tân Lập có ngôi trường làm bằng tre, lá. Cháu học ở đó cho đến hết cấp một thì về quê.

- Thế cuộc sống đã dần ổn định rồi, sao bác lại bỏ về?

- Lúc đó tôi bị nhiều bệnh lắm, viêm loét dạ dày, thần kinh tiền đình... Điều kiện chữa trị ở đó lúc ấy cũng khó khăn...

- Trở về quê, gia đình bác làm nghề gì để sống?

Ông lại kể về những ngày trở lại quê hương.

Làm giàu tại quê nhà

Với số tiền bán lại ruộng vườn, tài sản từ vùng kinh tế mới, ông trở về quê Diên Châu chữa bệnh. Khi sức khỏe vừa phục hồi, cái máu làm kinh tế trong ông lại trỗi dậy. Đây cũng là thời kỳ bắt đầu của những năm đổi mới. Ông gom góp vốn liếng, vay mượn thêm đầu tư mua máy xay xát. Gia đình ông sở hữu bốn, năm chiếc máy, đặt khắp các xã trong hai huyện Diên Châu và Yên Thành. Người em của ông là Nguyễn Xuân Bạt cũng làm xay xát như ông. Hai anh em cứ hoạt động nơi này một thời gian, lại chuyển sang nơi khác. Các xã Diên Liên, Diên Xuân, Diên Thấp, Diên Nguyên, Hoa Thành, Phú Thành... nơi nào cũng có ông phục vụ. Thu nhập của gia đình ông ngày càng dư giả. Khi thuê kỹ sư hoặc thợ đến sửa máy móc, ông tranh thủ học để nắm chắc nguyên lý vận hành. Từ đó ông thành thạo tính năng của các loại phụ tùng xe máy và vận hành thành công các loại máy nông nghiệp. Khi máy xát trong nông thôn đã phát triển khá nhiều, ông bỏ nghề máy xát đi buôn phụ tùng cơ khí. Thời điểm đó, địa phương cho đấu thầu đất trên tuyến đường 1, đoạn xã Diên Ngọc, sẵn có ít tiền, ông mua liền mấy suất. Cùng với người em trai Nguyễn Xuân Bạt và một số hộ khác cũng mua đất ở đó, dần hình thành nên một xóm mới, gọi là xóm Ngọc Tân, xã Diên Ngọc. Sau vài chục năm, từ một cung đường tro bụi đã trở thành trù phú đông vui, hàng quán mọc lên, kẻ bán người mua tấp nập. Ông giúp các con mở ốt kinh doanh, thu nhập gia đình tăng vọt lên trông thấy.

Tháng 4 năm 1993, thời kỳ cơ chế thị trường đã chuyển động nhộn nhịp trong cả nước, ông cùng người con trai là Nguyễn Phúc Thiện tìm đường sang Trung Quốc học nghề cơ khí, buôn các loại máy phục vụ nông/ngư /lâm nghiệp và diêm nghiệp. Ông nhận định, thời kỳ kinh tế phát triển, cơ giới hóa là yêu cầu tất yếu của các ngành sản xuất. Đoán biết được nhu cầu xã hội trong xu thế mới, ông chủ động đi trước, đón đầu, và đã rất thành công.

Lúc đầu, ông cũng không biết đường sang Trung Quốc. Cha con ông bắt xe ra Hải Phòng, từ Bến Bính hỏi đường và đi tàu thủy ra Móng Cái. Ở đây ông thấy người Trung Quốc mang rất nhiều hàng hóa các loại sang bán cho người Việt vùng biên giới, hầu hết đi theo đường tiểu ngạch. Ông tiếp cận với họ, những người vận chuyển hàng ai cũng biết tiếng Việt, giao tiếp khá dễ dàng. Ông đặt vấn đề mua phụ tùng cơ khí, họ sẵn sàng cung cấp cho ông. Thời gian đầu ông nhận hàng từ Móng Cái rồi đi xe đò về Hà Nội, từ Hà Nội lại chuyển chuyển về Nghệ An. Công việc thuận lợi, thu nhập rất cao. Từ buôn bán phụ tùng, ông tự học để hiểu thêm về các loại máy móc cơ khí như máy nổ, máy cày, máy đập, máy bơm nước, máy tưới cây... Ông sang tận Trung Quốc, đến những cơ sở bán hàng, những xưởng sửa chữa, lắp ráp để tìm hiểu về kỹ thuật. Khi đã làm chủ được kỹ thuật và thiết lập được đường giây buôn bán chắc chắn, ông bàn bạc với con trai Nguyễn Xuân Thiện xin giấy phép thành lập công ty kinh doanh máy nông nghiệp, lấy tên ba người con của Thiện là *"Tâm - Trí - Mạnh"*. Lúc đầu do Thiện còn dè dặt, chưa quen công việc điều hành, với kinh nghiệm quản lý lâu năm, ông đứng ra làm giám đốc cho công ty của con trai.

Sau khi thành lập công ty, ông mở rộng giao dịch với các bạn hàng. Những container đầy ắp máy móc được chở thẳng từ Trung Quốc về cơ sở của ông. Ở thị trường trong nước, máy móc do công ty phân phối được lưu thông trên cả ba miền Trung, Nam, Bắc. Ngoài số công nhân và cán bộ kỹ thuật của công ty, có hàng trăm "cộng tác viên" nhận hàng rồi đi cung ứng cho các cơ sở trong cả nước. Những người này cũng làm giàu lên nhanh chóng vì được công ty cho nợ vốn để quay vòng. Sau 3 năm làm ăn phát đạt, ông bàn giao cho vợ chồng con trai là Nguyễn Xuân Thiện làm Giám đốc, và Phạm Thị Khuyên cùng quản lý công ty. Tuy thế, với kinh nghiệm và hiểu biết của mình, ông vẫn như một cố vấn đắc lực thường xuyên bên cạnh các con. Từ một công ty nhỏ do ông sáng lập, đến nay Tâm - Trí - Mạnh trở thành một công ty kinh doanh đa ngành trên các lĩnh vực: bán máy nông nghiệp, phụ tùng ô tô, phân phối ô tô các loại, thi công đô thị, điện mặt trời...

Mấy năm gần đây ông chăm lo vận động con cháu và tổ chức xây dựng nghĩa trang dòng họ tại xã Diên Kim to, đẹp đàng hoàng. Tất cả nỗi niềm ông gửi gắm vào tiên tổ thiêng liêng. Ông tâm niệm, có tổ tiên phù hộ, nhà ông mới được *"Tứ đại đồng đường"*. Các con ông phương trưởng và thành đạt, người là đại tá quân đội, người là công an, bác sĩ, nhà văn... Số con, cháu, chất nội ngoại của ông bà đến nay đã gần chín chục. Sau ba lần mừng thọ vào các năm chẵn chục, vừa rồi bà đã ra đi. Nhớ thương người vợ một đời chịu thương chịu khó, chia sẻ cùng

KÝ

ông những năm tháng gian truân, nuôi dạy 9 đứa con ăn học nên người, cạnh bàn thờ của bà, ông đặt một tủ lưu niệm những kỷ vật như chiếc áo dài, vuông khăn, đôi dép... của người vợ tri âm tri kỷ. Giọng ông bỗng chùng xuống, bùi ngùi khi đọc bài thơ “Chuyến đò nên duyên” ông viết tặng bà:

*Năm Bốn bảy, ngày Mười, tháng Sáu
Tính tuổi đời khi đó mười lăm
Hoa Đào khoe sắc chào Xuân
Tên Bông, đổi Tạo cho gần bên em
Mừng thắm suốt cả ngày đêm
Mấy ai tam hợp, hai tên một vẫn...*

Thuở sinh thời, nhà văn Sơn Tùng, người anh họ của vợ ông, có tặng gia đình ông đôi câu đối:

*“Vinh hoa phú quý danh thiện hạnh
Tứ đại khang ninh hiển vinh gia”.*

Tôi chia tay ông, lòng ngấm ngội không nguôi về một con người, biết bao thăng trầm, nghịch lý của cuộc đời vẫn không thể quật ngã được. Chính ý chí, nghị lực, khát vọng vươn lên không ngừng và sự lao động không ngưng nghỉ đã dẫn ông đi đến thành công. Giờ ông sống bình dị, thanh bạch, hàng ngày đọc sách, ngâm thơ, giáo huấn con cháu những điều hay lẽ phải. Một con người như vậy, thật đáng trân trọng biết bao!



Minh họa: ĐÌNH TRUYỀN

Đò phiên

TỔNG NGỌC HÂN

Cách cầu ba ki lô mét về phía hạ nguồn là bến đò Phiên. Thuở bà nội Chiêu còn sống, bà kể, bên kia sông, có cái chợ phiên sầm uất và đông đúc nhất vùng. Chợ phiên họp vào các ngày Hai, ngày Bảy âm lịch trong tháng, người bên này sang đông lắm. Nhất là những ngày giáp Tết. Và hầu như bến đò này chỉ có người sang sông vào ngày chợ phiên, nên được gọi luôn là đò Phiên.

Lúc Chiêu còn nhỏ, Chiêu cũng hay theo bố mẹ đi chợ bán hoa đào bên đó. Có những chuyến đò chỉ có vài người còn lại đầy hoa đào. Con đò như chiếc nơ hồng rực cài trên mớ tóc dài suôn lấp lánh ánh bình minh. Kể từ khi xuống thành phố học, đi làm rồi lấy chồng, tính ra, đến mười lăm năm rồi, Chiêu không đi đò Phiên. Không biết bên ấy, còn phiên chợ không, còn đông đúc không, khi mà siêu thị mọc ra ở khắp mọi nơi và giờ người ta chọn đi cầu cho tiện.

Trong ký ức của Chiêu, đò Phiền gần như bị vùi lấp bởi bao nhiêu kỷ niệm thời sinh viên, bỗngưng hôm nay, bến đò lại hiện lên rất lạ. Chuyển xe thuê người, ngồi cạnh Chiêu là một người đàn ông ngoài sáu mươi. Khi lái xe hỏi xuống đâu, người đàn ông nói, cho tôi xuống cổng làng Vân Diệu. Chiêu giật mình, nhưng không nói gì. Chiếc khẩu trang che kín khuôn mặt người đàn ông, chỉ hở hai con mắt và một vết sẹo dài trên trán, Chiêu đoán ông ta chỉ là khách của làng Vân Diệu, cho dù ánh mắt nhìn Chiêu rất quen.

Xe dừng gần cổng làng lúc sáu giờ tối, bị chậm hơn mọi khi hai mươi phút. Trời cuối năm, sáu giờ là tối lắm. Ông ta xách chiếc cặp sổ màu đen xuống trước. Chiêu xách chiếc va ly nhỏ xuống sau. Dù Chiêu cố đi chậm lại và giữ khoảng cách với người đàn ông cũng không tránh được sự tò mò của những người đàn bà đang hái rau muống dưới ruộng ngay sát con đường đi vào làng.

Người đàn ông đi lệch về một bên như thể một bên chân ông ấy làm bằng bê tông, thẳng tuột, còn bên kia thì gần như bị rút bớt lại. Ông cố tình đi chậm và hỏi Chiêu bằng cái giọng méo mó: “Cô cần tôi giúp không?”. Chiêu trả lời bằng một câu hỏi. Bác về nhà ai trong làng? Người đàn ông vui vẻ trả lời. Tôi chỉ ghé qua làng thôi. Tôi ra đò Phiền. Chiêu ái ngại. Giờ này chắc gì đò còn chạy, cháu nghe nói đò chỉ chạy ngày phiên mà. Sáng mai mới mười bảy, nay mười sáu. Người đàn ông cười bằng mắt. Tôi vẫn đi suốt mà. Chắc cô ít về quê thôi. Chiêu không nói gì. Nếp sống ở thành phố đã ngấm sâu vào cô, nó khiến con bé hay nói hay cười, hay bắt chuyện người lạ khi xưa biến mất khỏi Chiêu không để lại một chút dấu vết. Đến cổng nhà, Chiêu rẽ vào, ông xách cặp sổ nhìn theo Chiêu, cho đến khi bị Chiêu bắt ngờ quay đầu, phát hiện, thì ông ấy mới đi tiếp.

Buổi tối, hai mẹ con ngồi làm măng để sáng mai nấu canh làm cổ giò bà nội, Chiêu hỏi mẹ: đò Phiền giờ còn chạy không mẹ? Mẹ bảo không. Đường xuống bến đò, người làng đắp rong lại cho trẻ con không xuống sau ngày cụ Phóng mất. Làng mình không ai chạy đò nữa vì không kinh tế. Sắm con đò mấy bao tiền, người qua sông thì ít, họ bỏ, đi cầu xa nhưng lại hóa gần, chờ đò cũng lâu. Mà bến đò giờ sâu như vực, trông sợ lắm.

Rồi Chiêu hỏi mẹ về người đàn ông xách cặp sổ đi về phía bờ sông. Mẹ ngơ ngác nói, làng này, ngoài bố con, làm gì có ai như thế. Cả đêm, Chiêu cứ trằn trọc vì nghĩ đến chuyện người đàn ông lạ có ánh mắt rất quen.

Dòng sông đoạn đi bên cạnh làng Vân Diệu không rộng, nhưng rất sâu. Suốt mấy chục năm, dòng sông chỉ lở phía làng, bờ rất chùng, hoắm hoắm. Những mùa lũ lớn người trong làng đêm nghe tiếng đất lở thùm thùm không ngủ được. Người làng vẫn bảo nhau, nếu không có cách gì đó trị thủy, thì chả mấy mà mất làng. Thi thoảng, những người trong làng vẫn chỉ cho nhau một vết nứt mới trên những mảnh vườn mà mọi người đã ra sức trồng tre gai để kè giữ. Mẹ Chiêu kể, tính từ khi mẹ về làm dâu đất này, làng mất đi cả trăm mẫu đất bãi trồng ngô và trồng hoa đào bán cho thành phố chơi Tết. Cứ lở thôi, những vết lở sâu toang hoác cái đầy bọt nước nom như miệng con thú dữ còn để lại dấu tích của những

con mồi nó vừa chén xong. Mỗi khi sông ngàu đỏ, nước ối vào đồng mang theo bọt rác, ấy là lúc đất lại cồn cào lở. Năm nay khuyết lũ. Cả mùa nước không thấy trận lũ nào, cũng không thấy bờ lở, dòng sông hiền lành như cô gái quê mới lớn ôm ấp trong lòng khát vọng đi xa nhưng không dám tỏ bày với ai. Từ làng Vân Diệu nhìn sang bên kia sông, bãi ngô xanh biếc bạt ngàn, làng bên ấy rất trù phú vì mỗi năm lại được bồi đắp thêm. Bên ấy bồi, bên này lở. Bên ấy, làng như hình chiếc mâm, bên này, làng như hình chiếc liềm. Bồi mấy chục năm liền nên chợ phiên gần bờ sông ngày xưa bây giờ đã thành trung tâm thương mại to đùng giữa thành phố. Trông người lại nghĩ đến ta. Những người mê tín trong làng nói tại phước làng mỏng nên vậy. Trị thủy đâu có dễ, làm không đến đâu đến đâu, thì sẽ bị thủy trị.

Bố Chiêu là ông già cổ lỗ sỹ nhất làng Vân Diệu. Hễ ai đó nói chuyện sông nước, ông lại thao thao kể về trận đại hồng thủy ngày xưa, khi ông còn là cậu bé mười lăm tuổi. Ông nói, năm ấy, chính ông cụ sinh ra ông là người đem công văn hỏa tốc từ tỉnh về huyện, yêu cầu phá đê để cứu thủ đô. Cả năm sáu xã vùng hạ huyện, nước sông phăng phăng lao vào từ chỗ đê bị phá làm ngập lụt mất bao nhiêu hoa màu, gia súc, gia cầm, chỉ người dân do được lệnh sơ tán chạy lên đồi cao là không ai thiệt mạng cả. Với chiếc thuyền nhỏ, ông bơi lặn lướt từ gò này sang gò khác để phát thuốc tiêu chảy cho bà con vì toàn bộ các giếng nước đã bị ngập hết. Bố bảo, “quen mùi bèn mùi ăn mãi”. Nước đã được rước vào đồng như thế một lần, thì từ sau, nó vẫn nhớ lối cũ mà vào thôi. Làng Vân Diệu là cửa ngõ của nước nên không tránh khỏi. Giờ sông không còn lũ to như xưa, nhưng cứ đến mùa, nước vẫn thúc vào sườn làng Vân Diệu, tạo thành những vết thương đỏ ối, gớm ghiếc. Mỗi lần bố nói, mẹ Chiêu đều gạt đi. Ông lắm cảm rồi. Ông rành về nước thế thì tại sao không chiếm luôn một quả gò mà làm nhà cho cao ráo lại cứ bám mạn sông làm gì để vợ con cả đời thấp thỏm. Mỗi lần bố mẹ có dấu hiệu căng thẳng là mấy anh em Chiêu lại bắt đầu can ngăn. Anh trai sẽ bênh mẹ. Đúng đấy, mẹ nói có lý. Ở bờ sông tồn thọ vì lo lắng. Còn chị gái Chiêu sẽ bênh bố. Ai mà cũng bỏ làng đi vì sợ thì bây giờ, chỗ này thành giữa sông rồi. Mấy lại, mới chỉ lở mất bãi làm hoa màu, chứ đã lở nhà ai bao giờ đâu. Làng mình xưa giờ không ai làm lúa, chỉ làm ngô, làm hoa nên mới đổ thừa cho nước. Người trong đê bỏ hoang ruộng đầy kìa, muốn làm lúa thì vào mượn, có sao đâu.

Đêm thứ hai ở nhà mẹ sau hơn nửa năm không về, Chiêu ngủ ngon, bù cho hôm trước. Khoảng gần sáng, Chiêu nghe thấy tiếng gọi đồ rất rõ vọng từ bên vào. Đồ ơi, đồ ơi, có ai đồ không? Chiêu nhòe dậy, xỏ dép, bật điện, đi ra giường ngoài, thấy mẹ nằm quay mặt vào trong, không thấy bố đâu cả. Chiêu ngạc nhiên xen lẫn lo lắng. Khuya khoắt như này bố đi đâu rồi? Chiêu lay mẹ. Mẹ ơi, mẹ... Mẹ Chiêu tỉnh giấc. Ố hay, con bé này, ngủ đi, sao lại gọi mẹ giờ này? Mẹ à, con vừa nghe tiếng gọi đồ. Ôi giờ, cứ nghe vớ nghe vẩn. Làm gì có ai gọi. Tôi chả nghe thấy gì sất. Thôi, con vào buồng con. Mà bố đi đâu thế mẹ? Khuya thế này. Ố hay nhỉ cái con bé này. Con mày lên mấy rồi, mày biết không? Bảo ngủ ngoài đây thì cứ chui vào trong ấy, kêu muốn ngủ phòng cũ. Chăn gối lâu không ai nằm hồi

mù. Tôi thì bạn không mở mắt ra được. Lúc này thì Chiêu mới tỉnh hẳn. Cô như người mộng du trong ký ức của mình. Rất nhiều lần, trở về nhà, Chiêu hỏi, bố con đâu hả mẹ. Rất nhiều lần gọi điện thoại, Chiêu nói mẹ cho con nói chuyện với bố tí. Trong ký ức của Chiêu không có sự ra đi đột ngột của bố. Không có bất cứ sự khuyết vắng nào trong căn nhà cô từng sinh ra, lớn lên. Bố mẹ cô và những người làng Văn Diệu cả đời lam lũ cặm cùi bám đất bám làng kiếm sống và sống một cuộc đời thanh đạm. Lứa của Chiêu, những đứa đi xa quê thì phần lớn ít trở về. Đứa lấy chồng thành phố, đứa lấy vợ rồi ở lại thành phố, nơi sinh ra lớn lên, nghiễm nhiên trở thành quê cũ, thành cố hương mà câu hát “quê hương là chùm khế ngọt” lâu lắm mới lắng vẳng trong đầu một lần.



Tuần thứ ba mươi bảy của thai kỳ, bác sỹ nói ối vẫn và cận quá mức cho phép dù mỗi ngày Chiêu uống đến ba trái dừa tươi. Bác sỹ trưởng khoa quyết định mổ bắt con sau khi tự tay ông siêu âm và xem hình ảnh. Đây là đứa con trai đầu lòng của Chiêu nên đứa bé nhận được rất nhiều sự quan tâm yêu thương của cả gia đình hai bên nội ngoại. Sau liệu gây tê vùng, bác sỹ véo vào bụng Chiêu, cô kêu ầm lên. Đau quá. Bác sỹ gây tê lắm lắm, ngày nay là ngày gì không biết, đây là ca gây tê thứ ba không thành. Chiêu bị gây mê toàn thân.

Cô mở mắt ra trong căn phòng sáng choang, nhìn quanh ngơ ngác. Cô khẽ gọi. Anh Quang ơi. Chồng cô từ ngoài bước vào nhìn cô ân cần. “Em đau lắm phải không!? Chiêu lắc đầu. Quang lại hỏi. Làm sao em khóc? Anh thấy em khóc à? Con đâu anh? Ừ, anh vào hai lần, em chưa tỉnh nhưng nước mắt cứ chảy quanh, anh biết là em khóc. Để anh đưa em về phòng hậu phẫu nhé. Con ngoan lắm. Bà nội đang bế.

Phòng hậu phẫu có sáu sản phụ mổ sinh, Chiêu ít tuổi nhất và là người tỉnh dậy sau cùng. Ai cũng bảo họ tỉnh ngay sau khi sinh con vài chục phút, chỉ có Chiêu mê man suốt năm giờ đồng hồ. Chiêu nghiêng người nhìn về phía con trai đỏ hỏn, bé tí. Mẹ chồng cô đặt đứa trẻ vào cạnh cô và nựng cháu. “Nằm cho có hơi mẹ thôi, chứ mẹ chưa có sữa đâu nhá”. Chiêu không ngừng đưa mắt tìm kiếm khắp căn phòng. Nhưng Chiêu không hỏi. Chỉ tủi thân ứa nước mắt. Thuốc gây mê đưa Chiêu vào cơn mê lạ lùng. Chiêu chạy giữa một triền sông đầy hoa cải vàng để đuổi theo hai con bướm trắng. Đến khi cô ra sát bờ sông thì đất bắt ngờ lở xuống, cô rơi xuống sông và chơi với giữa dòng tuyết vọng. Nước cuốn cô đi rất xa. Chiêu mắc vào một chiếc vỏ bèo rất lớn và một ông già kéo cô lên. Ông hỏi cô người đâu, cô nói người làng Văn Diệu. Ông già bảo tôi sống gần hết đời người ở bến sông này mà không nghe tên làng Văn Diệu bao giờ. Và Chiêu bật khóc nức nở.

Chiêu được chuyển về phòng riêng theo yêu cầu của gia đình. Lúc ấy đã mười giờ đêm, nhà cô thì không gần bệnh viện lắm. Nhưng khi cô chuẩn bị lên bàn mổ, chính bố gọi điện thoại bảo bố mẹ đang trên đường đến bệnh viện cơ mà? Sao giờ không thấy ai? Cả các anh chị nữa?

Mười giờ ba mươi phút đêm. Có tiếng bước chân người đi vào phòng. Chiêu quay cổ nhìn ra. Là bố chồng cô. Ông mang theo một bình sữa nóng và nói cô uống cho lại sức và sữa chóng về.

Khuya, lại có tiếng bước chân, Chiêu nhìn ra. Là ông trưởng khoa. Ông ân cần hỏi han và xem mắt thằng bé rất kỹ. “Vàng da sơ sinh thôi. Ba bảy tuần mà hai cân bảy là ngon lành rồi, khi nào có sữa phải cho cháu bú ngay nhé”.

Gần sáng lại có tiếng bước chân, Chiêu nhìn ra cửa. Không có ai cả, có lẽ là cơn gió thổi từ đầu hồi dọc hành lang, va phải cánh cửa phòng nào đó không khép thôi. Đêm dài thế không biết. Không nhận được nữa. Chiêu hỏi chồng. Sao bố mẹ em không tới, cả chị dâu và chị gái đâu? Mọi người đâu cả rồi? Hay em vẫn đang mơ?

Chồng Chiêu mỉm cười. Mọi người ngồi ngoài kia, không ai được vào đâu? Vẫn cãi. Sao ông bà nội vào được? À, do ông bà đến sớm và đăng kí từ trước. Tiêu chuẩn chỉ có hai người thôi mà. Mẹ chồng cô nhắc con trai: “Vợ đã hay nhìn ra cửa, mày còn cứ lượn ra lượn vào”.

Ngày thứ hai, cơn đau co tử cung và đau từ hai vết rạch khiến Chiêu tái mặt. Nhưng Chiêu không ngừng thắc mắc và chồng cô tìm cách dối quanh. Đến ngày thứ ba thì chồng cô buộc phải nói thật. Bố cô bị tai nạn trên đường đến bệnh viện do một chiếc ô tô mất lái đâm vào. Cả hai người và chiếc xe bị văng ra xa nhưng mẹ cô chỉ thương nhẹ.

Chiêu cắn răng vào chiếc khăn tay chặt đến nhức nhối, đến mức tự cô không lấy cái khăn ra được. Máu tươi từ vết mổ rỉ ra, thấm qua băng gạc ngấm vào chiếc tã chéo màu hồng mẹ chồng cô buộc ngang bụng cô làm hèm. Chiêu khóc bằng hai bàn tay nắm chặt vào mép giường và nước mắt cô chảy ướt mái tóc dày xõ ra, màu đen chảy lai láng trên nền đất khiến mẹ chồng cô cứ lát lại gom tóc con dâu để lên giường. Tóc cô bết lại như một dải rêu bị người ta vớt lên khỏi nước và vắt lên tảng đá hong nắng. Nếu cô không sinh con ngày hôm nay, thì bố cô có bị tai nạn không? Nếu cô chịu khó uống thêm hai trái dừa nữa trong một ngày. Nếu cô bảo bố mẹ đừng đến, mẹ chồng con ở đây rồi. Nếu cô đừng lấy chồng xa. Nếu cô đừng sợ dòng sông chỉ lở mà không bồi. Nếu... Chiêu tự dần vật đến mụ mị. Mẹ chồng cô ngồi tựa vào tường bất lực nhìn con dâu vật vã trong cơn đau đớn mà đời bà sáu lần sinh nở không bao giờ phải chịu như thế. Chồng cô nói như van nài. “Em cố gắng bình tĩnh đi. Con đang cần sữa mà. Em nhìn này, sữa em trong như nước mắt ấy”. Chiêu cũng không hiểu tại sao nước mắt mình lại đi ra bằng con đường ấy. Chả phải mọi người không muốn cô khóc hay sao? Hay là mắt cô đã mờ mịt rồi?!

Ngày Chiêu ra viện về nhà. Bố cô chìa tay đón cháu ở cửa, nhưng cô không đưa. Ông sẽ làm ngã cháu đấy. Không hiểu sao Chiêu lại nói thế. Bố cô có vẻ giận. Ông bỏ đi. Ông bỏ đi khỏi Chiêu và giấc mơ của cô đến tận bây giờ. Giá như bố biết, cháu trai của bố giờ đã năm tuổi, thông minh, nghịch ngợm nhưng rất biết vâng lời.



Mẹ đến bế cháu ngoại đúng vào chiều Ba mươi Tết. Mẹ hỏi Chiêu, có nên hóa cái cặp sổ đen cùng toàn bộ đơn từ của bố con không? Nhìn thấy nó, mẹ mắt ầng ầng. Đơn gì hả mẹ? Ô hay, mẹ tưởng mẹ đã kể cho con nghe rồi. Bố con kiện kẻ đã làm lở đất làng mình ấy. Là ai hả mẹ? Con tưởng do trời thôi chứ. Không. Là do con người. Những cái tàu hút cát sỏi phía chân cầu ấy. Chính bọn họ làm dòng sông trở nên hung ác dữ tợn như thế. Bố con cứ xách cặp tài liệu đơn từ đi khắp nơi, gặp hết người này người khác, xin chữ ký khắp lượt người trong làng. Cái xe đâm vào bố mẹ gây tai nạn rồi bỏ chạy ấy, để lại trên áo bố con rất nhiều cát. Mẹ nhận ra những hạt cát làng mình. Chiêu vội vàng. Theo con, mẹ nên hóa cho bố, để bố tiếp tục thực hiện những tâm nguyện đang dở. Nói xong, Chiêu mới thấy mình vô lý. Mấy chục năm, bố đi khắp đây khắp đó, tìm cách, tìm nơi cứu làng, cứu dòng sông mà chưa đâu vào đâu. Tất cả chỉ là lời hứa hẹn. Bố đã gõ bao nhiêu cánh cửa, đến bao nhiêu cuộc họp. Thậm chí, bố còn nhảy lên xuống cát, cãi nhau tay đôi với bọn phá hoại, nhưng rút cục, bố đã đạt được điều gì? Giờ về bên kia, nếu muốn bố an nghỉ, thì nhẽ ra không nên hóa đi chiếc cặp sổ. Nhưng để lại thì mẹ sẽ mãi bị ám ảnh.

Chiêu xuống xe ở bến chính. Chồng cô đợi sẵn. Trên đường về, cô thủ thỉ. Tết này vợ chồng mình đưa con về ngoại ăn Tết nhé. Ngồi sau xe, Chiêu đưa mắt nhìn khắp phố xá hối hả những dòng người. Bỗng chồng cô bảo. Nhìn cái ông kia kìa, giống bố thế. Giật mình nhìn theo tay chồng chỉ, Chiêu thấy người đàn ông vác một cành đào rất to chi chít hoa đang trôi trên phố như chuyến đò hoa làng Vân Diêu ngày xưa. Chiêu nói như người ngủ mê. Bố vớt cái cặp đi rồi hả bố? Hoa đào làng mình đẹp nhất bố nhỉ!



Minh họa: TD

Người về bến Giác

TIẾN DŨNG

Mái chùa cong như mảnh trăng chao xuống dòng sông Lân. Cô gái khoảng mười tám tuổi bận áo màu trắng, khuôn mặt tròn vàng trắng, trông vừa ngây thơ thánh thiện vừa có nét hoang dã, đôi đôi mắt đen thăm thẳm nhìn hút phía trời xa. Lý Chiêu dim mắt khoảng nửa giây để nắm bắt rồi rút phắt chiếc bút chì trên vành tai kê tập giấy, phóng bút. Một làn gió lượn tới, Lý Chiêu rùng mình, cảm giác rất lạ chạy suốt sống lưng chạy lên đỉnh óc, bàn tay như múa thả đam mê vào từng nét vẽ.

- Tuyệt quá! Anh cho em nhé.

Cô gái cười tinh nghịch giật ngay bức kí họa ngấm ngấm.

- Giống lắm, nhưng sao lông mày em lại xéch như thế này? Anh vẽ lại cho em nhé, em sẽ mua chiếc khung để về nhà treo làm kỉ niệm.

Chiêu vẫn như người bị thôi miên cứ nhìn đê mê vào cô gái. Khi cô gái cầm bức kí họa chìa vào mũi, anh mới đứng lên trở về với thực tại.

TRUYỆN NGẮN

- Ừ anh sẽ về lại.
- Anh là nhà văn mà sao vẽ tài thế? Anh đến từ vùng nào?
- Anh ở xứ Nghệ, nơi thượng nguồn dòng Lam. Còn em?
- “Miền trung du thức đợi/ Người xa hỏi “Còn bóng cò xòe không?” Quê em đó!
- Anh nhớ ra rồi! Em tên Thu, quê Phú Thọ, là nhà thơ trẻ nhất trại viết lần này.
- Em làm thơ từ lúc nào?
- Hồi nhỏ em thích học võ lắm. Một mình có thể kẹp nách hai thằng bạn học nhưng lúc dậy thì, thì em biết làm thơ. Thơ em đom đóm cứ lấp lờ như ma. Người em cứ mềm và con gái hẳn ra.

*Lá vàng vẽ con mắt trái
Mùa Thu còn trong giấc mơ
Sợi tóc
Rùng mình trong xứ sở
Màu rêu yên bình
Tìm vào không gian
Tí tách
Ánh mắt anh làm tim.*

*Đâu đó trong anh bức tranh em mười tám
Tình yêu với anh
Hàng mi độc nhất
Có còn...?*

Hai bàn tay họ tìm đến nhau, ánh mắt trong nhau, nhanh thế. Lạ thế!

Người ta bảo thơ, họa ở trong nhau, sự giao thoa làm nên điều kì diệu là thành công của tác phẩm. Còn con người thì sao? Điều đó cũng chẳng cần phải bàn lắm. Hai kẻ khác giới gặp nhau bỗng dưng quyện vào nhau là điều dễ hiểu, muôn đời nay vẫn thế. Nó gọi là tình yêu. Loài người có thứ chất kết dính thú vị thật. Chỉ một buổi sáng mà cả trại viết văn đều biết Chiêu và Thu trở thành dấu chấm mùa Thu đầy hoa ngọc lan ngát hương trước chùa Tiên. Ông Mai trưởng trại, nhìn theo: “Chúng hẹn nhau từ kiếp trước nên bây giờ chúng bước vào nhau. Có gì lạ đâu, có gì lạ đâu!”

Chùa Tiên đỏ ối trong nắng quái chiều, đoàn nhà văn mệt mỏi trở về khách sạn sau một ngày đi thực tế, chỉ có Chiêu và Thu là riu rít.

- Anh ở phòng mấy?

- 207

- Khách sạn này số 207, em sinh ngày 2/7, tập thơ mới in 207 bài. Một sự trùng hợp lạ. Nè anh sửa hàng mi cho em nhé. Tối em sang lấy.

- Ừ! tối sang phòng anh nhé!

Chiêu vào phòng chưa kịp tắm rửa bỗng có anh bạn họa sĩ quê Thái Bình mọc ngay trước cửa kéo đi nhậu. Bạn bè lâu ngày gặp nhau rượu tràn cung mây, lời lẽ phun như cống xả lũ, nhưng Chiêu vẫn nóng lòng về để gặp Thu. Khi mảnh trăng hạ tuần lơ lửng như một dấu hỏi, mấy gã họa sĩ mới thả cho Chiêu về. Chuyển nhấc bước đi trong ánh trăng hoe. Hình như có tiếng của Thu ngập trong ánh trăng vang vọng.

Má hồng môi thắm ngày xưa

Giờ vắng vắng tiếng chuông chùa thả rơi...

Thu ơi, em đâu rồi? Chiêu liều điều chạy lên tầng ba gõ cửa phòng Thu, nhưng cửa vẫn im ỉm khóa. Khuya lắm, không còn ai thức để hỏi về Thu, Chiêu liêng biêng, xiêu vẹo về phòng. Căn phòng ngát hương ngọc lan. Những rèm cửa lay động như có người. Chiêu vỗ bức kí họa ôm vào lòng, mắt nhòe đi:

- Trời ơi! Em ở đây mà anh tìm mãi.

- Em chờ anh lâu lắm rồi!

Thu quàng hai tay qua vai Chiêu riết chặt. Chiêu thấy dòng sông Lân như từ ngàn xưa cuộn cuộn chảy trong cơ thể mình. Anh đắm mình bơi ngụp trong dòng sông ấy với những khát khao gặm róc. Dòng sông đã đưa anh về tận cùng đam mê của trần ai cực lạc. Những câu thơ của Thu, những tiếng chuông chùa biến thành những cánh hoa bảy sắc cầu vồng và hương thơm ngào ngạt nâng Chiêu lên vầng mây trắng có tiếng sáo diều thênh thang. Thu cũng như dòng sông không chảy ôm vào lòng sâu thẳm ngàn năm nổi sầu, bỗng được khơi dòng ào ạt như chưa bao giờ được chảy, cuộn dâng và hoan ca...

Chiêu thấy mình cùng Thu nắm tay nhau bồng bềnh trên những đám mây ngũ sắc, phía dưới là những làng mạc, những cánh đồng xanh miên viễn, rồi tiếp tục lướt qua những dòng sông, đồi núi san sát như bát úp. Hai người đáp xuống rừng cọ bạt ngàn bên sông Lô. Trong tiềm thức Chiêu thấy vùng trung du này thân quen quá.

- Chàng đã từng ở đây còn gì!

- Ừ quen lắm!

- Rừng cọ Phụng Lâu đó!

Nghe đến tên Phụng Lâu, Chiêu giật mình rúng động, anh cứ lăm bắm:

- Quen lắm, quen lắm!

- Chàng còn nhớ Thục Nương không?

- Nghe tên quen lắm mà ta chưa nhớ ra.

TRUYỆN NGẮN

Thu khe khẽ cất tiếng hát:

*Trăng lên từ sông Lô
Cong lười liềm đáy nước
Trăng ơi trăng có biết
Ánh vàng trôi đi đâu.
Người đứng chờ Phượng Lâu
Đã ngàn năm bóng cọ.
Biết bao giờ tương ngộ
Mảnh trăng tròn sông Lô...*

Tiếng hát lúc dịu êm vỗ về như dòng sông Lô êm đềm xuôi chảy, khi rì rào như gió đùa trên tán cọ, lúc vút cao như tiếng sơn ca hót trong chiều, khi man mác buồn như ánh trăng trào vỡ. Tiếng hát mê hoặc dịu Chiêu đi về một miền xa lắc.

Ngày đó, có người con gái đã ngồi tựa lưng vào gốc cọ này hát chính bài mà Thu đang hát. Cô gái đó tên Thục Nương, nhà nàng trên đồi Phượng Lâu rợp bóng cọ xòe. Năm mười sáu tuổi nàng đẹp như đoá ngọc lan chớm nụ, văn hay, võ giỏi. Lúc bấy giờ nhiều chàng trai con nhà danh gia, vọng tộc tìm đến, nhưng nàng từ chối. Vì nàng đã phải lòng Phạm Hương, chàng học trò bên kia sông Bạch Hạc. Hương không giàu có nhưng cầm kì thi họa món gì cũng hơn người. Chỉ gặp nhau một lần đối đáp dưới tán cọ bên gò Phượng Lâu mà Thục Nương và Hương ngỡ như đã gặp nhau từ bao kiếp!

Mùa Thu năm ấy gia đình Hương đã đặt lễ chạm ngõ và dự định Xuân đến thì làm lễ thân nghinh. Năm ấy, Thục Nương vừa mười tuổi.

Không may, liền bên châu Bạch Hạc có gã hào mục tên Trần đã nhiều lần mang lễ vật lớn xin cưới nhưng đều bị từ chối, khi biết tin gia đình Thục Nương đã nhận lễ với Hương, Trần vô cùng tức giận. Gã bảo:

“Mẹ kiếp! Không ăn được thì ông đổ cho chó ăn”. Gã nói vậy rồi đến phủ Thái thú Tô Định đốt lột vàng bạc, xun xoe.

- Ty chúc, biết ngài rất thích mỹ nhân nên đã tìm được một trang tuyệt sắc ở Phượng Lâu! Ý ngài như thế nào ạ?

Bấy giờ, Định mới được vua Đông Hán Quang Vũ Đế sai sang làm Thái thú quận Giao Chỉ. Định bản tính tham lam, bạo ngược và háo sắc nên nghe nói đến gái đẹp thì đòi Trần đưa đến bằng được.

Trần bảo:

- Hồng đẹp thì có gai, khó lắm, phải như này, như này...

Định cười tít mắt:

- Khá lắm, khá lắm!

Chiều đó, Định trát xuống đòi Phạm Hương và cha nàng là ông Vũ Công Chắt vào phủ rồi trói lại và vu cho tội làm phản.

Định cười khà ồ:

- Muốn sống thì làm nhạc phụ của ta, còn không thì làm ma không đầu!

Định hết dụ dỗ đe dọa rồi dùng nhục hình tra tấn để ép buộc ông Chắt và Hương gả Thục Nương cho hắn nhưng không được. Biết đây là những nhơ sĩ khảng khái không gì khuất phục nên Định bảo Trần chặt đầu hai người vứt xuống sông rồi xua lính đi lùng bắt Thục Nương...

Chiêu hai tay ôm lấy đầu, mắt trợn ngược đưa tay sờ lên cổ mình, trong đầu anh quay cuồng với bao điều hư thực.

Thu đến bên nhẹ nhàng vỗ về:

- Không sao chàng ơi, đó là kiếp trước của chúng mình.

Nàng đã ngộ được sự luân hồi của tam giới, còn Chiêu, chỉ là người trần mắt thịt nên nàng giải thích hồi lâu mới khiến anh định thần trở lại. Chiêu đã nhận ra mình chính là Phạm Hương và trước mặt là Thục Nương - nàng vẫn thế, vẫn vóc dáng và khuôn mặt của một thời xuân sắc mấy trăm năm về trước.

Họ ôm nhau thật lâu trong chiều Thu cọ xèo xao xác.

- Bấy lâu em đã đi đâu?

- Em đi báo thù!

Thục Nương kể cho Hương nghe cái đêm đang đau đớn khi nghe tin cha và chồng bị giết thì cũng là lúc Tô Định cho quân lính ập đến nhà bắt nàng. Thục Nương cầm song kiếm tả xung hữu đột phá vòng vây thoát ra ngoài rồi nhảy xuống thuyền xuôi dòng Nhị Hà đi miết và lạc vào một vùng rừng ven biển. Đang loay hoay chưa biết thế nào thì thấy ngôi chùa nhỏ ẩn dưới tán cây rừng xum xuê. Lên bờ, Thục vào chùa xin được tá túc. Trụ trì là vị sư cô có khuôn mặt rất khó đoán tuổi, nhưng mái tóc trắng phau. Sư cô bảo tiểu đồng pha trà mời khách rồi nói:

- Ta biết hôm nay có khách đặc biệt viếng thăm nên đã sắp xếp cho thí chủ rồi. Xin chớ đau buồn và nộ khí, hãy theo tiểu đồng đi nghỉ đi, chắc thí chủ mệt lắm rồi!

Nói xong, sư cô phẩy tay áo đứng dậy, vừa đi ra gốc bồ đề vừa ngâm rằng:

*Sinh ra đã phận má hồng
Cõi người là cõi sắc không sá gì.
Người ơi hãy chớ sầu bi.
Câu kinh, lời kệ là khi ta về...*

Thục Nương rúng động và im lặng theo chú tiểu về phòng đi nghỉ. Đêm đó nàng không ngủ được, mắt cứ trừng mở nhìn về phương Bắc nuôi chí báo thù.

Gần sáng, tiếng chuông chùa điểm nhịp. Mỗi tiếng chuông ngân như an ủi vỗ về giúp nàng tạm quên đi đau thương và thù hận để chớp mắt một chút dưới ánh hào quang của Phật pháp nhiệm mầu.

Khi Thục Nương tỉnh dậy, mặt trời đã lên nửa con sào. Sư cô đã đợi sẵn trước thượng điện.

- Ta đã biết chuyện của con. Con cứ ở lại đây, cần gì cứ nói, ta sẽ giúp.
- Dạ! Thưa sư cô, cha và chồng của con đã bị chúng giết! Con muốn được ở đây lánh nạn và tìm cách báo thù!
- Nơi của Phật không có chuyện báo thù, oan oan tương báo biết bao giờ cho xong.
- Nợ nước, thù nhà con phải trả, thưa ni cô!

Tay lần tràng hạt, sư cô nói:

- Âu cũng là duyên khởi. Nhưng, trước khi làm việc lớn, con hãy nên quét chùa một thời gian.

Với pháp danh Đàm Thục, ngày ngày nàng chăm chỉ quét sân chùa. Trong tiếng chổi đưa nàng cũng ngộ được: “Cần tảo già lam địa/ Thời thời phước huệ sanh”.

Thục hiểu ẩn ý của ni sư và thầm cảm ơn công việc này đã giúp tâm nàng lắng lại và thêm phần tuệ giác. Vốn con nhà thuốc gia truyền, Thục bốc thuốc nam chữa bệnh cứu dân. Tiếng lành đồn xa, chỉ ít tháng sau, dân khắp vùng đều gọi nàng là Bồ Tát tái thế. Không chỉ bốc thuốc, Thục còn dạy dân học chữ, học võ nghệ, học trồng trọt và chăn nuôi. Thế đấy, khi ngộ sự thì những hiểu biết, tài năng và khả năng tiềm ẩn của con người sẽ được dịp phát huy.

Sau mấy năm, Tiên La trở thành vùng đất trù phú, dân chúng khắp nơi về cư ngụ, khai khẩn đất hoang dẫn nước ngọt về trồng lúa. Nàng được dân chúng tôn làm thủ lĩnh núi Tiên. Núi Tiên không những quy tụ nữ binh tinh nhuệ mà nam giới cũng gia nhập cả ngàn người. Khi thấy lòng dân đã thuận, nàng dựng cờ khởi nghĩa và nhiều lần kéo quân đột kích quan Đông Hán làm cho Tô Định ăn không ngon, ngủ không yên. Nhiều lần y kéo quân sang đánh đều bị đội quân tinh nhuệ do nàng thống lĩnh đánh cho tan tác.

Gió càng lúc càng thổi mạnh, nước sông Lô duyênh lên từng đợt sóng ngầm ngầu đục. Hương thần thờ như thực như mơ, cứ nhìn dòng nước mà chẳng biết nói gì. Thục Nương vỗ vai chàng:

- Thiếp đã mấy lần mai phục giết gã Trần và Tô Định để trả thù cho cha và chàng nhưng đều để nó chạy thoát.

Hương nắm lấy tay nàng:

- Vất vả cho nàng quá! Ta thật bất tài vô dụng.
- Không sao đâu chàng. Âu đó cũng là kiếp số.

Thục Nương đứng dậy mắt dõi xa xăm:

- Quyết chí báo thù, thiếp đã hợp quân với hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị, con của lạc tướng Mê Linh để thực hiện. Đội binh của thiếp cùng đại binh của Nữ tướng Hai Bà Trưng đã đánh bại quan quân Đông Hán, làm cho chúng phải bỏ chạy về phương Bắc.

Lời kể của Thục Nương đã đưa Hương qua những trận chiến oai hùng của các nữ tướng nghe như còn tiếng vó ngựa, gươm khua và khói lửa quanh đây. Hương như thấy được ngày đất nước ca khúc khải hoàn, Hai Bà Trưng lên ngôi, xưng là Trưng Nữ Vương lấy quốc hiệu là Đại Việt. Người thiếp của chàng thì oai phong lẫm liệt được ba quân tung hô dậy đất.

Lúc bấy giờ, Trưng Nữ Vương đã phong Thục Nương làm Uy Viễn Đông Nhung Đại Tướng quân - xếp hạng công đầu nhưng nàng đã xin trả lại quan ấn. *Thái bình rồi không vương bận/ Cởi chiến bào nâng lại mặc áo thường dân.*

Thục cùng với đội nữ binh trở về Tiên La, làm ruộng và chăn nuôi, tiếp tục bốc thuốc Nam chữa bệnh cứu dân, sống cuộc sống yên bình. Nhưng “cây muốn lặng mà gió chẳng dừng”. Quân Đông Hán bị các nữ tướng đánh cho không còn mảnh giáp phải rút về nước đã ôm hận. Vua Quang Vũ lại sai Mã Viện là danh tướng lúc bấy giờ làm Phục Ba Tướng quân, kéo tám mươi vạn binh mã sang đánh phục thù.

Thế nước lâm nguy, Thục lại điều binh cùng Nữ Vương kháng địch. Hơn ba tháng giao tranh, các cánh quân của Nữ Vương lần lượt tan vỡ. Giặc đuổi riết, Trưng Trắc, Trưng Nhị chạy về đến Sơn Tây thì thế bức quá, nên đã gieo mình xuống sông tự vẫn.

Trên cả đất Giao Chỉ, còn lại vùng duyên hải là quân Đông Hán chưa chiếm, Mã Viện cho đại quân Đông Hán tất cả kéo đến vây kín mấy vòng cả trên bộ lẫn dưới sông biển. Sau 39 ngày bị vây hãm, quân của Thục hết lương, tướng sỹ cầm binh khí ngần đánh giáp công quyết tử không còn một người nào. Quân Đông Hán cũng bị chết rất nhiều. Chiều đó, Thục một mình, một ngựa cầm kiếm tả xung, hữu đột phá được vòng vây, giặc đuổi theo không kịp. Khi nàng chạy về đến gò Kim Quy, người và ngựa đều kiệt sức. Minh đầy thương tích nặng, nàng xuống ngựa rồi tự vẫn không để giặc bắt...

Thục đưa Hương đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, chàng không ngờ nàng lại là một nữ tướng dũng mãnh và tài ba vậy. Hương chỉ là chàng thư sinh chỉ biết đến sách vở, nên chàng áy náy vì đã không giúp cho nàng được gì. Anh cũng không nhớ là bao nhiêu kiếp mình là ai. Thục hiểu ý bèn bảo:

- Chàng không phải áy náy gì cả! Không phải ai cũng biết được! Người có căn duyên mới biết con đường luân hồi của mình.

- Tại sao ta và nàng lại gặp nhau tại đây?

- Duyên kiếp luân hồi chàng ạ. Thiếp quay trở lại để trả nợ ân tình cho chàng và báo thù.

- Báo thù?

- Vâng, gã Trần và Tô Định giết cha và chàng, nên thiếp đã nhiều kiếp đầu thai để tiếp cận Tô Định cùng gã Trần để tìm cách báo thù. Mười tám năm trước, thiếp lại đầu thai trở lại Phượng Lâu và đã đính ước với gã Trần, nay gã cũng là một chàng trai ở Phú Thọ.

- Ta thật không hiểu? Còn ta thì sao? Tại sao nàng lại làm thế?

- Chuyện dài lắm chàng ơi, mấy trăm năm thiếp cứ luẩn quẩn trong thù hận. Nhưng hận thù đã làm con người thiếp tràn ngập khổ đau, dẫn dắt thiếp ngày càng xa rời cuộc sống an lạc. Mãi đến bây giờ, thiếp mới ngộ ra: Lịch sử cũng có từng giai đoạn; Nhân vô thập toàn; Oan tương báo biết bao giờ cho xong! Hãy tha thứ cho họ cũng là giải thoát cho chính mình...

Nàng nắm chặt tay Hương thì thầm:

- Chàng thấy không, Phượng Lâu vẫn còn bóng cọ xòe, hoa vẫn nở bên sông, dòng xưa đã chảy vào quá khứ, nhưng con nước vẫn ngàn năm thao thiết chảy về biển. Cảm ơn chàng, đời thiếp được gặp và yêu chàng, nay may mắn được gặp lại, đó là phước huệ trời, Phật ban cho, nhưng giờ thiếp phải đi thôi. Chàng ở lại bảo trọng nhé!

Trong lòng Hương có biết bao điều để nói, nhưng ngoảnh lại bỗng không còn thấy Thục Nương đâu nữa. Hương hoảng hốt: Nàng ơi, nàng đi đâu rồi...??? Hương vùng dậy ngó quanh và chạy khắp nơi gọi tên Thục Nương. Nhưng chỉ thấy tiếng mình vọng lại trong buổi chiều Phượng Lâu rợp bóng cọ xòe.

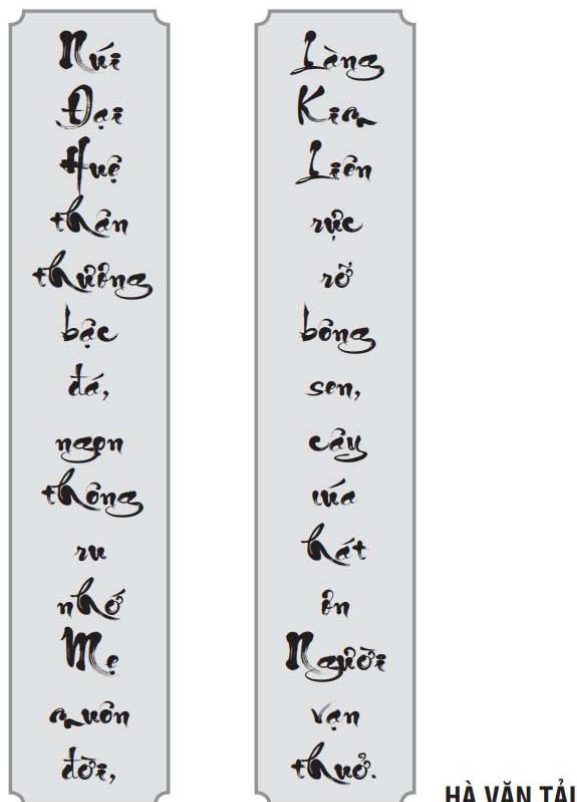
- Chiêu ơi! Dậy đi thôi! Nhanh lên!

Tiếng anh bạn người Thái Bình đang đập cửa ầm ầm làm Chiêu giật mình tỉnh giấc. Dụi mắt mấy lần anh mới định thần lại. Ánh mặt trời hình rỏ quạt đã vọt qua cửa sổ xiên chói cả mắt. Thì ra đó là một giấc mơ! Chiêu vùng dậy chạy qua phòng 207, nhưng căn phòng im ỉm khóa. Chiêu hỏi anh bạn: Em Thu ở phòng này không biết đi đâu? Anh bạn cho biết: Thu đã xin phép trưởng trại cho đi về quê trong đêm vì nhà có việc!

Về phòng lấy ba lô, Chiêu chạy ra đường lớn bắt chiếc xe ca xuôi về Phú Thọ. Xuống xe ngay bến Giác, bờ nam sông Lô, Chiêu sức nhớ không biết nhà Thu ở đâu. Chỉ nghe nàng từng nói. Nhà em gần đồi Phượng Lâu, có bến Giác rợp bóng cọ xòe, phía bên kia sông có cây đào cụ ngàn năm tuổi. Trong lòng anh xoắn xang, nhìn con đò đang rẽ sóng gọi: Đò ơi. Đò... ơi!

Cô gái đang hái dâu bãi bồi bên sông bật cười: “Anh này lạ! Giờ có ai chở đò nữa đâu! Có chiếc cầu bắc qua đó kìa.”

Chiêu cảm ơn rồi men theo nương dâu rợp bóng cọ xòe lên chiếc cầu mới làm, người xe qua lại nườm nượp. Đi được mấy nhịp, Chiêu thấy đoàn rước dâu đi qua. Hình như Thu đang trong bộ váy cưới ngồi xe hoa mui trần. Chiêu chạy theo gọi “Thu ơi...!”, nhưng chiếc xe lướt qua rồi mất hút.



Không nhanh như vậy chứ? Sao em không chờ ta chứ? Muôn vàn câu hỏi nhảy múa, quay cuồng trong đầu Chiêu. Anh vẫn hy vọng đó không phải là Thu. Chiêu tiếp tục đi bộ qua cầu rồi vào quán nước bên đường.

- Bà ơi, cho con hỏi, đám cưới vừa đi qua có phải cô dâu là Thu không bà?

Bà chủ quán tóc bạc như mây, có khuôn mặt phúc hậu rót cho Chiêu cốc chè vối, cười: Ngày này có cả chục đám cưới đi qua, bà có biết của ai đâu.

- Bà có biết cô gái tên Thu nhà ở bến Giác không bà?

- Thu nhiều lắm, làng tôi có cả chục cô, cháu hỏi Thu nào?

- Dạ Thu khoảng mười tám tuổi, cao tầm này, tóc dài, cô ấy hay làm thơ đó bà.

- Chịu chú nà. Thu trẻ như vậy, làng bà không có. Chú thử sang làng bên hỏi xem!

Chiêu khoác ba lô thất thểu bước đi trong tiếng lá cọ xào xạc. Trong đầu Chiêu cứ vang lên tiếng Thu: "Nhà em gần đồi Phụng Lâu, có bến Giác rợp bóng cọ xòe, phía bên kia sông có cây đào cụ ngàn năm tuổi." Chiêu dừng chân trước cây đào cụ lúc nào không hay, cây đào đầy vảy, mốc thối, rễ bò tứ tán. Ngược nhìn lên, Chiêu thấy những cành đào đã đơm nụ hàm tiếu như môi Thu cười trong chùa Tiên hôm nào!

Gầm sàn mùa Xuân

PHAN ĐỨC LỘC

Inh trở về ngôi bản nằm lọt thỏm giữa thung lũng hình cánh vông. Mùa Xuân, rặng đào bên suối thả xuống dòng nước trong veo những đợt cánh hoa huyền hoặc như tấm khăn piêu được thêu dệt cầu kỳ. Ba năm, đã xa quá những mùa ngô, mùa sắn, xa rào dã quỳ đượm rực hoa vàng, xa gốc gạo già bạc sờn như đang mang nặng nỗi lòng phiền muộn. Mẹ ra đón Ính ở con dốc lởm chởm sỏi đá, lộp cộp tiếng vó ngựa của những người ở các bản xa nô nức đi chợ Tết. Lưng mẹ cong như lưng dốc...

- Về đi, con!

Giọng mẹ buồn và lao xao như cơn gió Bắc xạc xào trên mái tranh những mùa Đông xưa cũ. Và đôi mắt kèm nhèm nước của mẹ lặng lẽ nhìn Ính, không nói thêm gì, chất chứa ưu tư. Mẹ cầm lấy tay Ính, dắt cô về nhà, ngôi nhà sàn oằn oại xiêu vẹo, ngớ chỉ gặp một trận đông lốc là có thể đổ ập xuống bất cứ lúc nào. Bố lần theo những bậc cầu thang ọp ẹp chạy xuống, mặt lạnh đăm đăm:

- Về đây làm gì nữa? Mày ra suối lấy bùn mà bôi lên mặt tao đây này!

Ính cúi gầm, nhìn xuống cái bụng mình đã đầy lên chềnh ềnh. Những giọt nước mắt rơi không cách nào ngăn lại được. Mẹ quỳ thụp dưới đôi bàn chân nứt nẻ, choãi ra toai toái của bố, nước nớc:

- Xin ông đừng đuổi nó. Tôi xin ông.

Theo lệ vùng này, phụ nữ chưa hoang phải ở gầm sàn đủ một năm hai tháng ba tuần, không được đặt chân lên gian nhà chính. Chiều Hai mươi chín Tết, mẹ lót cho Ính một ổ rơm chỗ chuồng hươu bỏ không, cạnh chuồng con ngựa bạc già nua và con non mới sinh của nó. Nhà nhỏ nên gầm sàn cũng chật theo. Mẹ vừa dọn dẹp, vừa lẩm nhẩm: *"Quét sạch rác rưởi/ Quét sạch bụi mù/ Quét sạch con ma/ Cho nhà thông thoáng/ Giữ lại hạt vía/ Giữ lại tiếng cười/ Cuộc sống sáng tươi/ Như cây, như cỏ"*.



Minh họa: MINH CHÂU

Tối đến, Ính nằm trên cái ổ rơm thơm mùi nếp mới, lắng nghe những âm thanh của Tết từ gian nhà chính vọng xuống, trong sự hồi hã vẫn có chút gì trầm lắng. Tiếng rửa bát đĩa, xoong nồi loảng xoảng. Tiếng củi khô lách tách nổ giòn. Tiếng đảo chảo hạt dẻ rang ròn rảng. Tiếng vo gạo ràn rạt, đều đều. Và rồi những mùi hương lan ra khắp không gian, theo các kẽ hở sàn nhà phả xuống ổ rơm của Ính, thơm phưng phức. Ính nhớ quá những ngày thơ ấu. Đêm Hai mươi chín Tết, cả gia đình lại khắp khơi chuẩn bị lá dong, lá chuối, gạo nếp, đỗ, lạc làm đủ thứ bánh ngon chuẩn bị ngày mai cúng giao thừa. Ba chị em gái nhà Ính, ai cũng tháo vát, khéo tay. Nhưng rồi lớn lên, mỗi đứa một nẻo như những con chim ra ràng quên tổ, quên luôn cành cây chúng đặt chân lấy đà cho sải cánh đầu tiên. Tất niên hằng năm, mẹ vẫn giữ thói quen ra đứng ở gốc gạo đầu bản, đầu đầu ngoái về những chân trời xa...

Trong bóng tối sam sam lác đác vài hạt ánh sáng liu riu rỏ xuống từ trên sàn nhà, chỉ mình Ính và con ngựa già lớn bằng tuổi Ính, làm bạn. Nó đang rặn thở phì phò, nặng nhọc, bốn chân duỗi ra che chắn, bao bọc lấy con ngựa non đang nằm kế bên. Ính ngồi tựa cột, rủ rỉ tâm sự với nó. Từ ngày hai chị gái đi lấy chồng, có những chuyện Ính chẳng dám kể với mẹ, càng không dám hé nửa lời với bố. Cuộc đời mẹ khổ quá rồi, Ính chẳng muốn cái lưng còng rạp của mẹ gánh thêm sự lo âu nào nữa...

- Là tại tao hám tiền, ngựa ơi...

Những hứa hẹn ngọt ngào của người đàn ông mạn xuôi đã dẫn dụ Ính, như miếng mồi ngon câu nhử con cá nằm dưới suối sâu. Sống lâu trong cái nghèo, Ính vẫn luôn mơ về một thế giới huyền ảo bên ngoài cái thung lũng hình cánh võng tẻ nhạt này.

Và thế, vào một chiều cuối năm, khi hoa đào mới e ấp nở trong giá rét, Ính hớn hờ trèo lên chiếc xe máy mới tinh của hắn, mặc hắn đeo qua những con dốc, qua những cung đèo, qua những cây cầu và bị đẩy vào một cái thùng xe tải sặc mùi đực rựa...

Vùi mình vào chốn làng chơi, Ính cứ nghĩ cuộc đời chẳng còn gì để mất. Những người đàn ông vội vàng bước qua đời Ính như những chiếc mặt nạ đồng dạng khiến Ính luẩn quẩn trong nhớ nhớ, quên quên. Duy chỉ có một người đàn ông tên Quân luôn ở lại sau những cuộc ái ân, chìa bờ vai cho cô tựa vào và luồn những ngón tay mảnh gầy vuốt ve mái tóc mềm mượt của Ính như đang nâng niu một thứ báu vật. Bên Quân, Ính nghe rõ được từng nhịp tim rất đổi chân thành. Dù Ính chẳng hỏi, anh vẫn mở lòng thổ lộ bao nhiêu câu chuyện. Anh đã trải qua hai cuộc hôn nhân. Kết quả nhận về vẫn là đổ vỡ. Quân bảo, anh yêu Ính, nhưng tại sao yêu, yêu như thế nào thì anh không diễn tả được. Chỉ biết, anh đã tìm mọi cách kéo Ính ra khỏi vùng bùn. Nhưng khi Ính mang thai giọt máu của Quân, anh đã không thể bảo vệ cô trước người mẹ quyền quý...

Ngay từ khi đặt chân vào căn biệt thự màu trắng đó, Ính đã thầm nghĩ sẽ chẳng bao giờ mình được thuộc về một nơi cao sang như vậy. Bỏ lại một giấc mơ lãng mạn dờ dang, Ính trở về với núi. Đời mình chẳng khác gì đời con ngựa già, lắm lũi, hoang mang, cô độc. Những con ngựa đực đến phối giống rồi cũng ngoắt đuôi bỏ đi biệt, để lại mình nó trợ trợ dưới gầm sàn. Con ngựa già chữa nhiều đến mức xương sống oằn xuống như một chiếc đòn gánh đỡ lấy bọc thai. Nó chẳng bao giờ biết cảm giác gõ móng cồm cộp trên những cung đường náo nức mùa xuân, chẳng bao giờ biết được những triền đồi mơn mơn cỏ non và những dòng suối trong veo, mát lịm. Đời nó bị giam cầm trong chiếc chuồng vuông vức, ăn cỏ khô và đẻ. Con ngựa non nào vừa đứng vững là bố Ính lại mang bán dưới chợ phiên. Ính biết con ngựa già buồn nhưng cũng chẳng làm gì giúp nó được.

Bố từng bảo, nếu để ngựa con quẩn chân, ngựa mẹ sẽ không chịu mang thai lứa khác. Như một cách bù đắp cho ngựa mẹ, mỗi dịp Tết đến, bố lại sai chị em Ính, đứa dọn sạch chuồng, đứa đi cắt cỏ mận về tấp đầy máng gỗ. Ngựa mẹ vẫn không đoái hoài. Nó cứ ngẩn ngẩn, ngơ ngơ, luẩn quẩn, loanh quanh hít hà khắp chuồng như đang tìm kiếm mùi hương đặc trưng còn sót lại của những con non. Như lúc này đây, nó đang tranh thủ ôm lấy chú ngựa con nằm cạnh. Mùi hương trầm ngòn ngọt quen thuộc chắc đang nhắc ngựa mẹ rằng chú ngựa con này rồi cũng rời đi vào buổi chợ phiên sắp tới mà thôi. Và cái đòn gánh xương sườn gầy guộc sắp gãy kia có lẽ chẳng đỡ thêm được cái thai nào nữa...

- Sao đời mày khổ quá, ngựa ời...

Nửa đêm về sáng, Ính đau bụng quằn quại. Mẹ bắc lên bếp một nồi nước lá thuốc rồi chạy xuống bên Ính, thấp ngọn đèn dầu. Bố đứng bên cầu thang tự bao giờ, lẳng lặng nhìn xuống. Những ngày cuối năm, trời rét sặc như sợi cật nửa cửa trên da thịt mà mồ hôi Ính túa ra ướt sũng. Ính cắn rơm, cắn cỏ trong cơn đau thiên chức làm mẹ. Khi ngọn đèn dầu cháy mòn lòng bác và mặt trời phía đông ló rạng

những tia nắng mong manh, một bé gái cất tiếng khóc chào đời. Ba mẹ con bà cháu ôm nhau cùng khóc.

Sáng Ba mươi Tết, trên sàn nhà lục đục tiếng chẻ tre. Ính nằm ngấm con ngủ mà lòng bình yên như cánh hoa đào rơi nghiêng trong gió, tưởng như chưa từng trải qua những tháng ngày tủi nhục, nhót nháp, đắng cay nơi xứ lạ tối tăm, bạc bẽo. Ở chuồng bên cạnh, hai mẹ con ngựa cũng thò đầu qua song chắn, hóng nhìn mẹ con Ính. Dưới gầm sàn này có hai bà mẹ, mỗi bà mẹ có một đứa con. Nghĩ vậy, Ính cười trong nước mắt. Bây giờ, khi làm mẹ rồi, Ính mới càng thấu hiểu nỗi đau buồn của ngựa mẹ mỗi lần đứng trong chuồng bắt lực nhìn lần lượt những con ngựa non theo chân bố Ính xuống chợ phiên. Nỗi buồn ứ đọng khiến nó rừ rừ, còm côi. Chỉ những con ngựa con là hồn nhiên đâu biết rằng có thể ngày mai chúng đã trở thành món thắng cổ bốc hơi nghi ngút trong chiếc chảo to dùng, nóng rẫy...

- Phải bán con ngựa con đi thôi, bà nhi? Hôm nay nữa là hết chợ Tết rồi.

Bố hỏi mẹ nhưng ý bố đã quyết. Bố mở chuồng, xoa đầu con ngựa non rồi lừa nó ra ngoài. Tưởng được chủ nhân âu yếm, ngựa con tỏ ra thích chí. Ngựa mẹ nhìn theo, mắt long lanh nước. Bố vừa dắt ngựa con ra đến sân thì hai chân trước của ngựa mẹ khuyu xuống như đang quỳ. Bố ngoái đầu lại nhìn ngựa mẹ, thoáng chút rung mình. Mẹ hốt hải:

- Ông ơi, có cách nào khác không?

Những nếp nhăn trên khóe mắt bố ép lại thành những giọt nước chất chứa:

- Không bán nó đi thì bới đâu ra tiền mua chăn mới, đệm mới đón mẹ con con Ính lên nhà trên? Chẳng nhẽ cứ bắt mẹ con chúng nó ở dưới gầm sàn đủ một năm hai tháng ba tuần à?

Nghe bố nói vậy, mẹ ngồi thụp xuống sân, ôm ghì lấy ống chân bố, khóc rưng rức:

- Hai hôm nay, tôi trách nhầm ông rồi, chồng ơi...

Trong ổ rơm, những giọt nước mắt ấm áp của Ính rơi trên má đứa con làm nó giật mình tỉnh giấc. Đúng lúc ấy, một chiếc xe ô tô đỏ đậu bên mé cổng nhà Ính. Một người đàn ông mặc vest đen nhún nhui bước ra, mở cốp xe lấy ra một túi quà lớn. Ính như không còn tin vào mắt mình...

- Cháu chào hai bác. Cháu là Quân...

Ính ôm chặt con, quay mặt đi chỗ khác.

- Ính, anh xin lỗi em. Anh đến với mẹ con em đây.

- "Anh về đi", Ính dần dỗi, "Mẹ con tôi không xứng với anh".

- Anh hứa từ nay sẽ không để mẹ con em phải chịu thêm bất cứ thiệt thòi nào nữa. Mẹ đã đồng ý cho chúng ta cưới nhau rồi, em ạ.

Câu nói của Quân như thấp nắng Xuân trong lòng Ính. Bố mẹ Ính nhìn vị khách lạ ăn mặc sang trọng, lúng túng chẳng biết nói gì. Khi mọi người không để ý, ngựa con chạy về bên mẹ nó, phe phẩy cái đuôi bóng mượt. Ngựa mẹ âu yếm liếm lên mặt ngựa con rồi hí một tiếng vang rền...



Minh họa: TẠ TÂM

Nấm kèn đen

NGUYỄN VŨ

Đôi diện với luồng Huê là cổ La và trợ lý, và cây đại sum suê bóng râm. Tất cả cùng trụ trên một mom đất vênh váo được bồi gột đẩy dít cổ La cao hơn tám chấn, mặt tấp vào luồng Huê. Cổ La cho khách lẫn vân tay trên gân lá đại rồi nói khơi khơi mong mù lạt vạt lấy tiền. Cổ La, trợ lý biết nói đúng một phần thì sai ba phần nhưng đành đồng lõa biết ngầm với nhau. Cổ tuy ọp ẹp, lông mi giống mái rạ mốc mùn mục trước hiên nhà thời chị Dậu, nhưng vẫn ngồi không đổi hướng bất kể trời sáng hay sập tối. Cổ nói, cổ ngồi theo hướng phong thủy. Cụ thể là hoành thủy. Luồng Huê rộng dài to tợn, chảy đăm ngược ôm gọn cái thị trấn nhỏ bé mà phồn vinh, đô hội. Rất vượng khí. Cổ La ngồi đón hương trời quanh năm. Như hương chớp thơm sáng đổ lửa xuống dòng luồng chảy ngập ngừng, có lúc lại chạy tha thiết hối hả như muốn kịp nhanh đến một bến đỗ. Và hương nắng giòn gầy, hương hanh heo lạnh lẽo trở chứng lúc giao mùa. Tôi đến đòi lại tiền bói sai mà cổ phán đã lâu. Tiền lẫn vân tay trên gân lá, và tiền lẻ ém bùa ném. Số tiền tích tụ vục trong bùn đen ngẫu hắc cả nửa năm trời mà ra đấy. Vục trong chớp bể mưa nguồn mà ra đấy. Tôi quyết đòi lại số tiền này.

- Này cổ La, chắc cổ không tự tin vào điều cổ phả ra nơi mép dính bết bột nhỉ?

- Có chuyện gì sai quấy à?

- Vâng, rất sai quấy. Niềm vui lớn cổ nói sẽ đến chỉ là điều nhảm nhí. Li hôn lão chồng khờ khờ không xong, xổ số không đúng, và nguyện tậu được gã nhân tình ưng ý còn rất xa vời.

- Ba mươi chưa phải là Tết! Cổ La thùng thảng đáp và cúi xuống lặn vùn tay trên gân lá cho khách. Tết nhất gì nữa, giờ này đã là ngày chót chết của quý II rồi, đâu thấy gì đâu. Tôi đưa mắt nhìn xuống luồng Huê, thấy gió óng ả tổng ngồng giỡn đùa xôm xôm trên mặt nước, rượt đuổi chúng dựng lên thành trăm ngàn luồng nước cao vút. Có lúc gió thành kẻ nghiện hà phiện gầy rạc ngã nghiêng như nghiện ái tình đâm sầm vào thành luồng rồi bật ngửa bổ chừng, vỡ toang hoác từng mường. Mường gió ghép thành hoa là lúc gió tự tát vào gió. Lúc ấy cả mặt luồng thi nhau chạy thất lát, nước quét vón vén nhần nhúm từng mớ.

Chuyện li hôn ông chồng của tôi đến cửa tòa hai lần vẫn chưa xong. Lần hòa giải thứ nhất hàn gắn là một nữ thẩm phán. Bà thẩm phán đọc đơn do tôi viết và hỏi xoay "Tại sao lại không hòa hợp?". Thì là không hòa hợp thôi. Mâu thuẫn abc tất cả đều gom thành "không hòa hợp". Chồng tôi cãi lại, bảo tôi vu khống và nhất quyết không đồng tình li hôn.

- Chính điều đó đã làm tôi chán ngán. Anh có phải robot đâu. Đùm ngáy của anh thật tai hại quá mức.

- Thì ngoài cẳng đáng trang trại, bắt cua cáy vào mùa lúa trổ phần trên phơi, tôi chẳng làm điều gì sai.

- Vậy anh nghĩ, làm nhiều đến quên mình thì tôi hạnh phúc lắm sao?

- Hạnh phúc lắm sao à? Sao cô không thường xuyên nhìn đàn lợn lông móm múp để tìm kiếm một hạnh phúc đang hiện hữu? Chúng ta nên cùng nhìn vào một đường thẳng mà không có ngã rẽ.

Thẩm phán nghe chúng tôi cự cãi qua lại thì xoay người một vòng tròn trên ghế. Bộ com lê màu huyết dụ thật đúng ôm khít khuôn hình của bà, và những lẹp tóc ép thẳng óng mượt lúc lắc, làm nổi lên nét hồng hào trên mặt.

- Anh chị đẹp đôi thế này mà chia ly thật đáng tiếc - tiếng thẩm phán vang lên - nào, chúng ta cần bình tĩnh tháo gỡ mọi vấn đề. Hay ho gì mà phá vỡ quy ước bao năm xây đắp không rồi hơi phiền lòng. Lí do anh chị đưa ra chẳng thể là lí do. Nên nhớ vào năm 2065, một thiên thạch lớn sẽ đâm vào trái đất. Mọi thứ sẽ nổ tung. Vậy thì, nhìn cái vô nghĩa ấy mà ôm nhau hàng ngày cho chặt hơn. Tổ ấm là ngọn lửa hun đúc cục than hồng âm ỉ, và chúng ta thường xuyên thổi bùng nó lên.

Nhìn chồng tôi tóc búi xúi khét nắng, mặc áo lạnh dài thọng khen nữ thẩm phán nói hay hơn gười mà tôi muốn nguýt ngang.

- Vâng thưa bà, công việc của bà cần phải nói như vậy hàng ngày, nhưng xin bà đừng có vui khi thấy "bình mới rượu cũ nữa". Chắc hẳn bà muốn, thiên hạ nhìn

chúng tôi cười vì làm tưởng đang hạnh phúc lắm sao? Có thể ngày mai kia thôi, biết đâu, bà lại cùng chồng đưa nhau ra tòa xin li hôn.

- Chúng tôi yêu nhau, rất hợp nhau. Tình huống cô đưa ra là lạc lõng.
- Cảm ơn bà, nhưng tôi...
- Cô cần đề xuất gì?
- Trình lên chính quyền, xây một trung tâm hát nhạc rock trẻ ngay giữa thôn tôi.
- Để làm gì?
- Để ông chồng khù khờ của tôi không còn ngủ say như chết nữa.

Nữ thẩm phán khẽ mỉm cười. Một nụ cười đầy ranh mãnh.

Mấy chục ngày sau đó tôi lại nhận được giấy mời lên hòa giải lần hai. Lần hòa giải tiếp này chồng tôi mang theo một giỏ cua. Thấy anh không đem cua vào các nhà hàng như mọi bận thường làm, tôi nói, anh định hối lộ cho thẩm phán Hiền giỏ cua hay sao? Sao không hối lộ cho tôi có hơn không? Đúng là có đồng tiền cũng không biết đường đi nước bước. Chồng tôi khẽ khàng đặt giỏ cua nơi cạnh cửa, nói biểu bà thẩm phán ăn bát canh cua tập tàng vàng hươm cho mát. Bà thẩm phán nghe xong nói át như nạt nộ, cua tháng Sáu nặng chết cả cá cờ bắt chi cho cơ cực em ơi. Thương quá là thương anh nhà quê tóc tai bẩn loạn à. Bà thẩm phán nói bằng quơ đàn ông bị vợ bỏ sẽ như thế nào. Họ sẽ biết chinh đồn làm mới mình, sơ vin đóng thùng thâu ngày đêm không ngán. Thằng hoa sẽ tự dần xác đến thôi. Còn đàn bà mà đi bỏ chồng ấy à, khác gì khi khô đâu. Thiếu hụt này kia mà già căng già càng ra. Tôi hiểu ý đồ của thẩm phán.

Bà thẩm phán lại xoay người một vòng trên ghế, lần này vòng xoay tít mù cuộn sóng hơn. Bàn tay trắng nõn màu hồng phấn được bà đặt lên má dính đầy kem UB, một ngón tay vừa gõ xuống bàn bà vừa quay sang chồng tôi nói:

- Tôi, xin kể cho anh chồng nông dân thứ thiệt nghe câu chuyện này nhé. Chuyện ở bên trời Âu có một cặp chồng già kéo nhau ra tòa, cả anh lẫn ả đều tranh giành quyết liệt quyền nuôi con thuộc về mình, và tòa án ưu tiên cho bà vợ trình bày trước: *"Các ngài thấy đấy, cực chẳng đã tôi mới phải lột trần tấm lòng của người mẹ ra giãi bày nơi cần phải giấu kín kẻ này. Chuyện giăng co này thật xót xa nhưng chắc phải vậy thôi. Tôi, người mẹ luôn ôm trọn vào lòng chín chữ cù lao, cũng như luôn ôm ấp khóc thầm khi các con trái trời trở gió hay cả lúc các con tự bước chân vững chãi vào hành trang cuộc đời. Chúa ban cho người mẹ cơ man nào là mưa giông nắng hạn, nhưng người mẹ tất cả vì con cái, đã đan xoắn hai tay vào nhau, và tay nọ bá vai kia không rời. Sao trời có rưng cũng chẳng lấp được công lao ấy. Trong khi tôi đang đếm từng nốt sương đỏ au nóng rực như hàng ngàn mũi hàn tóa lửa thì chồng tôi, ông ấy mang cái tên mỹ miều An-nét đang tay trong tay, mắt trong mắt, thân trong thân đang cùng nhân tình đi dạo bên bờ sông Potomac. Vậy sao có thể, tòa giao con cho kẻ không có trách nhiệm ấy được. Chúng sẽ hoen nhiễm thứ đạo đức hạ lưu mà sống thờ ơ thôi"*.

Ban chủ tọa nghe xong thì gật gù tâm đắc, đầu nọ chụm vào đầu kia hội ý tương ứng, và kết luận cuối cùng là những đứa con thuộc về bà vợ. Nhưng ngài công tố viên đã hỏi ông chồng già một câu: Ông không tức tị lời biện hộ chứ, thưa ông? Nếu ông không có lý luận sắc bén đập lại lập luận của bà vợ thì phiên tòa xin kết thúc.

“Không được” - Ông chồng bỗng đứng bật dậy - Tôi xin có ý kiến này. Ngắn gọn thôi.

“Vâng xin mời ông”.

“Thưa quý tòa, nếu tôi bỏ 5 đô la vào cái máy tự động và cái máy ấy, bật ra một thỏi sô cô la, vậy xin hỏi quý tòa, thỏi sô cô la ấy thuộc về ai? Về tôi hay về cái máy?”

Một chút lúng túng trôi qua, cả bốn vị chủ tọa đều cười ngoác miệng. Ban tòa lại chụm đầu vào nhau gật gù như người mắc bệnh packinson, lại nói quyết định cuối cùng là, phần thắng thuộc về ông chồng.”

Nữ thẩm phán ngừng lời. Về đặc thắng như được dịp giãn nở phủ tràn khuôn mặt của bà và cả căn phòng được treo khá nhiều các bức tranh minh họa về hạnh phúc viên mãn. Thẩm phán Hiền hỏi chồng tôi, có cực kỳ thấy sáng khoái khi nghe câu chuyện bà vừa kể hay không. Có lặn vào óc điều quý giá cần lặn hay không! Chồng tôi dè dặt đáp rằng, anh cảm ơn bà thẩm về câu chuyện này nhưng anh chẳng thấy ăn nhập và ý nghĩa gì với cuộc li hôn của chúng tôi. Tôi cười thầm nghĩ, thật là ngốc nghếch. Tôi đang suy tính sẽ nhớ thêm mấy chi tiết về sau đó ra sao thì, bỗng thấy một con thuyền gỗ đang trôi trên luồng Huê, trên đó có một số người đứng ngồi lố nhố, đang tiến gần đến chỗ cây đại. Người chèo hứng chí chèo hai chân nom thật thư thái, mái chèo khuếch loăng lổp không khí trôi leo veo. Trong nhóm khách trên đò, tôi phát hiện một người không quen thân nhưng có biết, đó là Đoan. Anh Đoan người mạn dưới hay lên ăn phở ngan ở vùng tôi. Anh có dáng cao to của một người quý trọng, ngoài lớp râu mọc thẳng thớm chạy từ trên viền má chạy xuống thì anh còn sở hữu một bờ môi đầy ứ rất quyến rũ. Nghe đâu bà chủ quán trung tuổi vừa mới phải lòng anh chưa lâu. Đám người tìm đến gặp cổ La, nói xin được lặn vịn tay trên gân lá đại, và mong lần đi rừng này sẽ tìm được thứ nấm quý như mong đợi.

- Nấm Kèn Đen sao? Tôi buột miệng nói chớ vào.

- Ô, đúng quá, nấm Kèn Đen. Đoan đáp và nhìn tôi đầy ngạc nhiên. Anh cho biết loại nấm này, từng được tổng thống da màu nước Mỹ, chiêu đãi tiệc một vị chủ tịch châu Á. Khởi nói tác dụng, ăn một miếng điếng cả đời. Tôi thật mừng thầm trong bụng. Tôi ngỏ lời xin Đoan cho tôi đi cùng, và được anh đồng ý. Sau khi lặn vịn tay xem thêm mặt mũi, râu tóc, tiếng nói nghe có sỏi hay bịt rịt khó thoát hơi, rồi cổ La phán:

- Hướng Tây thẳng tiến. Gian truân nhưng tia hi vọng áp la cà luôn đeo bám. Sẽ gặp một con dốc, rất dốc.... Tôi quyết tâm đi cùng Đoan trong chuyến này với hi vọng, đang từ tiểu phú chuyển thành trọc phú. Đang từ thiếu tự tin ghê gớm, chuyển sang nói văng miệng như người dẫn chương trình “Lục lạc vàng”. Việc hòa giải nơi tòa án sẽ dừng lại ở đây. Mặc xác chồng tôi với chiêu bài thỏi sô cô la

do nữ thẩm phán Hiền mách nước. Mặc xác anh cứ việc vuốt keo tóc, sơ vin đóng thùng thân ngày đêm. Dù tôi có yếu thế trong nước cờ giành lại quyền nuôi con, nhưng tôi sẽ không đổi ý. Chủ chòm Đoan hẹn gặp tôi cùng xuất phát từ luồng Huê, có cây đại hướng hoành thủy, và có sấm thơm nồng âm đến giạt thột, có gió tự tát vào gió, và có hanh heo lạnh lẽo trở chứng lúc giao mùa.

Tôi được đoàn phân công gùi mì tôm. Đến ngôi làng thưa thớt ngói đen xin chúng tôi bắt đầu luồn rừng sâu. Nền rừng ẩm ướt, vừa va vào cây đậm lá thì sương giọt rơi rào rào. Va vào khoảng trống thì gặp sương mù dày đặc như khói đốt rơm chiều. Hắc cay toàn thân. Ngai ngái mốc. Khi đoàn đến ngọn đồi tiếp theo liền có ý kiến chia ra làm hai ngã cho dễ tìm. Anh Trần cùng hai người đàn bà đi về một hướng, Đoan và tôi đi về một hướng. Những lúc tôi giẫm phải nhiều cành cây gãy trượt thì Đoan, bước nào ra bước ấy, sải dài nhàn. Nện thực lún lá mục tả tơi. Tôi chợt phát hiện trong khe lá gần cây gỗ bột bột có một cây nấm to, ngắn người gọi Đoan đến xem, và đang định bẹo một miếng trên mặt nấm có hình mũ cối tàu Trung Quốc ăn thử thì Đoan vội ngăn tôi lại. Nấm cực độc đấy. Thật hú vía hú vái. Chắc thần chết chê tôi trẻ chưa qua già chưa tới, mà tha mạng chẳng. Vừa từ già lớp sương màu mây rạn vỡ quần chặt vào quần áo, tôi chợt nhận ra có mùi hương thơm đầu đó dịu dàng thoảng đến. Hoa dẻ, tôi kêu lên. Trên đầu tôi hoa dẻ mênh mông màu áo tu hành lũng lẳng thơm ngan ngát. Mùi thơm vân vi rất khó tả. Tôi chỉ muốn nuốt lấy nuốt để cho căng lồng ngực cho ngấm hết vào tim gan, khối óc mùi thơm vân vi ấy. Một mùi thơm nồng nã nữ hoàng. Đi trăm mét nữa lại hứng thêm một mùi thơm mới. Lần này, là loại hoa trắng bốc trắng bột. Trắng cong trắng cón, trắng đến nhẹ nhõm cả côi lòng. Đó là hoa giành giành. Tôi hái ngẫu hái nghiêng hương vị nhẹ nhàng và đắm đuối ấy cất ngay vào lần áo mỏng. Chúng tôi đang lom khom ngó vào mọi góc ngách thì đụng ngay một căn chòi nửa nhỏ đậu trên vạt đất trống. Đụng thêm một thân thể đứng trước chòi đang thụt thò từng khúc tay vùng tứ hướng. Một thiền sư. Đoan há hốc mồm nhìn, anh hỏi một tràng câu chấp vá nhưng không có câu trả lời. Cuối cùng thì ông thiền sư cũng ngời tay, và tôi quá đổi kinh ngạc khi nhận ra ông lúc ông quay lại.

- Thầy dạy em năm cuối cấp đấy, thầy nhớ chứ thầy?

- Ừ, nhưng thầy đã nghỉ hưu sớm rồi, giờ ẩn giạt như người hoang dã. Thiền sư hỏi chúng tôi đi đâu mà lạc đến vùng đồi bạc trắng hoa dành như bãi muối? Đoan cho biết chúng tôi đi tìm nấm kền đen. Thiền sư nghe xong thì lặng đi một lúc, nhưng cũng chỉ cho chúng tôi biết cần tìm tí mãi ngọn đồi xa kia. Trong khi Đoan rẽ đi tìm củi để nấu món mì tôm, thì thầy đã nói cho tôi biết một bí mật cần phải kiếm tìm. Một dấu cộng trên một thân cây cao lớn bất kì nào đó. Có thể ẩn bên gốc tấm bản đồ chỉ nơi giấu của cải. Tôi giật mình vui sướng bùng sức một lần nữa. Ước mơ trọc phú đang đến rất gần. Ngọn đồi thiền sư chỉ có dáng chòm hóm một thể ngồi. Càng đi càng luồn dưới lá cây ngoe ngoắt cứng đờ đập thẳng vào thái dương. Đoan và tôi hái được rất nhiều nấm lành, loại nấm to bằng miệng chén trà nhẹ tung bắn bật, cây lùn tịt mà Đoan nói là thơ ngây như mấy thằng tốt đen tốt đỏ. Tôi vừa tìm nấm vừa quan sát cây cao chẻ chìa có khắc dấu cộng. Thấy tôi trèo

lên mấy cây ngô nghiêng Đoan nói, đừng leo như đuôi ươi vậy. Nắm đâu có trên ấy mà tìm. Chúng tôi đang ở một phần năm quả đồi, và đã đi qua mấy con dốc cao vừa phải. Nhưng đến con dốc tiếp theo nhìn như rãnh rãnh cưa thì tôi không tài nào nhích chân lên được. Việc này Đoan tự giúp tôi bằng cách, một tay anh nắm chắc vào cành cây nhỏ, một tay Đoan chìa cho tôi nắm. Mấy ngón tay Đoan bấu vào bàn tay tôi. Chỉ cần tôi ngoắc chân vào rãnh dốc sâu như chiến hào để lấy đà đu lên là rất ổn, nhưng ngay thời khắc oái ăm ấy, tôi đã phát hiện ra một cây nắm to lạ kì cách chỗ Đoan đứng không xa. Cây nắm to bằng bát tô canh có màu xanh nhạt đứng trong một bụi nắm đang quay về hướng tôi. Nhìn kỹ, mặt nắm nổi đường vân chằng chéo như nét thêu thùa trên khăn.

- Nắm kèn đen. Anh Đoan, nắm kèn đen! Tôi bỗng hét lạc cả giọng. Chắc do sự hoảng hốt về ước muốn thành đại ca tiền như tôi mà Đoan đã giật mình, vô tình buông tay tôi trong lúc hỏi gấp gáp "Nắm kèn đen đâu?" Tôi đã rơi. Rơi ở tư thế thụt lùi. Nhưng cú rơi đã biến tay chân tôi thành một khối bê bết phang bát nháo vào đá học và cây chắn lối dốc. Thần kinh mách bảo tôi rằng tôi đang lăn tiếp lèo nhèo đến khi hực vào đá khối thì dừng. Tôi cố giơ tay lên nhưng bất thành. Tàng nằng lỏa lồ trong vạt vớ bung vào miệng tôi đang ô ra vì khô khốc. Đoan đang đứng rất gần với tôi. Hơi thở nóng mùi râu sừng sục đàn ông đang phả vào mặt tôi. Đoan gọi tôi rồi mù và gấp gáp. Dù xúc cảm tôi bởi đang lên men chua chất, tôi vẫn nhận ra môi anh đang đặt lên môi tôi. Chéo choe xiên lệch. Bờ môi đầy ứ đẹp sang đang thổi róng riết vào miệng tôi. Lớp râu cọ quây chườm chượp một cách nôn nao. Đoan đưa bàn tay ướp sương hoa để thơm nức nở hòng dò la vào vùng sâu xa vô tận mà Chúa đã tạo nặn ra. Ngực tôi chột rung lên bần bật, đau đốn co giật như có bão. Đoan bỗng hất thốc người tôi lên. Lất hất mấy bận khi tôi nhàu nhuôm nằm gọn trên cánh tay anh thì Đoan chạy. Vấp ngã, lại chạy, lại vấp ngã. Cứ thế, tôi băng qua một hoang mạc nhỏ trước bìa rừng khát cháy i ôi năm tháng, và khi chưa nhận hết gió lành chim bay bướm lượn thì mùi hoa thơm màu áo tu sĩ vấy dẫm hương vào mỗi bước chân chạy của Đoan. Cuối cùng Đoan cũng thả tôi rơi cái bộp và anh cũng ngã chúi rụi theo. Tiếng nói chấp vá giữa Đoan và thiền sư đang cất lên.

- Em làm sao thế này hả em? Tất cả do nắm kèn đen ư? Hay do cái dẫu cộng ma mị cả chục năm nay chưa ai tìm được? Tiếng thiền sư êm ái vọng vào tận cõi tim tôi. Nước mắt tôi trào trợn nơi khóe.

- Em... em xin cảm ơn. Giọng tôi run rẩy nhuốm màu trắng bệch. Thiền sư bảo đời không nghĩ đến ơn huệ, vấp ngã mà nên ý nghĩa. Cái quân ngâm miệng ăn tiền nhỏ nhen thâm ác mới nghĩ đến mưu mô hại người. Lú ám hại. Cơn gió lạnh như kem và cốc nước mát đã làm tôi dịu dàng đi rất nhiều. Sau khi thiền sư cho tôi uống thuốc và đắp lá cỏ, tôi ra hiệu đỡ tôi ngồi tựa vào gốc cây. Giá cú ngã được xuất phát từ một dẫu cộng trên thân cây nào đó cho đành để không phải phiền đến Đoan, và giá Đoan không hốt hoảng mơ tưởng đến gì gì phú như tôi thì đâu đến nỗi.

Tôi vừa nhắm mắt để ngăn những giọt lệ chảy lâu nay gan lì chưa thoát thì có tiếng hú vang lên thành chuỗi. Tiếng hú ấy đang hú ra một điệu nhạc bổng trầm

và bên tôi, Đoan cũng đáp lại lời hù y chang ấy. Một lúc sau đoàn tìm nấm của anh Trần xuất hiện. Anh Trần nói oang oang rằng đoàn anh tìm được rất nhiều nấm ngon nhưng tuyệt không thấy nấm kền đen, và rằng anh đang đưa đến cho Đoan một người đàn bà cũng lên rừng tìm anh mà không liên lạc được. Đoan nói máy anh hết pin và rất ngạc nhiên khi người ấy xuất hiện.

Họ đang xúm xuýt quanh tôi và tỏ ra vô cùng kinh ngạc. Có tiếng nói cất lên:

- Ô thật bất ngờ quá đấy, cô gái này, sao cô ta đi cùng anh, Đoan? Em vừa hòa giải đơn li hôn của gia đình họ đấy. Tôi từ từ mở mắt. Nếu ở con dốc có nhiều rãnh sâu như chiến hào và mắt tôi mở to căng tròn hết cỡ khi phát hiện ra cây nấm lạ, thì đây, đôi mắt tôi không sao cử động được. Nó đang đóng băng. Tôi dụi mắt xem mơ hay thực, ảo giác hay đời thường thì tiếng nói ấy lại cất lên:

- Tôi ngạc nhiên đấy cô gái ạ, vụ hòa giải đã thành công chứ? Đừng bỏ đi miếng mỡ sạch như thế. Nên nhớ, năm 2065 một thiên thạch sẽ đâm vào trái đất. San phẳng loài người. Cô nên biết nhún nhường chồng, trước sau gì thôi, một trung tâm hát nhạc rock trẻ sẽ được mọc lên tại thôn cô.

Dù thiền sư đã cho tôi uống thuốc giảm đau, nhưng sao ngực tôi co lại đến khó thở. Tôi ho thốc ho tháo. Muốn đứng lên dù chỉ một bên chân, nhưng không sao nhấc nổi. Đoan đang đứng bên nữ thẩm phán Hiền và hai người đang nói gì đó rất sôi nổi. Tôi định nói rằng vụ hòa giải sẽ không còn cơ hội nữa, dù chồng tôi đã có bảo bối thời sôcôla do bà mách nước. Chẳng ăn thua đâu. Tôi đã nhận ở Đoan một loạt nụ hôn rồi bời, nôn nao thơm tho từ bộ râu sừng sực nóng. Tôi đã nhận nhịp đập con tim hồ hởi khi Đoan bỗng tôi chạy băng qua bao gập ghềnh đồi núi, và hương vị hoa dẻ màu tu sĩ thơm vãn vi thanh thoát. Đoan có thể quên. Hãy cho đó là một cơn gió trái mùa lùa đi trong lùm lặc, vợ vất vả mà thôi.

- Thế này đi - tiếng thiền sư chột cất lên - cô gái này là học trò cũ của tôi năm nào, cô ấy cần chữa bệnh ở đây ít hôm. Khí công Himalaya chắc chắn cho vết thương mau hồi phục. Các bạn có thể về.

Nữ thẩm phán Hiền luôn nói cười, cảm ơn và nắm chặt tay Đoan. Nhưng Đoan, sau ít phút trầm tư, bỗng tách ra khỏi đoàn, đến bên thiền sư, anh nói:

- Tôi có mấy lời xin thưa, cô gái tìm nấm bị nạn thế này là do lỗi ở tôi. Sự bất cẩn sai sót buộc tôi phải có trách nhiệm đúng lúc. Có thể tôi cũng rất cần đến môn phái Himalaya mà thiền sư đang luyện. Các bạn cứ yên tâm ra về.

Tôi không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Ánh mắt khó tin của tôi chuyển từ Đoan sang thiền sư, sang đến nữ thẩm phán Hiền. Đúng lúc ấy, một bóng nắng màu vỏ thị rớt xuống người tôi, to dần và choáng ngợp.

- Nắng rọi ở đâu mà mang vị tình yêu vậy kìa.

Trần nói trong tiếng cười rộn rã. Đúng là nắng rọi thật. Nắng ẩn trong hoàng hôn xanh lá.



Minh họa: HẢI THỌ

Nước mắt chảy xuôi

NGUYỄN VĂN LẠC

Bỏ ngoài tai những lời răn dạy của cha, Kỳ học hành nhều nháo, thi trượt, bỏ nhà đi làm phụ xe tải trên đường Hà Nội - Lạng Sơn, và lao vào cuộc kiếm tiền bất chính. Phải cái y nhất gan nhưng lại to mồm và bốc đồng, hai phẩm chất tối kỵ của người buôn bán, nhất là buôn lậu. Nên y chẳng có vẫy cánh, dây dợ nào, đành chấp nhận thân phận cò con ăn mảnh. Từ khi làm quen rồi vội vàng cưới cô Bảy buôn chuyển tương chừng phát lên ngay, nhưng sống với nhau rồi mới biết Bảy cũng loại thùng rỗng như hũ, thành ra thân cò lặn lội ngược xuôi mà vẫn vào hạng nhì nhằng em út. Nhấn mặt trên đường Lạng Sơn, y chuyển sang đường Hà Nội - Lào Cai. Hai người hơn một, dần dà họ cũng tích lũy được một số vốn liếng. Đang vào cầu thì Bảy sinh cho y một lần hai cô con gái. Bà nội khuất núi, bà ngoại bệnh tật chẳng có ai nương tựa đỡ đần, y xin thôi việc, mua ngôi nhà nhỏ gần ga tàu hỏa, dưới chân một quả đồi rộng, neo đậu cuộc đời ở cái thị trấn gần cửa

khẩu này. Y buôn bán đủ thứ, ngoài các loại hàng lậu quen thuộc y còn buôn cả mận Bắc Hà, đào Sa Pa, quế Bảo Yên, chè Nghĩa Lộ... Rồi lại mở thêm hàng thịt chó. Từ đấy y có biệt danh “Kỳ chó”. Tính y hay rượu lại bốc rời, gặp ai vài lần bên bàn rượu là nhận ngay làm bạn. Vợ y bảo: “Cái bọn ấy là bè, bạn gì mà toàn ăn chịu”. Thỉnh thoảng cũng có anh ném cho xếp vải hay cái đầu CD, y vênh mặt: “Giàu vì bạn đấy, mày thấy chưa?” Bấy giờ sổ ra tính, tiền bán những thứ ấy chưa bằng nửa số tiền ghi nợ của họ. Bấy kỳ kèo, y mắng: “Rõ đồ coi đưng trâu, quan hệ làm ăn là phải lâu dài. Rồi mày khắc biết”. Sau hai tháng, tính sổ vợ chồng Kỳ bán được năm mươi bảy con chó, lãi ba triệu hai, nhưng toàn nằm trong sổ nợ. Vốn liếng cạn đến nơi. Hoảng quá, y quát tháo ầm ĩ: “Toàn bọn đều. Đẹp, đẹp!” Bấy bĩu môi bĩu mỏ, chứa chan nước mắt, tiếc của tiếc công. Y động viên: “Thua keo này bày keo khác. Dù sao thì cũng được chén thoải mái, mình nhì!” Vợ y mếu máo cười. Họ mua một cái xe Minsk để chạy xe ôm, được đồ nào chắc đồ ấy, không sợ quýt nợ. Khốn nỗi, một cái ga nhỏ mà đã có chín tay xe ôm lành nghề, liên kết chặt chẽ. Y đến sau, lép vế, mấy ngày đầu dắt xe về không. Nghĩ mãi rồi y cũng tìm được cách. Y đứng xa xa thấy người nào hơi quen quen là sấn lại thì chào rồi nói to: “Em vừa nhận được điện là ra ngay”. Cánh xe ôm thừa hiểu y diễn kịch nhưng họ cũng thương hại lơ đi. Nhưng khổ cho y, đã nhận là người thân thì đâu dám chém mạnh! Vì thế “Kỳ ôm”, tên mới của y vẫn bí bách lắm. Y bàn với vợ: “Hay ta đến cụ bộ xin tha tội và...” Thị gạt phăng: “Thôi thôi. Đừng có mà hy vọng hão. Ông ấy kệt xin lắm và tao thấy sờ sợ thế nào ấy. Chắc gì ông ấy cho mà xin với xỏ. Khéo lại làm trò cười cho vợ chồng nhà Hợi”. Y thần thờ: “Chỉ tại mình cả. Nhưng thôi, cho qua. Tự lực cánh sinh là nhất”.

Hai gái đầu lòng cũng đã lớn. Cái Duyên bán hàng, cái Liên nấu cơm đun nước. Y tính phải có con trai cho có nếp có tẻ nên quyết sinh con lần nữa. “Mình có ở cơ quan đ. đầu mà lo. Tao đã đi xem rồi, những ba thầy, thầy nào cũng bảo lần này sẽ sinh trai quý tử, mình sẽ giàu lên ngay”. Những ngày vợ mang bầu y phờn lắm. Nhiều hôm được chuyển hàng đậm, lao cái Minsk vào sân, dúm vào tay vợ xấp tiền, y cúi xuống xoa tay vào cái bụng đã lùm lùm của thị, cười hí hí: “Cu ơi! Chóng lớn ra uống rượu với bố. Đáp lại, Bầy ưỡn cái bụng cho to thêm, ngúng nguẩy: “Nỡm ạ”. Rồi cười khích khích. Họa vô đơn chí, thị lại sinh đôi, toàn gái. Ở bệnh viện về, mặt tái nhợt, mắt long lên, y đập tung cái lồng nhốt sẵn đôi gà. Hai chú trống choai vui mừng thoát nạn vỗ cánh reo lên quang quác. Y chửi: “Kêu cái l. mẹ mày à. Ông đập chết cha chúng mày bây giờ”. Thương mẹ, cái Duyên phụng phịu: “Bố ác thế. Mình mẹ đẻ được em à. Bố chả bảo mẹ sinh quý tử là gì!” Y hừ một tiếng, leo lên giường đắp chăn kín đầu, lầu bầu: “Đ. mẹ cái sổ con chó. Đ. mẹ cái lũ thầy bói, ông thì đái vào bát hương nhà chúng mày”.

Sau đó là những ngày cực nhọc và buồn bã. Trẻ con không biết uống rượu, ăn thịt chó nhưng sữa đường, bột bột, tã lót, thuốc thang tốn kém ghê gớm. Chúng còn chiếm hết thời gian chợ búa của Bầy. Thuê người thì chẳng có tiền. Y bắt cái Duyên nghỉ học. Cái Duyên tị với cái Liên, bảo mãi chẳng được, y bắt cả hai cùng nghỉ “cho công bằng”. Hai vợ chồng y chỉ còn da bọc xương, những con mắt trũng sâu, thâm quầng, những đứa trẻ như những cái dải khoai eo éo khóc. Thị trách y mê tín và ham hố cái chuyện kia

quá đáng. Có lúc thị chửi con kèm luôn cả chồng. Không ít lần y đã phải dùng nắm đấm. Khốn nỗi đánh nhau cũng chẳng ra tiền, y phải bán cái Minsk đi làm bốc vác.

Giữa lúc đó ông Quang về hưu.

Mới ngang chiều y đã phóng cái phượng hoàng cọc cạch vào tận cửa, mặt hơn hớn: “Mình ơi! Có tin vui đây”. “Trúng xổ số chắc?”, thị mĩa mai. “Nghiêm chỉnh, nhé. Tao đã tìm hiểu kỹ rồi, nhé. Ông bỏ về hưu vác về một bó kha khá đấy. Phải rước cụ về mới được”. Thị cong môi: “Thủ trưởng thủ phó không, thanh tra tài vụ không, hải quan thuế vụ không. Cán bộ làng nhàng đủ ăn là khá. Bó giấy khen thì chắc là có, nhưng đếch bán được tiền. Đừng có tưởng bở mà rước về. Người thì như con mèo hen, lao là cái chắc. Tao đi hầu được đâu, nhé”. Y trợn mắt: “Ngu như con lợn. Đ. biết thì đừng có nói càn. Này nhé, tiền ưu đãi kháng chiến lĩnh một lần, ba triệu sáu, nhé. Nhượng mười hai mét vuông nhà được cấp, lấy mười hai triệu, nhé. Bà Lan bán nhà vào Nam theo chồng, biểu cụ ba triệu dưỡng già, nhé. Huân chương hạng nhất được hỗ trợ mười triệu làm nhà, nhé. Mà nhắm xem nào. Ấy là chưa kể chừng ấy năm công tác, chả phải nuôi ai, thế nào chả có sổ tiết kiệm”. Thị lẩm nhẩm rồi nháy quăng lên: “Hai mươi tám triệu sáu trăm ngàn! Khá đấy. Nhưng sợ cụ vẫn giận. Phải đổi mới tư duy mạnh vào, kéo lão cả Hội nó moi hết thì mốc mòm. Mình ơi em khắc có cách”. Thị ghé vào tai chồng thì thầm. Cả hai cười phá lên, ôm chầm lấy nhau, líu ríu vào buồng... Cái Duyên đang quạt cho em ngủ ngáy ngủýt làm bầm: “Rõ dơ! Giữa ban ngày ban mặt. Cứ rùng mớ đi, tòi ra đứa nữa thì ông quăng bỏ”.

Từ ngày về quê, ông Quang vẫn giữ thói quen dậy tập thể dục vào lúc năm giờ sáng. Ông đang gập chẵn màn bóng nghe ào ào ngoài cửa. Vợ chồng cả Hội vẫn chưa dậy. “Ai nhi?”, ông nhẹ nhàng ra mở cửa. Ông giật mình lùi lại, có mấy người quỳ gối cúi đầu. Thấy ông, họ đồng loạt ngẩng lên. Vợ chồng Kỳ và bốn đứa trẻ, đồng thanh: “Chúng con lạy ông ạ”. “Kìa các con lạy ông đi”. “Chúng cháu lạy ông ạ!” Ông còn ngơ ngác, Bảy đã khóc hu hu, miệng thị méo xệch, mắt ráo hoảnh: “Vợ chồng con là đứa bất hiếu hu hu... Bỏ về mấy hôm rồi, nay chúng con, hu hu... mới được biết, hức hức... chúng con đến lạy bố và hu hu... xin bố tha thứ, hức hức”... Kỳ cổ rặn ra: “Trăm tội tại con cả, hu hu... Ông mắng chửi, ông đánh con đi, hi hi... Chỉ xin ông thương lấy lũ cháu nhỏ dại này hu hu...” Y bảo nhỏ các con: “Lạy ông đi chúng mày!” Hai đứa trẻ lớn lại làm như hai cái máy. Bảy cầu vào miệng đứa con ngủ trên tay, chúng khóc ré lên giấy đập rối rít. Ông Quang bối rối, giọng run run: “Các con đứng cả lên, vào nhà đi”. Ông cầm tay hai đứa trẻ, những bàn tay khô ráp, khẳng khiu, lem luốc. Ông kín đáo ngoảnh đi lau nước mắt. Cử chỉ ấy không qua được mắt Bảy, thị liếc xéo về phía chồng, bốn mắt dạn dĩ giao nhau loé lên chia sẻ nỗi vui mừng. Họ vào nhà nhưng lại quỳ mọp xuống đất. Cả Hội bảo: “Chú thím lên giường mà ngồi, có việc gì thưa với ông, bận gì phải làm thế”.

Ông Quang là một viên chức cần mẫn trong công việc, nghiêm túc trong sinh hoạt, khéo léo cư xử, từ khi đi làm cho tới lúc về hưu chỉ một nghề, một cơ quan. Vợ ông mất khi Kỳ mới mười tuổi. Ông ở vậy nuôi con, những mong chúng thành công dân lương thiện như mình. Anh Hội, chị Lan làm ông hài lòng, Kỳ thì ngược lại. Cả nhà

hết lời khuyên răn, y bỏ ngoài tai không coi ai ra gì. Cả Hợi bảo: “Nói mãi không nghe bố cứ cho nó một trận đòn cật lực vào. Già đòn non lý sự, may ra nó mới tỉnh”. Ông bảo: “Con chó còn dạy được thành khôn hướng chỉ con người. Sớm hay muộn rồi nó cũng sẽ hiểu”. Ngược lại lòng mong muốn của ông, càng ngày y càng sa đà vào những chuyện bất chính. Ông phản đối cuộc hôn nhân vội vã, y tuyên bố: “Bố không nên can thiệp sâu vào tự do cá nhân của con. Con lớn rồi, là công dân độc lập rồi”. Y tự cưới vợ và quên luôn bốn phận làm con. Bấy đang lúc vui cũng coi ông như người đứng nước lã. Có tới bốn mặt con mà chưa một lần thị đến thăm bố chồng.

Mọi việc làm của vợ chồng Kỳ và cả màn kịch vừa diễn không qua được mắt ông Quang. Nhân đây ông bắt đầu thực hiện ý định cứu đứa con bất trị. Đó cũng là một trong nhiều lý do thúc đẩy ông về hưu trước tuổi. Năm ngay cái giả vờ của y, ông hướng nó vào mục đích của mình. Ông bảo: “Có mặt cả nhà, bố tha thứ cho các con. Bố sẽ hết lòng trợ giúp, chỉ yêu cầu các con biết nghe lẽ phải. Chỗ nào chưa bằng lòng có thể bàn cãi. Bố không ép. Bố mong việc làm của vợ chồng Kỳ vừa rồi là thật lòng”. Bấy liếc chồng dò xét. Kỳ bối rối ấp úng. Ông tiếp: “Trước mắt bố cấp vốn cho làm ăn, nhưng phải theo kế hoạch của bố”. Không còn cách nào khác, vợ chồng y miễn cưỡng vâng lời.

Nửa ngày ô tô, một giờ xe ôm, cha con ông Quang đến nhà ông Hiền. Ngôi nhà năm gian hiên trùm máng thượng còn sáng nước vôi cùng dãy nhà ngang kang trang không kém, nằm trong khu vườn chừng hai ngàn mét vuông trồng toàn cây cảnh. Vườn cây nhiều tầng nhiều lớp sum suê, xanh mát mắt, làm dịu đi cái vất vả đường trường. Phòng khách rất sang, đủ tiện nghi đắt tiền đẹp mắt. Sau tuần trà, ông Quang nói: “Như đã trao đổi với ông, hôm nay cha con tôi đến tình nguyện làm người giúp việc không lấy công. Đây là Kỳ, thành út nhà tôi”. Ông Hiền cười: “Công sá tính sau. Ông thì tôi đã hiểu. Còn anh Kỳ? Công việc không nặng nhọc nhưng phải cẩn thận, kiên trì, toàn tâm toàn ý, anh có làm được không?” Kỳ lý nhí: “Được ạ!” Thầy trò ông nghỉ vài ngày thăm thú làm quen đã. Ông Quang: “Ngày mai ông cho làm việc luôn đi, vừa làm vừa thăm có sao đâu”.

Những ngày đầu, mờ sáng đã phải dậy, ăn uống qua quýt rồi ra vườn. Ăn nghỉ trưa hai tiếng rồi lại ra vườn. Xẩm tối mới nghỉ. Vốn quen thói tự do không giờ giấc, thích làm chán bỏ, để làm khó quãng, nếu không có cha kèm Kỳ đã bỏ về. Vì suốt ngày chỉ có việc tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu, tỉa lá, vun gốc, bón phân. Việc gì phải học. Dần dần, ông Hiền hướng dẫn cách chiết ghép, uốn cành, tạo thế. Y tiếp thu nhanh nhưng làm ẩu. Ông Hiền nghiêm khắc bắt làm lại. Ông Quang động viên, y cáu: “Làm gì mà như chăm trẻ con vậy. Nhiều cây thế này ai mua cho hết. Ông ấy giàu có mới làm để chơi. Còn mình thì cần tiền. Con thấy nó thế nào ấy”. “Cổ mà làm rồi khắc biết”. Tối tối, bên bàn trà hai ông già thường bàn luận về chuyện đông tây kim cổ. Có chuyện họ nói với nhau như để cho Kỳ nghe. Đại loại chuyện mài sắt nên kim, tam thập nhi lập. Một lần bàn về trồng cây, ông Quang nói: “Người ta bảo dưỡng mộc như dưỡng tử (nuôi cây như nuôi con) quả là chí lý. Có khi còn hơn cả nuôi con ấy chứ”. Ông Hiền đáp: “Cái ý chăm sóc dùng chữ như là đúng. Còn hiệu quả thì còn tùy. Trẻ cậy cha già cậy con, mà gặp đứa con vô tích sự, hư hỏng thì kém

cây là hiển nhiên. Như hai cây si lớn đầu nhà kia, tôi trồng mới có mười chín năm mà có người đặt giá cả trăm triệu, số tiền ấy đảm bảo chắc chắn cho mình khi về già. Đây chỉ là khía cạnh vật chất. Còn tình cảm thì đứa con hư, vô trách nhiệm chưa chắc bằng người giúp việc tận tụy, trung thành. Phải không ông?”. Câu hỏi đặt ra cho ông Quang nhưng ánh mắt ông lại hướng về Kỳ. Y cúi mặt. Được độ hai tuần, cơm tối xong ông bảo: “Cả nhà đi nghỉ sớm để mai lấy sức làm việc. Anh Kỳ chuẩn bị tinh thần chiến đấu nhé.”

Sáng sớm, một chiếc xe tải cỡ nhỏ chở đến chừng ngàn cây si con, thân bằng cái tăm, mỗi cây riêng một bầu. Kỳ đang phân vân không biết số cây sẽ trồng vào đâu, vì vườn đã kín cây, thì ông Hiền bảo: “Bây giờ ta đào hết năm luống si ngoài cùng kia rồi xếp lên xe. Nhớ là không được để vỡ bầu.” Đúng là một ngày vất vả. Xẩm tối mới xong việc. Người khách và ông Hiền tính toán và trao tiền. Ông Quang nháy bạn. Ông Hiền đưa bó tiền cho Kỳ: “Anh tính mất đếm giúp bác”. Y nhanh nhẩu tanh tách đếm, lát sau thưa: “Mười một triệu tròn ạ!” Người khách bảo ông Hiền: “Xe còn rộng ông bớt cho tôi hai cây lộc vừng, được không ạ?” Ông Hiền có vẻ chần chừ, ông Quang lại nháy bạn. Ông Hiền hỏi khách: “Ông có thể trả đến bao nhiêu?” Người khách cười: “Chỗ thân tình xin gửi ông năm triệu”. Kỳ trở mặt, hai cây ấy thân chỉ bằng bọng chân, cao quá đầu người một chút mà những năm triệu bạc. Lại đào bới, khuôn vác bờ hơi tai. Xe đi rồi, Kỳ phấn chấn hiểu ra, trong đầu y lóe lên ý định mới, sáng sủa, tràn đầy hi vọng. Ngày hôm sau lại bận rộn, làm đất, bỏ phân rồi trồng hết số cây mới mua ngay trên những luống vừa đào đi. Một rã rời. Kỳ thấy vui vui. Y hỏi ông Hiền: “Lớp cây này bao nhiêu lâu nữa mới lớn bằng những cây vừa bán ạ?” Đã đến lúc nói được với Kỳ về lợi nhuận, như đã thống nhất với bạn, ông Hiền ân cần: “Hai năm. Nhưng tôi trồng nhiều lớp như anh đang thấy, năm nào tôi cũng có cây bán một hoặc hai lần. Còn lộc vừng thì lâu hơn.” “Họ mua đem đi đâu mà nhiều vậy?” “Tôi có mối hàng xuất khẩu. Anh thấy nuôi cây cũng được đấy chứ?” “Cả vườn cây của bác có đến vài trăm triệu chứ chẳng ít, bác nhỉ?” “Anh giúp tôi đếm thử xem”. Y hăng hái vào cuộc, đếm một luống rồi nhân với số luống, báo số cây, ông Hiền nói giá tiền, bảo: “Anh tính thử xem” loáng cái, Kỳ ồ lên: “Chưa kể những cây to, riêng si bé và nhỡ đã có gần hai trăm triệu bác ạ.” Ông Quang góp chuyện: “Cách đây chục năm ông Hiền mới có mấy cây si to, còn cả vườn chỉ trồng dây khoai lang nuôi lợn. Và vẫn ở nhà lợp lá cọ vách trát toóc -xi đấy”. Kỳ thốt lên: “Vườn nhà mình nhất định cũng làm được bố ạ”. Hai ông già cười vui vẻ.

Mấy hôm sau, cha con ông ra về với những địa chỉ cần thiết, và dăm cuốn sách hướng dẫn trồng cây. Kỳ trách bố: “Biết vậy mà bây giờ ông mới cho con biết”. Ông Quang trầm giọng: “Bố cũng mới biết dăm năm nay thôi. Mà giá lúc ấy bố bảo chắc gì anh đã nghe.”

Như con ngựa hoang mới được thuần hóa, lại được cha cấp vốn và luôn ở cạnh khích lệ, vợ chồng Kỳ lặn vào cuộc đổi đời.



Minh họa: HẢI THỌ

Tuổi 20 sóng gió, tuổi 25 ngọt ngào

HOÀI HƯƠNG

1

- Thắng rồi! Quán quân CTF, "Thành phố trẻ"- Young City của Thành phố Hồ Chí Minh đã giành Quán quân mùa này và sẽ đại diện cho Việt Nam thi chung kết cuộc thi CTF Đông Nam Á, tranh vé vào giải Quán quân CTF thế giới.

- Young City vô địch...

- Nam thần Tuấn Young City, chiến thần E.Sport. Bọn em yêu anh.

Và hoa, pháo bông, thả tim, thả những nụ hôn, rồi những câu chúc mừng của fanti, fandom và các netizen tràn ngập trên các tài khoản Youtube, FB, Zalo, Viber... của các thành viên Young City đặc biệt là của Tuấn, nam thần trong giới E.Sport - thể thao trí tuệ, một KOL - người có ảnh hưởng đến giới trẻ IT Việt.

Tuấn và đồng đội Young City được bao vây bởi các fan đang cuồng nhiệt tung hô, hò hét trước sảnh khu trung tâm thể thao ở Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh. Một chiến thắng không dễ dàng, là nỗ lực của nhóm trong suốt 2 năm ròng, đặc biệt là Tuấn, một đội trưởng, cây chủ công, linh hồn của cả đội.

CTF - *Capture the Flag*, là một trong những cuộc thi thuộc về môn E.Sport, thi kiến thức chuyên sâu về bảo mật máy tính, bảo mật thông tin, được tổ chức theo mô hình trò chơi chiến tranh mạng, tập trung vào hai kỹ năng tấn công và phòng thủ mạng. Một loạt các bài thi khác nhau được phân ra thành nhiều chủ đề liên quan đến an toàn thông tin như: Web, Forensic, Crypto, Binary, Stegano..., có thể thi đối kháng cá nhân, hay nhóm. Năm 1997, cuộc thi CTF đầu tiên trên thế giới được tổ chức ở Mỹ tại hội thảo bảo mật nổi tiếng DEFCon lần thứ 5, mở đầu cho các cuộc thi CTF ở các quốc gia, khu vực châu lục và toàn cầu. Việt Nam bắt theo xu hướng công nghệ cao rất nhanh, và bắt đầu thành lập các đội CTF từ những năm 2000, nhưng đến thập kỷ thứ hai của thiên niên kỷ thứ ba mới bắt đầu có một số đội thử sức tham gia các cuộc thi quốc tế, đạt được thành tích cao như Cửu Long Giáng Thế, PiggyBird, Botbie, HacKaTron...

Các đội tham gia thi CTF sẽ được cấp một máy chủ (hoặc một mạng máy chủ) đã cài đặt sẵn nhiều chương trình chứa các lỗ hổng bảo mật. Nhiệm vụ của đội chơi là tìm ra các lỗ hổng đó, tấn công các máy chủ của các đội đối thủ để ghi điểm, đồng thời phải nhanh chóng vá các lỗ hổng trên máy chủ của đội nhà, để tránh bị tấn công. CTF hấp dẫn bởi các cuộc thi này phản ánh rất chân thật công việc hàng ngày và đòi hỏi người chơi phải có các kỹ năng của một hacker, người làm về bảo mật thực thụ. Muốn chiến thắng ở một cuộc thi CTF, người chơi không chỉ phải nhuần nhuyễn các kỹ năng phát hiện và khai thác lỗ hổng bảo mật, mà còn phải thật sự lành nghề trong việc bảo vệ sự an toàn và duy trì tính liên tục của hệ thống mạng trước các đợt tấn công dồn dập từ bên ngoài...

Đoạt được giải Quán quân toàn quốc CTF với Tuấn và Young City là nỗi dài giấc mơ chinh phục những “đỉnh” của “đỉnh” trong ngành công nghệ phần mềm Việt Nam. Còn nhớ, khi Tuấn được lãnh đạo công ty gọi lên, đề nghị lập đội CTF để tham gia các giải thi đấu, vừa nâng cao tay nghề, vừa khuếch trương các sản phẩm phần mềm của công ty, Tuấn đã như “bay” trong niềm vui. Bởi đây là giấc mơ từ năm học lớp 9, khi lần đầu Tuấn được xem trực tiếp cuộc thi CTF quốc tế trên mạng, và một đội của Việt Nam lọt vào Top 10 cuộc thi thế giới. Tuấn đã mơ từ ngày ấy, nhất định sau này sẽ là một thành viên CTF Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam mang vinh quang về cho thành phố, cho Việt Nam. Nhưng đó chỉ là giấc mơ, vì cho tới khi học đại học, ngành công nghệ, Tuấn luôn là ứng viên xuất sắc đội CTF sinh viên trường, nhưng không được chọn do ngoại hình Tuấn quá khó nhìn. Đây cũng là một trong nhiều tổn thương tâm lý của Tuấn theo mãi sau này.

Young City như một giấc mơ thành hiện thực. Không phải không có những sóng gió, khi ngày đầu các thành viên chưa thật sự hiểu nhau và gắn kết, bởi toàn những cá nhân rất xuất sắc, ưu tú trong ngành IT của công ty, ai cũng có cái “tôi”

và không thích bị áp đặt. Nhưng rồi từ sự quan tâm đặc biệt của CEO Tập đoàn, của các lãnh đạo, và Tuấn, người đội trưởng tài năng nhưng sống rất tình cảm đã chinh phục được những cá tính “độc”. Họ trở thành một team “một người vì tất cả, tất cả vì một người”.

Tuấn còn nhớ, trận debut của Young City đã tạo nên cơn “địa chấn”, một tân binh đã chiến thắng tuyệt đối một “lão làng”. Kể từ đó, Young City trở thành “khắc tinh” của nhiều đội trong các giải CTF từ thành phố, tới toàn quốc và khu vực châu lục. Cùng với việc tham gia rất nhiều các cuộc thi CTF được tổ chức bên lề các hội thảo về Security & Hacking như: DEFCON.CTF Qualifier, DEFCON.CTF, Codegate YUT Preliminary... Young City đã nằm trong Top 10 đội CTF có thành tích cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, vượt qua vòng loại DEFCON.CTF Qualifier, giành quyền vào cuộc thi DEFCON.CTF được xem như là World Cup của các cuộc thi CTF thế giới.

Bống điện thoại Tuấn rung lên nhịp ngắn. Tuấn định không xem, nhưng như một linh tính... *“Chúc mừng con trai”*. Tin nhắn của Madame CEO Tập đoàn. Một khoảnh khắc rung rung cảm động. Ờ, thật thú vị, Tuấn được các fan gọi “nam thần”, bởi không chỉ là đội trưởng “bách chiến bách thắng” của giới CTF Việt Nam, mà Tuấn còn sở hữu vẻ ngoài rất “bắt mắt” như một siêu mẫu với chiều cao 1m8 và gương mặt khá tuần tú. Mấy ai biết được Tuấn của tuổi 20 đầy sóng gió, một sinh viên nhà nghèo mới ra trường với ngoại hình “gai mắt” người đối diện (bởi tay nặn của “bà mụ vụng về”), vì thế gặp trắc trở nhiều năm.

2

Tốt nghiệp đại học với bằng ưu, nhưng đi xin việc thật khó, gần như các bộ phận nhân sự những công ty Tuấn đến phỏng vấn, sau khi xem hồ sơ đều buông lời ngọt nhạt: Cậu là một tài năng. Nhưng vị trí cậu dự tuyển là “gương mặt” của công ty, đôi khi không cần quá giỏi, xin lỗi, không phải phân biệt xấu đẹp, nhưng nhìn ngoại hình cậu thế này, khách hàng khó có niềm tin với công ty.

Tuấn đã mang hồ sơ nộp 9 nơi, nhưng đều không được chấp nhận. Nhân viên tuyển dụng ở công ty kia còn nói nửa đùa nửa thật:

- Nhìn góc độ tích cực, cậu xấu như con châu chấu, nhìn góc độ tiêu cực, cậu y hệt bộ xương khô đi động. Thôi, về nhà xin tiền ba má đập đi xây lại, tới đây tôi nhận ngay.

Tuấn cũng xin được vào làm IT ở một công ty AI - Trí tuệ nhân tạo trong Khu Công nghệ cao của Thành phố, chỉ ngồi trong phòng, không phải tiếp xúc với ai. Tưởng như êm xuôi khi công việc mang đến Tuấn nhiều hứng khởi, gần như không để ý cái vẻ ngoại hình xấu xí, thì có một sự việc khơi lại nỗi buồn. Công ty tổ chức thi viết phần mềm tối ưu trong quản lý, có thể kết nối với nhiều đối tác để mang các hợp đồng về... Tuấn và một đồng nghiệp được chọn vòng cuối cùng, cả hai phải thuyết trình trước một ban giám khảo gồm lãnh đạo công ty và vài chuyên gia phần mềm ở Khu Công nghệ cao thành phố. Đã thật lâu, Tuấn gần như không tiếp xúc với mọi người. Đến Cty là cầm đầu đi thẳng vào phòng

với chiếc nón luôn sùm sụp trên đầu, rồi kiếng mát, khẩu trang, người của công ty cũng ít ai biết mặt Tuấn.

Bốc thăm, Tuấn là người thuyết trình sau. Khi tới lượt Tuấn, phía dưới có vài tiếng xì xào:

- *Ôi, sao cậu này trẻ mà nhìn khắc khổ, xấu trai quá. Ờ, công ty thấy toàn trai xinh gái đẹp, mà lọt cậu này đâu ra nhìn buồn quá...*

Bỗng dưng bao nhiêu hào hứng của Tuấn tuột dốc. Cảm giác buồn tủi như thời sinh viên lại quay về khi bị ghẻ lạnh. Lấy lại bình tĩnh, Tuấn thuyết trình đề án của mình một cách suôn sẻ, với nhiều chi tiết giải pháp mang tính đột phá cũng như áp dụng những ưu việt mới trong các phần mềm bảo mật... Nhưng Tuấn không được chọn, dù đề án của Tuấn được đánh giá cao hơn về tính khả thi và độ bảo mật. Theo nhiều lời đồn, CEO của Tập đoàn là một Madame thích sự hoàn mỹ, thích những vẻ đẹp chín chu. Nghe nói mấy thư ký, trợ lý rất hay bị Madame chỉnh về trang phục, make up...

3

Khoa Công nghệ Thông tin Đại học Sài Gòn vào giờ chơi, cả đám con gái cùng đồng loạt ngó theo một sinh viên nam, vừa đi ngang qua họ, có ánh mắt thương cảm, có ánh mắt chế giễu, có ánh mắt khó chịu...

- *Ôi, không thể tưởng tượng có một nam nhân bộ dạng giống Thần Chết như vậy.*

- *Tại sao khoa mình có một người xấu hết phần người khác đến thế?*

- *Tội nghiệp người ta. Xấu đâu phải tội. Bạn ấy là thủ khoa khi thi vào trường và 4 năm nay đều đoạt học bổng cao nhất của trường đó.*

- *Ờ, nhưng học giỏi thì sao, ngoại hình thế này nhìn đã mất hứng, sao mà yêu được.*

Không phải đây là lần đầu Tuấn nghe những lời bàn tán, có cả những lời khiếm nhã xúc phạm về ngoại hình của mình. Từ thời học phổ thông, Tuấn đã quen khi nhiều lần bị các bạn trong lớp xàm xì, dù rất kín đáo, về ngoại hình của mình, vừa cao lêu khêu, vừa ốm nhom, ốm nhách như cây que, lại đen thui, chưa kể có hai hàm răng xéo xáo mất trật tự, trời ra thụt vào làm gương mặt càng rất khó coi. Nhưng vì học giỏi, tánh tình hiền hòa, hay giúp các bạn, nên mọi người cũng chỉ dám nói nho nhỏ, thậm thà thậm thụt, lén lén, sợ Tuấn buồn.

Nhưng lên tới đại học, như luật bất thành văn, ở trường thường chú ý đến hai thái cực, hoặc là những "soái ca", "nam thần", "hoa hậu", "hoa khôi", "Idol", và ngược lại là những "cá sấu" - chỉ con gái dung nhan xấu, "Quasimodo" - tên nhân vật xấu xí trong tiểu thuyết "Nhà thờ Đức Bà Paris" của Victor Hugo, hay "Le Paria" - Người khốn khổ,... Tuấn chưa quên nỗi đau vào chính ngày khai giảng. Khi bước vào giảng đường, gần như mọi cái nhìn đều dồn vào Tuấn, chẳng khác gì thấy một vật thể UFO của hành tinh nào đó. Những cái nhìn chòng chọc khinh khi, giễu cợt, những nhận xét đầy ác ý bủa vây Tuấn như mũi tên tẩm độc ghim

vào làm tê tái người. Tuấn cố kiềm chế, đi thật nhanh xuống hàng ghế cuối, ngồi khuất trong góc, nhưng mắt như ngập đầy cả đại dương nước...

Rồi Tuấn cũng quen với những ánh mắt thiếu thiện cảm soi vào mình, quen cả những lời nói như gió độc, chỉ chuyên chú việc học. Mấy năm đại học, cũng có lúc chạnh lòng khi những cuộc giao lưu, hội khoa, hội trường, chẳng có ai đến bắt chuyện làm quen. Dần dần, Tuấn như một kẻ độc hành trên đường học vấn với các danh hiệu thủ khoa, xuất sắc, tài năng... và gần như không có mối thân tình nào ngoài vài người bạn cùng gia cảnh nghèo ở tỉnh xa trong lớp. Mỗi quan hệ ở trường chỉ còn là những bài giảng, thư viện, hay những giây phút ra công viên của trường ngắm những cây cỏ, hoa lá...

Nhiều lần soi gương, Tuấn cũng thấy thất vọng với dung nhan của mình. Đôi lúc thầm nghĩ, sao ông Trời bất công, cho nhiều người được đẹp như lấy hết phần thiên hạ, không cho mình chút xíu gọi là. Niềm ảm ức lâu lâu như mũi gai cào xước nhẹ mà âm ỉ đau. Tuấn đã lơ mơ nghĩ đến việc “đập đi xây lại”, như gợi ý của nhân viên tuyển dụng ở công ty nọ. Tuấn càng nghĩ đến nhiều hơn khi đang có trend của một số ca sĩ và diễn viên điện ảnh - sân khấu muốn có ngoại hình bắt mắt, đã không tiếc tiền “dao kéo”...

Nhưng số tiền chi cho một cuộc “chỉnh trang” vượt tầm ngay cả trong mơ của Tuấn. Vâng! Tuấn sinh ra trong một gia đình thị dân nghèo ở thành phố, nhà đông anh chị em, nên việc giặt gấu vá vai, chạy ăn qua ngày, thiếu dinh dưỡng từ nhỏ không phải chuyện lạ. May mắn là ba má dù nghèo, cũng ráng làm lụng vất vả để cho các con có miếng chữ, ăn học đến nơi đến chốn. Được cái, anh em thương yêu nhau, và đều đỡ đần ba má mỗi khi có thể để bớt gánh nặng tiền học sách bút.

Để có tiền học thêm đăng thi vào đại học năm lớp 12, Tuấn đã phải đi bán bánh giò. Đêm nào cũng đi bán từ 11 giờ khuya tới 1-2 giờ sáng mới về ngủ. Khi bán bánh ở khu phố Tây, Tuấn từng nhiều lần bị gạ gẫm từ những người đàn ông nước ngoài có sở thích biến thái. Rồi những lần bị ăn hiếp, tranh giành khách, bị mấy anh chị vút bánh đập chèm nhẹp, Tuấn ngồi ôm rổ bánh bẹp dúm, nát nhàu, khóc nhènh. Khó nói hết cơ cực những ngày đó.

Nhiều tối, đói đến run người, nhưng vừa chạy từ giảng đường ra là Tuấn nhào tới tiệm bánh pizza để làm thêm kiếm tiền trang trải học hành, phụ ba má cho các em ăn học. Khi bụng bê những khay đồ ăn thơm phức, trong bụng sôi rạo cơn đói, thấy thức ăn thừa vớt bỏ ngổn ngang, mà cậu chỉ biết uống ly nước lọc đánh lừa cái bụng... Khó đếm hết những nhọc nhằn trong 4 năm liền, với thời gian biểu từ 19 giờ - 24 giờ, và về nhà thường là 1-2 giờ sáng.

Nay dù làm với thu nhập khá cao, nhưng dưới Tuấn còn hai đứa em nhỏ đang học phổ thông, ba má có tuổi cũng thấm mệt, nên Tuấn phải phụ ba má lo cho các em. Không thể chỉ vì lo ngoại hình của mình mà để ba má phải thêm khó nhọc vất vả, nên Tuấn chỉ dám ôm giấc mơ sẽ có một ngày...

4

- *Tuấn, 10 giờ đi cùng anh lên gặp CEO Tập đoàn.*

Sáng đầu tuần vào công ty, Tuấn đã được trưởng phòng thông báo. Có chút ngạc nhiên, Tuấn hỏi lại:

- *Có chuyện gì sao? Không phải Tập đoàn đã chọn cái kia?*

- *CEO của mình là một người thích sự hoàn mỹ, Madame muốn được chính cậu trình bày trực tiếp dự án, vì chưa ưng ý cái kia.*

Thật sự là Tuấn đang nhảy lò tô trong ngực. Trước giờ đã gần như quen với việc người ta chê ngoại hình xấu xí nên Tuấn không còn để ý những xì xào sau lưng mình. Nhưng lần này lên gặp CEO, một Madame rất khó tính và ưa sự hoàn hảo, không biết khi nhìn thấy mình, Madame có vì cái ngoại hình này mà... Thôi thì hên xui do trời định. Tuấn nhủ thầm nhưng thật sự vẫn run.

Đã chuẩn bị tâm thế sẽ gặp ánh mắt thiếu thiện cảm của Madame nhưng Tuấn hoàn toàn bất ngờ khi tiếp xúc. Madame trong một bộ đồ công sở khá giản dị, gương mặt trang điểm nhẹ nhàng nhưng đặc biệt đôi mắt tỏ sự quyền uy. Madame cười hờn hậu, ngay sau câu chào của Tuấn, ra dấu hai anh em ngồi, hỏi thích uống cà phê hay trà túi lọc để kêu thư ký lấy. Có một cảm giác ấm áp, thân thiện tỏa ra từ Madame, phảng phất như một người mẹ, làm Tuấn mất ngay sự tự ti về ngoại hình. Tuấn trình bày dự án của mình, và hiểu Madame là một CEO rất giỏi về công nghệ, Madame hỏi cặn kẽ nhiều chi tiết... Kết thúc buổi làm việc, sau câu nói rất "đàn ông" của Madame: "Good", Tuấn cảm thấy lúng túng thật sự khi bà khoát tay mời người trưởng phòng về và ngờ ý mời Tuấn ăn trưa cùng.

Có một sự ngạc nhiên dành cho Tuấn.

Một món quà đặc biệt của Madame, mãi sau này, khi Tuấn đạt nhiều thành công trong sự nghiệp, cậu luôn nhớ tới Madame, như một người mẹ thứ hai của mình. Trong bữa cơm trưa thân mật, chỉ là cơm căn-tin của tòa cao ốc Tập đoàn được mang lên phòng.

- *Cậu có biết ngày xưa tôi là một cô gái xấu xí không?*

- *Nhưng con thấy Madame rất đẹp...*

- *Trời, dao kéo rồi đó cậu trai nhỏ. Nhưng thôi, không nói chuyện đó. Dài lắm. Giờ nói chuyện vừa nghiêm túc, vừa tình cảm. Trước khi cho mời cậu, tôi đã có nghiên cứu hồ sơ bên nhân sự cung cấp, và thấy cậu là một tài năng. Có thể, hôm thi, vì lý do gì tôi không biết, họ đã không chọn dự án của cậu. Và khi biết, tôi đã không chấp nhận điều đó. Tôi thích một sự hoàn hảo và có tính khả thi ngay lập tức.*

- *Dạ, con cảm ơn Madame.*

- *Xem như công việc tạm xong. Giờ là việc riêng.*

- *Dạ...*

- *Cái này không phải của công ty hay tập đoàn, mà xem như là phần thưởng riêng của tôi...* Nói rồi Madame lấy đưa cho Tuấn một tấm thẻ tín dụng.

- *Dạ, thưa Madame... Con nghĩ con không dám nhận.*

- *Tôi chưa nói hết. Cái này là của tôi, thưởng cho cậu, vì dự án này rất xuất sắc. Nhưng tôi có điều kiện, cậu sẽ dùng số tiền trong này đi chỉnh răng. "Cái răng cái tóc là góc con người", chỉ cần thế, cậu sẽ khác. Và tôi muốn cậu sẽ có sự tự tin về ngoại hình, để làm tốt hơn công việc của tập đoàn trong tương lai.*

Sau này, Tuấn có nghe chuyện từ đồng nghiệp, biết Madame ngày xưa là một "cô gái xấu xí", lấy sự học bù vào. Bà thi Đại học Bách khoa, khoa Công nghệ, nơi rất ít có con gái, đậu thủ khoa; mấy năm học là mấy năm dành học bổng toàn phần của trường... Một niềm xúc động len lỏi trong Tuấn...

5

Việc điều chỉnh ngoại hình, không chỉ từ việc chỉnh sửa răng, Tuấn còn đề ra một lịch rèn luyện thể lực nghiêm ngặt, như một "đỉnh" cần chinh phục. Đó không phải là chuyện "phục thù" những ám ảnh ngoại hình đeo đẳng suốt hơn 20 năm nay, không phải là thỏa mãn ước muốn một lần đẹp để mang lại công bằng cho mình, mà Tuấn muốn đáp lại sự tin tưởng từ Madame CEO tập đoàn, và thịnh tình của lãnh đạo công ty đã luôn tạo nhiều cơ hội cho Tuấn phát triển năng lực...

Tuấn và đồng nghiệp trong phòng luôn hoàn thành xuất sắc các đề mục của công ty giao cho. Không những thế, Tuấn còn được công ty giao lập Team CTF để "mang chuông đi đánh xứ người", một cách PR cho tập đoàn hiệu quả nhất. Và Tuấn đã không phụ sự tin yêu của mọi người. Cứ như một nguồn nhiệt tâm tràn đầy không ngừng cháy, Tuấn có thật nhiều ước mơ để cống hiến.

Những thành công liên tiếp của đội CTF Young City ở các giải thi đấu trong nước và châu lục đã mang lại nhiều danh tiếng cho tập đoàn, các thành viên trong Team trở thành những "con cưng". Ngoài luyện tập để thi đấu, thì cả Team đều cùng nghiên cứu nhiều chương trình phần mềm đặc dụng, trở thành những sản phẩm đắt hàng của tập đoàn. Mỗi khi những chương trình Team thực hiện thành công Tuấn thực sự phấn khích. Những nỗi buồn tủi của thời sinh viên, của ngày đầu đi tìm việc, của những thiệt thòi dần lui, Tuấn nhẹ nhàng mỉm cười mỗi khi nhớ lại. Ừ, có một thời mình đã như thế, nhưng không như thế thì chắc gì đã có mình của hôm nay... Chính đó là tác nhân để Tuấn vượt qua mọi định kiến, để khẳng định mình, bằng chính sự cố gắng và niềm tin vào những điều tốt đẹp.

Sinh nhật tuổi 25, Tuấn đánh dấu bằng Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cho công trình phần mềm về ý tưởng "Thành phố thông minh" của mình và các cộng sự.

Ban đầu, Tuấn đã nghĩ phải hủy dự án này, bởi trong nhóm cộng sự, có một thành viên suýt chút nữa thì làm lộ thông tin, do tình cờ hay vì lý do gì, thì sau đó Tuấn và lãnh đạo quyết định không truy cứu, bởi thành viên đó đã thấy lợi hại của việc

“bán đứng” bạn bè và công ty mà ngay lập tức báo cáo sự việc. Chuyện cũng ly kỳ y như truyện trinh thám mạng. Lúc đầu, do tính chất dự án, đề tài, và là cuộc thi, nên các nhóm tham gia thuộc nhiều công ty đều biết nhau. Sau khi lọt qua sơ khảo, hầu như họ đều biết đề tài của các nhóm, chỉ không thể biết giải pháp chi tiết và những phần mềm bảo mật được sáng tạo mới, bởi đó là khâu then chốt, và quyết định thắng thua. Tuấn cùng các cộng sự đa phần nằm trong đội CTF nên việc bảo mật thông tin khá tốt. Một hôm, tình cờ, một đàn anh chuyên gia IT cho xem chương trình ở dạng demo đang được rao bán trên kênh riêng của giới. Xem qua Tuấn lờ mờ cảm giác có gì đó hao hao phần mềm bảo mật của nhóm mình, nằm trong dự án đang tham gia thi. Nếu thật sự đúng thế, xem như công trình của nhóm Tuấn và công ty phạm quy, vì có chi tiết đã công khai trên mạng. Tuấn báo cáo ngay cho lãnh đạo, và khoanh vùng các thành viên. Cũng may là mỗi thành viên phụ trách một phần, và độc lập, nên người này không biết của người kia, chỉ đến khi tổng hợp lại, thì lúc đó mới hoàn chỉnh. Rất nhanh Tuấn đã tìm ra thủ phạm. Theo báo cáo của thành viên thì trong một lần bệnh, bạn gái tới nhà chăm sóc và có nghỉ lại, cô bạn lại là một nữ game thủ khá nổi tiếng của công ty game Việt. Có thể việc lộ thông tin từ đó mà ra, dù không bằng chứng. Để chuộc lỗi, thành viên này đã làm việc liên tục mấy ngày không nghỉ, tạo ra phần mềm bảo mật khác có nhiều tính năng hoàn hảo hơn, xem như phần mềm kia bị vô hiệu hóa, không còn giá trị.

Tuấn tự tin kết luận bản thuyết trình của nhóm:

- Thành phố thông minh là thành phố được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin giúp kết nối và tạo nên một hệ thống hữu cơ tổng thể được kết nối từ nhiều hệ thống thành phần với hệ thống trí tuệ nhân tạo, đặt con người và tri thức là trọng tâm, lấy kết nối hợp tác “thông minh” làm phương châm để phát triển, vươn tới một nền kinh tế linh động, sáng tạo, có khả năng thích ứng với những biến chuyển của thế giới, nhằm đến những giá trị mới của nền kinh tế khu vực và toàn cầu trong thế kỷ 21...

Vâng! Tuổi 25 ngọt ngào, phía trước là thanh xuân tràn đầy nhiệt huyết, là ước mơ, là cống hiến... Tuấn ngược nhìn bầu trời thành phố trong xanh bình yên, thấy mình đang bước vào nguồn năng lượng mới với nhiều dự án tương lai về thành phố thân yêu của mình, một thành phố thông minh, một thành phố rực rỡ, sánh ngang tầm những thành phố lớn nhất của hành tinh Trái Đất.



Minh họa: BẢ SIẾU

Những bông hoa mạn trắng

TẠ THỊ THANH HẢI

Bản nổi với trường học bởi con đường mòn ngoằn ngoèo như một con trăn khổng lồ. Gần Tết, hoa mạn trắng những vạt đồi, rụng đầy khoảng sân trường lồi lõm. Bên con suối dưới chân thác Lao Chải, học sinh nhớn nhỡ vớt những cánh hoa mạn sững nước ném vào nhau. Lớp học vắng quá nửa. Các em còn bận theo bố mẹ lên nương thu hoạch nốt đám ngô vụ Đông, những nhà khá giả hơn thì cho con xuống chợ đổi gà lợn, váy áo thổ cẩm lấy kẹo xanh đỏ về vui Tết. Thầy giáo Hiếu chiều nào cũng đi xuống bản vận động bọn trẻ trở lại trường. Những ngôi nhà sàn nhỏ oặt như cái tổ chim bám hờ hững vào triền đồi bốn mùa hun hút gió. Người lớn đi nương có khi mấy ngày mới về kiếm thêm thức ăn. Nhà chỉ còn đám trẻ lít nhút, mũi dãi nhem nhuốc, túm tụm bên cái bếp lửa ở gian giữa, ngơ ngác không đứa nào dám trả lời thầy. Thầy quay ra, đầu đựng phải giàn ngô lủng lẳng treo bên hông nhà thì chúng cười ré lên.

Mùa bận trước, thầy Hiếu lên đây nhận công tác. Lúc thầy dựng cái xe máy cũ trước sân, đám con gái lớp tám, lớp chín ngó đầu qua cửa sổ cười rúc rích: “Thầy giáo mới trẻ quá!” Lũ con trai đi chân đất, đang đuổi nhau hò hét khắp sân trường cũng dừng lại ngơ ngác rồi chạy xô tới tranh nhau leo lên chiếc xe máy. Bất giác, Hiếu mỉm cười, thầm nghĩ mình rồi sẽ sớm quen với cuộc sống nơi này. Nhưng khi chiều chạng vạng, sương giăng trắng đỉnh núi, nhìn đầu Hiếu cũng thấy cái vời vời như ánh mắt của Miên. Bố Miên không ưng Hiếu nên đã giữ Miên ở lại và hình như còn có động thái nào đó với Phòng Giáo dục để điều chuyển Hiếu lên đây. Ông Trưởng phòng vỗ vai Hiếu: “Thanh niên là phải xông pha. Cậu cứ lên đó một thời gian, bao giờ cứng cáp thì trở về đây.” Hiếu lặng lẽ cầm tờ quyết định quay ra, không dám hỏi câu nào. Bao nhiêu câu hỏi chỉ dám cuộn bảo trong ruột gan của cậu trai trẻ. “Một thời gian là bao lâu? Năm năm, mười năm, hay cả tuổi thanh xuân?”

Lớp Hiếu phụ trách là các em học sinh lớn, có em mười ba, có em đã mười bảy tuổi. Lớp học con trai đông hơn con gái. Con gái Hmông mắt đen láy, mặc váy thổ cẩm xòe rộng, đi học mang theo cả lù cỡ để lúc về rẽ vào nương gửi ngô giúp mẹ. Đám con trai thì nhỏ thó, nghịch ngợm, cái áo chàm lúc nào cũng dính đầy đất. Sĩ số lớp được giao là hai mươi tám, nhưng học sinh cứ thay nhau nghỉ, chưa hôm nào lên được hai mươi lăm. Qua trao đổi với cô giáo chủ nhiệm cũ, Hiếu được biết trong lớp có nhiều hoàn cảnh khá éo le. Giờ sinh hoạt lớp, Hiếu tâm sự hỏi han về ước mơ sau này của các em. Những ánh mắt ngơ ngác đến tội nghiệp: “Ước mơ là cái gì ạ?” Nghe thầy giảng giải một hồi, những đôi mắt ấy mới bắt đầu ánh lên hào hứng. Cũng chỉ có vài em muốn học hết lớp chín và tiếp tục được xuống thị trấn học; còn lại đa phần đều thúng thảng: chỉ cần biết đọc, biết viết, biết đếm được tiền, tính được giá ngô, giá mận là được. Hiếu sợ những ước mơ của lũ trẻ đơn giản quá sẽ khiến nhiệt huyết của mình nhạt nhòa theo. Nhưng cứ nhìn ánh mắt trong veo của bọn trẻ, Hiếu lại thấy thương chúng hơn và chẳng còn trăn trở nhiều về giấc mộng thanh xuân của mình nữa.

Trong lớp có hai cô bé mẹ là người Kinh là San và Vi. Cả hai đều phổng phao, xinh xắn nên hay bị đám con trai trêu đùa. Vi đáo để, đóm dánh. Nhà Vi khá giả, bố và anh trai buôn bán dưới thị trấn. Bố Vi chiều con gái, mua cho Vi cái thỏi son hồng bé bằng ngón tay, cả cái gương con Vi giấu trong cặp váy, thi thoảng lại bỏ ra kẹp vào giữa cuốn vở soi trộm.

San thì ít nói, mắt lúc nào cũng buồn rười rượi. Bố San theo đám người Kinh vào trong bãi vàng, chưa kịp kiếm được hạt vàng cám nào làm của hồi môn cho con gái thì đã mắc nghiện. Mẹ San là người Hải Dương, nghe nói có nhan sắc, vì tuổi trẻ ham chơi bông bột mà suýt bị người yêu lừa bán sang Trung Quốc, trong lúc trốn chạy, được bố San cứu giúp nên thuận tình làm vợ. Nhưng khi bố San mắc nghiện, dù đã có với nhau ba mặt con, cô ấy cũng quyết bỏ về xuôi làm lại cuộc đời. San có hai thằng em trai sinh đôi suốt ngày chí chóc nhau. Hình như đã mấy lần San định bỏ học.

Hai cô bé như bông hoa mận đang độ khoe sắc. Mấy cô giáo trêu: “Thầy Hiếu cẩn thận kẻo bị các cô ấy bỏ bùa yêu là không dứt ra để về thị trấn được đâu.” Bùa yêu thì Hiếu không sợ, Hiếu chỉ sợ hai cô bé bỏ học giữa chừng. San thì bỏ học vì nhà nghèo quá, còn Vi có thể bỏ học để lấy chồng sớm. Hiếu để ý thì thoáng có mấy cậu trai ở bản phi xe máy lên tận trường đón Vi. Có lần Vi leo tót lên xe, có lần thì giằng co mãi rồi kéo cả San lên theo. Hôm sau thầy khéo léo hỏi Vi thì cô bé hồn nhiên: “Mấy anh ấy là bạn của anh trai em. Anh trai em thích cái San, đợi nó học xong lớp chín là bắt về làm vợ thôi.” Giọng nói hồn nhiên trong vắt của Vi bỗng gieo vào lòng Hiếu một nỗi lo lắng mơ hồ.

Có lần Vi mang vào tận phòng ở của thầy Hiếu một bọc nilon to tướng, bảo là “của bố em gửi thầy”. Từ chối thế nào cũng không được, anh mở ra, bên trong là kem đánh răng, xà phòng, dao cạo râu và hai chiếc áo ấm kẹp một tờ giấy có nét chữ to cộc: “Ngày nào em cũng muốn học thầy. Hôm nào thầy không dạy lớp mình là em không muốn học”. Hiếu bật cười trước kiểu bày tỏ tình cảm ngô nghê ấy, cả một chút bối rối. Và anh hiểu cần biết giữ khoảng cách với cô bé đáo để này.

Khi kiểm tra vở viết của bọn trẻ, dù không có ý thiên vị nhưng bao giờ Hiếu cũng chăm chú vào tập vở của San hơn. Nét chữ của cô bé tròn xoe, nắn nót, tên bài học nào cũng được tô đậm cẩn thận. Có lần Hiếu thấy giữa tập vở là một lá thư San viết dở cho mẹ chưa kịp xé ra. Dù không có ý tò mò nhưng Hiếu vẫn đọc thoáng qua. Có vẻ như San không muốn về xuôi theo ý mẹ, vì sợ bố và thương hai thằng em nhỏ dại.

Có lần về thị trấn mua ít văn phòng phẩm và tranh thủ thăm mẹ, lúc lên, đi qua một căn nhà lụp xụp ven đường, Hiếu gặp người đàn ông nhỏ thó say ngật ngưỡng, đang cố sức vắn bao ngô lên xe máy, Hiếu dừng lại giúp một tay. Xong việc, ông ta chẳng nói câu nào, rồ máy đi. Hiếu quay ra, bắt gặp ánh mắt vừa sợ hãi ngơ ngác vừa như trách móc của hai đứa trẻ nấp sau cánh cửa gỗ sứt sẹo. Có tiếng lầm bầm: “Bố lại mang ngô đi đổi lấy thuốc phiện”. Một cảm giác áy náy, ân hận trào lên trong anh. Đã toan lên xe, Hiếu lại quay vào nhà, đưa cho hai đứa trẻ một bịch gạo, nửa thùng mì tôm và năm quyển vở. Một đứa lí nhí xin, đứa kia lườm: “Không sợ chị San mắng à?” Hiếu ngăn người, cười trấn an: “Đây là phần thưởng nhà trường gửi cho chị San, đừng nói gì với bố nhé”. Hôm sau đến lớp, San gặp thầy ngay ở cửa, mắt rợp buồn: “Lần sau thầy đừng làm vậy, bọn trẻ không biết giữ lời, bố em mà biết lại lên trường làm khó thầy...”

Không biết từ bao giờ, trong Hiếu len lỏi một thứ cảm xúc khác lạ mỗi khi bắt gặp ánh mắt của San. Cô bé có nét hao hao giống Miên, vóc người mảnh mai và cái dáng vẻ trầm tư với cặp mắt buồn mênh mang như sương chiều. Cái nhìn của cô thiếu nữ mười sáu nửa muốn thoát khỏi cuộc sống buồn tẻ nơi núi rừng để về xuôi, nửa vẫn quyến luyến không rời xa ngôi nhà gỗ sứt sẹo ấy. Có lần thầy Hiếu gặp San động viên cô bé cố học giỏi để thoát cảnh nghèo, và nhất là làm gương cho hai đứa em nhỏ. San chỉ im lặng cười buồn. Tự nhiên, Hiếu thấy lòng mình thất lại.

Hiếu ý thức được tình cảm mà mình dành cho San. Đó là sự thương cảm và cả nỗi niềm đồng cảm nữa. Năm Hiếu học lớp bốn, bố anh theo một bà buôn ngô giàu có về Hưng Yên mở xưởng chế biến thức ăn gia súc, bỏ lại hai mẹ con sống dật dờ trong ngôi quán nhỏ với dăm mặt hàng lèo tèo ở cái thị trấn hiu quạnh. Bố Hiếu vẫn đi theo xe hàng lên đây mua ngô nhưng năm khi mười hoạ mới ghé qua cho Hiếu bộ quần áo. Hiếu vui sâu nó dưới đáy tủ, chưa một lần xỏ tay. Nhiều lần Hiếu hỏi tại sao mẹ không giữ bố lại, mẹ anh chỉ thở dài: “Cái hồn người ta đã gửi ở nơi khác, có giữ lại cũng chẳng ích gì.” Hiếu đa cảm và cá ngi, nên cứ nhìn thấy ở San vẻ cam chịu nhẫn nhục giống mẹ mình. Hiếu chỉ sợ rằng San sẽ bị trai bản bắt về làm vợ, cô lại chôn vùi cuộc đời mình trên những nương ngô ngút ngàn, đếm tuổi xuân của mình qua đi sau mỗi mùa hoa mận trắng. Có lúc vô tình chạm ánh mắt của San, tự nhiên Hiếu lại đỏ mặt. Một niềm yêu thương cứ mơ hồ len lỏi trong nỗi lo lắng phập phồng.

Một sớm vào lớp, Hiếu thấy bọn con trai hò hét ầm ĩ, chuyền tay nhau một tờ giấy gấp tư. Vì mặt đỏ ửng, cố đuổi theo giật lại nhưng không được thì hét toáng lên rồi ngồi thụp xuống ôm mặt khóc. Vào lớp, Hiếu nghiêm mặt mắng mấy cậu trai. Thăng A Pó vênh mặt lên cãi: “Lúc quét lớp, em bắt được cái thư nhét vào ngăn bàn thầy chứ có phải em lấy trộm của nó đâu. Cái Vi thích thầy giáo nên nó không chịu lên xe anh Sùng.” Thăng Sính ngồi bên cạnh quay xuống lè lưỡi trêu Vi: “Bảo anh Sùng hôm nào mời thầy giáo uống rượu ngô, ai say trước là thua.” Vì giang tay tát bốp vào mặt Sính rồi vùng chạy ra khỏi lớp. Thầy Hiếu phải sang lớp bên nhờ cô Lánh chạy theo đưa cô bé vào phòng hội đồng. Trở về lớp, Hiếu thoáng nhìn thấy vẻ mặt buồn buồn của San. Hiếu để ý cả tuần nay hai cô bé không đi cùng nhau sau cái hôm anh trai của Vi lôi kéo bảo San lên xe mà không được.

Tan học, thầy Hiếu đến gặp Vi. Thầy chưa kịp nói gì thì cô bé ngược đôi mắt sắc như dao cau, hỏi dồn dập:

- Thầy giáo yêu cái San đúng không? Tại sao lại cho nhà nó quà?

Hiếu ấp úng:

- Vì hoàn cảnh gia đình San khó khăn, bố San...

Vi gắt lên:

- Không phải, đúng là thầy giáo yêu nó. Em thấy gần đây thầy hay nhìn nó, lại cho nó điểm cao. Hôm trước nó bảo anh Phàn đừng theo nó nữa, nó sẽ đi học dưới thị trấn rồi về làm cô giáo bán. Chính thầy đã xúi nó như vậy đúng không? Nhà em giàu, có xe đẹp nhất bản. Anh Phàn sẽ bắt cái San bằng được, chẳng cần nó làm cô giáo.

Hiếu chưa kịp thanh minh thì Vi đã chạy vụt ra cửa. Mấy cô giáo phòng bên bùm miệng cười. Hiếu đỏ bừng mặt. Anh không sợ cách bày tỏ tình cảm của cô gái mới lớn ấy. Điều anh lo sợ hơn là vì rung động bỗng bột mà Vi và San mất đi tình bạn đẹp. Hoặc giả như vì ích kỉ mà biết đâu Vi sẽ làm gì đó giúp anh trai cướp

vợ. Hôm sau, Vi nghỉ học. Hiếu gọi San ở lại hỏi chuyện. Mắt San đỏ hoe: “Hôm qua bố Vi và anh Phàn sang nhà em. Em mới biết bố em vay nợ họ mấy chỉ vàng từ hồi cưới mẹ em. Bố em có ý gả em cho nhà ấy trừ nợ. Em chỉ xin được học hết năm nay thôi mà chắc khó...”

Hiếu lặng người. Đã mấy lần Hiếu nhìn thấy cảnh một cô gái Hmông tóc tai xỏ tung, váy áo xộc xệch cố vùng chạy thoát khỏi một đám bắt vợ. Lúc ấy Hiếu chẳng nghĩ gì về cái phong tục cổ hủ ấy, chỉ chạnh lòng thương thân phận các cô gái nơi đây. Nhưng giờ đây, ngồi trước mặt anh là cô bé chưa hết lớp chín, là đôi mắt vời vợi mà bấy lâu anh thăm vương vấn. Một nỗi thương cảm xen lẫn cả bức bối chợt cồn lên trong Hiếu. Anh bẻ ngón tay răng rắc, cố tìm lời lẽ để trấn an San mà trong lòng rối như tơ vò. Anh sẽ nhờ mấy cô giáo xuống tận nơi thuyết phục bố San? Anh sẽ nhờ Vi tác động bố và anh trai? Hay anh ngấm ngầm làm thủ tục giúp San chuyển về Hải Dương với mẹ? Tất cả đều không khả thi...

Một chiều Chủ nhật, Hiếu chạy xe trên con đường mòn xuống thác Lao Chải. Hiếu muốn gặp anh em Vi để thương lượng. Đang đi thì cái xe giở chứng, khục khặc mấy tiếng rồi dừng hẳn. Hiếu mang túi đồ nghề ra lúi húi sửa mãi không được đành dắt bộ dọc triền núi. Mồ hôi anh túa ra. Một nỗi bức dọc vô cơ dâng lên nghèn nghẹn.

Hiếu dựng xe vào vách đá rồi ngồi thờ dốc. Anh sẽ phải thuận lòng đón nhận tình cảm của Vi để thương lượng với anh em Vi cho San học hết lớp chín. Rồi lại tính tiếp. Chỉ có thể làm vậy mới cứu San thoát ra khỏi tình cảnh bị gả trừ nợ. Hiếu bứt những lá cỏ gianh bên đường trong vô thức. Lá cỏ sắc lẹm, tay anh rớm máu.

Bất chợt, Hiếu nghe có tiếng loạt xoạt từ phía những lùm sim trên vách núi. Một tiếng súng chỉ thiên vang lên khô khốc, xé toạc sự tĩnh lặng của rừng chiều. Linh cảm có chuyện bất thường, Hiếu đứng dậy cố gắng nổ máy xe. Chiếc xe vẫn lì lợm khạc lên vài tiếng rồi im bật. Chưa kịp dắt xe đi tiếp thì Hiếu giật mình khi một cánh tay rắn như gọng kìm ghì chặt lấy cổ mình. Chiếc xe máy đổ kênh. Mắt Hiếu hoa lên, bóng hoàng hôn nhòa đi, tối sầm...

Hiếu tỉnh dậy trong bệnh viện thị trấn, đầu nhức buốt, một cánh tay bị bó bột nặng trĩu. Ngoài cửa, bóng một anh công an đi đi lại lại. Hiếu loáng thoáng nhớ đến hình ảnh trái tim xanh lét xăm trên cánh tay ghì chặt cổ mình. Trái tim ấy anh đã từng nhìn thấy ở đâu đó rồi mà không tài nào nhớ nổi.

Ngày hôm sau, cô Lánh dẫn Vi vào thăm thầy Hiếu. Cô bé khóc thút thít kể lại chuyện xảy ra trong buổi chiều ấy. Phàn bàn với Vi sẽ hẹn gặp thầy Hiếu để nói về chuyện của San. Sau khi thương lượng xong, Phàn sẽ giả bộ nhờ thầy chở xuống thị trấn, thực chất là đưa Phàn mang “hàng” đi qua đồn Biên phòng vì biết các cán bộ đều quen mặt thầy Hiếu. Nhưng anh em Vi không hề biết kế hoạch đào tẩu của ông bố, một mắt xích quan trọng trong đường dây buôn bán thuốc phiện về xuôi. Và khi thấy mình lọt vào vòng vây của bộ đội biên phòng, Phàn

buộc phải ra tay bắt thầy Hiếu làm con tin khi cuộc gặp gỡ thương lượng chưa kịp diễn ra.

Hiếu nén tiếng thở dài, ái ngại nhìn cặp mắt đỏ hoe của Vi. Cô bé tần ngần: “Công an về khám nhà em, lục tung cả mấy hòm quần áo. Chiều qua em sắp lại đám váy thổ cẩm mang cho bọn cái Dúa, cái Vân rồi. Mẹ em bảo sang tuần đưa em về dưới xuôi ở nhờ nhà cậu mợ. Chứ ở đây, chắc em cũng không dám đi học tiếp.”

Qua tuần, Hiếu ra viện. Bọn học trò lấp ló ở cửa, đùn đẩy nhau, lúng túng đặt lên bàn một bịch trứng gà và bó măng tươi. Đám con trai cầu chí nhau xì xầm một lát rồi thi nhau lục tung giá sách của thầy. Mấy đứa con gái ngồi mân mê quả địa cầu nhỏ xíu. Hiếu mỉm cười, cảm giác thân thương quá đỗi, xen cả chút hụt hẫng vì trong đám trò ấy không có San. Hiếu toan hỏi lũ trẻ, lại ngập ngừng e ngại...

Hiếu trở lại lớp học. Lớp vắng quá nửa. Giờ ra chơi, Hiếu tranh thủ vào phòng thầy Hiệu phó. Thầy Hiệu phó gầy nhẳng, nheo nheo mắt uể oải đáp lời Hiếu sau khi nhả khói thuốc缭绕 mù mịt: “Ờ, có hai trường hợp xin chuyển về xuôi là Sùng Thị San và Giàng Thị Vi. Còn lại nghỉ không lý do. Cậu khỏe hẳn chưa? Chiều nay bảo thầy Vũ đưa xuống bản nhé.”

Hiếu tìm đến nhà trưởng bản thì được biết cả nhà San đã chuyển về xuôi. “Ầy dà, về với vợ người Kinh mà làm lại cuộc đời. Ở đây rồi chết chìm trong khói thuốc thôi.” Trên đường về, ngồi sau xe thầy Vũ, Hiếu cứ miên man mơ tưởng đến một ngày sẽ nhận được những lá thư từ xuôi gửi lên: “Thầy ơi, mấy chị em em đã được đi học ở một ngôi trường hai tầng rất đẹp. Từ nhà bà ngoại đến trường không gần lắm, nhưng bọn em đi bộ một loáng là tới. Em sẽ cố gắng học để đi làm cô giáo, không phải làm công nhân vất vả như mẹ.”

Sương chiều lan dần xuống phủ bạc cả con dốc. Gió thốc vào mấy quán hàng xiêu vẹo bên đường. Vài cô gái Hmông mắt lấp lánh bên sạp hàng thổ cẩm. Hiếu chợt da diết nhớ ánh mắt rợp buồn của San, cả tiếng khóc thút thít của Vi nữa. Anh hy vọng những bông hoa mạn trắng ấy sẽ đơm quả ở một vùng đất mới. Bên kia sườn đồi, những nương mạn đang vào mùa quả xanh mướt trong bóng chiều. Một mùa Xuân nữa lại sắp về...

HỒ PHI PHỤC

Hồ Xuân Hương

Đất thấp lũ ngần ngơ
Bút phê Sầm Nghi Đống bé nhỏ
Trời cao vươn tay với thử
Sóng gió huy hoàng.

Cuộc chơi tài hoa trong sáng
Tình trường lận đận rối bời
Nhìn sợi dây thừng xã hội mà ngao ngán
Chống chọi, đầu riêng một kiếp người.

Bà là Cô là Chị là Chúa thơ Nôm
Một dân tộc sáng ngời lịch sử
Không ngừng trôi bao thời bão tố
Những vần thơ độc đáo cháy lòng.

Ôi, ngàn năm rừng biển mệnh mông
Tung trời khí phách
Một cánh chim sổ lồng.

HỒ MẬU THANH

Ngày Xuân, đọc thơ tình Hồ Xuân Hương

Nhìn người sóng soãi không gian vỡ
Trăng ngấm hình hài độ sương mai
Nhịp sống đạo đời vu vơ thờ
Hồn hể qua mùa mưa ngâu phai.

Vẫn nôn nà, góp gió Thu phe phẩy
Vẫn non tơ như thuở mới đâm chồi
Đủ dùng dâng cho những tiệc vui
Đủ vi diệu để vạ đời vi diệu.

Ẩn ý ngôn từ thật cao siêu
Đầu mảy cuối mắt rõ chữ yêu
Lầu son gác tía đêm trăng gió
Ngắm cảnh đề thơ thật mỹ miều.

Đôi lứa tường minh tình như trộm
Để rồi mộng tưởng cứ chênh vênh
Rút gọn trăm năm gheñh sinh tử
Định mệnh dở dang đẹp mối tình.



Thơ đối cùng ai, đối lại đi
Liều rủ ven hồ bóng thiên di
Cá đối vẩy đuôi mùa Thu động
Thiên hương quốc sắc vẫn mà không.

Hoang oải màu hoa, hoa của đá
Thạch nhũ thì hay dễ phiêu bồng
Muốn đem dâng tặng người quân tử
Tìm đâu quân tử hỡi ngàn năm...?

THẠCH QUỲ

Trong buổi chiều gió thổi bẹ măng rơi

Trong buổi chiều gió thổi
 Bẹ măng rơi
 Mấy chú cò con miệng hồng như lửa
 Rối rít chen nhau
 Ngỡ bóng mẹ về
 Trong buổi chiều gió thổi bẹ măng rơi
 Trên những ao chuôm chằng đầy lưới bẫy
 Trên cánh đồng gần, trên cánh đồng xa
 Trên mặt nước
 Trên bờ cỏ
 Người đánh cò cầm đầy cò mồi
 Cắm đầy những chông tre, rẻ nhựa...
 Trong buổi chiều gió thổi bẹ măng rơi
 Bên các chợ chim, trong cửa hàng đặc sản
 Những thực khách mặt đỏ hơi men cười nói bô bô
 Phô hai hàm răng trắng như tông đơ cắt tóc
 Nhìn chim quay trên lửa
 Tựa nước bọt
 Ngồi chờ
 Trong buổi chiều gió thổi
 Bẹ măng rơi
 Mấy chú chim con miệng hồng như lửa
 Rối rít chen nhau ngỡ bóng mẹ cò về
 Bẹ măng rơi lên đất
 Nằm im
 Bờ tre vẫn rì rào gió thổi
 Nhưng mẹ cò thì không bao giờ về nữa...

Những ngày cách ly

Anh ở trong phòng từ sáng đến tối
 Từ sáng đến tối anh ở trong phòng
 Có cái gì không ở ngoài cánh cửa
 Ở ngoài cánh cửa có cái gì không?
 Em ở phương Đông từ sáng đến tối
 Từ sáng đến tối em ở phương Đông
 Có cái gì không ở phương Đông ấy,
 Ở phương Đông ấy có cái gì không?
 Người phương Đông hỏi người phương Tây
 Người phương Tây hỏi người phương Đông
 Có cái gì không ở phương trời ấy,
 Ở phương trời ấy có cái gì không...?

THƠ

NGUYỄN HÙNG VỸ

Nối vòng tay ôm

Cây hương hóa xác đến tàn
Vẫn còn nín giữ gốc ngàn giang, tre.

Con sông vắt kiệt ngày Hè
Để Thu lú rú trăm khe hợp dòng.

Con người nhiều nhớ lắm mong
Để xa xôi lại nối vòng... tay ôm.

BÁ CANH

Em cấy lúa Xuân

Ra Giêng em cấy lúa Xuân
Chân em lội ruộng tím bầm màu da
Rét hại, rét đậm ủa qua
Thương cây mạ yếu đã ra giữa đồng.

Còn đâu đôi má em hồng
Đôi chân trắng lội xuống bùn lấm lem
Trắng đen em đã từng quen
Như cây mạ yếu thấp hèn có sao.

Hỏi từ thấp hỏi lên cao
Có ai chê gạo hạt nào không ngon?
Mai người bưng bát cơm thơm
Đừng quên trong đó bao cơn rét dài...!

ĐINH TIẾN HẢI

Giấc mơ

Đôi khi nhớ anh
chân trần chạy trong chiều cô độc
những ngọn gió quất vào em đau nhói
nhưng không làm em ngã
không làm em sợ
chỉ nỗi nhớ đầy lên
nghe như máu ngược tim mình.



Đôi khi tuyệt vọng
em như con chim lạc bầy
bay trong chiều hấp hối
giấu mình vào cọng cỏ khô run rẩy
đêm mơ màng sương Thu
một bông cỏ nhìn em rất sâu... rất sâu
và ai đó gọi tên em
gương mặt anh hiện ra thánh thiện.



Này! người tình trong mơ
anh là vị thần
anh là bình minh
anh là tuyết băng
hay anh là mặt trời đầy chói?



Chỉ khi ngã vào anh
em mới biết mình còn sống
và khi tỉnh dậy
giấc mơ không hiện hữu bao giờ.

NGUYỄN ĐÌNH ANH

Với mẹ chiều cuối năm

Chiều cuối năm con về với mẹ
Thăm lại ngôi nhà mẹ sống tám mươi năm
Bức tường cũ xây sơ bằng vôi cát
Giờ hoen màu loang lổ trước thời gian.

Vẫn là Tết như ngàn năm cũ
Vẫn là chiều như mọi chiều qua
Nhưng gặp mẹ chiều nay bao đổi khác
Con nghẹn ngào nước mắt, gọi mẹ ơi...!

Xin đa tạ một thời gian khổ
Mẹ nuôi con bằng cơm độn, tếp kho
Bằng đồng bạc chất chiu khó nhọc
Đắm mồ hôi nắng gió quê nghèo.

Xin đa tạ mái tranh nghèo xóm nhỏ
Che một thời non dại tuổi thơ con
Nơi buổi sáng lên đồng cắt cỏ
Nơi buổi chiều đến lớp giữa làn bom.

Nơi có một mảnh vườn xào xạc gió
Có con đường mong đợi bóng em qua.
Em e thẹn chia tay tôi ngày tròn mười tám tuổi
Để bây giờ sống ở phương nao?

Chiều Ba mươi lòng bỗng nôn nao
Cơn gió lạ có mang em trở lại?
Để em đến bên giàn trầu em hái
Một lá trầu dâng cho mẹ, mẹ ơi.

NGÔ MẬU TÌNH

Hồi sinh

ngày xước
bàn chân rời núi
ủ hương trong vòng tay
đêm về

làn môi mềm cỏ
nở âm thanh
trên hàm răng
của gió

khi ấy em và tôi
vũ điệu Tango
bước chân
trong từng nốt nhạc
say

thời gian
khuấy loãng những nếp nhăn
nụ cười hòa âm
loang vào em

lúc đó ý niệm
đêm là ngày ở thiên đường
tình yêu vỗ cánh
tôi ngắm hạnh phúc trong mắt em

vẫn biết
sai số của nỗi nhớ
chìm vào cơn khát
trong tiếng chim gọi bạn

ngày lẫn vòng xe
kéo những sợi chỉ ngôn từ
tầm thăm dệt bằng ánh sáng

lúc em thôi khóc
từng mảnh vỡ
hồi sinh.

THƠ

DƯƠNG THUẤN

Em đẹp thì anh cứ yêu

Họ bảo em có nhiều bạn
Anh không tin.

Họ bảo em có người yêu
Anh không tin.

Họ bảo em đã có mấy người yêu
Anh không nói gì.

Họ bảo em đã có chồng
Anh cũng không nói gì.

Họ muốn nói thế nào thì nói
Anh chẳng bao giờ tin họ
Em đứng dưới gốc *sau sau*
Anh cũng đến đứng ở bên...
Em đi hội *lồng tồng* anh cũng đi theo
Em tung quả còn lên, anh đón lấy...

Họ muốn nói thế nào cứ nói
Em đẹp thì anh cứ yêu
Anh chỉ nghe trái anh tim giục giã...

Đánh đàn gọi bạn tình

Hoa đào đỏ
Hoa mận trắng
Sương bay giăng giăng...

Tiếng đàn tính xanh xanh
Bay đi trên muôn cánh hoa
Rồi về đậu vào vai vạt nắng
Vạt nắng sáng lung linh, lung linh...

Cầm đàn lên ta đánh gọi bạn tình...

NGUYỄN ĐÌNH CHÍ

Bài thơ chưa đặt tên

Ta thương một người
Ta lấy một người
Đường nào lá rụng?
Đường nào xanh tươi?

Ai ưa phong nguyệt?
Sơn hà rong chơi
Ai buồn duyên phận?
Cỏ xanh bên trời
Ai màng phú quý?
Bon chen giữa đời
Ai số vất vưởng?
Gió chờ muôn nơi.

Ta là ai nhỉ?
Chỉ là... thế thôi
Bốn mùa cho nhận
Bốn mùa chơi với
Em là ai nhỉ?
Khúc nhạc không lời?
Em là ai nhỉ?
Là ai? Em ơi!

MAI LIÊU

Tháng Giêng

Tháng Giêng ơi nói điều chi
Mà nghe cây cỏ thắm thì lời xanh
Mà nghe tiếng gió trêu cành
Gọi mùa Xuân, gọi ngọt lành - tháng Giêng.

HỒNG THỦY TIÊN

Những chiếc lá hồi sinh

Vội vàng gom những chiếc lá
Đầy hai túi
Chạy trốn mùa Thu

Kệ cho con đường dẫn đi, tới khung trời nào, hay nơi đâu

Tôi đang viết lên đời mình cả nghìn dòng vô nghĩa
Thấy bất lực, và loay hoay...

Ngoài kia gió đã đập mồn cánh cửa
Tôi sợ đau đến những thứ vô hình.

Vũ trụ đang xoay vòng và tôi bị bật ra khỏi đời sống này
Bằng nỗi sợ của lòng tay khum khum trốn đêm tối, trốn ánh ngày
Chờ dần dần đom đóm soi đường, thế mà chẳng thấy nơi đâu ngã rẽ.

Hai hàng nước mắt lóng lánh
Tôi tìm ai đó chìa bàn tay nồng ấm, dẫn tôi băng qua đường hầm
Bỏ sau lưng im lặng mê man nuốt mồn dần ham sống.

Màu cỏ mướt xanh, và bông hoa đồng nội đồng loạt xòe cánh, thoang thoang hương
Tôi quỳ xuống
Những chiếc lá dưới lòng đất nâu sáng bừng... hồi sinh!

THƠ

NGUYỄN BÍCH LAN

Bận sống...

Lúc người ta ngồi tụm lại với nhau
Trong bóng râm của ngày nắng quái
Thì thầm về số phận ngặt nghèo của tôi
và ái ngại
Tôi đang bận gieo hạt trên đồng...
Lúc người ta ngồi tụm lại dưới bóng râm
Xi xào về nỗi cô đơn của tôi
và thờ dài trễ nải
Tôi đang bận tưới nước cho những mầm xanh...
Và khi hiềm hoi mới có một mùa vàng
Họ trầm trồ khen ruộng tôi mấy hạt
Tôi đang bận vỡ đất cho mùa sau...
Họ thờ dài về sự ngán ngùi của đời người
Quả thực tôi bận sống
không có thì giờ đo đếm!

LÊ HẠNH

Tiến người đi biển

Đã đến lúc lên đường ra bến cảng
Một người đi phải rỗng rần cả nhà
Xa tuần lễ, mười ngày hay cả tháng
Cả bốn người chung một chiếc hon-đa.

Thằng em vội trèo nhanh ngồi phía trước
Thằng anh đành để mẹ giữ đằng sau
Cả hai đứa nhi đồng vui háo hức
Áo, khẩu trang, mũ chụp kín quanh đầu.

Tiếng riu rít tan hòa trong gió lạnh
Lời dặn dò được mắt thoáng bên tai
Trước cổng cảng, giọng con chào lạnh lạnh
Còn lại cha nuốt trọn quãng đường dài.

Chiếc xe lại nhòa vào đêm ồn ã
Tôi mang trời thương nhớ trĩu sau lưng
Thành phố đã lên đèn sao xuyên lạ
Có một người trên cầu cảng rưng rưng...

LỮ MAI

Bức tranh Xuân

Bắt đầu bằng nỗi nhớ băng quơ
mặt hồ đầm sương mắt người khê chớp
cây mỗ già lá rụng rơi tiếng nước
mầm non xanh nhường bước những ai về.

mãi mê ký họa nét chì thật mảnh
xuân men qua rào thưa tóc xanh
phố thị âm lành lời rao gõ cửa
mở ra phon phớt hoa đào.

cùng đánh thức ban mai
cùng đánh thức bao điều quên lãng
một vầng mây tỏa rạng đằng đông
một quãng nước vin bóng người náo động.

LÊ HOÀNG SƠN

Lãng đãng tình Xuân

Trầy mùa Đông tặng yếm xuân
Khoác hờ mái lá, xanh thăm tơ non.

Giọt linh nhuận tưới sinh tồn
Giọt thiêng áp đất môi hôn nồng nàn.

Nổi lòng phát tiết mang mang
Soi tình mắt nắng mơ màng sương trinh.

Mây giăng lớp lớp phân minh
Rừng phong đỏ nhớ ru tình lối xưa.

Nguyên khôi băng lãng giao thừa
Cánh trầm thảo mộc nhẹ đưa hương thăm.

Đất trời phồn thực ái ân
Nghe đồng mùa vụ trong ngần hiển xuân.

Hoa Xuân

Mỗi đóa hoa nở một mắt nhìn
mỗi niềm tin tỏa hương thăm thĩ
mưa ướt mi xuân thì trời dậy
rót bao nhiêu mơ mộng cho đầy.

chỉ cần tắc lòng như mây
sà xuống là dậy sóng
áo em mang màu hoa trắng
bởi nhớ thương bỗng chốc chuyển sang hồng

khi mùa Xuân xa gần còn ngóng đợi
khi những hạt mầm chưa kịp nảy chồi xanh
khi không một ai mơ mộng bắt thành
hương hoa sẽ làm nhịp tim ấm lại.

THƠ

LÊ THÀNH NGHỊ

Cánh buồn đỏ thắm

Lá vàng dậm cỏ
Mây cuốn chân trời
Bao lần qua ngước nhìn nàng vọng phu vẫn đó
Mỏi buồn không em?

Hình như không thể khóc thêm được nữa
Em hóa thành đá rắn giữa muôn cây
Hình như không thể mềm hơn được nữa
Em hóa thành yên lặng giữa mây bay!

Bao giờ, bao giờ... xa xót cuối chân mây
Hiện về, hiện về... cánh buồn đỏ thắm
Bao giờ, bao giờ... trong đá rắn
Run rẩy về nhịp đập trái tim em?

Đêm Vĩnh Yên

Mặc đêm muộn
Người đi vào bóng tối
Sông Hồng nhìn theo vệt sáng sau lưng.

Đêm Vĩnh Yên
Đèn thức vườn vắng
Gió heo may
Se bàn tay gầy.

Từ đâu đó trong màn sương muộn
Riu rít không gian
Tiếng chim về ngàn
Gọi cánh chim lẻ bạn.

Từ đâu đó ngập ngừng trăng lặn
Ngập ngừng gió thoảng ngoài hiên
Ngủ yên, ngủ yên
Vĩnh Yên là mãi mãi bình yên.

NGUYỄN HỒNG CƯỜNG

Ngày không đơn côi

Em thả gùi xuống biển
Sóng đánh anh tươi bời
Em gieo gùi xuống đất
Mà màu xanh lên ngôi.

Chúng mình chưa vụn nẻo
Nên sợ gì phai phôi.

Em nhìn gì vào gió
Gió thổi tóc em bay
Em nói gì với mây
Mây lang thang đây đó
Một ngày không mây gió
Một ngày anh đơn côi.

TRẦN NGỌC KHÁNH

Nhớ

Cây đa bến cũ con đò vắng
 Một cánh buồm cong giữa ráng chiều
 Nhớ bếp, mùa sang mùi rạ nếp
 Hồn quê, xanh khói phía cây nêu.

VÂN ANH

Lỗi nhịp nhân gian

Nàng là ai?
 cao sang, dân dã
 Tự họa chân dung trác lạ.
 Tự khoe nồn nường thiếu nữ.
 Tự ngã "tắm lòng son" giữa "bảy nổi ba chìm với nước non"
 Tung danh thiếp nữ tôn "Này của Xuân Hương..." trước chế độ nam quyền vây hãm.
 Tháo gông "tam tòng" mặc định thân phận
 chối bỏ vác thập tự khổ đau qua sa mạc... hôn nhân.
 Nàng là ai?
 Dám xé toạc khế ước bịt bùng lễ giáo
 Lộ áo dối hèn "hiền nhân, quân tử"
 Nude khát thèm tình yêu lứa đôi!

Hai trăm năm thế sự lở bồi
 Nàng đứng đó dương cao tuyên ngôn đòi "đổi phận"
 Nàng mê mãi tấu khúc bình quyền, bình đẳng
 đợi bao thế hệ đàn bà đồng hành!

Khói bụi thời gian mờ tỏ chủ nhân "Cổ Nguyệt Đường"
 Những bí ẩn mối tình trái ngang...
 Khát vọng nữ quyền gãy cánh...
 Còn lại cho đời... một Bà Chúa thơ Nôm!

"Lại đây"... "Chị dạy làm thơ"
 Thơ không son phấn... mấp mô nhịp đời.
 Trái tim vỗ khúc đơn côi
 Biển Quỳnh sóng chẳng sánh đôi... thương Nàng!
 Xót đau lỗi kiếp nhân gian
 Dâng Nàng thơ mộc đôi vần tri âm.

THƠ

PHAN THỊ THANH NHÀN

Tượng Phật ở chùa Dâu

Tượng đẹp như cô gái quê
Vạt nâu áo vải bay về phía ai
Vành khăn nghiêng xuống bờ vai
Môi hồng chúm chím nụ cười trang nghiêm.

Ngôi chùa nằm giữa đồng chiêm
Sáng bừng vẻ đẹp rất duyên rất đời
Tượng thiêng mà thắm tình người
Ôi - cô gái nhỏ tự thời xa xăm...

Dáng ai thanh thản chuyên cần
Người thon, nét ngọc sâu đậm niềm vui
Bàn tay ai tạc nên người
Với tình yêu tự bao đời sáng trong
Tươi duyên, giản dị, nâu sồng
Mà nghiêm trang đứng thông dong đợi chờ.

Tôi như người của ngàn xưa
Đi xuyên cõi Việt - bây giờ gặp em.

TRẦN QUANG DIỆN

Cuối Đông

Lạnh lùng làn gió heo may
Thổi se môi tím, đan tay nhúng bùn
Áo tơ xoay phía mưa phùn
Chân trần ngập nước, gió luồn buốt lưng
Bóng nhòa mặt ruộng rưng rưng
Gom từng mảnh mạ, mơ bừng hạt vàng
Mẹ tôi giữa cánh đồng làng
Trời còn sương giá, chân đang lội bùn.

TRẦN THỊ HUYỀN TRANG

Tìm

Rủ nhau đi tìm ngô đồng
Ngô đồng hiu hiu dứt lá.

Rủ nhau đi tìm cây khế
Khế hoa gieo tím đầy sông.

Rực rỡ những gà những công
Bia rừng lập lòe tiếng cáo.

Núi xa trở tuyết đầu Đông
Bên trời phượng hoàng xếp cánh.

Gió ơi gió hỏi điều gì?
Sóng trả lời bằng muối trắng.

Trên đường

Gió mưa lem cả mặt đời
Mai này ai khóc ai cười biết đâu
Sá gì nhân thế hiểm sâu
Yêu thương cứ đội trên đầu mà đi!

NGUYỄN NGỌC PHÚ

Viết ở Thiên viện Trúc Lâm Đà Lạt

Lên cao hơn nghìn mét vẫn gặp núi
Lên cao hơn nghìn mét vẫn gặp hoa
Lên cao hơn nghìn mét vẫn gặp Người
Người nói với Người giọng sương, giọng khói...

Lên cao hơn nghìn mét không vượt nổi thông
Lên cao hơn nghìn mét không cao hơn cỏ
Người bên Người bé nhỏ
Hòa vào tiếng chuông...

VŨ AN

Ký ức xanh

Giã từ năm tháng cách xa
Về thăm chốn cũ quê nhà Giêng, Hai.

Vui gì hơn những sớm mai
Mặt sông rộn rã vạt chài khua te.

Tháng Ba cuộc đã gọi Hè
Chiều ngồi hóng mát bóng tre đầu làng.

Vườn đình hái phượng nhật bàng
Gặp chùm hoa dẻ thơm vàng nắng trưa.

Cuộc đời sương gió nắng mưa
Giàu trang ký ức đến giờ còn xanh.

Dẫu không đắp lúy xây thành
Bồi hồi mình lại nhớ mình ngày xưa.

VŨ VĂN THOAN

Đón giao thừa

Giao thừa mới đó mà nhanh,
Lửa reo nổi bánh chưng xanh chín rồi.

Ngày xưa cùng mẹ ta ngồi,
Ngóng trông tới phút giao thời này đây.

Qua rồi cái tuổi thơ ngây,
Quẩn quanh mê mải với ngày Tết xưa.

Đêm Ba mươi rét và mưa,
Mà lòng ấm áp như chưa bao giờ.

Bồi hồi về lại tuổi mơ,
Thắp hương bày lễ, tôi chờ mẹ tôi.

Cửa ngoài tiếng gió khe thôi,
Giật mình, con ngõ mẹ ơi, mẹ về...

THƠ

THANH YẾN

Vọng...

Em đã về đây mà anh ở đâu
Một bức tường nâu một màu phố cũ
Một mình em cơn mưa chiều vùn vù
chợt vọng về một thoáng hư không.

Em tìm về ngày cũ lòng bông
Nơi góc phố xưa có cô gái đầu trần đội nắng
Bằng lăng tím neo hồn về khoảng lặng
của một thời dẫu yêu...

Em không buồn đâu, cay đắng cũng đã nhiều
Sao phút giây này còn nghe lòng mình chao chát?
Tháng Năm gió Lào thổi rất
Nhận ra mình xơ xác với ngày xưa.

Em đã về và trời vẫn mưa
Chỉ chỗ của anh thôi là trống
Ngày mai giữa đường đời dài rộng
Mong mình không là gió Lào thổi rất tìm nhau...

TÚ UYÊN

Xuân lỡ hẹn

Con bận lắm, Tết này không về được
Ừ thôi con, niêu cá mẹ phần
Cặp bánh chưng gió Đông lừa lại luộc
Gột mốc xanh gốc lá mấy lần.

Bao Xuân hứa ra Giêng rồi vẫn vậy
Cánh én nghiêng vội vã lúc lam chiều
Mẹ nheo mắt ngắm mai đào phai nắng
Bếp lụi dần, đổ đắng vách mẹ xiêu.

Năm nay nữa chắc rồi không dám hẹn
Sợ sương rơi bạc tóc, da mồi
Đêm trừ tịch mẹ có ngồi tựa cửa
Ngóng con về xông đất nữa mẹ ơi?

PHẠM HỒ THU

Trò chuyện với nàng Mona Lisa

Nàng ngồi đó trên tường trong bức tranh vĩnh cửu
 Nàng Mona Lisa
 Làn môi nũng nịu và khóe môi kiêu hãnh!

Nàng ngồi đó trên tường, Mona Lisa
 Ngồi đó và mơ ước những dòng sông xa
 Người đàn ông của nàng mê mải
 Đang tập bay cùng những chú đại bàng.

Nàng ngồi đó, trên tường
 Đừng bước xuống - Mona Lisa
 Đừng nhìn vào đôi mắt buồn thăm thẳm của người đàn ông yêu nàng
 Người có số phận đắng cay và nụ hôn bỏng cháy
 Sẽ không thể chối từ
 (Dù nàng đã lạnh lùng đi qua những lời cầu hôn kèm bao tài sản, ngọc ngà...)
 Hãy ngồi đó, im lặng - nàng Mona Lisa
 Đừng đổi thay!
 Nàng sẽ không chịu được sự nhạt nhẽo
 Không chịu được sự thiếu thủy chung
 Không chịu được tình yêu tính toán vô hồn...

Hãy ngồi đó, trên tường
 Nàng Mona Lisa - trong bức tranh vĩnh cửu
 Làn môi nũng nịu
 Nụ cười bờ ngõ và khóe môi kiêu hãnh
 Ngồi đó, trong thế giới này
 Im lặng
 Ấm áp
 Kiêu hãnh
 Lạ xa...

VƯƠNG LONG

Tháng Giêng chiều gió

Âm đạm bao ngày, chiều bỗng gió
 Thổi tung
 Nắng vỡ
 Rộng thênh trời...
 Khoảnh vườn dậy sóng nghìn cây vỗ
 Rũ sạch áo vàng, phô nồn tươi.

TRẦN QUANG QUÝ

Phố sách ngày cuối năm

Sách hạ giá bày hoang vỉa hè
những con chữ im lìm ngủ vùi sau bìa mốc
phố vẫn phố dọc ngang đời phố
đắng lòng chữ khóc cầm.

Người đi xênh xang, người tấp nập sắm mua
tôi đi lẻ chợ vỉa hè chữ nghĩa
Xuân vẫn hoa, đất trời vẫn guồng quay vầy vộ
tự hỏi mình, liệu có quá vên vì nhiều trắc ẩn?

Những con chữ thực dưỡng tâm hồn
những con chữ hạt nhân trong vũ trụ tri thức
những con chữ bay ta mọi nẻo đường sinh kế
phanh ta một cú trượt bánh xe...

Thời thế đã thay rồi, tôi biết
người đọc cũng khác rồi, tôi biết
thương ngôn ngữ phơi trần và hạ giá thảm thê hè phố
hay thương bạn bè, đời bút có trong kia?

Ngày cuối năm và năm mới sắp sang
tôi tần ngần tìm cuốn sách ưng ý
hay tìm mình để mua lại chính tôi!

Sáng

Thức dậy bằng một sự thúc giục nào đấy ngoài ý thức
trong tinh mơ bỗng sáng
sáng dắt tôi trong những cấu trúc không gian không phổ biến
có con đường về hóa giải lịch sử.

Những cái đầu rụng xuống không phải vì kiếm sắc
rụng vì những cái đầu tàn độc

những ngai vàng rụng xuống có thể là lúc nó phải rụng
 một chuyển hóa không quen nhìn
 trong vô hình khói sương
 ta học được chữ “tùy duyên” Đức Phật.

Có sự học cả đời chỉ nhận ra một chữ
 có sự học cả đời chưa hoàn thiện chữ Người
 trong thế giới hỗn mang, hỗn mang luôn chuyển động
 như ta hỗn mang ta trong cái nhìn quyền rũ em
 khoảnh khắc lạ kỳ một ký tự ngày.

Lột vỏ nhân loại thấy những chuyển dịch khác
 những chủng loại khác biến thể khác, dải ngân hà khác đang nhìn ta
 nhưng chủng loại Người vị muôn đời là máu mặn
 máu hòa trộn ta trong thế giới ta không phải để khỏi nhàm lẫn
 chỉ để ta là ta là nước mắt không thay thế bằng hóa chất
 có tình yêu thương nào ngoài vỏ nhân loại?

Tôi nhắm mắt linh cảm
 nhúng soi mình và sáng bật lên.

PHAN THỨC ĐỊNH

Thèm

Lại thèm có những phút giây
 Đồi cao vọng ngóng chân mây cuối trời!
 Dang tay đón nắng mà tươi
 Chùng chình trùng núi đưa nôi sớm chiều!
 Lại thèm một thoáng khăn piêu
 Cuốn theo lá gió yêu kiều bản xa
 Lại thèm ánh lửa rừng già
 Reo lên như hội đuốc hoa năm nào
 Nghiêng tai lắng những tiếng rao
 Bật không ai bán hội pao mình cần.

THƠ

HOÀNG LIÊN SƠN

Hàng rào

Tuổi thơ

Theo ông và cha ra miếu làng mời tổ tiên về ăn Tết
Con tung tăng chân sáo
Cả lúc đi lẫn về.

Trung niên

Vẫn chiều cuối năm nhưng bước chân nặng hơn
Hàng rào giữa con với nơi này đã bớt đi một lớp.

Cầu tiền nhân ban phúc

Cho lớp còn thì sẽ còn lâu!

VƯƠNG NGỌC BÍCH

Tâm sự cùng hoa

Lại thêm năm nữa hoa ơi

Bao nhiêu nhung nhớ cái thời đã qua

Sáng nay, trước mái hiên nhà

Hương thơm nhắc nhớ - tình xa... bồi hồi...!

NGUYỄN VĂN HÙNG

Với thơ

(Quý tặng nhà thơ Vũ Quần Phương)

Nhớ Ngày Thơ năm ấy

Ông vào Vinh quây quần

Chuyện nhắc nhiều về Bác

Ngồi hổ xí đọi Xuân!*

Thơ sống như người sống

Là nghề chẳng phải nghề

Vì nó không chỉ nó

Thơ là thực trong mê...

* Mượn ý một bài thơ của Bác Hồ ở "Nhật ký trong tù".



Minh họa: HỒ THIẾT TRINH

TRẦN THU HÀ

Trả lại niềm vui cho bóng

Nàng vỡ vụn trong tiếng cười xanh xao phổ
 Khi những chiếc lưới dài ra dài ra dẫu sầu nhân quả
 Nhìn chúng công kênh nhau chạy là lúc nàng lã đãng nôn nao biến nàng thành đồ
 hộp, rơi nát mặt người giữa chốn phù hoa.

Đã đến lúc nàng cởi bỏ tấm áo choàng trả lại niềm vui cho bóng. Để lộ tấm thân ngà
 ngọc tâm hồn cháy bỏng
 Gót chân trần bơ vơ lội vào biển khát
 Biển đâu biết ngàn con sóng ngằm quẫy đập
 Biển cứ xanh mặc sóng bạc đầu.

Thừa không khí sao ta khó thở
 Nàng thấy mình đã chết, chết trong mưa gầy nhập vào bóng ma ngày biển động
 Lạnh lẽo và cô đơn
 Không nhau, không ánh mắt nụ cười, không...
 Ai sẽ vực nàng lên khi đôi chân đóng dấu vào muôn năm cũ.

Nàng đã vỡ vụn trong tiếng cười xanh xao phổ
 Cổ ứ ghen
 Nghệt thở
 Nàng cố vẫy vùng thoát khỏi những vòng tay...!

THƠ

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Tết của cây

Cây có Tết hay không có Tết?
Cây hiểu hơn ai
Tết của riêng mình...

Tết là mùa ra hoa kết quả
Là đâm chồi, nảy lộc sang Xuân
Thế rồi nắng lửa
Thế rồi mưa đông...

Rễ bám đất
Cho chim về làm tổ
Tết là tiếng hót dính trên lá cành
Là riu rít lũ chim non.

Ta học cây
Dâng cho trời đất hương thơm
Dâng cho muôn loài sắc thắm
Cây rạ rơm hay cây cổ thụ
Cũng đem mùa dâng hết lòng cây.

Cây giữ nước giữ non
Cây che bóng mát xuống đời khát bóng.

Vì thế,
Nước có nguồn nên cây có cội
Trời có bốn mùa
Đất có muôn phương.

Người có trồng cây mới hiểu
Tết của cây rạo rực một phương lòng...

HUY LINH

Hội làng

Ta vừa hái ngọn heo may
mong manh rơi trắng ngõ gầy xuyên chi
nghe trong hương cỏ thắm thì
trôi mềm gót ngọc em đi hội làng.

Vội gì một chuyến đồ ngang
sao em để ánh trăng vàng vỡ đôi
chỉ còn ngọn sóng mờ côi
rưng rưng rơi xuống bãi bồi xa xăm.

Sân đền rỗng tiếng chầu văn
cô đồng trả lại chiếc khăn đội đầu
ngoài hiên rạc bóng thân cau
tàn đêm lạc tiếng trống chầu mông lung!

Nụ cười thành phố mùa Xuân

Nhạc: TRỊNH QUANG THUẬN

Tập Vokal + nhạc

7 Solo 1 Này em hãy nhìn (La Vokal) liêng nụ cười trên gương mặt
 14 sáng đang yêu Solo 2 Em hãy nhìn (La Vokal) mùa
 22 xuân rung cành lộc biếc trên phố phường mưa xuân nhẹ ướt tóc em Hít... Hít... Hít...
 27 Náo nức náo nức những dòng người đi trên phố Em ước mơ gì mùa xuân đang tới
 34 xuân về xuân về mùa xuân quê hương Xuân vui náo nức những con đường
 40 đôi lứa vui trẩy hội nụ cười anh mắt lứa đôi yêu nhau biết là mùa xuân đang tới
 46 Mùa xuân mùa xuân đã về trên bao nụ cười rạng rỡ mùa xuân mùa xuân bắt đầu lãng
 52 lãng hơn say đắm trời Mùa xuân mùa xuân đã về ta xây những niềm mơ ước đắm
 57 say tình yêu ban đầu thành phố quê hương mến yêu
 CODA
 Chào mùa xuân quê hương chào mùa xuân quê hương.

Mùa Xuân và hoa đào

Thơ: NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT - Nhạc: QUANG VƯỢNG

Moderato



Em lại về đây bên vườn xưa bao mùa cây lá đã đơm
hoa, người đi năm ấy mùa thu ấy sắc đỏ hoa đào thắm nắng
mưa. Mỗi năm chỉ một lần em đến để nói lời
yêu một lần thôi một lần và cũng là mãi mãi có
nhau cho đến tận muôn đời. Xin đừng phí sức hồi bão
giông hoa đào sao thiếu được ngày xuân ba mùa dài đặc
bao thương nhớ để một lần thôi mới được gần Lời yêu mãi
mãi lời yêu dấu người ơi ta nói tự hôm nào, em lại về
đây bên vườn xưa quanh mình lấp lánh một trời sao.

Tết quê xưa

HOÀNG THỊ TUẤN HƯƠNG

Năm nay trời rét đậm. Bầu trời cứ xám xịt, mưa phùn lác rác bay, gió bắc tràn về làm vạn vật tê tái. Sắp Tết rồi mà không khí ảm đạm quá. Nước nông giang đã về cho mọi người tháo nước đổ ải. Rét tê tái nhưng trên cánh đồng vẫn nhộn nhịp. Trên từng thửa ruộng, một người một trâu bì bõm bừa đất. Trâu được quấn quanh mình tấm áo đan bằng toóc (rạ) nếp. Người thì khoác áo toại, đội nón cời. Tiếng vất, rì vang lên trong cái lạnh cắt da, cắt thịt. Bên cạnh là thửa ruộng gieo mạ. Những tấm liếp được che chắn gió lùa. Các mẹ, các chị và lũ trẻ nhỏ xúm xít ngồi “chiếc má” (nhỏ mạ). Trên bờ, từng đồng trâu được đốt lên cho xua tan bớt cái giá rét. Những thân người run lập cập, những bàn tay tím đỏ cứng ngắc.

Năm nay xã Yên Sơn (huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) của nó thí điểm một số nhà gieo mạ sân. Nhà nó cũng chở bùn về, trộn với phân chuồng hoai mục rồi đổ ra góc sân làm thành luống gieo mạ. Những thân mạ này có vẻ khỏe mạnh hơn mạ gieo ở ruộng. Tới lúc cấy, chỉ việc lấy xẻng xúc cả tảng mạ, đặt lên xe cải tiến chở ra ruộng và tách từng miếng mạ nhỏ đặt xuống ruộng. Như vậy, thân mạ sẽ có sức chống chịu với giá rét hơn theo lối gieo cấy truyền thống. Có nhà đã xuống đồng đi cấy. Những gánh phân chuồng hoai mục được vãi ra khắp ruộng. Từng đơn mạ được ném xuống. Sục bàn chân xuống bùn mà rùng mình. Cái lạnh buốt tận tim gan. Dù vậy, ai cũng hồi hả, vội vàng cho xong việc để còn đón Tết.

Hôm nay, hợp tác xã gạn ao bắt cá. Nước ao đã được tháo ra từ mấy hôm rồi nên giờ chỉ còn xấp xỉ mặt bùn. Mấy thanh niên trai tráng được phân công quây lưới, kéo cá. Dầm mình dưới lớp bùn giá lạnh, tay kéo mẻ lưới trĩu nặng, hàm răng trắng lấp lóa trên khuôn mặt lấm lem bùn. Những chú cá quẫy lung tung tìm đường thoát ra khỏi lưới. Từng mẻ cá được kéo lên, đổ thành đồng trên bờ rồi mau chóng được phân loại, chia cho từng hộ theo danh sách. Tiếng ỉ ôi, mè nheo và cả cãi nhau ỏm tỏi. Trẻ con xúm xít trên bờ xem kéo lưới. Các mẹ, các chị sau khi nhận phần của nhà mình thì vội vã về nhà chế biến luôn cho tươi.

Trời rét quá nên có mấy con trâu già, yếu không thọ được. Hợp tác xã quyết định mổ, chia thịt cho xã viên. Đúng là ồn ào như đám mổ trâu, mổ bò. Người lớn oang oang bình luận, trẻ nhỏ luồn dưới chân người lớn để vào xem chia thịt, đến cả lũ chó trong làng cũng le ve bên ngoài để rình cướp thịt vụn. Ai cũng hồ hởi khi nghĩ đến bữa ăn tươi sau bao ngày kham khổ. Bà nội nó cho từng tảng thịt trâu đã ướp gia giảm vào cái nồi báy, giục nó đi hái ít lá bưởi cho vào và chặt tàu lá chuối bịt miệng nồi nữa. Nồi thịt được vùi trấu, bung qua đêm. Một mùi thơm ngào ngạt, điếc mũi làm ai cũng phải tứa nước miếng.

Chợ Lường nằm bên bờ sông Lam. Sản vật miền ngược như lá dong, chè xanh, chổi dành dành, măng, miến, mộc nhĩ, đu đủ, chuối... chất đầy một góc chợ. Cá, tôm... miền biển cũng ngược dòng về tràn lan... Nó len lỏi đi chợ. Sà vào chọn mua trăm lá dong cùng mấy ống giang, chọn mua ít hoa quả để bày mâm ngũ quả. Ghé hàng hoa giấy mua ít cành về thay cho bình hoa năm trước đã bạc màu, vào hàng quần áo mua cho em tấm áo mới... Vậy mà cũng hết sạch tiền thúng gạo nó đưa đi bán. Chắc mai lại phải bán thêm thúng gạo nữa mới đủ sắm Tết. Người mua, kẻ bán nhộn nhịp. Nhìn nét mặt ai cũng hồ hởi.

Công việc đồng áng đã tạm ổn. Còn đôi nhà đang dồn nhân lực để cấy cho xong trước Tết. Chiều về, người chẻ lạt, rửa lá dong, ngâm đồ nếp; người quét dọn, trang trí nhà cửa. Bố và em trai của nó đi chặt tre về làm cây nêu. Một thân tre hóp thẳng đứng, vắn để lá xanh trên ngọn và được buộc thêm những mảnh vải ngũ sắc, treo thêm cái chuông gió, cuối cùng treo lá quốc kỳ lên. Cây nêu được dựng trước cổng, khi có gió, tiếng chuông kêu lanh canh rất vui tai, lá cờ cùng những tua vải bay phấp phật.

Năm nay nhà nó đụng lợn với nhà bác Thụ, bác Nhị. Con lợn hơn năm chục cân của nhà bác Thụ. Bà nó nhắm tính chế biến các món ngày Tết. Tối đến, cả làng thành thịch tiếng giã bột để làm bánh. Gạo nếp được ngâm kỹ, vớt ra để ráo. Chị em nó cho vào cối giã giã, rây. Lụi cùi mả khuya mới xong mẻ bột. Cái này để bà làm bánh ngà, bánh ngũ sắc và bánh chằm pù. Còn phải rang nổ và bột nếp để làm bánh tổ ong nữa.

Ngày Hai chín Tết, cả nhà xúm xít vào gói bánh chưng. Người lau lá, tước lá. Bố ngồi gói bánh. Con em út cứ xán vào đòi bố gói cho cái bánh cóc. Những chiếc bánh vuông chẵn chẵn hiện ra, xếp ba hàng trước mặt bố. Còn một ít nếp, bố gói thành hai cái bánh cóc cho hai đứa nhỏ. Sáng mai, hai đứa sẽ được đeo hai

cái bánh trước ngực chạy đi khoe khắp làng cho xem. Bên bếp lửa hồng, ông và bố thay phiên nhau canh lửa cho đều kéo bánh bị hấy. Mẹ đặt bên cạnh một nồi nước lá mùi già rồi tự tay tắm tắt niên cho từng đứa con. Một mùi thơm thoang thoang để đi xa ai cũng nhớ về.

Buổi chiều trời đã tạnh mưa, nhưng vẫn âm u lắm. Quanh làng đã đi đẹt tiếng pháo tẹt. Không khí Tết đã tràn ngập khắp nơi. Nhà nào chưa cấy xong cũng để đó ra Giêng cấy tiếp. Thanh niên trai tráng rủ nhau vào nghĩa trang dọn dẹp mộ phần, thắp hương mời gia tiên về nhà ăn Tết.

Trưa Ba mươi, đại gia đình quây quần bên mâm cỗ tất niên. Tiếng pháo tẹt đi đẹt khắp làng, trẻ nhỏ tung bừng chạy khắp xóm. Tối Ba mươi, tiếng trống dồn dập nơi nhà thờ họ giục con cháu mau tới bái tổ. Bác trưởng họ trịnh trọng đọc bài diển văn. Con cháu trong họ được dịp gặp gỡ, hàn huyên sau một năm vất vả mưu sinh. Trời rét nhưng cảm thấy ấm lòng khi được hòa mình trong tình thân ái.

Ở quê có tục lệ gánh mâm cỗ đến nhà bác trưởng chi. Nhà bác ở tận trong rú, đi qua đoạn đường cái, rồi tới cánh đồng mênh mông, qua cây cầu bắc ngang sông đào, tới một làng nhỏ rồi mới đến nhà bác. Hôm qua trời đã tạnh mưa mà sáng nay lại lắc rắc. Bà cháu lui cũi từ sáng sớm để chuẩn bị mâm cỗ. Tính bà cầu kỳ lắm. Mâm cỗ cứ phải đủ sáu bát, tám đĩa và xếp chồng hai lớp. Nào canh măng mọc, miến. Nào bát thịt đông, đĩa cá kho mật. Nào bánh ngũ sắc, bánh tổ ong. Rồi đĩa giò thủ, giò lụa... Vì vậy, dù dậy sớm nhưng hơn mười giờ nó mới gánh cỗ đi được. Cỗ được san đều ra hai mâm cho vào thúng, đặt lồng bàn. Nó nhẹ nhàng gánh đi. Dọc đường, gặp nhiều người cũng gánh cỗ ngược xuôi. Người trong rú gánh cỗ ra ngoài xã, người ngoài xã gánh cỗ vô trong. Tiếng chào hỏi râm ran cả làng quê. Trời đã hửng nắng nhưng đường còn trơn lắm. Con đường đất đỏ vòng vòng như trơn như mỡ. Nó bám chặt ngón chân, dõ dẫm từng bước. Bỗng oạch một cái, thôi rồi! Nó đổ mông xuống đất, mâm cỗ loảng xoảng. Hoảng hồn, nó vội vã gỡ lồng bàn ra xem. Phải quay về nhà để sắp mâm khác. May là chỉ phải bổ sung một số món thôi. Lần này, nó cố gắng cẩn thận hơn. Vào tới nơi cũng vừa tới giờ mời các cụ về xơi cơm.

Buổi chiều, đường làng nhộn nhịp người đi chúc Tết. Tiếng pháo vẫn râm ran. Trẻ con xúng xính trong bộ quần áo mới, tay cầm bao lì xì đỏ chót. Người già bồm bẻm nhai trầu. Lớp nam thanh, nữ tú kéo nhau từng đoàn vào từng nhà chúc Tết. Trên bàn nhà ai cũng bày một đĩa bánh tổ ong và một đĩa trầu têm cánh phượng. Nước chè chất rót ra vàng sánh. Ai cũng lo đi chúc Tết vòng quanh hết lượt để ngày mai còn đi hội.

Giữa thửa ruộng chờ trồng màu, người ta đã dựng lên một cây đu tiên. Sáu thân tre to cao vút được buộc chéo lại và trên đỉnh được nối với nhau bằng một thân tre nằm ngang. Gióng đu được làm bằng hai thân tre đục. Tất cả được liên kết với nhau rất chắc chắn. Từng đôi nam nữ rủ nhau lên đánh đu. Một người đứng dưới lấy đà đẩy cho đu bay, khi đu đã lên tới tầm cao vừa phải thì hai người chơi

đu tự nhún, đẩy nhịp nhàng. Vòng người đứng xem chỉ trỏ, hò reo không ngớt. Ở một góc ruộng khác đang diễn ra hội cờ người. Những cô bé, cậu bé được gắn một lá cờ trên lưng tượng trưng cho một quân cờ. Hai cờ thủ mặc quần áo sắc sỡ, cầm cờ đi tới đi lui giữa đám quân cờ của mình. Gặp nước cờ nào ưng ý liền phát cờ, miệng hô di chuyển quân đi theo hướng đã định. Tiếng trống thúc liên hồi, rộn rã. Một dãy bàn ghế được bày ra cho các cụ cao cờ ngồi bình luận. Mỗi khi một nước cờ hay xuất trận, tiếng ồ lên vang dội. Trẻ em thì thích chơi bập bênh quay. Một thân tre được giữ thẳng bằng trên một trụ cao gần một mét. Hai đầu cây tre được đóng thanh gỗ làm tay vịn. Hai trẻ ngồi hai đầu bập bênh, chân nhún nhảy nhịp nhàng xoay vòng. Nhiều trẻ chơi quá cho nên đất dưới chân tạo thành một hình tròn. Không kém phần hấp dẫn là trò đi cầu kiều. Một cây tre được buộc lủng lẳng một đầu cao hơn mặt đất khoảng một mét, đầu kia nằm dưới đất. Người chơi đi chân đất, giữ thẳng bằng đi trên cầu. Khi tới cuối cầu thì cầm gậy đập cho vỡ cái niêu đất treo đằng trước. Trò chơi tưởng dễ nhưng không hề dễ tí nào. Cầu cứ dùng đưa làm bao người ngã nhào, đem lại những tràng cười sảng khoái.

Rời lễ hội trong niềm vui phơi phới. Mắt môi ai cũng lúng liếng nụ cười. Mưa Xuân bay bay vờn trên mái tóc. Sắc Xuân bừng sáng trên khuôn mặt mọi người. Chào năm mới với bao niềm hứng khởi. Ngày mai hết Tết, một số nhà lại kéo nhau ra đồng cấy nốt. Những người con đi xa lập nghiệp lại chuẩn bị lên đường đi làm, hẹn đến Tết lại về sum họp gia đình.

Nhớ thương những mùa Tết cũ

ĐẶNG THIÊN SƠN

Cây xoan già đứng trơ cành trong cái lạnh căm căm. Gió mùa phả vào mặt buốt giá. Quãng đường dẫn về ngõ nhà tôi bùn sục sâu đến đế dép, nhầy nhụa, trơn trượt. Vài con gà con gập lạnh, trể cánh, ủ rũ đứng chờ thần chết ghé thăm. Rét lắm nên ghé con bỏ mẹ ra nằm dưới hốc rơm. Tôi xoa xoa hai tay vào nhau cho khởi cồng. Càng về chiều sương mù càng dày, khoảng cách càng thu hẹp lại. Mẹ bảo sẽ về trước giờ chuông nhà thờ Phúc Lộc điểm. Nhưng hôm nay, chuông đã điểm từ lâu mẹ vẫn chưa về, khiến lòng tôi cứ thấp tha thấp thỏm, đoán già đoán non. Cuối cùng cái thân hình gầy yếu của mẹ cũng xé ngang lớp sương mù dày đặc đi về phía tôi. Hai mắt tôi ngân ngấn nước, ứa ra ôm lấy mẹ. Mẹ chỉ đi chợ xa một ngày mà sao tôi mong mỏi mẹ quá chừng?

Rút chiếc nạng tre ra, mái rèm cửa sập xuống. Lúc này những luồng gió lạnh chỉ lọt vào nhà tôi qua khoảng trống giữa mái tranh và phen đất. Mẹ bày biện những món đồ mua được từ chợ xa về lên chiếc cũi tre. Chợ cuối năm nên đã bán hàng Tết. Năm nào cũng thế, cá thúng được mẹ mua sớm nhất. Vì đó là món không thể thiếu trên mâm cỗ Tết của người dân quê tôi. Và với nhà tôi cá thúng đã là món sang nhất rồi. Mẹ cho ít mật mía và các gia vị vào kho khô, treo lên góc bếp. Con mèo hen suốt tháng Chạp cứ nhìn lên gióng treo mà thèm thuồng những con cá thúng. Nhưng hình như nó biết đó là thức quý của gia đình nên không dám mò đến.

Sắp xếp xong xuôi mọi thứ, mẹ nhen bếp thổi cơm chiều. Những giờ phút của bữa cơm cuối năm dưới ngọn đèn dầu yếu ớt, sự im lặng của hai mẹ con nghe rõ từng tiếng va chạm của răng. Cả năm mẹ đã ít nói, suốt ngày tay chân cứ liên

với công việc lấy đâu ra thời gian mà chuyện trò. Ngày Tết, mẹ lại càng kiệm lời hơn. Mẹ không có tiền cho tôi sắm sanh đồ mới. Mẹ chưa nhìn đâu ra tiền để trả cho người ta trước ngày Ba mươi Tết. Thì mẹ biết nói với tôi điều gì? Còn tôi, dù mới được điểm mười nhưng tôi đâu dám khoe với mẹ. Tôi nhắc đến chuyện học chỉ khiến mẹ tôi càng buồn thêm. Mẹ cũng mong con mình giỏi giang, bằng bè bằng bạn... Nhưng đã ba tháng học phí của tôi mẹ chưa đóng đồng nào. Cũng chỉ tại ông trời khắc nghiệt, rét chi mà đến héo hon cả ruộng vườn, đẩy nhà tôi vào cảnh bần cùng.

Cha tôi ít biên thư về hơn độ trước. Chuyện cha có về quê ăn Tết hay không mẹ con tôi cũng chỉ trông chờ vào lời hứa của cha ngày cha đi xa. Cái nghèo khó và sự biệt li đã khiến cho lòng người trở lạnh. Yêu thương dâng lên đến nỗi bộ vẫn không nói được thành lời. Khi cha về đến đầu ngõ tôi thấy mẹ khóc, nhưng rồi mẹ vội kéo tà áo lau khô giọt nước mắt vừa rỉ ra. Mẹ không muốn cha buồn. Người phụ nữ miền Trung thường nuốt nước mắt vào trong những mong chồng con vui vẻ. Họ nhận nhiều hơn những thiệt thòi, mất mát về mình để bồi đắp những sướng vui cho chồng, cho con - đó là bà nội tôi nói thế. Áp vào trường hợp mẹ tôi thì chẳng sai tẹo nào. Mẹ đã rút cạn sức lực, tâm can để lo lắng cho chồng, cho con vượt qua những khó khăn. Có lẽ nhờ vậy mà nhiều năm cha tôi công tác xa nhà nhưng vẫn hoàn thành mọi trọng trách.

Cha về cái Tết cũng ấm và no hơn. Mẹ tôi có thêm chiếc áo dạ mới. Tôi thì có chiếc mũ lông, đôi giày cao cổ. Nhờ vào đồng lương ít ỏi của cha mà nhà tôi có vài ba cân thịt treo trên gác bếp. Cha về còn giúp mẹ tát cá ao... Đêm giao thừa, cha đứng trước bàn thờ tổ tiên mà khấn nguyện và báo công với ông bà, cầu mong một mùa Xuân mới no đủ hơn, khỏe mạnh hơn. Có cha dù nhà trach vách đất nhưng cảm giác vững chãi đến lạ thường.

Nhiều cái tết như thế đã trôi qua với gia đình tôi trên mảnh đất nghèo xứ Nghệ. Những tưởng sẽ chẳng bao giờ nhà tôi có đủ một khoản tiền lớn để xây nhà, để anh em tôi vào đại học. Nhưng cha mẹ tôi đã vất vả cả một đời và làm nên tất cả. Giờ nhìn lại những thành quả hôm nay mà gia đình tôi có được, và nhìn lên đôi bàn tay chai sần của mẹ cha, anh em chúng tôi tự bảo ban nhau mà phấn đấu vươn lên.

Gió chiều vẫn thổi, nhưng không còn lạnh như xưa. Cây xoan già đã đi vào quá vãng. Đoạn đường trơn trượt xưa kia đã được bê tông hóa sạch đẹp. Tôi về quê đón Tết cùng cha mẹ và thấy lòng nhớ thương những mùa tết cũ. Khóe mắt tôi cứ cay xè trong khói bếp tối Ba mươi. Hình dáng mẹ tôi năm nao cứ hiện về nguyên vẹn. Giờ này, mẹ đang hạ chiếc treo xuống gấp cá thừng đặt lên chiếc mâm gỗ để dâng lên thờ cúng ông bà...

Tôi đã không tìm được lòng và ủa đến bên mẹ khi nghe ca sĩ Quang Lê cất lên những ca từ: "Mỗi mùa Xuân sang mẹ tôi già thêm một tuổi. Mỗi mùa Xuân sang ngày tôi xa mẹ càng gần. Dù biết như thế, tôi vẫn phải tin, tôi vẫn phải tin mẹ đang còn trẻ...".

Bao giờ cho đến ngày xưa?

LÊ NHUNG

C hiều cuối năm, trên đường về thăm quê, đi giữa dòng người, giữa dòng xe hối hả ngược xuôi, giữa cơn mưa phùn lất phất rây rắc không gian, đi trong cái rét buốt của tiết Đông chí, những gì thu vào tầm mắt tôi báo hiệu Tết đã đến thật gần. Đó là những tấm thảm màu tím nhạt được dệt nên bởi những bông hoa tàu bay bung nở nối đuôi nhau bên vệ đường, là những cây thầu đau trơ trọi lá, khoe bộ xương khô chạm khắc trên nền trời, là những cánh đồng đã được cây ải, chờ con nước về để khoác lên mình chiếc áo màu xanh của mùa vụ mới... Lòng chợt thấy chộn rộn, nôn nao... Cơn gió vô tình bay qua mang theo hương trầm nhà ai vừa thấp đã chạm đến tầng sâu kí ức, đưa tôi về những mùa Tết cũ của cái tuổi lên năm, lên mười.

Nhớ lắm những ngày xa lắc xa lơ, những ngày cuối tháng Chạp với không khí rục rịch chuẩn bị cho việc “tổng cộng nghinh tân”. Chỉ có “ba ngày Tết” thôi nhưng ai nấy chuẩn bị cả tháng trời. Cha mẹ lo kiếm tiền, gom góp cả năm để sắm mâm cỗ, mua cho con bộ đồ mới, để mừng tuổi cho con cháu, ông bà. Ngược lại, những đứa trẻ vô lo, vô nghĩ như tôi thì suốt ngày hỏi “còn mấy ngày nữa đến Tết vậy mẹ?”. Với những đứa trẻ quê, Tết là điều được mong chờ hơn bao giờ hết. Bởi cái thời khốn khó đó, chỉ đến Tết mới được ăn ngon, được mẹ dùng những đồng tiền chất chiu cả năm mua cho những bộ đồ, đôi giày, đôi dép hay những món đồ chơi mới; được ăn những món ngon mà chỉ Tết mới được thưởng thức như thịt kho tàu, thịt đông hay bánh ong, kẹo mút; nhất là được nhận lì xì...

Nhớ lắm những ngày giá rét căm căm cuối tháng 12 âm lịch, người nông dân quê tôi vẫn phải ra đồng để cấy cày vụ Đông Xuân. Từ lúc lên mười, tôi đã theo mẹ ra đồng tập tành cấy lúa. Ở đó, người cày, người cấy; tiếng hò, tiếng tắc, tiếng cười nói, trò chuyện râm ran. Mẹ “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”, tay chân lóng ngóng, người run lên vì lạnh. Giá, buốt tận ruột. Hai bàn tay tôi đỏ tấy lên, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Thế nhưng, nhà nào cũng cố mà cấy cho xong

vì Tết đã đến tận ngõ rồi. Xa xa, tiếng mấy cô í ới gọi nhau đi cấy thuê từ lúc chưa rõ mặt người để kiếm thêm cân cá, cân thịt cho ngày Tết. Bây giờ không còn cảnh “con trâu đi trước, cái cày theo sau” nữa, thay vào đó là máy cày, máy cấy, người nông dân đã đỡ vất vả hơn nhiều, nhưng không khí mùa vụ cuối năm thì vẫn khấn trương như thế.

Không chờ đến tận ngày Ba mươi, với tôi, Tết đã bắt đầu đến từ ngày 23 tháng Chạp, khi mẹ chuẩn bị đồ lễ, nấu nồi cháo chè khoai từ, khoai vạc, mua con cá chép thả xuống sông để tiễn ông Công, ông Táo về trời. Lúc đó, tôi sẽ được ăn món cháo chè cho đã cơn thèm của sự chờ đợi cả một năm. Mỗi người mỗi việc, cả gia đình bắt tay vào dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa. Cha quét lại vôi cho bức tường cũ, mẹ nấu nồi nước thơm ngũ vị lau chùi bàn thờ gia tiên; còn anh em tôi năm nào cũng được mẹ giao nhiệm vụ lau chùi bàn ghế, quét nhà, rửa cốc chén theo đúng nghĩa “người nhỏ làm việc nhỏ”. Ai nấy đều hiện rõ sự hân hoan trong ánh mắt, trong tiếng nói, tiếng cười.

Nhớ lắm những phiên chợ Tết của tuổi thơ, những phiên chợ gắn với bao kỉ niệm. Dù đã đi qua rất nhiều vùng miền cùng những phiên chợ khác nhau trên mọi miền Tổ quốc, nhưng những phiên chợ Tết của thuở xa xưa vẫn mãi là phiên chợ đẹp nhất đã gắn sâu vào kí ức tôi. Không như thành phố bây giờ, chỉ cần một cuộc gọi hay một vài tiếng đi siêu thị là có thể bề tất cả những thứ cần thiết về nhà. Ở quê, người ta vẫn phải ra chợ để sắm đồ. Mỗi xã sẽ có một khu chợ họp luân phiên ngày chẵn, lẻ. Chỉ riêng ngày Tết sẽ được họp liên tục từ ngày 27 cho đến tận ngày 30. Mỗi năm Tết đến, tôi lại được mẹ cho đi một phiên chợ bất kì trong những ngày đó. Buổi sáng tinh mơ, khi trời còn nhá nhem tối, khi tôi đang cuộn tròn mình trong chăn, thì ngoài vườn đã nghe tiếng “lộp bộp”, “lào rào” như mưa trút, tiếp sau đó là tiếng mẹ vọng vào “đậy giúp mẹ nhặt táo rồi đi chợ Tết nào các con”. Thì ra đó là tiếng táo rơi mà mẹ hái chuẩn bị hàng cho phiên chợ sớm. Không cần mẹ gọi lần thứ hai, tôi và anh trai bật dậy như những chiếc lò xo, bò ra khỏi chiếc chăn đang ấm để giúp mẹ thu gom táo. Những quả táo được hái xuống, nằm lẫn lộn trên tấm bạt màu xanh. Hai anh em thi nhau gom lại vào hai thúng đầy. Hai cây táo chua nhà tôi năm nào cũng trĩu quả là món hàng mẹ bán vào mỗi dịp Tết. Đường như cả cái Tết nhà tôi trông chờ vào hai cây táo đó. Kéo cà kéo kệt, mẹ oằn mình gánh 2 thúng táo, tôi lon ton theo sau chân mẹ, đi bộ một cây số mới tới chợ. Nhà nào nhà nấy, mẹ con dắt díu nhau đi rậm rịch mọi nẻo đường.

Mới tới cổng chợ thôi đã thấy cả một biển người, chen chúc. Mẹ luôn nắm chặt tay tôi, có khi bế lên vì sợ lạc mất con hay bị người ta giẫm phải. Hàng hóa la liệt bày ra trước mắt, tôi như lạc vào một thế giới khác, thế giới ấy mỗi năm chỉ được tới một lần. Ở đó có đủ các mảng màu sắc và đủ thứ âm thanh. Tôi bị hút mắt vô những hàng bong bóng xanh, đỏ, tím, vàng; bị thôi miên trước những hàng tò he được bàn tay các nghệ nhân nhào nặn khéo léo thành hình các con vật đáng yêu; thòm thèm trước những hàng bánh, hàng quà, thích thú với những món đồ chơi... Phiên chợ Tết xưa không nhiều hoa tươi như bây giờ, chỉ thoáng thấy cành đào phai hay những bông hoa cúc vạn thọ. Hoa nhựa, hoa giấy, câu đối, cuốn thư được bày bán

rất nhiều. Tiếng pháo râm ran khi ùng ùng, khi kêu eng éc khiến cho những đứa trẻ khóc thét lên vì sợ. Trẻ con đứa nào cũng vui khi được bố mẹ mua cho nào là bóng bay, là bộ đồ hay đôi dép mới. Chợ trưa, gánh tảo của mẹ đã được đổi lấy mấy củ su hào, vài bông bắp cải, ống trúc, lá dong, mấy thẻ hương trầm, hay đôi câu đối đỏ. Mẹ còn mua thêm vài cân thịt lợn, mấy khúc thu ừ về làm mâm cỗ. Tôi ôm trên tay bộ đồ mẹ mới mua cho mà hít hà mùi vải mới, cùng mấy chiếc bóng bay, cứ thế mà nhảy chân sáo từ chợ về nhà.

Nhớ lắm những phút giây quây quần ngày Tết. Cả nhà xoay quanh chiếc chiếu để gói bánh chưng, bánh tét. Thường thì đó là công việc của người lớn, nhưng anh em tôi đều ngồi vây quanh để cha chỉ cho cách gói bánh tét sao cho đẹp và cân, bánh chưng cho vuông vắn. Tôi ngồi chờ tận phút cuối để được cha gói cho chiếc bánh ít nhỏ xíu, xinh xinh dùng chơi tận những ngày sau Tết. Nhớ những lúc cả nhà quây bên bếp lửa canh bánh, để mà hít hà hương thơm nức mũi của mùi bánh chín theo làn khói tỏa lên. Những câu chuyện vui buồn năm cũ cứ thế được nối dài trong thời gian chờ vớt bánh.

Làm sao có thể quên những đêm giao thừa, thời khắc chuyển giao sang năm mới. Đó là lúc mẹ đã chuẩn bị mâm xôi gà, làm vài món bánh để cúng gia tiên và cúng Thổ Công; cha quần áo chỉnh tề chuẩn bị bài cúng giao thừa. Chưa đến giao thừa vậy mà làng trên, xóm dưới tiếng pháo đã râm ran. Hồi đó, pháo được dùng tự do nên nhà nào cũng có một vài tràng pháo nổ đón năm mới. Đúng 12 giờ đêm, tiếng pháo ùng ùng khắp cả thôn xóm, tiếng pháo cũng xé vang ở góc sân nhà tôi, khét lẹt. Tôi đưa hai tay lên nút lỗ tai để giảm bớt âm thanh, còn mấy chú chó sợ tiếng nổ chui tọt xuống gầm giường trốn cho đến tận sáng hôm sau mới chịu bò ra. Sau lễ cúng giao thừa, qua năm mới, điều tôi háo hức mong đợi nhất là được cha mẹ và các anh chị lì xì.

Nhớ lắm những sáng Mồng một, tôi và anh trai thường được mẹ gọi dậy từ sớm để đi chúc Tết ông bà. May mắn cho tôi là lớn lên có đủ ông bà nội, ngoại ở gần. Mặc những bộ đồ mới, hai anh em tôi cùng nhau đi chúc Tết ông bà, trên tay xách một chiếc túi, trong đó mẹ đã chuẩn bị sẵn một chai rượu gạo, kèm chiếc bánh chưng, bánh tét, có khi là hộp bánh quy. Nhớ nhất là lúc được ông bà xoa xoa cái đầu, rồi rút từ trong túi ra mừng tuổi cho đồng hai nghìn, năm nghìn còn thơm mùi tiền mới. Ra về hai anh em còn đưa ra so bì xem ai được mừng tuổi ít nhiều. Ôi, tuổi thơ sao mà yêu đến thế! Mới đó thôi mà nay ông bà đã thành người thiên cổ cả rồi! Nhớ vô cùng! Lòng rưng rưng lệ!

Tuổi thơ đi qua với biết bao kỉ niệm đẹp. Có lẽ với tôi, cái Tết vui nhất mãi là Tết của ngày xưa. Cái thuở có đủ ông bà nội ngoại, vô tư, vô lo vô nghĩ, không phải toan tính bao khoản mỗi dịp Tết đến, Xuân về, cái thời thối bong bóng cho phồng bụng, miệng nhoe nhoét phẩm màu, cái thời mong nhanh đến Tết để được nghỉ học, để được ăn những món ngon, được nhận lì xì...

Chiều nay, nghe mùi hương trầm ngào ngạt, thầm ước “bao giờ cho đến ngày xưa”!



Xem múa lân trong ngày Xuân.

Tết ở xứ Nghệ

HỒ SỸ TÁ

*"Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ"*

Xứ Nghệ vốn có truyền thống văn hóa với những bản sắc riêng trong đó có lễ tết. Mọi người trên đất nước ta đều đón "Tết Cả" - Tết Nguyên đán theo lịch âm được xây dựng theo chu kỳ mặt trăng, thường ở vào giữa hai ngày tiết Đại hàn hoặc Lập Xuân. Vào thời kỳ này ở xứ Nghệ hay mưa, rét, thường là mưa phùn, không có trận mưa to nhưng kéo dài. Tháng Chạp là tháng xuống đồng, dù rét mấy người nông dân xứ Nghệ cũng phải cấy xong vụ Chiêm trong tiết Đại hàn, chậm lắm là đầu Xuân - tức là trước Tết Nguyên đán.

Người Nghệ thu hoạch vụ mùa (còn gọi là vụ Mười) vào khoảng tháng 8 đến đầu tháng 9 âm lịch. Lúc này đã qua tiết Bạch lộ, nhưng do thời tiết xứ Nghệ chậm hơn ngoài Bắc nên vụ gặt thường vào kỳ mưa lụt. Xứ Nghệ thường hay bị hạn.

Hạn to thì mưa lớn, mùa vụ bắp bệnh nên luôn canh cánh nỗi lo ngày giáp hạt. Tháng Ba là tháng bắt đầu thu hoạch vụ mới, họ mong thời gian trôi nhanh để đến ngày đó. Người Nghệ ăn Tết xong là thắc thỏm nỗi lo chạy bữa.

Tháng Tết là tháng xứ Nghệ chìm trong mưa dầm nên rất khó trồng rau, họ đành bổ sung rau xanh bằng bí đao, chuối xanh, đu đủ, giá đậu... Đối với người nông dân xứ Nghệ rau rất quan trọng, rau là thực phẩm hiếm không kém gì thịt cá, hoa quả, vào thời vụ này rau lại càng hiếm, hiếm đến nỗi ca dao xứ Nghệ có câu:

“Chuối mùa Đông mỗi đồng một quả”.

Hay:

“Thịt cá là hương hoa

Tương cà là gia bản”

Trồng trọt khó khăn thì chăn nuôi cũng không phát đạt. Nguồn thịt ở đây chủ yếu là thịt lợn, thịt gà. Ngoài ra người Nghệ còn bổ sung thịt trâu vào dịp Tết. Người Nghệ có cách chế biến thịt trâu khá độc đáo, nhấm với rượu “quốc lủi” độ ngon ngang tầm thịt xông khói châu Âu. Cách chế biến như sau:

Thịt trâu nạc súc được luộc nước lã pha gừng, sau đó luộc lại bằng nước mắm, sôi lăn tăn chừng 15 phút thì vớt ra để khô mặt ngoài. Khi ăn thái lát mỏng ngang thớ. Thịt trâu thớ thưa, khả năng hấp thụ đậm rất tốt nên có vị ngọt đậm. Xưa kia người ta cho thịt trâu có tính lạnh, nên những người sức khỏe yếu không dám ăn. Vì thế thịt trâu chỉ dùng cho người nghèo, nhưng không ngờ ngày nay nó được coi là đặc sản khiến nhiều người ưa chuộng.

Dù đậm bạc đến mấy thì ngày Tết người dân nơi đây vẫn được ăn ngon hơn, no hơn nên xứ Nghệ thường có từ “ăn Tết” mà không có các từ “chơi Xuân”, chơi hội như ngoài Bắc. Tết của người Nghệ được xem tương đương với giỗ vì tâm linh của họ thường hướng về tổ tiên. Trong tiếng Nghệ, từ lâu hình thành chữ giỗ chạp, giỗ đi liền với chạp tức là giỗ và Tết ngang nhau. Người Nghệ cúng Chạp (cúng Tết) vào các ngày Ba mươi, Mồng một. Cúng Tết cũng hướng vào tổ tiên nhưng khác giỗ. Giỗ làm vào ngày kỵ của ai đó, còn cúng ngày Tết thì cho những người đã khuất. Ngày Tết không chỉ cúng tại gia, mà còn phải cúng ở nhà thờ họ.

Người Nghệ cúng tế tại gia vào đêm giao thừa còn gọi là đêm Ba mươi dù có năm tháng Chạp thiếu chỉ có 29 ngày. Đêm Ba mươi nhà nào cúng nhà nấy bởi họ sợ đập đất nhà khác đầu năm mới, không may gia chủ làm ăn xui xẻo sẽ bị quở trách là người “nặng vía”. Tục này còn giữ đến tận bây giờ.

Cúng Mồng một Tết được tiến hành trước hết tại nhà thờ họ, sau đó mới cúng năm mới tại gia. Khác với cúng đêm Ba mươi, cúng Mồng một ở xứ Nghệ thường mời cả họ hàng làng, xóm gần gũi. Chính vì nhà nào cúng cúng nên họ thường đi ăn vòng tròn, nghĩa là sau khi ăn nhà này lại sang nhà khác.

ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

Người Nghệ thờ cúng tổ tiên là chính, việc thờ cúng thổ thần tuy có nhưng không được tổ chức riêng. Vì vậy người Nghệ thường thờ cúng trong nhà, ít thờ cúng ngoài sân.

Tết của người Nghệ hướng về tổ tiên nên tháng Ba không đi tảo mộ như ngoài Bắc mà việc tảo mộ được thực hiện cùng thời với cúng Tết. Việc tảo mộ được tiến hành gồm rất nhiều trai tráng và các bé trai tuổi thiếu nhi dưới sự dẫn dắt của người già thông hiểu phần mộ dòng họ và am tường gia phả. Con gái không được đi tảo mộ vì theo các cụ họ sẽ đi lấy chồng. Trong quá trình tảo mộ, khi đến phần mộ ai thì người già liền nói lại thứ bậc cũng như đặc điểm, những kỷ niệm về người đó cho con cháu nghe. Các thế hệ này sẽ có nhiệm vụ truyền lại cho những thế hệ kế tiếp.

Người Nghệ chơi Tết bằng các trò đánh đu, đánh cù, đi cầu kiều. Ngoài ba trò chơi phổ biến này ở xứ Nghệ còn có một số trò chơi khác như trèo chuối, đánh đáo. Đáng tiếc là do cực đoan trong nếp sống đổi mới, những trò chơi này đang dần mai một.

Xứ Nghệ, miền quê yêu dấu của tôi, con người luôn phải nhọc nhằn lao động trên đất cằn để làm ra hạt lúa củ khoai; phải chống chọi với những ngọn gió Lào khắc nghiệt, nhưng sao vẫn cho ta ngàn nỗi nhớ, khi phải sống xa quê:

*"Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao"*

Khi đi xa, ngày Tết cho ta bao nỗi nhớ về quê hương xứ sở, dẫu cái Tết ở đây không đủ đầy bằng một số miền quê khác, nhưng nặng nghĩa, nặng tình. Chính vì lẽ đó mà ngày Xuân đến ta càng nhớ về xứ Nghệ thân yêu.

Bà chúa thơ Nôm

VƯƠNG TRỌNG

C hế độ phong kiến trọng nam, khinh nữ với quan niệm “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, nghĩa là một nam đã là có, mười nữ cũng là không, nên tên nữ sĩ tài danh Hồ Xuân Hương không có trong gia phả họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, quê hương bà. Bởi vậy, muốn tìm hiểu thân thế và sự nghiệp của bà, nhiều khi người ta phải đi con đường vòng, gián tiếp, có khi đem lại kết quả khả quan, như trường hợp khảo sát gia phả Quang Trung Nguyễn Huệ (Hồ Thơm) mà chúng ta biết được, bà là con gái ông đồ Hồ Phi Diễn. Và như thế, Nguyễn Huệ và bà cùng đời thứ 12 của họ Hồ ở Quỳnh Đôi, hai người chung nhau cụ tổ năm đời là Hồ Sĩ Anh, Xuân Hương gọi Hồ Thơm (Nguyễn Huệ) là anh họ. Nhưng dù sao, bằng các con đường gián tiếp, lắm khi đem lại sự không thống nhất giữa các nhà nghiên cứu nên cuộc đời và sự nghiệp của bà còn có chỗ chưa rõ, mỗi người lý giải một cách.

Là người khá am tường về Nguyễn Du, nhưng lâu nay mơ hồ về Hồ Xuân Hương, nên khi bà được UNESCO vinh danh, tôi tìm đọc lại các công trình của các nhà nghiên cứu, cộng thêm phần nhận thức và suy đoán của bản thân, cố phủ lấp khoảng mơ hồ để cuộc đời của bà được hiện lên rõ nét.

Người xưa từng nhận xét: “*Bắc Hà - Hành Thiện, Hoan Diễn - Quỳnh Đôi*” để ca ngợi làng Hành Thiện ở Nam Định cũng như làng Quỳnh Đôi của xứ Nghệ, là hai mảnh đất nổi tiếng khoa bảng ở nước Nam này. Làng Quỳnh Đôi thuộc huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An là đất học, đất quan mà trong đó họ Hồ là điển hình. Kể từ cụ tổ Hồ Hồng về dựng làng, lập nghiệp ở đây vào năm 1378 đến trên chục đời tiếp theo, nhiều người đậu trạng nguyên, hoàng giáp làm đến chức tể tướng, còn số người đậu tiến sĩ, cử nhân, tú tài làm nghề dạy học thì không kể xiết.

Đến đời thứ 11 của họ Hồ ở làng Quỳnh Đôi, có ông Hồ Phi Diễn (1703 -1786) là một nhà nho thanh bạch chuyên dạy học ở địa phương. Hai vợ chồng ông đồ ăn ở với nhau đã nhiều năm, nhưng chưa sinh được mụn con nào, thì bà đồ lâm bệnh qua đời. Để tránh nỗi buồn thương khi nhìn những kỷ vật có liên quan đến người vợ tảo tần, mãn tang vợ xong, ông Đồ khăn gói xa quê đi ra Bắc tiếp tục nghề dạy học ở Hưng Yên, Hải Dương và Thăng Long.

Sau một thời gian, ông xe duyên cùng cô gái nhan sắc họ Hà, quê Hải Dương, rồi vợ chồng đưa nhau về sinh sống ở làng Nghi Tàm, chồng mở lớp dạy học, vợ trồng rau, chợ búa và lo việc nội trợ. Năm 1772, một cô bé kháu khỉnh ra đời. Khó tả hết niềm vui của cụ đồ Diễn, đã bảy mươi tuổi mới trông thấy đứa con gái đầu lòng. Ông đặt tên con gái là Hồ Phi Mai, một bông hoa mai biết bay của nhà họ Hồ, còn biểu tự là Xuân Hương.

Xuân Hương lớn nhanh, khôn sớm. Mới biết nói đã lăn la nơi bố dạy học, không phải để nghịch mà để học chữ. Chả bao lâu cô bé đã nhận mặt được nhiều chữ Hán, ngay cả những chữ nhiều nét, làm cho cụ đồ cùng đám học trò hết sức ngạc nhiên. Giờ giải lao lớp học, những đứa trẻ hiếu động cũng không muốn chạy ra ngoài, mà ở lại thi nhau đố chữ Hán với Xuân Hương!

Thời phong kiến, con gái không được đi học. May mắn thay cho Xuân Hương, bố là ông đồ dạy học ngay tại nhà mình, nên việc học của cô bé hết sức tự nhiên, không bị ngăn cản. Thời ấy trong một phòng học, cùng một lúc thầy đồ có thể dạy các lớp có trình độ khác nhau. Xuân Hương không chỉ nhớ bài của lớp mình, mà thuộc luôn bài của lớp trên, làm cho ai nấy ngỡ phục, còn ông đồ già hạnh phúc nghĩ về tương lai của con gái mình.

Mới bảy, tám tuổi, Xuân Hương đã đọc được nhiều sách trong thư viện của bố. Có gì thắc mắc thì hỏi bố. Chính từ những câu hỏi của Xuân Hương mà ông đồ Diễn nhận biết con gái mình ngoài sự thông minh ra, còn có tính cách khác thường. Có lần Xuân Hương hỏi bố: “Sao con gái lại không được đi thi”? “Thì quy chế trường thi như thế”! Bố trả lời. “Vô lý, bất công, trọng nam khinh nữ! Sau này con sẽ cải trang và đi thi như bà Nguyễn Thị Duệ cho mà coi”! Nguyễn Thị Duệ là nữ Trạng nguyên duy nhất trong lịch sử nước ta, do bà cải trang thành nam giới mới được đi thi và đã đậu Trạng nguyên. Nghe con gái bảo thế, ông đồ vừa vui mừng, vừa e ngại.

Năm 1783, ông đồ Diễn mừng thượng thọ 80. Mến mộ đức độ và kiến thức của ông đồ đã truyền thụ cho con em mình, phụ huynh học sinh và dân quanh vùng Nghi Tàm quyên góp tiền, gom góp vật liệu, dựng cho ông ngôi nhà mới. Tuy cũng chỉ là ngôi nhà lá, nhưng so với ngôi nhà trước thì rộng rãi và khang trang hơn nhiều. Nhà làm xong đang còn dịp nghỉ Hè, ông đồ có một quyết định đột ngột làm Xuân Hương vô cùng thích thú: Về thăm quê nội! Xuân Hương đã mười một tuổi rồi mà chưa về quê lần nào, chỉ biết cảnh quê qua lời bố kể. Điều này làm chúng ta liên tưởng đến Nguyễn Du và Nguyễn Công Trứ và thấy có sự giống nhau với Hồ Xuân Hương. Cả ba đều có bố quê xứ Nghệ, mẹ đều là dân

Bắc, sinh ra tại các vùng giáp kinh đô Thăng Long và cùng sinh ra, lớn lên trên đất Bắc: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương sinh ra ở Thăng Long, Nguyễn Công Trứ sinh ở Thái Bình. Về thăm quê cha lần đầu khi Nguyễn Du vừa sáu tuổi, Hồ Xuân Hương và Nguyễn Công Trứ đều mười một tuổi. Để trở thành nhà thơ lớn của dân tộc cần nhiều yếu tố, đối với ba nhà thơ này trong dòng máu có sự pha trộn hai vùng văn hóa lớn, phải chăng là một yếu tố quan trọng?

Ở quê vài tuần, hai bố con ông đồ trở lại Thăng Long. Ông đồ Diễn tiếp tục nghề dạy học, Xuân Hương lại làm học trò của bố cùng bọn trẻ quanh vùng. Ba năm sau, năm 1786, một buổi chiều đang dạy học thì ông đồ ngã bệnh, Xuân Hương cùng bạn học khiêng ông vào phòng ngủ. Mặc dù được vợ con, học trò và xóm giềng chăm sóc, nhưng vì tuổi cao, bệnh nặng, ông đã qua đời, thọ 83 tuổi. Ông được mai táng tại nghĩa trang Đồng Táo, gần bờ hồ Tây, đám tang rất đông người đưa tiễn.

Ông giáo qua đời nhưng lớp học không tan, mà do trưởng tràng Tử Minh đảm trách. Tử Minh hơn Xuân Hương dăm tuổi, là trưởng tràng, học rất giỏi. Bên cạnh Tử Minh, Xuân Hương nhờ tú sách của bố để lại và thói quen đọc sách, nhanh hiểu, nhớ lâu nên trình độ cũng vượt trội so với đám trẻ trong lớp. Ngoài công việc học ở lớp và tự học, nàng thích làm thơ, lúc đầu là thơ chữ Hán, sau đó là thơ Nôm. Khi say thơ, có thành tựu về thơ rồi, nàng thấy khoa bảng đối với mình cũng không quan trọng nữa, nên từ bỏ ý định cải trang nam giới để đi thi như trước đây bao lần nàng đã thổ lộ với bố.

Lạ kỳ thay, người con gái tài năng, nhan sắc từng được ngợi ca *“Người tiên rạng rỡ từ mây đến”*; hay *“Như dáng cây mai xinh cốt cách, mười phần xuân sắc rạng trời xanh”* ấy mà cứ để tuổi xuân dần dà trôi. Bạn thơ văn xướng họa, tán tỉnh thì nhiều, có người làm cả tập thơ trên 30 bài tặng nàng, còn bạn trăm năm thì mờ nhạt, để nàng mãi *“trơ cái hồng nhan với nước non”*!

Năm 1802, số phận dun dủi đưa nàng về làm lẽ ông Nguyễn Bình Kinh, có biệt danh là Tổng Cóc. Ông này cũng có tâm hồn thi ca, đã làm đến chức Đội, nên còn gọi là Đội Kinh, chỉ có tội nhu nhược trước bà vợ cả, không dám nói gì, mặc cho bà ta hành hạ Xuân Hương. Không chịu được sự đối xử tàn tệ của bà vợ cả, bụng mang dạ chửa, Xuân Hương đã bí mật trốn đi khỏi nhà. Vào một nơi xa lạ, heo lánh, Xuân Hương đã tự mình sinh con nhưng đứa trẻ sơ sinh chết yếu. Sau đó nghe nói Tổng Cóc có đi tìm nàng, nhưng nàng lánh mặt, chỉ gửi lại cho ông ta bài thơ bốn câu: *“Chàng Cóc ơi, chàng Cóc ơi/ Thiếp bén duyên chàng có thể thôi/ Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé/ Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi”*!

Năm 1804, đứt tình với Tổng Cóc, Xuân Hương đi khắp đây đó để làm thơ và giao lưu cùng các thi nhân đương thời. Năm 1811, Tử Minh qua đời ở tuổi bốn mươi, Xuân Hương được dân làng Nghi Tàm mời về thay Tử Minh dạy học. Lớp học Xuân Hương dạy, học trò ngày càng đông, vì tài thơ và danh tiếng của nữ sĩ. Cũng năm đó, Xuân Hương dựng *Cố Nguyệt đường* bên Hồ Tây, vừa làm nơi ở, vừa là nơi hội ngộ của 28 danh sĩ nổi tiếng lúc bấy giờ như Phạm Quý Thích, Nguyễn Huy Tự, Tôn Phong, Mai Sơn Phủ... Có người làm tướng trong “nhị thập

bát tú” này có Nguyễn Du, nhưng không phải thế, thời kỳ ấy Nguyễn Du đang ở nơi xa.

Năm 1813, nghe tin Nguyễn Du được vua Gia Long phong Cẩn chánh Học sĩ ở Phú Xuân, và được nhà vua cử làm Chánh sứ đi sứ Trung Quốc, Xuân Hương rất muốn gặp nhưng không thể, vì đường sá quá xa xôi, mà đã lâu hai người không có tin tức qua lại. Trong thâm tâm, Xuân Hương rất có tình cảm với Nguyễn Du, nhưng Nguyễn Du, lúc đầu coi Xuân Hương như đứa em gái bé, gặp lại khi nàng trưởng thành thì Nguyễn Du đã yên bề gia thất nên sợ! Lúc này nàng chỉ biết thể hiện tình cảm của mình vào bài thơ: *“Nhớ chuyện cũ, viết gửi Cẩn chánh Học sĩ Nguyễn Hầu”: “Dặm khách muôn nhìn nỗi nhớ nhung/ Mượn ai tới đấy gửi cho cùng/ Mỗi tình chốc đã ba năm vẹn/ Giấc mộng rồi ra nửa khắc không...”. Mỗi tình của Xuân Hương với Nguyễn Du diễn ra trong khoảng thời gian nào là một ẩn số, chưa có lời giải đáp.*

Năm 1814, bà mẹ qua đời, Xuân Hương cùng đám học trò và dân làng Nghi Tàm đã đưa bà đồ về an nghỉ bên cạnh ông đồ ở nghĩa địa Đồng Táo. Nhớ thương cha mẹ, nhiều lần Xuân Hương một mình ra nghĩa địa thắp hương cho bố, mẹ và làm thơ ghi lại chuyện này: *“Dầu dầu hai nắm lẫn vàng xanh/ Kìa nắm thâm ân, nọ nắm tình/ Mấy giọt sa thâm rơi khoáng dã/ Trăm đường tẻ ngắt kiếp phù sinh...”.*

Thời gian này bà có tình cảm với ông Trần Phúc Hiển, một người quê Đảng Trong, làm quan Tham hiệp Quảng Yên. Đợi đoạn tang mẹ, năm 1816, hai người mới nên vợ nên chồng. Bà theo chồng về Quảng Yên sinh sống. Ông quan này cũng đã có vợ ở quê, nàng chịu phận làm lẽ, may mắn là không gần bà vợ cả nên đó là những ngày tháng hạnh phúc, nhất là khi du ngoạn trên vịnh Hạ Long để làm thơ. Nhưng “ngày vui ngắn chẳng tày gang”, chỉ hai năm sau, chồng bà can tội nhận hối lộ, bị tử hình vào năm 1819. Lo ma chay cho chồng xong, từ bỏ ngôi nhà ở Quảng Yên, bà trở lại Cổ Nguyệt đường bên bờ hồ Tây. Ba năm sau, bà lâm bệnh qua đời hưởng thọ 50 tuổi. Bạn thơ, học trò cũ và dân làng đưa bà về mai táng tại nghĩa địa Đồng Táo, nằm gần cùng song thân của bà.

Đúng hai mươi năm sau, 1842, nhà thơ Tùng Thiện Vương (1819 - 1870) thăm hồ Tây, viếng mộ bà, viết bài thơ *“Long Biên trúc chi từ”* qua bản dịch của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn:

*Đầy hồ rục rỡ hoa sen
Sai người xuống hái để lên cúng dàng
Chớ trôi qua mộ Xuân Hương
Suối vàng còn giận tợ vương lỗ làng
Sen tàn, phấn rữa, mờ hoang
Xuân Hương đã khuất bên đàng cỏ xanh
U hồn say tí làm thình
Gió Xuân mấy độ vô tình không hay.*

Cái kết của bài thơ như một lời thăm trách ai đó quên lãng nơi an nghỉ cuối cùng của nữ sĩ.

Hồ Xuân Hương qua đời để lại khoảng 150 bài thơ, bao gồm tập thơ *"Lưu Hương ký"* có 24 bài thơ chữ Hán, 28 bài thơ chữ Nôm cùng ngót 100 bài thơ khác theo phong cách dân gian, phóng túng, thể hiện sự đặc sắc, phong phú của tiếng Việt. Hồ Xuân Hương tự hào dân tộc mình, tự hào ngôn ngữ dân tộc mình, nên dù xuất thân từ Hán học, nhưng bà quý trọng chữ Nôm và phần lớn sáng tác bằng thơ Nôm. Lòng tự hào dân tộc còn thể hiện qua việc coi thường bọn xâm lược phương Bắc, qua bài *"Đề đền Sầm Nghi Đống"*: *"Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo/ Kìa đền Thái thú đứng cheo leo/ Ví đây đối phận làm trai được/ Thì sự anh hùng há bấy nhiêu"*. Sầm Nghi Đống là Thái thú của nhà Thanh, đã treo cổ tự tử khi không thể chống lại quân Tây Sơn tiến vào Thăng Long năm 1789.

Bà là người phụ nữ tiên phong dùng thơ ca để đòi nữ quyền và bình đẳng giới. Thơ bà thâm trầm, sâu lắng khi diễn tả nỗi cô đơn của kiếp người, nhưng trước bất công xã hội, bất bình đẳng giới, bà như muốn hét lên *"Chém cha cái kiếp lấy chồng chung"*. Qua thơ bà, ngôn ngữ Việt Nam phong phú và giàu có biết dường nào! Các nhà thơ cùng thời nhìn nhận: *"Cổ Nguyệt đường Xuân Hương học rộng mà thuần thực, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hoa"...*

Đời sau, nhà thơ Xuân Diệu suy tôn bà là *"Bà Chúa thơ Nôm"*. Nhiều trường học, đường phố, khu dân cư văn hóa, giải thưởng văn học, nghệ thuật mang tên bà. Tượng chân dung bà được dựng lên trang trọng ở vườn hoa trung tâm làng Quỳnh Đôi, nơi thường xuyên có người đến dâng hương hoa với lòng thành kính ngưỡng mộ.

Thơ Hồ Xuân Hương được dịch ra nhiều thứ tiếng của nhân loại. Nhiều nhà thơ lớn nước ngoài ngợi ca bà là một trong những nữ sĩ hàng đầu châu Á, là nhà thơ Việt Nam độc đáo nhất trong nền thi ca thế giới.

Tháng 11 năm 2021, trong phiên họp lần thứ 41, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua nghị quyết vinh danh và cùng kỷ niệm 250 năm ngày sinh và 200 năm ngày mất nữ sĩ Hồ Xuân Hương cùng với thông qua nghị quyết kỷ niệm 200 năm ngày sinh của danh nhân Nguyễn Đình Chiểu⁽¹⁾.

1. Năm 1822, năm mất của Hồ Xuân Hương đồng thời là năm sinh của Nguyễn Đình Chiểu.

Các em **VIẾT** cho các em

MINH HUẾ

Bánh chưng ngày Tết

Em theo bà ra vườn
Cắt lá dong làm bánh
Lất phất trời mưa lạnh
Chẳng làm tay bà run.

Ông lấy chiếc dao cùn
Cạo ống giang chẻ lát
Em chạy quanh nhà hát
“Tết, Tết sắp đến rồi”.

Bố rửa sạch chiếc nồi
Mẹ ngồi vo gạo trắng
Mâm đậu vàng như nắng
Khay thịt đỏ như son.

Ông gói lá vo tròn
Bà gọi là bánh tét
Bố bẻ lá vuông vức
Bà gọi là bánh chưng.

Tay em cũng ngập ngừng
Gói bánh như bà bảo
Lấy lá xanh làm áo
Gạo, đỗ, thịt làm nhân.

Cả nhà cùng quây quần
Cười vui bên nồi bánh
Lửa hồng xua giá lạnh
Hương Tết đến thơm nồng.



Mùa Xuân - PHAN THẢO ĐAN

NGUYỄN TRỌNG TUẤT

Hát cho mùa Xuân

Em hát cho mùa Xuân
Gió xanh trời cánh én
Em hát cho mùa Xuân
Chim câu về bay lượn.

Phố phường vui hò hẹn
Áo đua sắc đua màu
Đồng quê thơm lúa mới
Sông nổi trăm nhịp cầu.

Em hát cho mùa Xuân
Đất không còn bom đạn
Cây xanh ngát núi rừng
Biển giăng vòng bè bạn.

Phù sa vàng năm tháng
Thuyền tấp nập xuôi dòng
Mũi tàu xa lướt sóng
Yên bình trong bão giông.

Em hát cho mùa Xuân
Ấp iu bàn tay mẹ
Trang sách đỏ nụ hồng
Hạnh phúc đời con trẻ.

NGUYỄN VIỆT LỢI

Lom khom bóng bà

Bỏ quên chuyện cổ tích
Trong bị bà nằm nao?!
Tìm lại câu đồng dao
Tuổi thơ thành nỗi nhớ.

Chiều se con lại về
Sau bao năm đi học
Lặn lội dưới ruộng sâu
Vẫn bóng bà khó nhọc.

Trâu gờ nghỉ đường cày
Ruộng làng thuê máy cấy
Rưng rưng lòng con thấy
Dặm lúa, bà lom khom.

DƯƠNG THẾ VÕ

Sáng Xuân

Cây vừa mới ra hoa
Nắng rực vàng chi lạ
Vườn nhà mình đẹp quá
Lung linh màu sắc Xuân.

Tiếng ai nghe rất gần
Nhẹ nhàng trong tiếng gió
Vươn lên nào bạn ơi
Ồ, hạt mầm tách vỏ.

Chú chim sâu nghiêng ngó
Lích chích lích chích cười
Sương tan dần trong đất
Cho mầm cây xanh tươi.

TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Mẹ đi chợ Tết

Sáng nay mẹ đi chợ Tết
Đi từ gà gáy tinh sương
Em kịp xỏ chân vào dép
Lon ton tiến một đoạn đường.

Nắng rây đều trên tán lá
Đàn chim mổ những hạt vàng
Khu vườn sáng nay thật lạ
Chồi non lộc biếc râm ran.

Em rửa mặt và chải tóc
Lau nhà, quét mảnh sân con
Chú mèo nhìn em ngơ ngác
Hôm nay cô chủ thật ngoan.

Mấy chốc, đến giờ đón mẹ
Em ra đợi trước hiên nhà
Tiếng xe mẹ về ngõ nhỏ
Xôn xao những bướm cùng hoa...

Này là lá dong, bó lạt
Nếp thơm, thịt cá, dưa hành
Cành đào nụ chờ khoe sắc
Bên câu đối đỏ, tờ tranh.

Em cùng dỡ hàng giúp mẹ
Muôn màu, muôn vẻ thích ghê!
Sáng nay mẹ đi chợ Tết
Mang cả mùa Xuân theo về...

Hương Xuân

VÕ THU HƯƠNG

Mít thích nhất là những dịp Tết đến được mẹ cho về bà. Cô nhóc thường đếm ngược từng ngày từ khoảng rằm tháng Chạp cho tới những ngày giáp Tết, được theo mẹ về quê với một niềm háo hức khó tả.

Đọc đường về, Mít luôn hồ hởi khi đi ngang qua dòng kênh nhà Lê uốn lượn bên đường gắn với chuyện những đoàn quân của Lê Lợi, Lê Lai đi đánh giặc, đền Cuông - nơi gắn với truyền thuyết An Dương Vương, núi Bạc Đầu, gắn với câu chuyện vị tướng oai hùng... Hầu hết tên núi, tên sông ở quê Mít đều gắn với những câu chuyện truyền thuyết, lịch sử hấp dẫn. Lần về quê nào ngồi trên xe ô tô, Mít cũng đòi mẹ kể đi kể lại những câu chuyện ấy, nhưng chưa bao giờ thấy chán.

Đường về quê ngang qua một vùng cò trắng đậu chi chít trên những ngọn tre bao quanh một hồ nước đầy. Hồ nước mùa Xuân trong xanh in bóng cò, bóng tre lấp loáng. Để mà đến cả nghìn con, lốm đốm trắng mờ ảo trong sương sớm. Chúng đua nhau bay, nhảy, chòe ghẹo nhau trên những cành tre mảnh cong. Mít thường ngắm mê mãi cảnh tượng ấy và liên tưởng tới một bức tranh thủy mặc thật đẹp.

Người đầu tiên đón Mít luôn là ông ngoại. Tầm này như mọi bận, ông đang ngâm mình dưới ao trước nhà bắt cá. Trời lạnh run nhưng ông lại quen với công việc ấy. Ông còn khẳng định xuống nước ấm hơn trên bờ. Nhìn vẻ mặt hồ hởi của ông, Mít tin luôn điều ấy dù bây giờ, có cho một nắm kẹo Mít cũng chẳng dám thò chân xuống nước.

Cậu Sáu đã đi chặt đào trên Tân Kỳ về. Cậu nhóm đồng lửa nhỏ trước sân, kêu Mít ngồi hơ cuống đào phụ cậu:

- Sao phải hơ lửa thế cậu?
- Hơ lửa giúp đào giữ nhựa sống lâu hơn, tươi lâu hơn.

- Con nghĩ, hẳn cây đào mẹ phải đau đớn lắm khi cậu chặt cành nó đi.

Cậu Sáu ngược gương mặt chữ điền, nheo cặp mắt một mí nhìn cháu gái tỏ ý ngạc nhiên. Mít nói tiếp:

- Cả cành đào này nữa. Cậu xem kìa, nhựa nó vẫn chảy rỉ ra, y như chảy máu. Con nghĩ cũng như là con với mẹ, nếu phải xa nhau sẽ buồn kinh khủng.

Cậu gật đầu tỏ vẻ đồng tình. Đúng là khi hơi lửa, nhựa từ gốc đào đổi màu nâu đỏ trông tựa máu khô khiến con nhỏ có cảm giác hẳn cành đào đau đớn lắm. Tiếng nhựa đào, vỏ cây gặp lửa cháy tí tách khiến Mít còn cảm giác như thể cành đào đang khóc vì xa mẹ. Nhìn gương mặt rầu rĩ của Mít, cậu an ủi:

- Con còn nhớ cây đào kia không?

Mít còn nhớ cây đào ấy. Cùng giống, cùng nơi với gốc đào này. Năm nào cậu Sáu cũng không ngại đường xa, vượt hàng chục cây số lên núi để chọn được gốc đào chưng Tết. Hết Tết, cậu đưa gốc đào sắp tàn ra khoảng vườn trước sân nhà trồng xuống. Gốc đào ra rễ, bám vào đất mới thành một gốc đào mới. Cây đào cũ đang khoe áo mới, điểm những bông hoa phớt hồng, những nụ hoa chúm chím tuyệt đẹp.

- Đúng là cây đào rất đau khi người ta chặt cành của nó đi. Con nói đúng, cũng như con sẽ buồn kinh khủng khi phải xa mẹ. Nhưng đào mẹ biết rằng con nó sẽ đem niềm vui Xuân đến mọi nhà, rồi sẽ thành một cây đào mẹ làm đẹp cho đời như thế này thì niềm vui của nó lớn hơn nỗi đau nhiều. Cành đào này, dù nó có buồn khi xa mẹ nhưng nó sẽ buồn hơn thế nhiều nếu suốt đời bên mẹ mà không thể tự lập, trưởng thành. Cậu tin là thế.

Những lời cậu Sáu nói khiến Mít nghĩ ngợi mông lung lắm. Mít nghĩ tới ngày mình lớn, chắc rồi cũng xa mẹ như cành đào này xa cây. Ngày đấy thực ra còn rất xa với một cô nhỏ mười tuổi. Nhưng điều ấy không quan trọng bằng lần đầu tiên có người nói với Mít về tự lập và sự trưởng thành.

Nhựa cây đào chảy tí tách. Lúc này Mít tưởng đó là tiếng khóc nhưng lạ thay, bây giờ, khi nghe kĩ thì hóa ra lại là tiếng cười. Trong những đóa hoa tươi tắn, bắt chột, cậu Sáu chỉ cho Mít thấy một đóa hoa sáu cánh thật lạ so với hết thảy những đóa đào năm cánh:

- Xem này, năm nay nhà mình có hoa đào sáu cánh. Nhất định sẽ đem đến nhiều may mắn, niềm vui.

Chẳng biết có thật thế không mà ngay lập tức Mít thấy lòng mình vui râm ran. Lúc cùng cậu Sáu đưa cành đào mới vào giữa nhà, Mít hít sâu vào lồng ngực mùi hương thật nhẹ của những bông đào vừa nở. Cả mùi bánh chưng ông ngoại vừa vớt ra, mùi nước lá mùi, lá sả mẹ vừa đun để cả nhà tắm tẩy trần cuối năm, mùi hương bưởi tí ngoài vườn cũng ham vui theo tận vào nhà... hết thảy xen vào nhau làm thành thứ mùi hương thật đặc biệt: Hương Xuân.



Nhà văn Thái Bá Lợi

Nhà văn Thái Bá Lợi không nhanh mà cũng chả chậm

TRUNG TRUNG ĐỈNH

Nếu bạn muốn tìm hiểu ngọn ngành về nhà văn Thái Bá Lợi, thì tôi khuyên bạn, hãy tìm đọc những truyện ngắn đầu tiên của ông: “Lòng cha”, “Vùng chân Hòn Tàu”, “Đội hành quyết” rồi đến truyện vừa “Thung lũng thử thách”, lần lần, từng nấc một, như bạn đang leo thang, mỗi truyện ngắn của ông là một nấc thang khỏe khoắn, vững chắc, chần chu, đưa bạn lên tít trên đỉnh cao mà không thấy mệt, đây là đỉnh cao “Hai người trở lại trung đoàn” - một đỉnh cao chói ngời, đỏ thắm của truyện ngắn Việt Nam

thời hậu chiến. Trước năm 1975, trước “Hai người trở lại trung đoàn” gần như tên Thái Bá Lợi mới chỉ được giới viết văn khu vực miền Trung Trung Bộ và Tây Nguyên biết đến. Nhưng sau “Hai người trở lại trung đoàn” thì những người viết văn cả nước đều ngả mũ nể phục đón chào nhà văn Thái Bá Lợi. Truyện ngắn này, nếu tôi nhớ không nhầm, sau khi được in ra, ngay lập tức có hai luồng dư luận đối nghịch nhau. Một bên khen, khen ngút trời, cho rằng Thái Bá Lợi xứng đáng là nhà văn “Trung úy” (theo cách nói đầy mền phục của giới viết văn về chiến tranh của Liên Xô cũ). Ở ta, lúc ấy, các nhà văn miền Bắc, lứa chúng tôi vừa bước ra khỏi cuộc chiến đều đánh giá Thái Bá Lợi là người có cái nhìn mới về người lính và về xã hội. Anh dũng cảm và chính xác nhìn nhận về mình, về thế hệ mình, một thế hệ vừa oai hùng lừng lẫy từ trong cuộc chiến thắng với lấp lánh huân huy chương chiến công ngời ngời và đồng thời bắt đầu bước phải những bước va vấp tư tưởng tưởng nhỏ nhưng không nhỏ, tưởng lớn nhưng không lớn bao nhiêu, khiến sự nhìn nhận, cách ứng xử mà cái lối tiếp cận mới chưa đủ mới, chưa đủ mạnh, chưa đủ thuyết phục trong khi thói quen cũ còn khá phổ biến, chưa được cái cách tiếp cận mới mở đường cho thông thoáng. Truyện ngắn “Hai người trở lại trung đoàn” tạo nên một không gian văn hóa mới với cách nhìn nhận về chiến thắng không phải chỉ có một về!

Tác giả dám nhìn thẳng vào sự thật như một lời cảnh tỉnh về sự tha hóa của con người mà trong đó có cả những người lính, những người tướng như đã thành mặc định là chỉ thấy hay, thấy đúng! Còn một bên phản đối kịch liệt, cho rằng “Hai người trở lại trung đoàn” đã chệch đường ray, đây là một cách nhìn sai lệch về người lính cách mạng. Họ cho rằng, những con người hiên hách dũng cảm trong chiến tranh như vậy, sau chiến tranh, sẽ càng hiên hách hơn, không bao giờ có chuyện sa ngã, mất “quan điểm lập trường”...

Vấn đề sau đó là, sự thật ngày càng chứng tỏ, cách nhìn nhận cảnh tỉnh của Thái Bá Lợi không hề lệch lạc. Những vấn đề hậu chiến của người lính, của hậu phương người lính, của cả một loạt những nhức nhối nóng bỏng mới nảy sinh trong lòng xã hội thời bình sau chiến tranh.

Tôi có cảm giác lúc nào Thái Bá Lợi cũng đang viết. Mà đúng thật. Ông ta ngồi vào bàn, thực ra chỉ là để chép lại câu chuyện mà ông ta đã viết chín nẫu trong đầu. Thái Bá Lợi viết văn như nghĩ, hay nói đúng hơn, viết bằng nhau với các ý tưởng đã nghĩ, đang nghĩ, liên tục nghĩ, nghĩ cả khi đang viết, và vì vậy văn ông lúc nào cũng trau chuốt, trau chuốt nhưng không bóng bẩy, hào nhoáng, mà cực kỳ kỹ lưỡng. Giữa lúc chúng ta còn, đang chưa đủ bình tĩnh nhìn nhận nhân tình thế thái thời hiện tại, thì nhà văn Thái Bá Lợi đã lại một lần nữa tiếp cận vào bên trong những nhức nhối lớn hơn thường ngày của đời sống xã hội. Ông như một nhà tiên tri bị cuốn sâu vào tâm điểm của những mâu thuẫn nội tại nơi con người Việt Nam những năm thương khó, phải nói là thương khó tội tình.

Tôi nghĩ rằng, nếu bạn mới viết văn, có máu mê viết văn, thì tốt nhất bạn nên tránh xa Thái Bá Lợi. Không nên để ý, không nên xem ông ta thao tác nghề nghiệp này. Bởi vì, tôi nói thật, tôi đã được lén lút xem ông bạn của tôi ngồi một mình với trang giấy trắng. Nói như thế thì sang cho ông quá. Thực ra đây là lúc ông ta được tự do nhất, được coi trời bằng vung, “anh hùng” nhất khoảnh nhất. Tức là mọi sự việc xung quanh, mọi người xung quanh, tất thảy đều vô nghĩa. Mất Thái Bá Lợi vốn đã lệch lúc này đại đi, nước mũi, nước dãi tự nó “bươn chải”, không nơi cư trú, mặc dù trước đó, trước khi viết văn, bao giờ Thái Bá Lợi cũng có ý thức long trọng lau chùi bàn ghế tinh tươm; sửa sang giá sách gọn ghẽ, giường chiếu và các vật dụng quanh ông thật yên lặng để chúng coi ông đang cầm cúi cặm cụi với mình. Câu chuyện và ý tưởng ông ta đã thuộc lâu lâu, vậy mà, tóm lại, chúng ta không nên nhìn thấy cảnh này. Nó vừa bi ai hùng tráng, lại cũng vừa rất chi là bê tha. Đọc văn thì sướng thiệt, chứ xem các nhà văn làm việc thì thật oải!



Thời bao cấp khó khăn, tôi với Thái Bá Lợi ra học khóa I của Trường Viết văn Nguyễn Du. Lợi thì đã nổi tiếng “hoành tráng”. Tôi mới tập tọe viết được vài ba truyện ngắn, chưa ai biết gì. Nhóm bạn chơi của tôi hồi ấy được anh em gọi là “cánh rừng phía Tây” gồm có tôi, Thái Bá Lợi, Nguyễn Trí Huân và Phạm Hoa.

Nhóm chúng tôi chủ trương sống thoáng, tự do, “gió chiều nào che chiều đó”, nếu không che được thì “cuốn theo chiều gió” luôn, lấy vui làm gốc. Nguyễn Trí Huân là người nghiêm chỉnh nhất, không rượu chè, không trà lá, chỉ thuốc Lào. Thú vui của y dồn hết vào cái nỏ điều thuốc Lào. Chúng tôi nhất trí.

Phạm Hoa gốc gác lái xe Trường Sơn, đầu bù, tóc rối, viết văn rất hay vì có nhiều vốn sống hay về lính lái xe Trường Sơn, cá tính có vẻ lảm lì nhưng hóm, máu giang hồ, tài tử. Năm ấy Phạm Hoa in truyện ngắn liền tù tì trên báo Văn nghệ. Hình như năm cái. Một con số mơ ước cho những người viết trẻ.

Tôi thì hay rượu, ham chơi, gần với Thái Bá Lợi hơn. Nhưng anh Lợi chín chắn hiền hòa, không nôm nóng như tôi. Kết với nhau như thế nhưng hôn ai nấy giữ. Phạm Hoa với Nguyễn Trí Huân hay ngả sang chơi với nhóm Trần Nhương, Dương Duy Ngũ. Mỗi khi nghỉ hè, nghỉ phép, chúng tôi nhập nhóm “đi thực tế vùng miền” kết hợp đi buôn “đánh quẻ”, chỉ mong lấy lại tiền vé tàu xe.

Hồi ấy xà phòng rất hiếm. Thái Bá Lợi có anh bạn tên là bác Châu (già) ở Đà Nẵng. Anh Châu già có một “xưởng” nhỏ sản xuất xà phòng, loại xà phòng trắng nhón, rất nhót, hôi, nhưng giặt quần áo thấy rất hiệu quả. Tôi và Thái Bá Lợi “đặt vấn đề” buôn chuyến ra Bắc và ngay lập tức được anh Châu nhiệt liệt hưởng ứng. Ba anh em chúng tôi làm 03 ba lô kỉnh, lên tàu.

Trước hết là đến Đại học Bách khoa, theo tính toán của chúng tôi, sinh viên ta nghèo, dùng xà phòng này quá hợp. Bỏ mỗi chào hàng thì có vẻ

ai ai cũng tấm tắc, nhận mua, thậm chí có quán nước bốc lên bảo các anh có nhiều thì tôi sẵn sàng bao tiêu, hoặc ta bàn chương trình làm xà phòng tại chỗ, bán sẽ lời hơn.

Về, tôi và Thái Bá Lợi khắp khởi tổ chức liên hoan nhẹ với món truyền thống: cá mè hồ công viên mua của mấy chú nhóc câu trộm nẫu dưa chua cùng mấy xì quốc lủi, hẹn nhau sang tuần thu tiền vốn, chưa lấy lãi vội. Tuần sau đi thu hồi, đa số người ta trả lại, không những không mua mà còn chê. Khó khăn thì khó khăn cả nước, vậy mà mấy vị buôn lại còn bày đặt chê hàng Đà Nẵng “nhà quê”, không hợp với người Hà Nội, rất khó chịu. Thôi thì làm ăn buôn bán có duyên, có nghiệp, đâu phải dễ ăn. Cánh tôi biết thân biết phận rút quân, thua thì nói là thua cho nó lành!



Nhà văn Thái Bá Lợi là tay ham chơi, thích ngao du, rủ đi đâu chả mấy khi từ chối. Hồi ở trên rừng Trà My ông đã bộc lộ tính cách hóm hỉnh của mình. Một lần cơ quan có hội nghị liên hoan, tập trung nhiều người về bếp ăn tập thể. Đây là những ngày hiếm hoi vui vẻ. Một hôm, vòi nước được anh em bắc bằng ống nứa từ tít trên núi cao rất công phu đưa nước sạch về bếp tự đun bị tắc.

Mọi người đang hoang mang lo lắng, nhất là mấy cô chị nuôi, thì Thái Bá Lợi kéo theo cậu công vụ đi ngược núi dọc đường ống lên dốc “kiểm tra”. Đến đoạn trên dốc cao, đường ống bị một túm lá cây chặn tắc, nhấc túm lá ra, đường ống thông, dưới bếp mọi người hoan hỉ.

Thái Bá Lợi được khen là “sáng kiến”. Lợi ta hì hả bảo mọi người rằng, không ngờ chỉ mấy cái lá cây có thể làm tắc được cả một dòng nước. Bây giờ nhấc túm lá bỏ đi, được mọi người khen sáng kiến, giỏi. Thế mới biết muốn “lập thành tích”, viết được một “cái gương” thì dễ nhì! Ở cơ quan văn nghệ có hẳn một “tổ gương”, đây là một tổ những nhà văn được phân công chuyên đi thực tế xuống đơn vị, chỉ để sưu tầm gương người tốt, việc tốt, về nhà viết lên, biểu dương quần dân là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ rồi.

Nhưng Thái Bá Lợi thì luôn luôn được ưu tiên cùng nhóm đi vùng sâu, đi phía trước. Câu chuyện các nhà văn đi thực tế ở khu V cũng nhiều. Thái Bá Lợi cũng như Nguyễn Trí Huân, Vũ Thị Hồng (Bắc Hà), Nguyễn Hồng, Thanh Quế, Bùi Minh Quốc, Cao Duy Thảo, Ngô Thế Oanh, tất cả các anh chị khi ấy đều trẻ trung.

Nguyễn Hồng là một cây viết trẻ, nhiều hứa hẹn, bị hy sinh trong một lần về vùng sâu. Trước đó các nhà văn Nguyễn Mỹ, Dương Thị Xuân Quý, Chu Cẩm Phong, Hà Xuân Phong, có thể nói các anh chị đều là những tấm gương lớn cho anh em sau này. Họ đều là những anh hùng.



Có hồi Thái Bá Lợi phải bươn chải một mình nuôi hai đứa con ăn học, vì bà xã của ông vốn là một thành viên tích cực của phong trào sinh viên nội thành, sau giải phóng, chả hiểu làm ăn thế nào mà lâm vòng lao lý. Ông vốn không phải loại người tháo vát, chưa bao giờ biết làm ăn (cái vụ làm ăn to nhất có lẽ là vụ buôn xà phòng thời bao cấp với tôi!).

Nhưng không có con đường nào khác, ông lầm lũi vượt qua tất cả những trở trêu, những điều tiếng, để trụ lại với đời, với nghề. Có lẽ đây là khúc bi ai nhất trong những khúc đời trước đó mà nhà văn Thái Bá Lợi phải chịu đựng. Hóa ra tạo hóa cũng vẫn không để ai mất hết. Hai đứa con Thái Bá Lợi như hai thiên thần, chúng lớn lên cùng cha, học giỏi, ngoan, hiền, bởi quanh chúng còn có bà con cô bác, anh chị em, bè bạn của ba mẹ.

Thái Bá Lợi vẫn viết. Viết cả khi đi theo các vị sư vào ở hẩn trong chùa. Viết cả khi tưởng như trước mắt chỉ có bóng đêm tăm tối. Đi theo nhà Phật, hướng theo triết lý Phật giáo, tu tập không phải là con đường, không phải là lối thoát, mà đó là duyên mệnh. Thái Bá Lợi lao động sáng tạo như là một định mệnh, như là một nhu cầu tự thân, không hề nhằm vào bất cứ giải thưởng hay có ý nhằm vào cuộc đua chen nào. Ông viết văn cũng như uống rượu, không cố gắng, không phấn đấu, hình như cơ địa ông nó cho phép ông được thế. Hình như bản mệnh ông phải thế. Thỉnh thoảng có bốc phét, có ba hoa, nhưng nói thật, cái bốc phét, cái ba hoa của Thái Bá Lợi rất vụng, nó lộ hàng ngay đầu nước. Ông mê Hê-minh-uê, coi Hê-minh-uê là cứu cánh, là bậc tiên chỉ. Thái Bá Lợi là người không nhanh không chậm, không vừa phải. Ông là người lúc cần nhanh thì nhanh, khi cần chậm thì chậm. Chuyện hóm hạng nhất mà chuyện nhạt cũng đôi khi. Ít thấy ông kêu ca, phàn nàn về người này người khác. Càng ít thấy ông bốc đồng thái quá. Khen ra khen, chê ra chê, không chung chung nước đôi lấy lòng. Khi bị những kẻ xấu ganh tị, Thái Bá Lợi đặc biệt cảm thông, bỏ qua, ví như câu chuyện mới rồi, khi ông được Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật, ông có đôi lời phát biểu cảm ơn này nọ, không thỏa ý thích đôi người, họ chỉ lấy mấy đồng bạc làm trọng, tưởng ai cũng nghĩ như mình, làm ra vẻ cao ngạo, nên mới ra sức bôi bẩn hàm hồ. Thế sự thăng trầm, tình người thay đổi, có người hôm qua là bạn, hôm nay vì đồ kỵ mà tự chuyển thành đối thủ. Khôn khôn lường lường, khôn lường mãi âu cũng vào đó vậy.

Thái Bá Lợi có đức tính chiều bạn. Ngồi với bạn thâu đêm suốt sáng mặt vẫn tỉnh bơ. Có lần tôi và anh ngồi tiếp Nguyễn Trọng Tạo từ Huế ra. Cả đêm hết chuyện hồi trong rừng, hồi ra đảo đến chuyện làm báo. Ba anh em bàn khi nào được làm báo tư nhân sẽ lập tờ lấy tên là “TIN THÌ TIN KHÔNG TIN THÌ THÔI” rất sôi nổi. Thái Bá Lợi bảo, cho Nguyễn Trọng Tạo làm đi-zai, sửa bông. Ông bảo Tạo, anh nào nhiều tài thì phải làm nhiều chuyện, đừng than!

Hồi viết tiểu thuyết “Bán đảo” tôi biết ông đã phải trải nghiệm nhiều cuộc kinh hoàng và tất nhiên, ông phải có sức chịu đựng quá đổi mà sự thật cùng nỗi đau

mất mát của nhân dân, của dân tộc bị những lỗi lầm của chính mình trừng phạt mình. Cuốn tiểu thuyết mỏng như bị ép chặt bởi nỗi đau mất mát của những cuộc vượt biên, bán bãi. Tiểu thuyết bán đảo, một bầu không khí u ám, tăm tối, tội tình bao trùm lấy một nhóm cư dân không biết mằn rằn bây chừ! Mằn rằn bây chừ! Nhà văn cũng không biết mằn rằn bây chừ, khi ông nhiều lần phải chứng kiến cảnh tan đàn xẻ nghé trước sóng biển gào xé! Câu hỏi cứ lặp đi lặp lại rằng, rằng mà họ bỏ đây họ đi. Đi vượt biên có nghĩa là đi vào cõi chết. Hú họa lắm mới sống được. Nhưng sao người ta cứ đi, cứ đi, cứ chết, cứ chết. Chết mất tâm mất tích cho cá biển, cho sóng biển. Mà sao họ vẫn cứ đi? Nhà văn à, nhà văn ơi, rằng chừ đây nhà văn? Rằng chừ!

Ai đã sống những năm tháng ấy nhỉ?

Chúng tôi.

Nhưng lúc ấy, quả thực, cánh tôi, ít nhất là tôi và Thái Bá Lợi, đều chỉ biết cầm mặt trước những câu hỏi không có câu trả lời. Cầm mặt vào lòng mình không còn giận hay thương nữa. Đó là nỗi đau đớn mịt mù xáo trộn trắng đen, bất kể đúng sai của mình, của ai, của nẫu! (tôi phải dùng từ “nẫu” ở cái văn cảnh lúc này mới thật với hoàn cảnh của chúng tôi hơn!)

Tôi nhớ, hồi ấy Thái Bá Lợi mặt méo xệch mỗi lần đi đâu đó về, nhậu thâu đêm suốt sáng với dân bến bãi, rồi chúi mặt ngồi vô bàn, hết ngày này sang đêm khác, quần quật, lặng thầm. Súc uống của Thái Bá Lợi luôn luôn được các tay thợ nhậu kỳ cựu của miền biển Sơn Trà sánh vai cùng. Nhậu bất kỳ lúc nào. Nhậu không phải để quên đời, chán đời, mà là để lấy sức cho đời. Chúng tôi có tuổi trẻ và chúng tôi có ham muốn. Với bạn văn thì Thái Bá Lợi lại có thói tật hay lặp đi lặp lại câu chuyện mà ông nghe được rồi ông nghiền ngẫm. Ông nghiền ngẫm và ông kể lại cho bạn nghe hay cho chính ông nghe đến khi “ngấu” thì mới viết. Viết và viết.



Trong đời mỗi người chúng ta đều có một vài địa chỉ ghi dấu ấn quan trọng, lại cũng có vài người cụ thể, như là số phận, như là định mệnh, gắn bó với ta, tạo nên sức sống, niềm vui và cả nỗi buồn của ta. Với tôi, đó là các anh: Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Ngọc, Phan Tứ, Thu Bồn, Thái Bá Lợi, Thanh Thảo, Ngô Thế Oanh, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Khắc Phục, Trần Vũ Mai, Nguyễn Trí Huân... Họ vừa là những người anh, đồng thời là những người bạn, người thầy đầu tiên khi tôi chân ướt chân ráo bước vào cổng làng văn. Anh Thái Bá Lợi là một trong số người viết văn xuôi của trại viết khi ấy mà tôi đã đọc khá nhiều và ngưỡng mộ. Và quý hóa hơn, ấy là việc anh Lợi cũng đã từng đọc, từng cổ vũ, từng “lăng xê” cái truyện ngắn đầu tiên của tôi được in trên Văn nghệ Quân giải phóng miền Trung Trung Bộ, hồi còn ở trên rừng. Ngày mới được in truyện ngắn đầu tiên trên tạp chí, có lẽ, tôi là người sung sướng nhất trần gian. Bạn hãy tưởng tượng,

một thằng lính, đang ở đơn vị chiến đấu mãi tít trong cánh rừng già, một huyện đội của tỉnh Gia Lai, một chú lính quen vô danh tiểu tốt bỗng dưng nhận được tờ tạp chí mà mình hằng yêu mến, có cái truyện ngắn của mình được in, trang trọng, tên mình được đứng ngang hàng với các tên tuổi lẫy lừng như Dương Hương Ly, như Thái Bá Lợi, như Nguyễn Thị Bắc Hà (Vũ Thị Hồng), hỏi không sung sướng sao được. Tôi chia vui với các bạn tôi ở đơn vị bằng một cuộc đi săn. (Tôi khi ấy là một trong ba bốn tay súng săn khá của đơn vị). Đêm ấy, lạy trời phù hộ, tôi hạ được một chú nai chà. Cả nhóm lính cánh Bắc đường 19 của chúng tôi được bữa liên hoan đã đời cùng với dân làng Đê Chơ Rang. Câu chuyện mà tôi viết là câu chuyện tả cảnh nhóm lính chúng tôi cùng nhóm du kích làng Đê Chơ Rang phục kích đánh xe Mỹ trên đường giao thông. Những trận đánh nhỏ lẻ thường xuyên diễn ra, nhưng câu chuyện tôi viết khá hoành tráng, đặc biệt có chi tiết phục địch từ trên ngọn cây, bắn B40 chia xuống đường khiến địch bị quá bất ngờ. Trận ấy ta thắng rất to, ngoài sức tưởng tượng của anh em. Thực ra chi tiết này, trước khi đi phục, có một ý kiến nêu lên, khi đi đánh, chúng tôi có leo lên cây, nhưng tất cả đều tụt xuống vì thấy ngồi trên cây trông lưng quá! Tóm lại không có trận đánh ấy! Tóm lại là tôi bịa. Tóm lại là anh em chúng tôi cũng thấy không có vấn đề gì. Được in là sướng rồi. Nhưng sau khi cái truyện được in chừng hai tháng thì có một đồng chí trợ lý tuyên huấn của tỉnh đội về, yêu cầu tôi “giải trình”. Nếu đây là trận đánh thật thì đơn vị phải có báo cáo chi tiết để cấp trên tặng thưởng huân, huy chương cho anh em. Còn nếu không có thật mà dựng truyện, thì tôi phải “hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

Ôi, nghe câu “đồng chí phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”, đối với một thằng lính bết dem như tôi, hỏi có hoảng không? Câu chuyện nhanh chóng “chìm xuống” không thấy ai nhắc một câu vì đồng chí trợ lý tuyên huấn ấy, sau chuyển công tác tại huyện đội chúng tôi bị hy sinh dọc đường về, trong một trận địch càn. Sau này, khi đã về dự trại viết Khu V chỗ anh Thái Bá Lợi công tác, tôi kể lại cho anh nghe, Thái Bá Lợi bảo, không phải lỗi ở cái truyện, cũng không phải lỗi ở người viết và càng không phải lỗi ở anh trợ lý tuyên huấn. Lỗi ở cách suy diễn thế này thế kia của những người ngồi một chỗ nắm quyền hành chỉ biết phán mà không biết nghe những ý kiến phản hồi của anh em!



Tôi là thằng đàn em của Thái Bá Lợi nhiều năm nay. Kể chuyện ông viết “Họ cùng thời với những ai” hay sau này cả một loạt tiểu thuyết mới như “Trùng tu”, “Khê Ma Ma” đến “Minh sư” tôi đều có thể kể cả ngày, có điều, kể thế mãi phỏng có ai coi đó là gì?

Học xong trường viết văn Nguyễn Du, hôm tiễn Thái Bá Lợi về Nam, tôi rủ anh Thái Bá Văn và anh Đào Hùng ra ga trước giờ tàu chạy. Mấy anh em vào cái quán rượu quen của tôi. Vừa ngồi yên vị, anh Thái Bá Văn ngo ngoáy thế nào đó, va vào cánh tay cô gái chủ quán đang đưa chai rượu tới, chai rượu đổ ra lênh láng.

Cô gái phản xạ tự nhiên quay ngoắt lại, giật cái chai trên tay anh Văn vừa nhặt lên. “Đ. mẹ lão già, đồ vô văn hóa!”. Anh Văn luống cuống nói lời xin lỗi rồi rít. Cô ta văng tục chửi thêm một câu nữa. Tôi thấy anh Văn hơi hoang mang bèn chồm tới, vung tay vỗ cái bốp vào mông cô ta: “Đ. mẹ con ranh! Có cảm mồm không? Thầy tao đây!” Cô gái toét miệng: “Em biết đéo đâu!” rồi ngoan ngoãn rót rượu cho chúng tôi. Lúc ấy anh Đào Hùng mới tới, thấy sự việc vừa diễn ra, anh cười cười bảo cô gái: “Cô đem cái ghế ra đây mời tôi ngồi rồi tôi chỉ cho coi”. Cô gái thật thà lấy thêm ghế. Anh Đào Hùng ngồi xuống uống một li, chỉ vào anh Văn mà rằng: “Ông này đích thực là đồ vô văn hóa, đúng không? “Đúng!” - “Ở đây là ga. Ga là nhà, khách là chủ, đúng không?” - “Đúng”. Anh Đào Hùng chỉ vào cô ta cao giọng: “Phạt!” Cô gái ngớ ra. Anh Đào Hùng rót một ly tràn đưa cho cô ta! “Uống hết rồi tôi nói”. Cô gái uống cái ực! Anh Đào Hùng rót thêm li nữa đưa cho cô ta, cô gái nhăn mặt lắc đầu. Anh phán: “Cô mắng chúng tôi tức là mắng chủ. Đúng không?” - “Đúng”. “Chủ có quyền phạt ai người đó phải chịu”, anh tiếp: “Cô phải uống hết li nữa rồi tôi nói chuyện với ông này!”. Cô gái ngửa cổ uống gọn luôn. Anh Đào Hùng quay ra nói với chúng tôi: “Ở đây chỉ có thằng Đỉnh là văn hóa cao thôi, các ông toàn là đồ vô văn hóa hết!” Anh Văn nói: “Mình đã xin lỗi rồi...” Anh Thái Bá Lợi nâng li, nói: “Thôi, xin chia tay các ông anh vô văn hóa.” Rồi quay sang Thái Bá Văn nói tiếp. “Ở đây là văn hóa ga mà ông anh xin lỗi thì thật là phù phiếm. Đích thị là vô văn hóa rồi còn cãi gì nữa”.

Thái Bá Lợi thùng thảng khoác ba lô lên vai, bắt tay chúng tôi rồi nói thùng thảng: “Văn hóa Ga phải chửi tục như Đỉnh mới gọi là có văn hóa chứ!” rồi lặng lẽ đi ra cửa, nhập vào đám khách nhốn nháo ngoài sân ga, lẫn luôn vào trong họ.

HỮU BẢNG SƠN

Hồ xuống đồng bằng

Ở rừng hoài cũng chán
Hồ mò xuống đồng bằng
Quyết một phen pic nic
Xem có gì vui chăng?

Lợn nhác trông thấy hồ
Nín thở nằm im re
Trâu, bò nhìn thấy hồ
Đuôi xoắn bện lắc lè.

Gà trống nhìn thấy hồ
Mồng tím tái hoa mua
Vịt, ngan nhìn thấy hồ
Tranh nhau nhảy xuống hồ.

Chó sấm soi một lúc
Ngỡ hồ là mèo to
Chỉ giỏi nghề ăn vụng
Của nợ vui bếp tro!

Gâu gâu gâu... chó sủa
Hồ giật bắn cả mình?
Rừng xanh - Hồ là Chúa
Xuống đồng bằng chó khinh.

Vĩ thanh:

Khi ngộ ra hồ không là mèo lớn
Chó chỉ còn tí dúm lông đuôi
Dúm lông đuôi cũng từ từ biến mất
Ngáp phải Chúa sơn lâm
Không như ngáp phải ruồi!

Xuân 2022

và những chuyện đáng nhớ về các bài thơ Xuân của Bác Hồ

PHONG LÊ

C hẵn 80 năm về trước, đúng vào ngày 01/1/1942, chưa đầy một năm sau khi về nước: “Ôi, sáng Xuân nay Xuân 41/ Trắng rừng biên giới nở hoa mơ/ Bác về... Im lặng. Con chim hót/ Thánh thót bờ lau, vui ngẩn ngơ” (Tố Hữu), Bác Hồ đã có ngay bài thơ *Xuân chúc Tết* gửi đồng bào cả nước. Đó là bài *đầu tiên*, bài thứ nhất tạo nên một dòng thơ Xuân đầm ấm trong trao gửi những mục tiêu theo đuổi, những ước nguyện tốt lành giữa mọi tầng lớp nhân dân với vị lãnh tụ tối cao được xem là Cha già dân tộc. Kể từ 1942 cho đến 1969 là năm Người qua đời, Bác đã viết nhiều bài thơ Xuân.

Bài *Mừng Xuân 1942* gồm 10 câu với 5 lời chúc:

*Tháng ngày thấm thoát chóng như trôi
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới
Chúc phe xâm lược sớm diệt vong
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau
Chúc Việt Minh ta càng tiến tới
Chúc toàn quốc ta trong năm nay
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới
Năm nay là năm Tết vẻ vang
Cách mạng thành công khắp thế giới.*

NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH

Năm lời chúc đặt Việt Nam còn trong bóng tối của chủ nghĩa thực dân vào bối cảnh thế giới trong cuộc chiến giữa phe xâm lược và phe dân chủ, với hình ảnh *Cờ đỏ sao vàng* - biểu tượng của dân tộc và với lòng tin cách mạng thành công trên khắp thế giới.

Đầu năm là thế. Còn giữa năm, đúng vào ngày 24 tháng 6, Bác có bài thơ chữ Hán đầu tiên sau khi về nước, cũng có nghĩa là bài thơ chữ Hán đầu tiên rồi sẽ mở ra một chùm thơ chữ Hán, không kể 135 bài trong *Ngục trung nhật ký*, trong sự nghiệp viết của mình kể từ *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919) và *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) bằng chữ Pháp; rồi *Đường Kách mệnh* (1927) bằng tiếng Việt - những văn bản ghi nhận, đánh dấu từng bước đi thần kỳ của cách mạng Việt Nam theo chân người con mang tên Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Bài thơ 4 câu, 20 chữ:

*Lục nguyệt nhị thập tứ
Thượng đảo thử sơn lai
Cử đầu hồng nhật cận
Đối ngạn nhất chi mai.*

Bản dịch thơ của Tố Hữu:

*Hai mươi tư tháng Sáu
Lên đỉnh núi này chơi
Ngẩng đầu mặt trời đỏ
Bên suối một nhành mai.*

Bản dịch của Xuân Thủy:

*Hăm tư tháng Sáu hôm nay
Trèo lên trên đỉnh núi này dạo chơi
Ngẩng lên đỏ chói mặt trời
Bên kia khe một nhành mai xanh rờn.*

Bài thơ ghi nhận không phải là “khẩu khí” mà là cốt cách, phong độ của một người con vĩ đại của non sông Việt Nam trong cảnh quan đất nước - quê hương, với phía trên hoặc phía trước là *mặt trời hồng*, nó là mục tiêu, là lý tưởng đang rất gần cận; và phía bên hoặc gần cạnh là *nhành mai*, nó là sự sống tươi xanh, hằng thường của con người. Một tư thế ung dung tự tại như một hiền triết, một tiên ông, một nghệ sĩ cũng đồng thời là một chiến sĩ cách mạng, một lãnh tụ dân tộc trong hòa hợp, hòa đồng với ngoại cảnh, dẫu Tổ quốc vẫn còn trong tăm tối của chế độ thực dân.

Năm 1942, cùng với trên 10 bài trong chùm ba chục *Bài ca Việt Minh* đăng trên tờ *Việt Nam độc lập* của Mặt trận Việt Minh, như *Ca tự vệ*, *Ca sợi chỉ*, *Nhóm lửa*, *Hòn đá...* với câu chữ cực kỳ giản dị, dễ nhớ, dễ thuộc, nhằm tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Việt Minh, làm cách mạng, cũng là năm Bác cho ấn hành lần

đầu tiên thiên sử ca *Lịch sử nước ta*, dài 208 câu, với lời mở: “*Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam*”, kể lại theo trật tự thời gian, bắt đầu từ “*Hồng Bàng là tổ nước ta/ Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang*”... cho đến dòng cuối cùng “*...Đến ngày khởi nghĩa Việt Minh bắt đầu*” - năm 1941. Bài sử ca chỉ 208 câu mà không bỏ sót bất cứ sự kiện quan trọng nào của lịch sử, cùng với các ảnh minh họa của chính tác giả. Và ở mục cuối có tên *Những năm quan trọng*, như là một *Phụ lục*, ghi chi tiết 30 sự kiện gắn với 30 thời điểm của lịch sử Việt - với dòng đầu, đó là:

Hồng Bàng - trước lịch Tây - 2879 (?)

Và dòng cuối:

Việt Nam độc lập - 1945.

Một tiên đoán cực kỳ chính xác ở thời điểm 1942, khi tác giả cho ấn hành thiên sử ca. Và lịch sử đã chứng thực lời tiên đoán ấy đúng 3 năm sau, trong ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945, cả đất nước rực rỡ một rừng cờ đỏ sao vàng, và tiếp đó ngày Quốc khánh 2 tháng 9 năm 1945, trên quảng trường Ba Đình lịch sử Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Bốn tháng sau, đầu năm 1946 - Bính Tuất, Bác có bài thơ Chúc Tết lần thứ hai, mở đầu nền dân chủ cộng hòa, với câu mở là một sự khẳng định: *Tết này mới thực tết dân ta...*

*Tết này mới thực Tết dân ta
Mấy chữ chào mừng báo Quốc gia^[1]
Độc lập đầy với ba chén rượu
Tự do vàng đỏ một rừng hoa
Mọi nhà vui đón xuân dân chủ
Cả nước hoan nghênh phúc cộng hòa
Ta chúc ta rồi ta nhớ chúc
Những người chiến sĩ ở phương xa.*

Có nghĩa là trước đó, ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đã gây hấn chiếm lại Nam Bộ; con thuyền cách mạng còn phải vượt bao ghềnh thác với sự chèo chống của Hồ Chí Minh, để hơn một năm sau, vào ngày 19 tháng 12 năm 1946, cả dân tộc lại vang lên lời Hịch cứu nước: “*Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!*”. Rồi tiếp đó, hơn 10 ngày sau - đúng Tết Dương lịch 1 tháng 1 năm 1947 - Đinh Hợi, chẵn 75 năm trước đây, cả dân tộc lại được lắng nghe bài *Thơ Xuân - Chúc Tết* thứ ba của Bác Hồ mở đầu cuộc trường chinh chống hai đế quốc Pháp và Mỹ.

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến*

*Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng
Tiến lên chiến sĩ đồng bào
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi
Thống nhất độc lập nhất định thành công.*

Cả bài thơ “phơi phới như buồm căng thẳng gió” - theo lời bình của Hoài Thanh - với hình ảnh *Cờ đỏ sao vàng*, và âm thanh *tiếng kèn kháng chiến*; với ba phương diện: *toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến*; và với mục tiêu *thống nhất và độc lập cho dân tộc Việt Nam*. Đây là mục tiêu rồi sẽ được thực hiện trọn vẹn vào 30 tháng 4 năm 1975, ngót 6 năm sau ngày Bác qua đời và để lại *Di chúc* - “*Còn non, còn nước, còn người/ Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay*”, cùng bài *Thơ Xuân chúc Tết* cuối cùng của Người vào 1-1-1969:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to
Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
Tiến lên chiến sĩ đồng bào
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn!*

Với Bác, với Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại của Nhân dân Việt Nam: mục tiêu *Độc lập, Tự do* cho dân tộc và *Thống nhất đất nước* để cho *Bắc Nam sum họp một nhà* luôn luôn, lúc nào cũng là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hành trình cách mạng của Người, một hành trình trong một cuộc đời với “*Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng/ Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay*” (Tổ Hữu).

1. Bài Chúc Tết này Bác viết theo lời mời của báo Quốc gia.

Hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử: Cơ hội mới cho tiểu thuyết và cho lịch sử

PHẠM QUỲNH AN

■ Gần đây, tiểu thuyết lịch sử được giới sáng tác và nghiên cứu tại Việt Nam quan tâm nhiều. Vấn đề hư cấu trong tiểu thuyết lịch sử cũng được nhiều người bàn luận, trong đó có những ý kiến trái chiều. Bài viết đề cập đến những quan niệm khác nhau về mối quan hệ giữa hiện thực lịch sử và hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử, đồng thời khẳng định rằng hư cấu nghệ thuật đã mở ra những cơ hội mới cho tiểu thuyết và cho lịch sử.

Từ sau 1986, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam được giới sáng tác và nghiên cứu quan tâm nhiều. Xuất hiện nhiều tiểu thuyết viết về đề tài lịch sử với các tên tuổi như Hoàng Quốc Hải, Ngô Văn Phú, Lê Đình Danh, Lưu Sơn Minh, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Xuân Khánh... Nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử được đặt ra trong tiểu thuyết, nhiều vấn đề liên quan đến tiểu thuyết viết về lịch sử được đem ra bàn thảo, trong đó có những vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều độc giả, tạo ra những tranh luận trái chiều, mang đến một không khí sôi nổi, thú vị trên văn đàn. Mối quan hệ giữa hiện thực lịch sử và hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử là một trong những chủ đề được quan tâm như thế.

Về tiểu thuyết lịch sử

Tiểu thuyết lịch sử là một loại của tiểu thuyết, viết về những nhân vật và sự kiện có thật trong lịch sử, lấy lịch sử làm tư liệu sáng tác. Xung quanh việc quan niệm về tiểu thuyết lịch sử, có một số khái niệm được đưa ra như sau:

Theo *Encyclopaedia Britannica* (Bách khoa toàn thư), tiểu thuyết lịch sử là “tiểu thuyết lấy một giai đoạn lịch sử làm khung cảnh và mong muốn truyền bá cái tinh thần, kiểu cách, và các điều kiện xã hội của một thời kỳ quá khứ với những chi tiết hiện thực và trung thành với sự thật lịch sử (tuy nhiên trong một số trường hợp sự trung thành này chỉ là giả tạo). Công trình sáng tạo đó có thể đề cập đến những nhân vật lịch sử có thật... hoặc có thể bao hàm một sự pha trộn nhân vật lịch sử với nhân vật hư cấu” (Nguyễn Văn Dân, 2011:32).

Theo *Từ điển văn học: bộ mới*, tiểu thuyết lịch sử được coi là “tác phẩm tự sự hư cấu lấy đề tài lịch sử làm nội dung chính. Lịch sử trong ý nghĩa khái quát, là quá trình phát triển của tự nhiên và xã hội. Các khoa học xã hội (cũng được gọi là khoa học lịch sử) đều nghiên cứu quá khứ của loài người trong tính cụ thể và đa dạng của nó. Tuy vậy, những tiêu điểm chú ý của các sử gia cũng như các nhà văn quan tâm đến đề tài lịch sử, thường đều là sự hình thành, hưng thịnh, diệt vong của các nhà nước, những biến cố lớn trong đời sống xã hội của cộng đồng quốc gia, trong quan hệ giữa các quốc gia như chiến tranh, cách mạng... cuộc sống và sự nghiệp của các nhân vật có ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử” (*Từ điển văn học: bộ mới*, 2004:1725).

Còn theo Trần Nghĩa (1997:11), “tiểu thuyết lịch sử cũng gọi là “lịch sử diễn nghĩa” gồm tác phẩm viết về đề tài lịch sử thông qua việc miêu tả nhân vật và sự kiện, tái hiện một cách nghệ thuật diện mạo xã hội và xu thế phát triển của lịch sử một thời, nhằm mang lại cho người đọc những khơi gợi bổ ích và mỹ cảm văn học”. Bùi Văn Lợi (1999b:23) thì cho rằng “tiểu thuyết lịch sử là những tác phẩm mang trọn đặc trưng của tiểu thuyết nhưng lại lấy nội dung lịch sử làm đề tài, làm cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Ở đây, tác giả dựa vào những sự kiện trong quá khứ, hư cấu, tưởng tượng thêm để tạo nên tác phẩm nhằm gây hứng thú cho người đọc. Tiểu thuyết lịch sử tuy mượn đề tài và lấy cảm hứng từ lịch sử nhưng không hề né tránh, xa rời với nhiệm vụ thực tại, thời thế hiện tại (...). Mặc dầu lấy những sự kiện những nhân vật trong lịch sử nhưng các tác giả của tiểu thuyết lịch sử không chỉ trình bày trong cái tư thế lịch sử mà còn cho chúng ta biết nhiều mặt khác của đời sống con người, thậm chí cả những mặt sinh hoạt mang tính chất đời tư của nhân vật”.

Nhiều nhà nghiên cứu khác trong các công trình của mình đã đưa ra những cách hiểu khác nhau về tiểu thuyết lịch sử, nhưng tựu trung lại đều thống nhất đó là một loại của tiểu thuyết, lấy những câu chuyện, nhân vật có thực trong lịch sử để tái hiện lại một không gian, một giai đoạn quá khứ, nhằm làm sáng rõ những vấn đề lịch sử và cả những vấn đề của thời đại ngày nay.

Hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử

Lấy lịch sử làm đề tài, tái hiện lại một giai đoạn lịch sử trong đó tồn tại những con người, sự kiện có thật, vậy một câu hỏi được đặt ra là: một cuốn tiểu thuyết lịch sử khác với một công trình sử ký ở chỗ nào?

Bên cạnh việc cấu trúc lại câu chuyện lịch sử theo một cách thức mới, không đơn giản và trình tự như một cuốn biên niên sử, thổi hồn vào ngôn ngữ, giọng điệu cho giàu chất thẩm mỹ và sử dụng một loạt các biện pháp nghệ thuật khác để xây dựng nhân vật, phát triển cốt truyện, nhà tiểu thuyết đã vận dụng trí tưởng tượng để hư cấu, tạo nên những phần không có trong chính sử, nhằm làm tác phẩm phong phú, sinh động và gợi mở hơn. Trong *Từ điển thuật ngữ văn học*, các tác giả cho rằng “các tác phẩm viết về đề tài lịch sử này có chứa đựng các nhân vật và các chi tiết hư cấu, tuy nhiên nhân vật chính và sự kiện chính thì được sáng tạo trên các sử liệu xác thực trong lịch sử, tôn trọng lời ăn tiếng nói, trang phục, phong tục, tập quán phù hợp với giai đoạn lịch sử ấy. Tác phẩm văn học lịch sử thường mượn chuyện xưa nói chuyện đời nay, hấp thu những bài học của quá khứ, bày tỏ sự đồng cảm với những con người và thời đại đã qua, song không vì thế mà hiện đại hóa người xưa phá vỡ tính chân thực lịch sử của thể loại này” (*Từ điển thuật ngữ văn học*, 2007:30).

Có thể thấy mối quan hệ giữa hiện thực lịch sử và hư cấu nghệ thuật đã làm nảy sinh những tranh cãi trong giới nghiên cứu. Trên thế giới cũng có những quan niệm trái chiều, chẳng hạn như A. Tolstoy, một nhà văn nổi tiếng Liên Xô, cho rằng “Bộ tiểu thuyết của tôi chính xác như một tác phẩm nghiên cứu lịch sử và đó chính là sức mạnh của nó”, còn Alexandre Dumas, một tiểu thuyết gia nổi tiếng Pháp, lại cho rằng: “Lịch sử đối với tôi là gì? Nó chỉ là một cái đinh để tôi treo các bức họa của tôi mà thôi” (dẫn theo Bùi Văn Lợi, 1999a:83). Nhiều người ủng hộ ý kiến của Tolstoy, cho rằng tiểu thuyết phải tôn trọng tuyệt đối sự chính xác của sử liệu, nhưng nhiều người lại thấy ý kiến của A. Dumas đã mở ra một cánh cửa rộng lớn cho các nhà viết sử bằng tiểu thuyết có thể bay nhảy; theo họ, lịch sử chỉ là cái nền, là bức tường trắng phía sau để nhà tiểu thuyết có thể treo các bức tranh sắc sảo của riêng mình.

Ở Việt Nam cũng vậy, trong giới sáng tác và nghiên cứu đều có những ý kiến khác nhau xung quanh vấn đề này. Kỹ thuật hư cấu trong tiểu thuyết lịch sử nên được thực hiện như thế nào, ở mức độ nào? Nó có phải là điểm để phân biệt tiểu thuyết với một công trình sử ký? Có nên tuyệt đối hóa nó khi đánh giá một tác phẩm về đề tài lịch sử hay không?

Thời trung đại, các cuốn tiểu thuyết lịch sử thường được viết bằng chữ Hán và theo kiểu kết cấu chương hồi, dựa chủ yếu vào chính sử, có hư cấu nghệ thuật nhưng chưa rõ rệt. Đầu thế kỉ XX, một số tiểu thuyết gia viết về đề tài lịch sử xuất hiện như Nguyễn Tử Siêu, Nguyễn Huy Tưởng, Ngô Văn Triện, Tân Dân Tử, Khái Hưng, Lan Khai... Giai đoạn này, tiểu thuyết lịch sử chủ yếu vẫn dựa vào chính sử, nhưng đã có những tác phẩm thể hiện rõ tính chất tiểu thuyết hiện đại theo hướng hiện đại của tiểu thuyết phương Tây với cách xây dựng nhân vật, kết cấu và ngôn ngữ sống động, giàu chất lãng mạn, thể hiện sự sáng tạo của nhà văn. Văn học từ sau năm 1986 mới thực sự được đổi mới, quan niệm về nghệ thuật cũng thay đổi, từ đây, người nghệ sĩ được tự do sáng tạo, bộc lộ cá tính. Quan niệm về lịch sử cũng thay đổi, quan điểm về tiểu thuyết cũng vậy. Tiểu

thuyết lịch sử được quan tâm nhiều hơn, và vấn đề hư cấu trong nghệ thuật viết tiểu thuyết lịch sử được đề cao. Tuy nhiên, tùy theo quan niệm của từng người về lịch sử, về cuộc sống, tùy theo quan niệm nghệ thuật của từng tác giả, mà có các xu hướng sáng tác khác nhau, cùng với đó cũng là những chiều hướng và mức độ hư cấu nghệ thuật khác nhau.

Trong khi Hoàng Quốc Hải, tác giả của *Bão táp triều Trần* (bộ sáu cuốn), *Tám triều vua Lý*, được Nguyễn Văn Dân xếp vào loại tác giả tiểu thuyết lịch sử viết theo xu hướng giáo huấn, coi trọng sự kiện lịch sử khách quan, bị đánh giá là quá lệ thuộc, gò bó vào sự thật lịch sử, khiến cho nghệ thuật hư cấu bị hạn chế, thì Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Quang Thân lại đại diện cho xu hướng sáng tác tiểu thuyết lịch sử luận giải, đề cao khai thác các yếu tố như luận đề, tâm lý, coi tiểu thuyết lịch sử trước hết là tiểu thuyết (tức nhấn mạnh tính tiểu thuyết trong các tác phẩm viết về lịch sử), “nhấn mạnh sự tự do phóng khoáng của trực giác” (Nguyễn Văn Dân, 2011:39). Bùi Văn Lợi cho rằng “một trong những đặc điểm quan trọng nhất là người nghệ sĩ phải làm sống lại những tài liệu lịch sử bằng trí tưởng tượng, bằng quyền hư cấu và sáng tạo nghệ thuật của mình”, sự nghiên cứu lịch sử “không thay thế sự tưởng tượng, hư cấu và sáng tạo của các nhà văn” (Bùi Văn Lợi, 1999a:27). Trong một công trình khác, Bùi Văn Lợi quan niệm giữa tiểu thuyết lịch sử và sử học có liên quan với nhau nhưng đã có sự khác nhau căn bản: “ở tiểu thuyết lịch sử nhà văn có quyền hư cấu do đặc trưng mang tính chất thể loại của tiểu thuyết lịch sử quy định. Trong khi đó bút pháp của chính sử chỉ có một con đường duy nhất là trung thành, chính xác với “sự thực”. Nói cách khác, phạm sự của nhà sử học là “truyền tín”, quý ở “cái chân” còn phạm sự của nhà tiểu thuyết lịch sử là truyền kỳ, quý ở truyền. Ngòi bút của nhà sử học là “thực lục” còn ngòi bút của nhà tiểu thuyết là “hư bút”. Ở tiểu thuyết, nhà văn thường hư hóa cái thực, thực hóa cái hư. Nó kêu gọi trí tưởng tượng và tăng cường tính mỹ cảm văn học (Bùi Văn Lợi, 1999b:29-30).

Sự diễn dịch của nhà văn về lịch sử là một diễn dịch khác: nó là một lựa chọn mang tính cá nhân của nhà văn, ở đó các nền móng lịch sử có thể bị biến đổi theo hướng làm hiển lộ các vấn đề, khía cạnh khác có thể đã tồn tại nhưng chưa từng được ghi trong các cuốn biên niên sử. Tuy nhiên, hầu hết các nhà văn và các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng hư cấu có thể mở ra những cánh cửa mới để người đọc thâm nhập vào lịch sử nhưng không có nghĩa nó có quyền làm mất đi tính xác thực lịch sử.

Cơ hội mới cho tiểu thuyết và cho lịch sử

Nhà nghiên cứu văn học Vinhem Serer đã từng nói: “Tôi thiên về phía thừa nhận rằng trí nhớ và tưởng tượng chẳng qua chỉ là một mà thôi: đây là khả năng gọi lại các biểu tượng cũ” (dẫn theo M. Arnaudóp, 1978:253). M. Arnaudóp gọi trí nhớ và tưởng tượng là hai chức năng giáp giới nhau của tinh thần. Trí nhớ đưa lại các liên tưởng sáo mòn, còn tưởng tượng thì tạo ra một sự hợp nhóm các biểu tượng ấy một cách không gò bó và hợp lý.

Như vậy, thực ra trí nhớ và tưởng tượng, hiện thực và hư cấu không quá cách xa nhau như chúng ta tưởng. Bởi vì, trên cơ sở “hợp nhóm” các biểu tượng có trong trí nhớ, trong ý thức, trong kinh nghiệm, tưởng tượng và hư cấu được phát triển lên, đôi khi chúng phản ánh những điều chưa từng có trong thực tế nhưng không phải là không thể có. Nhiều khi sự thực không nằm ở những điều đã xảy ra mà còn có thể nằm ở nơi nó có khả năng xảy ra.

Hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử, do đó, đã mang lại cho chúng ta một cách nhìn mới không chỉ về tiểu thuyết mà còn về lịch sử. Ở phương diện này, lịch sử có cơ hội được nhận chân lại bằng thái độ hoài nghi khoa học, khi nó được tiếp cận từ nhiều khía cạnh, góc độ hơn thay vì từ duy nhất một con đường là những dữ kiện có trong chính sử. Bên cạnh đó, tiểu thuyết cũng có cơ hội được phát huy những thế mạnh của chính nó khi khai thác đề tài lịch sử. Từ nay, nó không bị quá gò bó vào những điều mà người ta có thể thấy trong các công trình sử ký. Nó được thêm “chất phụ gia”, thậm chí được đưa vào tác phẩm những yếu tố phi lịch sử, bởi nói như Hà Minh Đức, “có quyền vi phạm sự đúng đắn về mặt sự kiện lịch sử bởi vì tác giả chỉ cần đúng đắn lí tưởng mà thôi” (dẫn theo Bùi Văn Lợi, 1999a:27).

Xem lịch sử như một quá trình chưa hoàn tất, các nhà văn đã cấu tạo lại hiện thực lịch sử bằng các tiểu tự sự. Nếu như trước đây, các đại tự sự được quan tâm thể hiện, tiểu thuyết lịch sử thường tái hiện các sự kiện lớn với các nhân vật có số phận gắn với lịch sử, mọi thủ pháp nghệ thuật đều hướng đến việc mô tả sự lớn lao, vĩ đại, tinh thần yêu nước chống giặc, vì cộng đồng của nhân vật, thì từ sau Đổi mới, với xu hướng phát huy tính dân chủ trong hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật, người nghệ sĩ có cơ hội được tự do sáng tạo, và cái mà họ khao khát chính là hướng tới các tiểu tự sự. Đó là việc dừng lại lâu hơn, chậm và kĩ lưỡng hơn ở thân phận con người. Đó là việc cho ngòi bút thâm nhập sâu hơn vào từng ngõ ngách của tâm hồn nhân vật, khiến cho đời sống tinh thần của họ trở nên sống động, khơi gợi cảm xúc, sự suy tư của người đọc về những con người trong quá khứ, làm sống dậy không chỉ một cái tên trong lịch sử mà cả con người toàn diện của họ, con người với đầy đủ hình dáng, tính cách, tình cảm, suy nghĩ, số phận.

Phan Bội Châu trong *Trùng quang tâm sử* đã “bất chấp lịch sử” (Bùi Văn Lợi, 1999a:84). Tác giả đã sáng tạo ra nhiều thứ không hề có trong chính sử, từ hình thức, hành động, lời nói đến tư tưởng của những nhân vật như Lê Lợi, Trần Quý Khoáng, Nguyễn Cảnh Chân, Nguyễn Xí... Trong *Chúa Trịnh Khải*, nhà văn Nguyễn Triệu Luật đã hư cấu thêm nhiều chi tiết không có trong các tài liệu lịch sử, ví dụ như chi tiết tên Trang đưa Trịnh Tông đến nộp cho Nguyễn Huệ, tác giả đã miêu tả những hành động, lời nói của Nguyễn Huệ như một vị anh hùng đầy vị tha, độ lượng. Nguyễn Huy Tường trong *Đêm hội Long Trì* tô đậm thêm tính cách của Đặng Lân với những chi tiết lột tả sự độc ác, dâm loạn, thậm chí sáng tạo thêm nhân vật không có thực trong lịch sử là Nguyễn Mại. Với những đoạn miêu tả ngoại hình, hành động, đối thoại của các nhân vật trong *Mẫu thượng ngàn* và

Hồ Quý Ly, Nguyễn Xuân Khánh đã dùng trí tưởng tượng và kĩ thuật hư cấu để tái hiện lại các nhân vật lịch sử một cách sống động. Chính những “chất phụ gia” đó đã khiến cho tác phẩm trở nên hấp dẫn và giàu chất thơ, hơn nữa, nó khiến người ta suy tư về lịch sử, vốn là một tự sự luôn “động” chứ không “tĩnh”, vốn là một thứ *có thể xảy ra* chứ không phải là thứ *đã xảy ra*. Chẳng hạn, so với *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhân vật Hồ Quý Ly trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh đã trở nên khác và sống động hơn rất nhiều. Nhân vật này trong chính sử được coi như một kẻ thoán nghịch, còn trong thiên truyện của Nguyễn Xuân Khánh, nhân vật hiện lên từ nhiều góc soi chiếu. Người đọc thấy ở đó một Hồ Quý Ly với một thế giới nội tâm đầy phức tạp và mâu thuẫn. Bên cạnh vai trò là một kẻ tiếm quyền, Hồ Quý Ly còn được thể hiện là một người có tài, có nhiều trăn trở với đất nước. Những trang văn của Nguyễn Xuân Khánh đã thực sự trả lại cho lịch sử cơ hội được nhìn nhận lại một cách khách quan và đa chiều, trả lại cho tiểu thuyết một tâm thế mới: sẵn sàng bộc lộ những quan điểm cá nhân về vấn đề lịch sử, sẵn sàng sáng tạo lại lịch sử, từ góc độ nghệ thuật.

Tóm lại, hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử đã mở ra những cơ hội để tiểu thuyết và lịch sử thực hiện sứ mệnh của mình một cách trọn vẹn hơn: với lịch sử, đó là sự nhìn nhận và tư duy lại theo một hướng mới; với tiểu thuyết, đó là hướng tới những chân trời rộng lớn, nơi nó được tái cấu trúc lại hiện thực để tìm đến những hiện-thực-khác, nơi nhà văn được bộc lộ khả năng suy đoán, tưởng tượng và cá tính của mình. Tuy nhiên, nói như Nguyễn Văn Dân (2018), cũng không nên tuyệt đối hóa vai trò của hư cấu khi đánh giá thành công nghệ thuật của nhà văn. Bởi vì, nếu hư cấu mà không dựa vào những nguyên tắc nhất định của sáng tạo trong lĩnh vực thể hiện đề tài lịch sử, tác phẩm sẽ bị đẩy xa khỏi lịch sử, khi ấy, người đọc sẽ mất phương hướng, hoang mang và có thể sẽ có những nhận thức sai lệch về lịch sử.

Tài liệu tham khảo:

1. M. Arnaudóp (Hoài Lam, Hoài Ly dịch) (1978), *Tâm lý học sáng tạo văn học*, Nxb. Văn học.
2. Nguyễn Văn Dân (2011), “Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại - phác họa một số xu hướng chủ yếu”, *Thông tin Khoa học xã hội*, số 12, tr.32-41.
3. Nguyễn Văn Dân (2018), “Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại - hiện thực và hư cấu”, *Tuyên giáo*, số 3, tr.56-59.
4. Lê Bá Hán, Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử (đồng chủ biên) (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục.
5. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên) (2004), *Từ điển văn học: bộ mới*, Nxb. Thế giới.
6. Bùi Văn LỢi (1999), “Mối quan hệ giữa tính chân thực lịch sử và hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX”, *Tạp chí Văn học*, số 9, tr.83-90.
7. Bùi Văn LỢi (1999), *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam từ những năm đầu thế kỉ XX đến 1945 (diện mạo và đặc điểm)*, LATS, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Trần Nghĩa (1997), “Tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam, danh mục và phân loại”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3, tr.3-16.



Thao thức *Nơi con sông đổ về biển*

NGUYỄN HOÀI NGUYÊN

Nơi con sông đổ về biển là tên tập thơ của anh Nguyễn Hữu Quyền (Nxb Nghệ An, 2021) và là tập thơ nối tiếp *Về miền hoa lộc vừng* (thơ, 2020). Tôi hăm hờ đón nhận tập thơ anh tặng, trước nhất là trân quý cách anh làm thơ, in thơ, cốt không để trở thành... nhà thơ. Và chỉ có *gã* kờ Nguyễn Hữu Quyền mới tìm về, loang quanh *nơi con sông đổ về biển*. Nơi ấy, đâu dành cho những kẻ đang mài miết lợi danh. Chỗ ấy, những người hăm hờ, tất bật tìm kiếm cuộc mưu sinh cũng quay mặt, ngó lơ. Chốn này, chẳng mấy ai khao khát tìm về.

Tôi là người không biết bơi, lại càng không dám ngụp lặn lâu *nơi con sông đổ về biển*. Tôi chỉ đứng trên bờ, nơi giáp ranh sông biển ấy để dò tìm một lối vào thơ anh mà sao vẫn cứ ngập ngừng, phân vân. Thơ là tinh chất của văn học, mà văn học thì *vẫn còn đi trên đường*. Có lẽ, từ lập luận ấy chẳng mà Nguyễn Hữu Quyền tự tin trình diễn một lối thơ lạ, đứng một cội riêng để tạo cá tính; một lối thơ có thể dùng để xác tín cho định nghĩa *Thơ là thơ*; và *Mỗi bài thơ là một định nghĩa về thơ*. Để phô diễn

cái mới, cái lạ của thơ riêng anh, Nguyễn Hữu Quyền chọn rất lối thơ tự do. Nghĩa là, anh quyết buông bỏ những thể thức, định chế, những luật lệ *bằng bằng trắc trắc*, cố tình đi chệch những khuôn thước định sẵn của thơ để cho tiếng lòng dẫn dắt, và để vô thức hiện hữu. Năm hai bài thơ là những mảnh kí ức của anh; có những mảnh, anh vo tròn lại trong mấy con chữ, thậm chí một chữ; có những mảnh, anh rải ra trong một nắm chữ, tuồng như *đầu ngô mình sờ*; nhưng mảnh nào cũng thường rất ngắn. Về cấu tứ, về tư duy thơ, Nguyễn Hữu Quyền chọn màu tượng trưng pha nhuyễn với minh triết và siêu hình học phương Đông. Do phép tượng trưng được pha trộn nhuần nhuyễn với minh triết và siêu hình học phương Đông nên thơ anh không dành cho những người đọc để dãi, hoặc những độc giả thiếu kiên nhẫn, bền lòng. Rồi cách anh khai thác và sử dụng chất liệu, tổ chức hình thức ngôn từ trong thơ cũng in đậm dấu vết *ông giáo* có thâm niên văn chương chữ nghĩa. Vậy là, cùng ghé vai với Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, Dương Tường,..., tiếp sau là Thanh Thảo, Y Phương, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Nguyễn Việt Chiến, Vi Thùy Linh,... đẩy con thuyền thơ Việt hiện đại, rồi đương đại ra biển lớn, hội nhập với nền thơ thế giới nhưng cách đóng góp của Nguyễn Hữu Quyền là cố gắng vượt thoát những gì thơ Việt đã có, tìm cách đến gần hơn với người đọc, nhưng cũng không chiều lòng bạn đọc, dẫn dụ độc giả cùng dự phần tạo dựng ngôi đền thơ huyền bí, thiêng liêng.

Thơ Nguyễn Hữu Quyền, hình như, khởi sinh từ vô thức. Khi vô thức trỗi dậy, hiện hữu, nhà thơ nhân đó dần lên trang giấy thành dòng, thành khổ, rồi thành những thi phẩm. Bằng những thể nghiệm và nỗ lực sáng tạo, anh đã mở rộng vùng thẩm mĩ trong thơ. Để nhận ra, thơ Nguyễn Hữu Quyền cùng tồn tại hai nguồn cảm xúc tương liên, đan bện với nhau: một bên là cuộc đối thoại với vũ trụ bằng những câu hỏi siêu hình về tồn tại, thế giới, vạn vật, về không - thời gian và một bên là những trăn trở không nguôi về kiếp phận con người mà chủ yếu khởi phát từ sự trở về miền kí ức: *Ngọn đồi năm xưa trắng sáng giờ vệt một nửa/ Người ta của nó làm đôi đào bới/ Vật đổi sao dời. Vơi cạn/ Thế mà đêm đêm sao rơi còn trắng cứ sáng/ Thăm thẳm thời gian* [Tí tách thời gian]. Nhà thơ thẳng thốt trước *tí tách thời gian*, trước sự vô tận, vô thủy vô chung của thời gian, trước sự sinh diệt của tạo vật theo dòng chảy vô tận và hữu hạn phận người. Đứng trong trời đất, người làm thơ tìm cách nhìn xuyên thấu vạn vật, dùng sự vật để soi xét bản thân, chứng nghiệm cuộc đời: *Thung lũng ấy là của trời/ Không biết tự lúc nào/ Một mảnh thiên thạch rơi/ Tạo nên khe suối* [Thung lũng]. Những thi ảnh *thung lũng, khe suối* và nhân vật người đàn bà bán cam *chị giống ngọn suối* gây nên sự tình *lột lột* trong bài thơ là nhằm biểu dương sức mạnh, vẻ đẹp và sự quyến rũ của con người, kiêu hãnh cùng thiên nhiên, tạo vật. Có trường hợp, Nguyễn Hữu Quyền dùng các thi ảnh thời gian như *đêm, bình minh, sáng (ra)* chấp nối với các sự kiện như *nắng ngủ, lòng biển, trăng vỡ, ngô trời, hổ đen*,... tương hợp và tương phản về màu sắc và âm thanh; chúng hút nhau, đưa đẩy nhau và hòa kết với nhau tạo thành những tầng nghĩa cho câu thơ, khổ thơ: *Đêm/ Nắng ngủ trong lòng biển/ Bình minh rắc bằng lăng [...]* *Đêm nay trăng vỡ trên biển lộ một ngô trời/ Tinh hà. Sa số. Va đập. Nhấp nhô/ Có một hổ đen bị lấp [...]* *Tết này trời bao nhiêu tuổi? [Tết này trời bao nhiêu tuổi]. Một câu thơ đứng riêng ra thành một khổ thơ kết bài thơ. Một câu hỏi nhưng*

không có câu trả lời và cũng không cần câu trả lời, hay đó cũng chính là câu trả lời. Người thơ đang thẳng thốt trước vòng quay thời gian, vũ trụ, đời người; tự hỏi mình, tự tra vấn tuổi mình trước sự tuôn chảy của thời gian.

Để nhận ra, các thi ảnh trong thơ Nguyễn Hữu Quyền có tính đa nghĩa. Chẳng hạn, anh dùng hình ảnh *hoa tóc tiên* tuy dịu dàng nhưng mảnh mai, mong manh như sương như gió để nói cái mong manh trong sâu thẳm tâm hồn con người, về những khoảng trống, những nỗi buồn trong vạt tận đáy tâm hồn, nỗi cô đơn kiếp người; và đó là tất yếu của lẽ vô thường, của triết lí âm dương chuyển hóa: *Đáy hồn tôi tóc tiên nở đón mùa/ Nước làm màu đỏ của hoa vỡ/ Lộ những khoảng không* [Nơi đó hoa tóc tiên nở].

Thơ Nguyễn Hữu Quyền là một thể giới đa sắc, đa thanh, vừa hiện hữu, vừa siêu hình, xoay quanh ý thức và vô thức, được phát lộ từ những mảnh kí ức trong trẻo và những trần trụi thời thế. Nhân vật trữ tình dù xưng *tôi, ta*, hay là *em, chị, ông, người đàn bà, em bé, người quét rác, người ta,...* nhưng đều là những nhân vật tưởng tượng; tất cả đều quy chiếu về nhân vật *tôi* - chủ thể trữ tình. Bởi ý thơ của Nguyễn Hữu Quyền ít khi nương theo cơ chế nội sinh mà được xác lập trong sự tương tác, biến hóa uyển chuyển, nhịp nhàng giữa các hệ thống ngôn từ. Chẳng hạn, bài *Gửi Sài Gòn* thực chất là một cuộc đối thoại tưởng tượng. Nhân vật *tôi* tự phân thân để đối thoại với chính mình nhằm khắc họa nỗi cô đơn, côi cút giữa miền đất xa lạ, rằng chốn ấy không thuộc về mình: *Bữa đó em nói với tôi/ Dù người ta có thể nào. Riêng em cứ đợi/ Cõi nói chỉ cho phiên/ Mười hai bến nước/ Người được. Em thua. Vó cất rồi* [Gửi Sài Gòn].

Với Nguyễn Hữu Quyền, ý thơ là không có sẵn, không có một dự trình cho trước mà thơ anh là thơ *đang nghĩa* (chữ của Dương Tường); nghĩa là, nó chỉ có thể hoàn tất khi có sự tham gia tạo nghĩa của người đọc. Theo đó, cách miêu tả không gian, cách kể về thời gian cũng rất đặc biệt. Thời gian trong thơ anh dù là quá khứ xa như *thuở đó, hồi đó, năm xưa, năm đó,...*, hay quá khứ gần như *hôm qua, chiều qua, tối qua,...*, hoặc hiện tại như *hôm nay, trưa nay, giờ này,...*, cũng đều là những thời gian bất định, mơ hồ, mờ ảo, phiếm chỉ, siêu thực. Còn không gian trong thơ Nguyễn Hữu Quyền, dù là miêu tả hiện thực gồm các địa danh như *Sài Gòn, Hồng Hà, Nghĩa Đàn, thành cổ Vinh, sông Cửa Tiền, sông Giăng, cầu Yên Xuân,...* hay các không gian ít xác định hơn như *cánh đồng làng, bến đò, mảnh vườn, đồng cỏ, con sông, ngã ba, đình chợ, sân ga,...* đều là những không gian nhuộm màu tâm trạng, riêng tư, thường là mơ hồ, mờ nhòe, bất định; trong nhiều trường hợp là những hình ảnh ẩn dụ hoặc được nhân hóa: *Tiếng tắc kè kêu. Mặc chiều. Mong đợi.../ Ngày em đi lấy chồng. Đồng không. Nứt nẻ/ giấc mơ mùa Hạ/ Trắng phau thương nhớ. Hoa bông* [Thương nhớ đồng quê]. Hay: *Có gì nơi người đàn bà quét rác mà thành phố thức?* [Thành Cổ lác lác lưu huyền sử [Thành cổ và tôi].

Trở lại khuynh hướng tượng trưng trong thơ Nguyễn Hữu Quyền, có thể nhận thấy đặc điểm nổi trội trong thơ anh là các thi ảnh, biểu tượng thơ đều có tính đa nghĩa; chúng được xác lập dựa trên sự liên hội ý nghĩa giữa các đơn vị ngôn từ trong dòng thơ/câu thơ, khổ thơ, bài thơ. Màu sắc tượng trưng trong thơ Nguyễn Hữu Quyền thể hiện trên hai bình diện: cách tạo tính đa nghĩa cho thơ và cách xác

lập những mã ngôn ngữ riêng, một cú pháp thơ riêng. Về cách tạo tính đa nghĩa cho thơ, trước hết, được thể hiện ở các biểu tượng thơ. Nếu như Thanh Thảo sử dụng các biểu tượng quen thuộc trong thơ ca nhân loại nhưng vẫn còn xa lạ với người Việt (*đàn ghi ta, áo choàng đỏ, vàng trắng, đáy giếng,...*), Vi Thùy Linh sử dụng các biểu tượng tính nữ (*đêm, bóng tối, ẩm ướt, nguồn nóng, mùa ái ân, hoa mẫu đơn,...*) thì Nguyễn Hữu Quyền vẫn dùng những biểu tượng truyền thống như (các loài) *hoa, bến cũ, bếp lửa, dòng sông,...*, nhưng nhà thơ đã cấp cho chúng những ý nghĩa mới, thành mã thẩm mỹ mới. Chẳng hạn, nếu *bếp lửa* của Bằng Việt chỉ là nỗi niềm của đứa cháu nhớ bà để khẳng định bếp lửa của tình thân, tình người nhóm lửa *ấp iu nồng đượm* thì *bếp lửa* của Nguyễn Hữu Quyền lại nhen ở *phố, trời mưa, gió mùa về*, nhen lên niềm hứng thú, một cách sinh thú, là ẩn ức nhập nhòa niềm quê, là khuấy lên những hương vị ngọt ngào nơi quê, là nỗi niềm người xa quê và tận cùng là hồn quê neo đậu trong tâm tưởng nhà thơ và cả trong mỗi chúng ta: *Ở phố mà sáng nào cũng nhen bếp lửa/ Hôm nay trời mưa/ Gió mùa về. Rụng lá/ Khói bay lên cuộn hình đụn rạ/ Bao la/ Phía trời [...] Than chạm vào tim tóc sáng/ Lửa trời [Bếp lửa]*.

Nguyễn Hữu Quyền rất có ý thức sáng tạo các chất liệu truyền thống. Đó là cách anh làm mới các phép tu từ như ẩn dụ, so sánh, câu hỏi tu từ,... Các ẩn dụ trong thơ anh được xây dựng từ những thi ảnh rất quen thuộc, gần gũi như *trăng lưỡi liềm, hoa địa lan, hoa tóc tiên, hoa khế, hoa cỏ may, mưa đá, tiếng còi tàu, biển, sông, vách trời, nắng trời, nụ cười,...*; nhưng khi chúng vào thơ anh, trở thành những ẩn dụ thi ca thì người đọc cứ ngỡ như chúng mới xuất hiện lần đầu, rất ám gợi, mời gọi người đọc thả sức liên tưởng. Chẳng hạn, ẩn dụ *trăng lưỡi liềm* trong khổ thơ sau đây: *Không biết vì lẽ gì tôi thích trăng lưỡi liềm/ Lúc nào cũng ngắm phía bị lẹm/ Nó giống tháng Giêng/ Bung biêng mùa Xuân lộ dần trong nắng* [Tháng Giêng]. Thi ảnh *trăng lưỡi liềm* được bao quanh bởi một câu hỏi và các câu trả lời, và cả trong sự hồi cố các khổ thơ đầu của bài thơ, ẩn dụ này có các tầng nghĩa: chỉ sự nguyên sơ, khởi thủy, tinh khôi; chỉ sự mảnh mai, thanh khiết, duyên dáng, e ấp; chỉ sự chưa vẹn nguyên, chưa tròn đầy, ẩn chứa bí ẩn và hy vọng, khát khao; cộng gộp lại, ngợi ca cái đẹp tinh khôi nhưng đầy ẩn ức của bản thể, khởi nguyên. Đây là cái đẹp bản thể, cái đẹp của con người, hay cái đẹp của văn hóa, hay là cả ba. Nhà thơ tuyên bố đứng về *trăng lưỡi liềm, phía bị lẹm*, nghĩa là luôn hướng cái nhìn về phía chưa tròn nguyên, chưa hoàn mỹ và nhiều ẩn ức, một cái nhìn *vô thập toàn* theo minh triết phương Đông. Cũng vì thế chẳng mà năm hai mảnh kí ức trong chừng ấy bài thơ nơi *dòng sông đổ về biển*, mảnh nào cũng đẹp không trọn vẹn, đẹp rung rung. Cùng với *trăng lưỡi liềm* còn là *câu liềm ngoắc vành trăng, vành trăng thượng huyền,...*, và cả *sợi tóc bà chúa Thượng Ngàn, chên đồng đồng, điệu ví giặm* xuất hiện trong thơ Nguyễn Hữu Quyền, đó là những thi ảnh nằm chông chênh trên đường biên giữa thực tại và hư vô, hiện hữu và siêu thực, trực giác và ảo giác; chúng như những *bào ảnh*, những bí ẩn lung linh của bản thể, của tự nhiên xuất hiện trong nguồn mạch thi hứng của tác giả. Cùng với ẩn dụ, phép so sánh cũng được nhà thơ sử dụng thực sự có hiệu quả trong việc kiến tạo những biểu tượng thơ đa nghĩa. Nhiều phép so sánh trong thơ Nguyễn Hữu Quyền hết sức tự nhiên nhưng luôn tạo sự bất ngờ, đánh thức trí tưởng tượng của người đọc bởi sự độc đáo, mới lạ: *Nụ cười em trắng như trăng* [Thiên đường]; *Sài Gòn sáng nay*

lặng như hơi thở [Gửi Sài Gòn]; *Ai lội vào bầu trời/ Làm rơi một mảnh/ Xanh như cát* [Tết này trời bao nhiêu tuổi?]; *Cậu cười tươi như buổi trưa/ Tiếng ghi ta trong như bữa đói/ Gần như đá trên đường mà thật xa* [Áp Tết]; *Một bông hoa rớt xuống cỏ/ Thoạt nhìn giống nụ cười* [Nụ cười trong bão]; *Tôi gặp người đàn bà bán cam/ Chị giống ngọn suối* [Thung lũng]; *Đến tận cùng hạnh phúc/ Tôi gặp cô đơn/ Trong như chiếc bánh bột lọc* [Nơi đó hoa tóc tiên nở]; *Có phải em là châu thổ/ Trong như gió mùa. Đầy như giấc mơ* [Châu thổ Hồng Hà];... Cái độc đáo, mới lạ, cái hấp dẫn trong phép so sánh của Nguyễn Hữu Quyền xuất hiện chủ yếu ở cái được so sánh; đôi khi, ở cả cái so sánh và cơ sở so sánh. Chẳng hạn: *Miền thiếu phụ/ Vành trăng vệt hắt ánh sáng vào đêm/ mềm mại* [Hoa địa lan nở]. Đây là khổ thơ thứ hai trong bài *Hoa địa lan nở*. Khổ thơ gồm hai câu thơ được kiến trúc bằng một phép so sánh ngầm; so sánh mà cứ ngỡ như không. Bởi xét về cấu trúc so sánh, câu đầu là cái so sánh, còn câu sau, vế dòng là cái được so sánh; sự tương đồng giữa hai vế sẽ được xác định từ những liên tưởng miên man nơi người đọc; cổ nhiên, hình ảnh mà nó gợi ra vừa cụ thể vừa mờ nhòe, vừa hiện hữu vừa siêu thực, nhưng qua cái vàng mờ ấy, ta vẫn nhận ra điều nhà thơ định nói: cái đẹp cứ vô tình, vô tư hiện hữu, có khi, nằm ngoài khao khát của con người. Nguyễn Hữu Quyền cũng rất sáng tạo trong việc sử dụng chất liệu truyền thống qua cách nhà thơ lựa chọn và sử dụng câu hỏi tu từ. Những câu hỏi trong thơ anh gần như không cần câu trả lời, bởi cũng chính là câu trả lời; có khi không ai bị hỏi, không hỏi ai, nhà thơ vắng mặt. Những câu hỏi trong thơ anh không còn chuyên chờ ý nghĩa, vì bị làm mờ nhòe, bị mơ hồ trong sự dửng dăng giữa kiếp phận con người và bản thể: *Sao rơi để lại lỗ thủng trên trời/ Vô biên. Vô hạn/ Thời gian? Phận người? [Tí tách thời gian]*.

Về màu sắc tượng trưng trong ngôn ngữ thơ Nguyễn Hữu Quyền, có thể nhận biết và cảm thấu từ cách nhà thơ dùng chữ và kết hợp chữ, về tổ chức vần - nhịp, dòng thơ/câu thơ, khổ thơ,... Về cách dùng chữ, trong thơ tự do, do các câu thơ bắt thường dài ngắn khác nhau, và lại, thơ tự do gần với văn xuôi nên nhu cầu làm mới chữ không lớn; nhưng với Nguyễn Hữu Quyền, mỗi con chữ trong thơ anh thường trở nên lấp lánh, có độ sáng riêng. Anh không dùng chữ như một kí hiệu (signe) ngôn ngữ mà coi chữ như một sự vật (chose), một vật thể - chữ (mots-cho-ses). Cách nhà thơ làm mới chữ là tách các chữ ra khỏi ngôn ngữ chiếu vật, nhặt chúng lên và biến đổi thành một hóa trị mới, một tham chiếu khác, rồi đặt chúng trong tương tác với các chữ lân cận trong dòng thơ/câu thơ. Chẳng hạn, các chữ lấp láy (từ láy) được anh sử dụng dày đặc trong thơ; trong đó, có vài ba chữ lạ như *nao niết, bung biêng, lắc lơ, bì bập, ngất ngơ*,..., còn lại chủ yếu là những chữ có sẵn nhưng được dùng theo cách riêng, rất Nguyễn Hữu Quyền: dùng nhiều chữ lấp láy trùng điệp (láy hoàn toàn) như *chang chang, biêng biếc, thăm thăm, vành vạnh, loang loáng, vắng vắng, phần phật, mồn mọt, vời vời, bong bóng*,...; dùng nhiều những chữ lấp láy âm đầu (láy âm) như *lúng liếng, se sắt, lặng lẽ, buồn bã, chập chùng, phất phơ, ngơ ngác, mãi miết, lẫn lóc, nhấp nhô, miên man, mê man, mệnh mông, xao xác, vì vút, lênh láng, lấp lánh, nức nở, nhòe nhoẹt, chấp chới, mãi mốt, ngẩn ngui, lập lờ, cắc cớ*,...; còn các chữ lấp láy vần (láy vần) xuất hiện rất ít. Các chữ lấp láy, khi thì bao quanh các chữ sự vật (danh từ) để đặc tả, làm phát lộ các nét nghĩa tinh tế của chữ sự vật: *cái lạnh lúng liếng, khóm lau phất phơ, nước bì bập, nước xoắn xang, châu thổ tươi bời, gió*

vi vút, mùa Thu ngất ngơ, mưa lênh láng, bàn thờ Phật lung linh, ước mơ phiêu diêu, giấc mơ nhòe nhoẹt, con đường hun hút, cánh diều chấp chới, núi đồi nhấp nhô, cuối trời mãi miết,... (đứng sau chữ sự vật); biêng biếc kỉ niệm, bung biêng mùa Xuân, thăm thẳm thời gian, ngơ ngác ngày xưa, vành vành trăng sâu, lẫn lộn dọc đường, lặng lẽ nắng trời, loang loáng gạo châu, củi quế, lắt lờ chùm quả (vú bò), văng vẳng màu đỏ, tơ hơ vành nong, ngẩn ngơ ngã ba, lẫn lộn cuộc đời, phần phật mùa lau, tơ bời gió, lấp loáng tuổi thơ, nước nở cái nhìn, mồn một mùa Hè (năm ngoái), chang chang nắng vàng, lang thang bến vắng, mênh mông đèn trời, vời vời con đò (xưa), ngẩn ngui đời người, lập lòe hoa phượng,... (đứng trước chữ sự vật). Các chữ lấp láy còn bao quanh các chữ hành vi, vận động (động từ) để tô đậm màu sắc, tính chất, trạng thái, hồn vía của các hành vi, vận động của người và vật: (chuông) reo loang loáng, đánh rơi ngơ ngác, (mắt cá) không thôi nao niết, (phần) rơi lá tả, vác xao xác (đi),... (đứng sau chữ hành vi, vận động); thông thốc thổi, lặng lẽ bay (lên), ì oạp sóng vỗ, thao thiết (đá đá) gọi, đột ngột mưa rơi, chót vót mưa, vời vời thương (ai),... (đứng trước chữ hành vi, vận động). Có trường hợp, chữ lấp láy như một khớp nối, đường dẫn câu thơ chứa nó với câu trước trong khổ thơ, thực hiện chức năng kép: Trước nhà ai có chậu hoa địa lan/ Sao cửa đóng hoài/ Nao niết không chịu mở [Hoa địa lan nở]. Chữ nao niết vừa lạ, vừa tự nhiên đôi “nhiệm vụ”, đứng sau chữ hành vi đóng (hoài) ở câu thơ trước, vừa đứng trước các chữ hành vi không chịu mở ở câu thơ chứa nó. Lại nữa, chữ nao niết được đặt trong từ trường các chữ đối lập có/ không, đóng/ mở làm cho các câu thơ vừa có vẻ văn xuôi, vừa trùng lặp trở nên giàu tính thơ, vang lên một nhạc điệu khác thường - nhạc điệu của thần thức, day dứt, và có chút day dã. Chữ lấp láy nao niết có lẽ là triển miên trong tâm lặng, im im vĩnh viễn chẳng. Theo đó, thông điệp của khổ thơ, đó là bí ẩn của cái đẹp người nữ, vẻ đẹp tinh khiết, vô tư, sang quý của con người, của bản thể, tự nhiên chẳng. Nguyễn Hữu Quyền dùng chữ hết sức biến hóa, linh hoạt, đa dạng và độc lạ, làm cho chữ giàu thêm trong mỗi câu thơ. Đó là cách nhà thơ dùng những chữ hành vi (động từ) như chạm, ló, chọc, nhúng, thách, ngắm, lộ, vạt, thả, cơi nới, hất, quấy, vờ, quăng, rớt, lấp, vờ toác, va quệt, rắc, đẩy, cài, ngã ngập,... Những chữ này liên hội, tương tác với những chữ vây quanh nên bị nhòe nghĩa bởi bị bao quanh một vầng mờ; chính trong cái vầng mờ ấy chúng được tạo sinh nghĩa mới và được mở rộng đường biên nghĩa. Và nghĩa của chúng đóng vai trò trung tâm, chi phối nghĩa các chữ khác trong câu thơ, khổ thơ. Chẳng hạn, các chữ chạm, ló ở hai câu thơ trong khổ thơ dưới đây là một minh chứng: Con còng vó lướt qua mặt hồ trong tôi chạm phải/ cái lạnh lúng liếng/ Mùa Xuân ló bên bờ ruộng [Tháng Giêng]. Có những chữ, nhà thơ tách lia ra, hoặc vận xoắn, đảo đối trật tự cốt để chúng tương liên, hô ứng nhằm phát huy tối đa vai trò tạo nghĩa của chúng. Đó là tổ hợp chữ (thành ngữ) kéo cưa lừa xẻ được tách đôi thành hai câu thơ (trong dòng thơ) trong bài Tôi và lịch sử, cũng là cách tác giả gửi niềm trân trọng về những khoảng tối sáng, những đứt gãy, hưng phế của lịch sử. Hay cách dùng các chữ trượt trơn, trơn trượt cũng trong hai câu thơ trong bài Hồng hoang; đây chính là niềm thao thức của nhà thơ trước những thăng trầm dâu bể, những biến thiên hưng phế của vũ trụ, thiên hà: Các vương triều neo thời gian tan trong mưa/ Kéo cưa. Lừa xẻ [Tôi và lịch sử]. Và: Bao năm vật đổi sao dời/ Trượt trơn. Trơn trượt [Hồng hoang].

Bên cạnh những chữ chính thể (từ toàn dân), những chữ biến thể (từ địa phương) cũng được tác giả sử dụng tạo thành những mã thẩm mỹ. Các chữ này được dùng song tồn, đối ứng, biểu thị những nghĩa khác nhau, do chúng mới được kiến tạo nghĩa trong câu thơ. Chẳng hạn, các chữ *biển* và *bể* trong bài *Nơi con sông đổ về biển*; các chữ *gì* và *chi* trong bài *Tháng Giêng*. Trong tiếng Việt, những chữ này là tương ứng về ngữ âm, tương đồng về ý nghĩa; nhưng trong thơ Nguyễn Hữu Quyền, chúng là những chữ khác nhau, do ý nghĩa khác nhau.

Về sự kết hợp các chữ trong thơ, Nguyễn Hữu Quyền cũng có những sáng tạo riêng, rất độc đáo. Trước hết, nhà thơ đặt các chữ bên nhau theo phép điệp (lặp): khi thì điệp âm (âm đầu, vần), khi thì điệp thanh (thanh bằng, thanh trắc), khi thì điệp nghĩa (những chữ cùng trường nghĩa); khi thì kết hợp cả điệp âm, điệp thanh, điệp nghĩa. Chẳng hạn: *Kháng rơi/ Chì quét rác nhặt quăng vào sọt rác* [Bào ảnh]. Trong tổ hợp chữ *quét rác nhặt quăng vào sọt rác*, ta thấy, các chữ vừa điệp vần, đó là các vần *et/ac/ăt/ot/ac* (vần thông) trong các chữ *quét, rác, nhặt, sọt, rác*; vừa điệp thanh trắc cũng trong các chữ điệp vần; vừa điệp nghĩa, đó là các chữ *quét, nhặt, quăng, rác, sọt rác*, cùng biểu thị hành vi làm sạch môi trường. Do cách kết hợp từ theo phép điệp trên mà câu thơ chùng xuống, đứt gãy (do nhịp thơ 1/2/1/1/3); ý thơ chênh vênh giữa hiện hữu và bào ảnh, giữa thực tại và hư vô. Lại có những cách kết hợp theo nguyên lí tính thơ, theo cách của ngôn ngữ thơ như *cái lạnh lúng liếng, miền thiếu phụ, thời gian vỡ, mảnh trắng vụn niêm cơ nhỡ, một mảnh niêm vui, mảnh vỡ kỉ ức, nắng trắng, lửa đánh ghen, mây chiều bung vỡ, hồn đầy, vĩa trắng...* (kết hợp chữ có chữ sự vật làm trung tâm); *chọc vào màu xanh nhúng nắng, vo cái lạnh, vớt nắng lên, rót lại thương nhớ, chạm phải tiếng còi, tưới ướt thời gian, làm rót sao mai, vỡ đôi giọt nắng, gói giấc mơ thành hạt, làm rơi ước mơ ở chợ, dất chị Hằng vào nong, đánh rơi ngư ngắc, gom nắng dất vào mây, đẩy trời rơi xuống bến, gặt hái trắng mai, quảy ước mơ đi, vác xao xác trong muta, cầm trên tay nụ cười, bơi trong tháng Mười, gập bùa mê trên biển, rơi cái mong manh, hốt vạt bóng tối...* (kết hợp chữ có chữ hành vi, vận động làm trung tâm); *trắng chân trời quê, xao xác ảo giác...* (kết hợp chữ có chữ tính chất, đặc trưng làm trung tâm). Chẳng hạn, cảnh sắc, không gian, thời gian của khoảnh khắc giao mùa được hiện lên trong khổ thơ dưới đây: *Hạ gom nắng dất vào mây/ Thu về đẩy trời rơi xuống bến/ Tôi đến thì hồn đầy* [Mùa Hạ không còn nữa].

Trong thơ Nguyễn Hữu Quyền, vần - nhịp được tổ chức theo một cách riêng, khá đặc biệt. Về hiệp vần, thơ tự do không nhất thiết có vần, hoặc là vần chân, nhưng với Nguyễn Hữu Quyền, vần thơ xuất hiện dày đặc, nhiều kiểu, đa dạng. Ngoài vần chân (gồm vần liền, vần cách), các chữ hiệp vần xuất hiện nhiều trong nội bộ dòng thơ/câu thơ và giữa các dòng thơ/câu thơ theo nhiều vị trí khác nhau. Hầu hết các dòng thơ/câu thơ, khổ thơ đều có nhiều chữ hiệp vần. Các chữ trong dòng thơ/câu thơ, khổ thơ gọi nhau, rủ rê thả vần và bắt vần một cách tự nhiên, cứ như tự chúng tìm đến với nhau, không có gì là kĩ thuật cả. Có thể khảo sát bất cứ dòng thơ/câu thơ nào, khổ thơ nào cũng nhận ra điều đó. Chẳng hạn: *Chị đẩy xe lên trời. Xuôi về hạ giới/ Bỏ bùa mê trên dòng xuôi trôi ra sông* [Thung lũng]. Các cặp vần *ôi/uôi/ôi/uôi/ôi* trong *trời, xuôi, giới, xuôi, trôi*; vần *e/ê/ê* trong *xe, về, mê*; vần *ên/ên* trong

lên, trên, vắn a/o/ua/a trong hạ, bỏ, bừa, ra; vắn ong/ông trong dòng, sông hòa phối với nhau làm cho nhạc điệu của khổ thơ ngân lên trong trẻo, tươi sáng, tinh khôi.

Cách ngắt nhịp và cấu trúc nhịp điệu trong thơ Nguyễn Hữu Quyền cũng có những nét riêng, giàu tính sáng tạo và cách tân. Thơ anh không có một mô hình nhịp điệu nhất định; các khuôn nhịp luôn biến hóa, chuyển đổi không ngừng, bất thường. Chẳng hạn: *Tiếng cú cu gáy/ giữa lòng thành phố/ làm vỡ đôi/ giọt nắng/ Thấy trong đó/ quê tôi/ gió Lào/ cát trắng phau* [Ngần ngặt hoa khế]. Nhịp điệu là yếu tố hàng đầu thể hiện sự thay đổi, cách tân thơ; bởi là nơi người viết dự phần vào trò chơi ngôn ngữ, thể hiện nỗ lực đổi mới tư duy thơ: *Khăng rơi/ Chì/ quét rác/ nhật/ quăng/ vào sọt rác* [Bào ảnh]. Nhịp thơ Nguyễn Hữu Quyền đã vượt thoát khỏi các mô hình nhịp thơ cách luật, phản ánh trung thành nhịp thở đương đại: gấp gáp, biến hóa, đứt gãy, vô thường. Trong thơ Nguyễn Hữu Quyền, vắn thơ và nhịp thơ tạo nên nhiều phức điệu, vang lên một thứ nhạc điệu khác thường. Mà *nhạc điệu là ngôi vị hàng đầu của thơ* (Verlaire).

Trong thơ Nguyễn Hữu Quyền, cách tổ chức dòng thơ/câu thơ, khổ thơ cũng khá đặc biệt, thường theo một lối riêng. Dòng thơ, câu thơ và câu văn phạm ít khi gặp nhau mà chủ yếu là xê xích, vênh lệch: có khi, một dòng thơ có hơn một câu thơ; có khi, một câu thơ dừng lại ở giữa, hoặc vắt dòng; giữa câu thơ và câu văn phạm có cấu trúc không như nhau: *Lốc tổ trên đồng ngô. Nước trong vườn dầm dề/ Lá cọ xèo ra uống. Ngọc ngà! Giọt giọt. La đà/ Ứng ực. Buông lơ. Lôi lôm. Mối mọng...* [Mưa bóng mây].

Cấu trúc khổ thơ cũng khác thường: khổ bốn câu, khổ hai câu, khổ ba câu, khổ năm câu và khổ một câu; chủ đạo là khổ ba câu và một câu. Khổ thơ ba câu của Nguyễn Hữu Quyền có bóng dáng thơ Haicu của Nhật, còn khổ một câu là chủ ý thẩm mỹ của tác giả, thể hiện các ý đồ nghệ thuật khác nhau: là linh hồn của bài thơ (Hoa địa lan nở, Chiều nay tôi đến đó, Vành trăng dất,...), là điểm nhấn ngữ nghĩa của bài thơ (Tôi và lịch sử, Hạ giới, Thiên đường, Ngần ngặt hoa khế,...), là sự thăng hoa của xúc cảm (Tết này trời bao nhiêu tuổi? Vành trăng dất, Chiếc vòng bạc của tôi,...), là thực hiện chức năng liên kết (Tí tách thời gian, Nghe nói có mưa đá, Thiên đường,...),... Thơ Nguyễn Hữu Quyền, không có bài nào, các câu thơ dất nhau đi cho đến hết bài mà bài nào cũng chia khổ. Cách chia khổ, tạo dựng khổ thơ của anh là nhằm thực hiện ý đồ nghệ thuật: cùng với dòng thơ, câu thơ, khổ thơ cũng là mã thẩm mỹ của riêng anh.

Với *Nơi dòng sông đổ về biển*, Nguyễn Hữu Quyền đã đứng về phía đổi mới, cách tân thơ, nỗ lực không mệt mỏi đưa thơ đến gần hơn với người đọc. Thơ anh đi theo khuynh hướng tượng trưng, pha nhuyển với minh triết và siêu hình học phương Đông, nhưng vẫn thấp thoáng màu sắc siêu thực và tân hình thức; cũng có chút vẻ hậu hiện đại. Cổ nhiên, lối rẽ nào thì vẫn là *văn chữ* Nguyễn Hữu Quyền. Thơ anh, đứng ngoài lời, như một cái gì *không thể bộc lộ, không thể nói hết*, là thứ thơ *đang nghĩa*; sức mạnh nằm ở ma thuật ngôn từ. Cũng chính những điều ấy, đôi chỗ, các sự vật trong thơ anh chỉ còn là biểu tượng hơn là chính nó. Đó cũng là sự thường trên mọi ngã cách tân, đổi mới. Nhưng rất trân trọng hướng đi của anh, người đọc luôn ở bên anh, vẫn đang hi vọng thơ anh ở phía trước.

Chữ Xuân trong thơ Hồ Xuân Hương

ĐÀO TAM TÍNH

Hồ xuân Hương (1772-1822), quê gốc ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Bà theo cha là thầy đồ ra ở phường Khán Xuân, Tây Hồ (nay là Hà Nội) để dạy học. Bà là người *tài danh bạc mệnh*, nhà thơ Xuân Diệu tôn bà là *Bà chúa thơ Nôm* cũng đã đủ thấu tóm tài thơ của bà. Còn về sắc đẹp của Hồ Xuân Hương thì như Tồn Phong, bạn thơ của bà đã tả:

*Như dáng cây mai xinh đến cốt
Mười phân sắc xuân rạng lên trời.*

Cuộc đời của Xuân Hương gặp nhiều trắc trở trong tình duyên, hai lần lấy lẽ: Ông Tổng Cóc và ông Phủ Vĩnh Tường. Có lẽ vì thế mà chữ *xuân* xuất hiện nhiều lần trong thơ Hồ Xuân Hương như một khát vọng tình yêu cháy bỏng của nàng. Biết bao thi nhân mặc khách nghe danh, mến tài Hồ Xuân Hương đã tìm đến để họa thơ và tỏ tình với nàng, nhưng khó có ai tương xứng với nàng về tài thơ, về tình và về nghĩa. Bài *Mời trầu* của Xuân Hương đã như một tuyên ngôn về tình yêu:

*Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương đã quệt rồi
Có phải duyên nhau thì thấm lại
Đừng xanh như lá bạc như vôi*

Xuân Hương đòi hỏi chữ *xuân* phải là chữ xuân trinh nguyên bất tận của người thiếu phụ - chữ *xuân* trong bài *Đề tranh tố nữ*:

*Hỏi bao nhiêu tuổi hỡi cô mình
Chị cũng xinh mà em cũng xinh
Đôi lứa như in tờ giấy trắng
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh.*

Người thiếu nữ - Hồ Xuân Hương ấy luôn chủ động làm cho tuổi xuân thêm đẹp.
Nhân dịp Tết, Xuân Hương dán đôi câu đối trước cửa nhà mình:

*Tối Ba mươi khép cánh càn khôn, ních chặt lại kéo ma vương đưa quý tới;
Sáng Mồng một lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước xuân vào.*

Cũng vì thế mà Xuân Hương thường không bỏ lỡ các dịp Tết đến Xuân về để đi thưởng xuân và ngắm cảnh đẹp non nước với một tâm hồn thanh sạch, như một chiều nào đi thăm Đài khán Xuân:

*Êm ái chiều Xuân tới khán đài
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai.*

Khi đến thăm Đá ông chồng bà chồng nàng thơ có cái nhìn nhân cách hóa vũ trụ làm cho đá cũng như có hồn người và đã chuyển hóa thành một đôi tình nhân chung thủy mãi mãi cùng thời gian - Xuân già dặn, không bao giờ xa rời nhau như tình yêu đôi lứa đắm say đầy xuân sắc:

*Khéo khéo bày trò tạo hóa công
Ông chồng đã vậy lại bà chồng
Tảng trên tuyết điểm phơ đầu bạc
Thốt dưới sương pha đượm má hồng
Gan nghĩa giải ra cùng nhật nguyệt
Khối tình cọ mãi với non sông
Đá kia còn biết xuân già dặn
Chả trách người ta lúc trẻ trung.*

Trong văn học truyền khẩu dân gian nước ta có câu: *Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ/ Vô duyên đối diện bất tương phùng* - nghĩa là: Dù xa xôi cách trở mà có duyên thì sẽ gặp, còn vô duyên thì đối diện nhau cũng không thể gặp nhau. Ta bắt gặp được ý tưởng tốt đẹp này qua chữ *xuân xanh* mà Xuân Hương đã dành cho các cô gái nhiều tuổi lo sợ ế duyên. Hỡi các cô mình! Xin đừng sợ mất *xuân xanh*! Tình yêu sẽ đến với bạn khi gặp được duyên kỳ ngộ:

*Nghìn dặm có duyên sự cũng thành
Xin đừng lo lắng hết xuân xanh.*

Xuân Hương đã từng làm lẽ, đã từng lỡ làng. Tình yêu của nàng đã phải san sẻ, chưa một lần được hưởng trọn vẹn một đời duyên, trong *Tự tình* (Bài 1):

*Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con.*

Hoặc như bài *Cảm cựu tổng tân xuân chi tác* - Nghĩa là: Cảm nhớ cảnh cũ đưa xuân mới (Sách: Hoàng Xuân Hãn *Hồ Xuân Hương thiên tình sử*.- H., Văn học, 1999):

*Xuân này nào phải cái xuân xưa,
Có sớm ư, thời lại có trưa.
Cửa động hoa còn thưa thớt bóng
Buồng thoa oanh khéo dập dìu tơ
Phong lưu trước mắt bình hương ngүй,
Quang cảnh trong đời chiếc gối mơ.
Cân vàng nửa khắc xuân lơ lửng
Phổ liễu trăm đường khách ngẩn ngơ
Mới biết vị đời chua lẫn ngọt,
Mà xem phép tạo nấng thời mưa.
Tri âm đắp nửa chăn còn vắng,
Bức vách nghe xa tiếng đã thừa...
Ném mĩa vụ này ngon những ngọt
Trông gương ngày nọ bằng như tờ
Xưa nay còn có đâu hơn nữa,
Hay những từ đây, phải thế chưa?*

Bấy giờ Xuân Hương tuổi đã cao, lại trải nhiều kinh nghiệm nhân sinh, nhất là về ái tình. Nàng khó có thể tìm được mối tình duyên như ý *chiếc gối mơ*. Cho nên khi gặp được nơi xứng đáng dạm hỏi *Ném mĩa vụ này ngon những ngọt... Xưa nay còn có đâu hơn nữa*. Phải chăng đó là dịp cuối cùng nàng được Tham hiệp Yên Quảng xin cưới? Có lẽ vì thế mà nàng đồng cảm và thương xót cho những cô gái lỡ duyên *không chồng mà chửa*, hoặc vô duyên lấy chồng mà cũng như không có chồng. Khi về làm lễ ông Phủ Vĩnh Tường, có tài liệu chép: *Một hôm ông phủ đi vắng, có người đàn bà tên Nguyễn Thị Đào đệ đơn xin bỏ chồng, Hồ Xuân Hương hạ bút phê ngay:*

*Phó cho con Nguyễn Thị Đào
Nước trong leo lẻo cầm sào đợi ai?
Chữ rằng "xuân bất tái lai"
Cho về kiếm chút một mai kéo già.*

Xuân Hương còn thương xót cho các cung tần, mỹ nữ, những người con gái đẹp bị bắt vào cung hiến cho nhà vua. Họ đã phải *quảng* cả tuổi xuân cho *bầy hoạn quan* vo ve quấy rối, như ở trong bài *Quan thị*:

*Mười hai bà mụ ghét chi nhau?
Đem cái xuân tình vứt bỏ đâu?*

NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH

*Rúc rích thầy cha con chuột lắt
Vo ve mặc kệ cái ong bầu.*

Chữ *xuân* đã được Hồ Xuân Hương khắc dấu như một dấu chấm phá(!) nhắc nhở mọi người hãy sống sao cho trọn cái đạo cao đẹp trong tình yêu, đừng như ai đó đến với tình yêu, rồi vội bỏ tình đi như vứt bỏ một cánh hoa tàn, như trong bài *Đánh đu*:

*Chơi xuân ai biết xuân chẳng tá!
Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.*

Cứ mỗi độ Xuân đến, con cháu nước Nam sẽ lại được thưởng thức chữ *xuân* rất thú vị trong thơ Hồ Xuân Hương. Xin được cảm ơn Bà chúa thơ Nôm! Xin được đồng cảm với thi nhân quá cố Tản Đà qua hai câu thơ ông để lại:

*Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương
Hồn thơ còn hấy như đường trên ai!*

Thật vinh dự cho đất nước ta khi Chủ tịch Đại Hội đồng UNESCO đã chính thức gõ búa công nhận vinh danh danh nhân, nhà thơ nữ Hồ Xuân Hương và ra Nghị quyết kỷ niệm 250 năm sinh (1772-2022) và 200 năm mất (1822-2022) Bà chúa thơ Nôm vào rạng sáng ngày 23/11/2021, đúng vào Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam (cùng đợt với danh nhân Nguyễn Đình Chiểu).

ĐÀO TAM

Đón Xuân Nhắc Dàn

(Bài thơ xướng)

Ước được bình an đón Tết Dàn
Dấu còn nhòa lệ cảnh thương thân
Mùa Xuân đất nước mầm vươn tỏa
Sức sống quê hương thể chuyển vần
Trí tuệ vươn xa nhờ vượt khó
Tài năng hiện hữu trải gian truân
Người người vực dậy tinh thần hổ
Nội lực dâng trào hồi bước chân.

Chữ nghĩa quân sự

Đất nước triền miên chiến tranh. Cả nghìn năm chiến đấu chống quân xâm lược phương Bắc. Cả thế kỷ chống thực dân Pháp. Rồi hơn hai chục năm chiến trận với Mỹ. Ngôn ngữ cũng quân sự hóa. Ngôn từ quân sự đi vào lời ăn tiếng nói hàng ngày của dân chúng, vào cả văn chương. Chữ *phi vụ* chẳng hạn. Nó chỉ một công vụ bay, một chuyến bay của phi công Mỹ, nhưng rồi đã được dùng thay cho chữ vụ việc, mà nhiều vụ việc chẳng hề bay gì cả.

Lấy một số ví dụ về ngôn ngữ quân sự:

- *Lực lượng* diễn viên được huy động để dựng vở mới: đây là số lượng diễn viên của đoàn, toàn bộ biên chế diễn viên của đoàn được huy động.
- *Thân chinh* ra phòng khách để gặp bạn: ngày trước các vị đế vương tự mình cầm quân đi chiến chinh thì gọi là thân chinh. Nhưng từ điển tiếng Việt bây giờ cũng đã dân sự hóa từ này, chỉ còn định nghĩa là trực tiếp làm một việc gì đó. Nói một cách dân sự thì có thể dùng chữ tự mình, tự thân, chủ động.
- *Đội ngũ trí thức*: đây là nói về trí thức, ở vị trí xã hội là một tầng lớp.
- *Đơn vị nghệ thuật*: đây là một tổ chức, một đoàn nghệ thuật, một nhà hát, một ban, nhóm.
- *Lễ xuất quân* của đoàn thể thao quận: đoàn thể thao này làm lễ bắt đầu thi đấu, tranh tài, hoặc khởi động/ khởi đầu một hoạt động nào đó.
- Nhà bên này không chịu được nữa, bèn quyết định *phản pháo*: pháo địch bắn đi, pháo ta bắn lại gọi là phản pháo. Hai gia đình mâu thuẫn, một bên chủ động khiêu khích gây hấn, bên kia phản đòn, trả đòn, trả đũa.
- Anh thích cô ta, nhưng không dám *động binh*: anh không dám ngỏ lời ngỏ ý, ở một mức độ khác thì anh không dám hành động sàm sỡ, trêu ghẹo, động dục, ngỏ nguyệt gì.
- Họ là những nhà quay phim *thiện chiến*: đây không nói về những nhà quay phim là phóng viên chiến trường, chỉ đơn giản là tác giả viết về những nhà quay phim lành nghề, thiện nghệ.

Chữ nghĩa hành chính

Báo chí mang tính tuyên truyền cũng giúp phổ biến ngôn ngữ công sở hành chính. Nó đi vào lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân và vào cả văn chương.

Một ông sếp ở hội văn học nghệ thuật, ông cũng là nhà sáng tác, vậy mà mở miệng kính thưa, kính gửi trước toàn thể hội viên, ông toàn gọi hội viên là đồng chí, như thể đang sinh hoạt chi bộ Đảng. Tôi nhắc ông: Hội viên chỉ có hai mươi phần trăm là đảng viên anh ơi. Ông cười cười, sửa được vài câu rồi đầu hoàn đầy. Thói quen.

Một nhà văn miêu tả rất tỉ mỉ một cái nghi lễ dân gian: ông thầy cúng dọn dẹp bàn thờ, sắp xếp mọi thứ cho đúng, không khí đang dân dã và hơi cổ kính, thì nhà văn tương ngay cho một câu: Sau khi *tiến hành* những *thủ tục* ấy, ông thầy mới bắt đầu buổi lễ.

Những chữ hành chính đặt vào đây đã làm cho không khí dân dã và cổ kính phải lặn đi mất.

Ta chú ý chữ *chuẩn bị* trong câu này: *Chuẩn bị có trận mưa sao băng lớn nhất trong năm*. Người ta đã quen với chữ chuẩn bị này đến mức lì mòn, cũng chẳng thấy vướng mắc gì. Nghe rất hành chính. Chuẩn bị gì nhỉ? Ai chuẩn bị? Rất nhiều khi nó chỉ có nghĩa là sắp, sắp sửa, sửa soạn. Sắp có trận mưa sao băng lớn nhất trong năm. Tôi *chuẩn bị* ăn cơm rồi. Nói là tôi sắp ăn cơm rồi nghe giản dị gần gũi hơn chữ nhỉ. Tôi *chuẩn bị* lên đường. Nếu cần tạo cảm giác đơn giản hơn, văn hơn, thì viết: tôi sửa soạn lên đường.

Liên tục ngả mũ kính cẩn

Chính tả những năm 1970-1980 quy định rằng chỉ có mấy danh từ chung cần viết hoa: chữ Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, chữ Bác là chỉ Bác Hồ, chữ Người là cũng để nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vậy thôi.

Viết hoa là để tỏ lòng kính trọng. Đây là cách giải thích.

Nhưng rồi bây giờ ngập tràn chữ viết hoa. Một bài báo, một trang sách chỉ chít chữ viết hoa, đến rồi cả mắt, hoa cả mắt. Tự giải thích là đối tượng cần kính trọng đã nhiều hơn ngày trước, hơn gấp nhiều lần. Người ta viết hoa chữ tổng thống, trong chữ Tổng thống Obama. Obama là danh từ riêng, chắc chắn là viết hoa. Nhưng tổng thống là danh từ chung, ai quy định viết hoa chữ này? Cũng thế là những chữ Thủ tướng, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Vụ trưởng, Giám đốc, Chủ tịch hội, Tổng thư ký... thôi thì hoa hết.

Chuyện vui: một nhạc sĩ, trong tác phẩm của mình, đã cộp nhặt của mỗi bậc thầy một tí. Bản nhạc được tấu lên, một người thưởng thức chốc chốc phải đứng dậy, cúi mình chào cung kính. Hỏi làm sao phải chào liên tục như vậy, ông bảo vì này giờ tôi liên tục gặp người quen.

Đọc một bài báo bây giờ, cũng phải liên tục ngả mũ cúi mình chào, cung kính. Gặp nhiều chữ phải cung kính quá.

Cung kính trước đối tượng xứng đáng là cần thiết. Nhưng ít ra cũng phải có một cơ quan có trách nhiệm quy định cái chính tả cung kính này. Không một ai đứng ra quy định. Thế là thả lỏng cho cánh làm báo có ngoại ngữ, cứ thế bê nguyên xi chính tả tiếng Anh, tiếng Mỹ vào tiếng Việt. Chính tả của ngôn ngữ ấy thì các ngày trong tuần cũng viết hoa: thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ nhật, Friday, Saturday, Sunday. Tháng cũng viết hoa: tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, April, May, June. Tiếng Việt của các vị cứ vậy mà phá vỡ quy chuẩn, người theo chính tả tiếng Việt thì không viết hoa, người theo chính tả ngoại ngữ thì viết hoa. Làm rối loạn cả lên.

Cung kính quá, đến mức viết cũng thừa cũng sai mà không tự biết. Bây giờ có cái mốt thư gửi mào đầu:

- Kính thưa *quý* vị khách *quý*, để mở đầu xin được phép trích một câu *danh* ngôn *lừng danh* của một nhà *danh* nhân *danh* tiếng, một người từng nắm giữ những *trọng* trách *quan trọng*.

Tôi chưa phải nghe ai nói một tràng những từ kính cần thừa thãi như vậy. Nhưng từng chữ thì có. Nhiều lúc nhiều nơi.

Có một chữ mà tôi vẫn tránh dùng: *bạn đọc*. Tôi quen dùng những chữ mang tính trung lập: người đọc, độc giả. Người đọc chưa hẳn là bạn ta. Dù có là bạn, thì cũng nên để cho họ có một vị trí trung lập và khách quan tương đối. Gọi là bạn đọc, có một cái gì đó mang tính lấy lòng, mua chuộc, chưa gì đã phủ đầu người ta bằng một thứ tình cảm my dân, cầu mong sự thiện vị.

Trở lại với việc không có quy chuẩn chính tả của một cơ quan có trách nhiệm. Nhìn bìa những cuốn sách giáo khoa của học sinh phổ thông, thấy những chữ Địa lí, Vật lí... thì bản khoản: bộ Giáo dục tự cho mình sửa chính tả từ bao giờ, và nếu đã đứng ra chịu trách nhiệm sửa thì phải phổ biến để báo chí sách vở tài liệu sửa theo cho thống nhất. Đằng này chỉ riêng hệ thống giáo dục là sửa những chữ i li ti kiểu này. Một mình một kiểu. Một vài nhà nghiên cứu cho rằng chữ i ngắn là dành cho những từ thuần Việt, chữ y dài thì cùng i ngắn để dùng cho từ Hán Việt. Có thể, nhưng ngay cả như vậy thì vẫn đang thiếu một cơ quan chịu trách nhiệm phổ biến quy định. Chữ hi vọng mà viết i ngắn thì có cảm tưởng không còn thấy hy vọng gì ở trong ấy. Chữ lí tưởng thì cũng chẳng thấy đẹp đẽ lý tưởng gì. Chữ yêu quý mà i ngắn thì chẳng thấy yêu mà cũng chẳng thấy quý. Nó bí, nó ti hí, nó li ti, nó xấu xí... chữ i ngắn tượng thanh ra thế, mà tượng hình mẩu tự cũng ra thế.

Nói vậy thôi, chữ i một khi viết cho đúng chính tả thì vẫn có thể đẹp.

Trao đổi trực tuyến giữa Ngọc Hoàng và Táo Thờ

HUYỀN CƯỜNG

- Bẩm Ngọc Hoàng, thần là Táo Thờ ca, Tết này bùng phát dịch bệnh, cá chép đang cách ly, xin Ngọc Hoàng cho phép thần báo cáo trực tuyến, được không ạ!
- Không sao! Không sao! Từ nay người cứ sử dụng công nghệ thông tin...
- Ôi! Thần nghe giọng Ngọc Hoàng khang khác, cứ như bị ai bịt miệng!
- À, cái khẩu trang khi gió. Mà giọng nhà ngươi nghe cũng phập phà phập phồng như thổi lửa?
- Trời đất! Thiên đình mà cũng bị con vi-rút tấn công!
- Cách đây mấy tháng, Thiên Lôi đi công tác ở hạ giới về, vừa quăng lưới tầm sét xuống thì sốt run cầm cập, test nhanh, xét nghiệm dương tính, lập tức, Thiên đình trở thành vùng đỏ, đầy rẫy F1, F2, phải thực hiện cách ly, 5K triệt để! Mà thôi, ngươi báo cáo đi!
- Dạ xin giải trình phần thần chuyên trách...
- Đại dịch, chắc là gặp vô vàn khó khăn.
- Lúc đầu, thần cũng nghĩ thế, không ngờ thơ ca bùng phát cả về số lượng và chất lượng.
- Lạ nhỉ! Lạ nhỉ! - Ngọc hoàng khúc khúc ho.
- Ấy chết! Thần lo cho Ngọc Hoàng quá. Nếu khó thở thì phải nhập viện ngay. Con cô vít này nó không nể ai đâu!

- Ủ, ta cũng hơi mệt. Nhưng không sao, ta đã tiêm 2 mũi vắc-xin rồi! Chắc là có phản ứng nhẹ!
- Thần xin báo cáo tiếp. Về số lượng thì không sao đếm xuể. Các nhà thơ chuyên nghiệp không còn được ra quán cà phê cà pháo nữa, nằm cách ly ở nhà tha hồ mà đẻ ra thơ. Lại còn được các nhạc sĩ phổ thành ca khúc hưởng ứng cuộc thi sáng tác chống đại dịch do ngành Văn hóa phát động. Sôi nổi lắm ạ. Còn lực lượng nhà thơ ở cơ sở, sử dụng Facebook truyền tải thi phẩm, thơ cứ đẻ ra từng giây...
- Tốt lắm! Tốt lắm! Thơ ca chính là liệu pháp tinh thần chống dịch. Nhưng nhiều thế, chất lượng thế nào?
- Khó cho thần quá. Thần có phải nhà phê bình chuyên nghiệp đâu. Mà thơ bây giờ đủ loại truyền thống, hiện đại, hậu hiện đại, siêu hiện đại, lại còn có loại thơ thị giác, thơ thính giác, có thể còn có thơ khứu giác sắp xuất hiện. Ngoài thơ bản địa còn thơ lai Nhật, lai Hàn, lai phương Tây...
- Không sao! Thời đại hòa nhập quốc tế, hòa nhập vũ trụ, thơ ca cũng phải tiếp biến đổi mới chứ. Cứ lục bát vẫn về mãi sao được!
- Đúng thế ạ! Nhưng thần vẫn chưa nhận ra cái hay, cái đẹp trong thơ bây giờ.
- Được rồi! Thời gian sẽ sàng lọc dần. Tết này người gửi thơ lên đây cho ta thẩm định, ta cũng đang thừa thời gian, không đi đâu được.
- Dạ, Tết Nguyên tiêu năm nay, thần đã tuyển chọn 1000 câu thơ, đủ các chủng loại để thả vào Ngày Thơ.
- Nhiều thế! Nhưng cũng được! Nhà người phải sát khuẩn thơ và các cô bóng bay xinh đẹp để tránh lây nhiễm cho Thiên đình. Thôi, ta đang phải đi tiêm mũi vắc-xin thứ ba. Gửi lời chúc sức khỏe các văn nhân hạ giới.
- Thần cũng xin thay mặt các nhà thơ cảm tạ Ngọc Hoàng! Bai! Bai!



Minh họa: HỮU TUẤN

Cuộc vịnh thơ độc đáo

VŨ BA LAN

Một đêm cuối năm tại nhà hàng Hương Đêm, thật là duyên kỳ ngộ, cả họ nhà tham không ai hẹn ai, thế mà họ lại gặp nhau đầy đủ. Á tiếp viên nhà hàng, với thân hình bốc lửa khêu gợi, là lời, cao hứng mở lời trước:

- Không mấy khi cả họ nhà ta gặp nhau đông đủ thế này, em đề nghị cả nhà ta mở một cuộc vịnh thơ đêm cuối năm, để thiên hạ họ biết rằng cánh ta không chỉ biết yêu tiền mà còn biết yêu thơ... Em đề nghị “đại ca” đọc trước.

THẾ VÂN

Nhà tiếp tên nhân, ngọt trái vắn - thờ ơn đất học
Kẻ thừa tên tử, thơm hoa phú - đi nhỏ công đồ

Tên Tham Văn Nhũng khoái chí mở đầu:

- Mưu kế ta làm ra tất cả

Có ô dù... công quỹ hóa của riêng...

Tên Buôn Văn Lậu đắc chí tiếp lời:

- Thà một phút huy hoàng rồi bị bắt

Còn hơn ngồi thềm muốn bấy lâu nay!

Gã Xu Văn Nịnh khoái trá cười vênh váo:

- Còn chức, còn quyền, còn nịnh bợ

Hết quyền, hết chức, hết thân quen!

Đến lượt ả tiếp viên ông ọ, là lời tán thưởng:

- Còn bạc, còn tiền, còn chiều chuộng

Hết "boa" hết bổng, hết ôm anh!...

Cả bọn khoái chí cười vang, ôm nhau ngả ngớn cùng đồng ca:

- Tham ô, tiêu cực đã từng

Khi vào nhà đã xin đừng quên nhau!

Sau màn vịnh thơ độc đáo đó, bia lon bật nắp, thức nhắm thơm lừng bày ra ngập bàn, cả bọn ôm nhau chúc tụng... Đèn mờ ảo, tiếng nhạc du dương cất lên... Rồi đèn phụt tắt... Trời mới biết, sau đó sẽ diễn ra những gì!???

Thơ về hổ của hoàng đế Minh Mạng

NGUYỄN HUY KHUYẾN

Thời phong kiến một số vị hoàng đế khi nhàn rỗi thường có tổ chức đi săn để giải trí và thỏa sở thích của mình. Dưới triều Nguyễn có vua Minh Mạng, vua Tự Đức, vua Bảo Đại thích đi săn. Nếu như vua Tự Đức thích bắn chim, vua Bảo Đại thích săn voi, thì vua Minh Mạng lại thích săn hổ. Lễ đi săn thường tổ chức vào mùa Xuân. Theo lời vua Thiệu Trị cho biết: “Hoàng khảo, Thánh Tổ Nhân Hoàng đế ta, mùa Xuân đi săn, giết được con hổ, để cứu người trong lúc nguy khốn, nhân đặt tên súng ấy là súng ‘sát hổ’”.

Việc săn hổ cũng góp phần trừ hại cho dân. Khi xưa ở các cánh rừng tại miền Trung có nhiều dã thú. Theo *Đại Nam thực lục* thì có việc hổ quấy phá hại người ở huyện Địa Linh, tỉnh Quảng Trị. Năm 1830, quan tỉnh Quảng Trị đem việc tâu lên. Vua sai Biên binh Vệ Vồng thành đến bố vây bắt; lại sai những tay thiện xạ, các đội Hộ vệ, Cảnh sát Kim thương mang súng nhỏ, súng lớn cùng đi. Sau khi đến, giết được 7 con hổ, khu rừng được yên tĩnh. Đặc thưởng cho ngân tiền, bạc lạng rồi rút về. Đến năm 1837, Hiệp lĩnh thị vệ là Vũ Huy Dụng nhận việc công lên núi, nghe nói hổ hại trâu cây ruộng, tâu xin phái thêm quân lính đến vây. Dụng bắn trước giết được 1 con hổ; quan quân nhân thể liền giết chết 3 con nữa.

殺虎行

Sát hổ hành

春蒐法古命行圍

Xuân thố pháp cổ mệnh hành vi,

忽報園中乳虎肥

Hốt báo vi trung nhũ hổ phì.

踴躍莫能與汝敵

Dũng được mạc năng dư nhữ địch,

咆哮誰敢犯其威

Bào hao thùy cảm phạm kì uy.

眈眈彼作負嵎勢	Đam đam bi tác phụ ngung thế,
困困人亦圓陣計	Khuân khuân nhân diệc viên trận kế.
勇士令往三子擒	Dũng sĩ lệnh vãng tam tử cầm,
烏鎗親發其母殪	Điểu thương thân phát kì mẫu ế.
追思殺虎少年時	Tuy tư sát hổ thiếu niên thời,
曾用此鎗一再之	Tăng dụng thử thương nhất tái chi.
今雖應聲於菟斃	Kim tuy ứng thanh ư thố tử,
猶遜前日救人危	Do tổn tiền nhật cứu nhân nguy.

Dịch nghĩa:

Bài hành giết hổ

Theo phép xưa mùa Xuân lệnh đi săn hổ,
 Bỗng nhiên được báo có hổ mẹ béo trong vòng vây.
 Nhảy chồm chẳng ai dám địch lại với hổ,
 Khi gằm thét đầu người dám phạm đến vẻ uy nghiêm.
 Rình mỗi nó dựa vào thế ở nơi hiểm yếu,
 Người cũng tính kế dàn trận vây xung quanh.
 Lệnh cho dũng sĩ bắn ba phát để bắt,
 Tự mình bắn súng con mẹ ngã xuống.
 Nhớ đến chuyện giết hổ lúc thiếu thời,
 Từng dùng súng này một lần nay lại dùng.
 Nay tuy được báo rằng hổ đã chết,
 Giống như ngày trước để cứu người gặp nguy.

[Ngự chế thi sơ tập, Quyển 3, tờ 32a-b]

用殺虎鎗復殺虎	Dụng sát hổ thương phục sát hổ
火若電光聲若雷	Hỏa nhược điện quang thanh nhược lôi,
於菟 ¹ 早已喪山隈	Ư thố tảo dĩ táng sơn ôi.
曩三今四無虛發	Năng tam kim tứ vô hư phát.
殺虎嘉名不負哉	Sát hổ gia danh bất phụ tai.

Dịch nghĩa:

Lại dùng súng sát hổ thương để giết hổ

Lửa như ánh chớp tiếng như sấm,
 Hổ đã sớm bị chết ở góc núi.
 Ngày trước [bắn] ba phát nay bốn phát không trượt phát nào,
 Giết hổ nêu tên hay chẳng phụ lòng kì vọng.

[Ngự chế thi sơ tập, Quyển 3, tờ 34b]

TÌM TRONG VỐN CỔ

嘲虎

爛斑白額嘯風生
顧盼之間百獸驚
不在深巖資兔鹿
敢來曠野擾編氓
自誇強狼誰能對
堪笑身軀已早橫
如此實惟爾作孽
非予量狹莫容情

Trào hổ

Lan ban bạch ngạch khiếu phong sinh,
Cố hể chi gian bách thú kinh.
Bất tại thâm nham tư thỏ lộc,
Cảm lai khoáng dã nhiều biên mên.
Tự khoa cường lang thùy năng đối,
Kham tiếu thân khu dĩ tảo hoành.
Như thử thực duy nhĩ tác nghịệt,
Phi dư lượng hiệp mạc dung tình.

Dịch nghĩa:

Giễu hổ

Hổ vằn sắc sỡ uy phong gầm thét sinh ra gió,
Khoảnh khắc [hổ] quay lại nhìn, khiến bách thú kinh sợ.
Không ở trong núi sâu, của cải là hươu là thỏ,
[Hổ] dám đến nơi đồng bằng để mà quấy nhiễu.
Tự khoe sức mạnh tàn bạo ai có thể đối chọi lại được,
Đáng cười thân thể đã sớm biết là không được tốt lành.
Như thế thực là chỉ có [hổ] làm loài yêu nghiệt,
Chẳng phải ta đã cân nhắc chẳng thể nào khoan dung.

[Ngự chế thi sơ tập, Quyển 3, tờ 35a-b]

自笑

上山殺虎下吟詩
自笑何須多事為
均是偶然非著意
深防堯舜不如嗤

Tự tiếu

Thượng sơn sát hổ hạ ngâm thi,
Tự tiếu hà tu đa sự vi.
Quân thị ngẫu nhiên phi trứ ý.
Thâm phòng Nghiêu Thuấn bất như xuy.

Dịch nghĩa:

Tự cười

Lên núi giết hổ, xuống [núi] ngâm thơ,
Tự cười [mình] có sao làm nhiều việc.
Đều là việc ngẫu nhiên chẳng hề có ý sắp đặt,
Bất bẻ so bì với vua Nghiêu vua Thuấn không bằng như tự cười mình.

[Ngự chế thi sơ tập, Quyển 3, tờ 35b]

虎逸終擒殺	Hổ dật chung cầm sát
爛斑林裏捉生回	<i>Lan ban lâm lí tróc sinh hồi,</i>
卻被庸夫復放開	<i>Khước bị dong phu phục phóng khai.</i>
縱虎歸山誠失算	<i>Túng hổ quy sơn thành thất toán,</i>
飛舟截獸亦稱才	<i>Phi chu tiệt thú diệc xưng tài.</i>
固知偶脫象園外	<i>Cố tri ngẫu thoát tượng vi ngoại,</i>
終莫能逃天網恢	<i>Chung mạc năng đào thiên võng khôi.</i>
惡物必除何足道	<i>Ác vật tất trừ hà túc đạo,</i>
愚人可惱可憐哉	<i>Ngu nhân khả nảo khả liên tai.</i>

Dịch nghĩa:

Hổ sống ra cuối cùng bắt và giết

Hổ ở trong rừng bị bắt sống mang về,
 Lại bị người ngu thả hổ chạy mất.
 Thả hổ về núi thành thực là ngoài dự tính,
 Chèo thuyền như bay chặn thú cũng gọi là tài giỏi.
 Vốn biết rằng ngẫu nhiên mà thoát có voi vây bên ngoài,
 Cuối cùng chẳng thể chạy khỏi lưới trời lồng lộng.
 Vật ác ắt hẳn bị diệt trừ có sao nói nhiều,
 Người ngu dốt thật đáng buồn, đáng thương thay.

[Ngự chế thi sơ tập, Quyển 3, tờ 49b-50a]

Qua một số bài thơ về hổ mà vua Minh Mạng sáng tác, nhân dịp năm Dần nói chuyện hổ để cảm nhận người xưa đã từng miêu tả con hổ như thế nào, cả về diện mạo, đặc tính của nó, cho dù con hổ là loài dã thú, nhưng cũng có những hình ảnh biểu tượng đặc trưng. Đó là hình ảnh con hổ tượng trưng cho sự mạnh mẽ, uy quyền, thường dùng cho các võ tướng. Cũng vì vậy mà vua Minh Mạng đã ban cho đại thần một con hổ bằng vàng: Sách *Đại Nam thực lục* chép: “Vua ngự điện Cần Chính, cho Trương Minh Giảng làm lễ ôm gối, tạy tay rót rượu ban cho, lại cho một hình con hổ bằng vàng và bảo rằng: “Tướng quân dẹp yên giặc cướp, trị yên biên cương, để trăm không phải lo ở phía tây, nên đặc cách cho con hổ vàng này, là lấy nghĩa hổ thần mạnh mẽ. Người phải cố gắng để cùng nước cùng hưởng phúc””.

Ngoài thơ viết về con hổ, vua Minh Mạng còn cho khắc hình ảnh hổ trên Cao đình triều Nguyễn, biểu tượng cho sức mạnh của đất nước và vương triều.

1. Ư thổ là tên gọi khác của hổ

■ Tháng 12/2021, thêm 2 hội viên Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An rời xa cõi tạm, để lại nhiều tiếc thương trong lòng người thân, bè bạn. Đó là hội viên Hồ Quang Diệu (Ban Thơ) và hội viên - nhạc sỹ Trần Vương (Ban Âm nhạc).

Trân trọng gửi tới bạn đọc những dòng hồi nhớ về 2 hội viên của Hội...



Nhà thơ HỒ QUANG DIỆU

Có một “hồn thơ thật”

PV

Nhà thơ Hồ Quang Diệu, bút danh Vũ Phong, sinh ngày 23/10/1943, quê quán xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, nhưng cuộc đời ông lại gắn bó với phố biển Cửa Lò. Nhà thơ Trần Hữu Thung đề tặng trong tập *Lời thuyền giấy* đã nhận xét Hồ Quang Diệu “có hồn thơ thật”.

Hồ Quang Diệu nguyên là Chủ nhiệm đầu tiên của Câu lạc bộ (CLB) Thơ thị xã Cửa Lò. Năm 1994, sau khi thành lập thị xã, trong không khí hào hứng, phấn khởi xây dựng thị xã, ông và các bạn thơ nhận ra, với một đô thị mới, người dân

cũng rất cần được thưởng thức những giá trị văn hóa tinh thần và bày tỏ cảm xúc về quê hương, đất nước, nhất là với một vùng quê tươi đẹp như Cửa Lò. Thế nên, Hồ Quang Diệu đã cùng các bạn thơ tập hợp lại, cùng nhau xây dựng và thành lập CLB Thơ Cửa Lò. Đây là sân chơi của những người yêu thơ và có khả năng về văn học nghệ thuật, cũng là nơi những người con phố biển bày tỏ tình yêu quê, quảng bá vẻ đẹp thiên nhiên, con người Cửa Lò.

Nhà thơ Phạm Hùng, Chi hội trưởng Chi hội VHNT Cửa Lò, người có nhiều năm gắn bó với nhà thơ Hồ Quang Diệu kể lại: “Đó là những năm tháng khó khăn nhưng tràn ngập niềm vui, thị xã mới thành lập, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, kinh phí hoạt động của CLB rất eo hẹp, chủ yếu là anh em đóng góp để sinh hoạt. Khi ra tập thơ thì có thể đề xuất xin địa phương, tần tiện cũng làm được. Trong thời gian làm Chủ nhiệm CLB, anh Hồ Quang Diệu đã cùng anh em xuất bản được hai tập thơ “Vàng trắng Cửa Hội 1” và “Vàng trắng Cửa Hội 2”. Hồ Quang Diệu rất yêu thơ, yêu biển, anh có những câu thơ hay về biển: *“Ngoài khơi xa/ Những cánh buồm trời tím nước xanh/ Nhìn hai ta hong mình trên đă/ Những bông cúc cát vàng yên ả/ Nhìn hai ta dựa lưng trên biển sóng dập dềnh”* (Chiều Lan Châu).

Những năm ấy, các anh em trong CLB vẫn thường xuyên gặp gỡ, giao lưu trao đổi về sáng tác, đọc thơ của nhau và đàm đạo văn chương. Nhà thơ Nguyễn Duy Năng, Thạch Quỳnh, Nguyễn Đăng Chế, rồi anh Huân, anh Thích... là những người thường qua lại với anh Hồ Quang Diệu.

Bạn bè nhận xét, Hồ Quang Diệu là người chân thành, thẳng thắn, thậm chí khá nóng tính, anh đặc biệt ghét những kẻ trục lợi lấy của công làm của riêng nên có nhiều thơ đả kích những kẻ biến chất này. Với bạn bè thì anh sống rất chân thành. Trong gia đình, anh Diệu là người cha nghiêm khắc nhưng cũng rất bao dung, vợ chồng anh sống chan hòa, tình cảm. Những năm anh đau ốm, chị vẫn luôn chăm sóc anh một cách chu đáo, tình cảm đầm ấm cho đến giờ phút cuối cùng”.

Nhà thơ Nguyễn Duy Năng chia sẻ: Những năm 90, khi tôi đang làm Giám đốc Xí nghiệp Đánh bắt cá Cửa Lò, anh Diệu làm trợ lý cho tôi. Có chung tình yêu thơ ca, chúng tôi vẫn thường xuyên gặp nhau trò chuyện văn chương. Anh Diệu là người đam mê thơ, thích quảng giao bè bạn, thi thoảng anh ấy vẫn rủ bạn văn nghệ về uống rượu cá khô, nói chuyện văn chương, chuyện đời. Tính anh Diệu hơi cực đoan, cũng hay tự ái nghề nghiệp lắm, anh ấy từng giận mấy người bạn dám “cả gan” sửa thơ của anh ấy, đó là một người yêu ai thì hết mình mà ghét ai cũng hết hạn”.

Nhà thơ Hồ Quang Diệu là người có nhiều năm gắn bó với Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Nghệ An. Ông đã để lại khá nhiều sáng tác, có thể kể đến một số tác phẩm như: *Neo vờ* (tập thơ, Nxb Nghệ Tĩnh, 1990); *Lời thuyền giấy* (tập thơ, Nxb Nghệ An, 2005); 5 bài thơ in chung trong tập *Trắng Cửa Hội*, Nxb Nghệ An, 2003); một số thơ, truyện đăng báo, tạp chí trung ương và địa phương.

CHÂN DUNG HỘI VIÊN

Hồ Quang Diệu đã đạt một số giải thưởng về văn học nghệ thuật, như: Bài thơ *Chuyện tình nguyện* đạt giải Khuyến khích (không có giải A) do Ban Tuyên giáo Bộ Giao thông, Vận tải tổ chức và trao tặng. Bài thơ *Giấc ngủ bạn tôi* đạt giải A, do Liên hiệp Công đoàn Nghệ An tổ chức và trao tặng.

Người con đã từng gắn bó với phố biển Cửa Lò, người chứng kiến những đổi thay của vùng biển này từ những ngày hoang sơ đến lúc trở thành một đô thị trẻ khang trang, bề thế đã ra đi. Hồn ông sẽ nương theo những con sóng mà thỏa thuê nỗi nhớ biển, nỗi nhớ những ngày lênh đèn trên biển, lòng rạo rức những tứ thơ. “Vàng trắng Cửa Hội” còn đó, vẫn man mát, lung linh soi mình đáy biển mà người đã ra đi. Cửa Lò đã có một chi hội văn học nghệ thuật chính thức đi vào hoạt động từ năm 2021 phần nào có công sức của ông và những người đã gây dựng CLB thơ Cửa Lò từ thuở ban đầu.



Nhạc sĩ TRẦN VƯƠNG

Người nhạc sĩ đa tài

TRẦN HỮU VINH

Nhạc sĩ Trần Vương, có bút danh là Trường Văn, ông sinh ngày 3 tháng 3 năm 1939 ở xã Nam Cường (nay là xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) nhưng phần lớn cuộc đời ông đã gắn bó với núi rừng và cuộc sống huyền diệu miền núi Con Cuông. Năm 1964, Trần Vương tốt nghiệp khóa 1 Trường Mỹ thuật Âm nhạc. Sau khi tốt nghiệp, Trần Vương về giảng dạy âm nhạc tại Trường Sư phạm miền núi Nghệ An. Năm 1980, ông chuyển sang làm cán bộ văn hóa ở phòng Văn hóa huyện Con Cuông. Sau một thời gian nỗ lực sáng tác và hoạt động phong trào, Trần Vương được đề bạt làm Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin, là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Con Cuông trong nhiều năm.

Nói về nhạc sĩ Trần Vương là nói về người nhạc sĩ đa tài, ông viết báo, viết ký, sáng tác truyện ngắn, viết sử địa phương, nhưng thành công nhất là trong lĩnh vực âm nhạc.

Trần Vương là tác giả của tập truyện và ký "Đóa hoa rừng" (Nxb Nghệ An, 2004). Tác phẩm ghi chép về những điều mắt thấy tai nghe, chuyện người thật, việc thật của những nhà giáo ngày ngày lặng thầm gieo từng con chữ nơi vùng cao heo hút. Bút ký "Đóa hoa rừng", viết về cô Lương Thị Hiền, một cô giáo dành tất cả tình yêu thương cho những đứa trẻ nghèo vùng cao, đã đạt giải Nhì cuộc thi viết về gương những người yêu trẻ do Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng. Hồi ký "Bác về thăm trường miền núi chúng tôi" ghi

lại lời kể của cố nhà giáo Vi Văn Phúc về lần đón Bác Hồ đến thăm Trường Sư phạm miền núi Nghệ An năm 1961.

Trần Vương còn có công biên soạn nhiều cuốn sách quý như: “Con Cuông - Vùng sinh thái hấp dẫn, di tích độc đáo”; “Lịch sử về Con Cuông, cửa ngõ miền Tây Nam xứ Nghệ”; “Lịch sử Đảng bộ huyện Con Cuông”. Đặc biệt, cuốn “Con Cuông - Vùng sinh thái hấp dẫn, di tích độc đáo” không chỉ có giá trị bản địa mà còn là một tư liệu quý giá cho những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Để hoàn thành cuốn sách này, ông đã mất gần 40 năm miệt mài đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu những truyền thuyết dân gian được truyền miệng và sử sách ghi chép về lịch sử, văn hóa của vùng đất và con người nơi đây. Cuốn sách tập hợp các bài nghiên cứu về danh lam, thắng cảnh, hang động, di tích kỳ thú ở huyện Con Cuông như: Cây đa Cồn Chùa, thành Trà Lân, bia Ma Nhai, eo Vực Bồng, hang Thẩm Nàng Mần, suối Nước Mọc, thác Bộc Bó, khe Kềm, Cửa Rọ...

Ngoài ra, Trần Vương còn là một nhà báo với nhiều tác phẩm đăng trên các tờ báo lớn như: Nhân dân, Lao động, Nguyệt san Quân đội, Giáo dục thời đại, Tạp chí Văn nghệ, Tạp chí Sông Lam... Nhờ một phần không nhỏ hiệu ứng từ những bài viết của ông mà Con Cuông đã trở thành điểm đến hấp dẫn với nhiều du khách trong và ngoài tỉnh như ngày nay.

Một trong những sáng tác âm nhạc đầu tiên của Trần Vương là ca khúc “Cây đa Cồn Chùa” ca ngợi về chi bộ Đảng đầu tiên của miền Tây xứ Nghệ, thành lập tháng 3/1931 ở Môn Sơn, Con Cuông. Trong ca khúc này, Trần Vương đã sử dụng điệu lăm, giai điệu dân ca Thái hàng tổng, để sáng tác vì tính giai điệu cao. Lúc đầu, ca khúc được viết bằng lời Việt, rất ít bà con yêu thích, sau đó nhạc sĩ Lê Hoàng và một vài người khác dịch sang tiếng Thái nên đã nhanh chóng phổ biến trong các bản làng vùng miền núi Nghệ An.

Nhạc sĩ Trần Vương để lại hơn 30 ca khúc về mảnh đất thượng ngàn Con Cuông. Như ông chia sẻ, mỗi ca khúc là một gợi nhớ về những địa điểm văn hóa, lịch sử, là những kỷ niệm được cất lên bằng giai điệu về Con Cuông kiên cường, anh dũng trong những năm tháng chiến tranh và xây dựng đời sống mới. Trong số đó, có nhiều ca khúc được phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân như: “Bài ca bia Ma Nhai”, “Cây đa Cồn Chùa”, “Hào khí Trà Lân”, “Phổ huyện Con Cuông, Pù Mát vào xuân”, “Du thuyền thượng nguồn sông Giăng”, “Cây khèn bè”, “Tình ca sông Lam”, “Cô gái về bản”, “Đêm rượu cần”, “Nam Đàn trong trái tim tôi”, “Phổ huyện Con Cuông”, “Ngẫu hứng cầu Giăng”, “Đi xao mư nì”...

Gần như đi đến bản làng nào là Trần Vương có ca khúc về bản làng đó. Ông đã sáng tác ca khúc về 13 xã, thị trấn ở Con Cuông, sau này ông sắp xếp và liên kết lại thành “Liên khúc Con Cuông”. Một trong những bài hát hay nhất của ông về Con Cuông là ca khúc “Tình ca Con Cuông”, có thể xem đây là bản Con Cuông ca, được đài PTTH huyện lấy làm nhạc hiệu. Các bài hát về Con Cuông đã được in trong 2 tập nhạc “Trăng ngàn” và “Rừng xuân nhớ Bác”. Nhiều ca khúc được phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam.

Trần Vương là người nhạc sĩ của bản làng, của cuộc sống chân chất thôn dã. Suốt

đời ông gắn với những suối sâu, đèo cao, gắn với cuộc sống người dân ở những bản làng xa xôi, với những giá trị văn hóa độc đáo. Ca khúc Trần Vương luôn gắn với những giai điệu của núi rừng Con Cuông và miền Tây xứ Nghệ, với những điệu khắp, điệu lăm, nhuôn, xuôi đường...

Đối với Trần Vương, nghệ thuật phải gắn với thực tiễn cuộc sống muôn màu của những người lao động, với văn hóa cộng đồng nên khi sáng tác một ca khúc nào đó, dù đề tài đơn giản thì ông cũng phải lặn lội tìm hiểu đến “chân tơ kẽ tóc”. Nhạc sĩ Trần Vương là người khiêm nhường, ham học hỏi và biết lắng nghe. Nhạc sĩ Lê Hoàng kể: Ca khúc “Em đi chăm vườn rừng” lúc đầu có tên là “Em đi chăm nương rẫy”, tôi góp ý với nhạc sĩ: “Thầy ơi, thời nay Đảng, Nhà nước không còn khuyến khích phát nương làm rẫy nữa mà phải thâm canh, trồng rừng, nên đặt tên ca khúc như vậy là không hợp với thời đại, thầy nên đổi tên khác thì hay hơn. Nhạc sĩ Trần Vương rất phấn khởi trước góp ý ấy của tôi. Sau một hồi thảo luận, chúng tôi thống nhất đặt tên ca khúc là “Em đi chăm vườn rừng”.

Nhạc sĩ Lê Hoàng tâm sự tiếp: “Tôi và nhạc sĩ Trần Vương gắn bó với nhau đã lâu, chúng tôi cùng trải qua một thời vất vả, gian khó mà hoạt động văn hóa, văn nghệ. Ngày ấy, khi có sáng tác mới là nhạc sĩ Vương đem cho tôi hát, tôi cũng là người dịch sang tiếng Thái những ca khúc của nhạc sĩ. Chúng tôi đã cùng nhau đi dự không biết bao nhiêu là cuộc thi cấp trung ương, cấp tỉnh, trải qua hàng trăm buổi diễn khắp nơi trong huyện, trong tỉnh. Tôi còn nhớ, ngày xưa phòng Văn hóa huyện có một cái đài cassette có thể thu âm, sau khi sáng tác, nhạc sĩ đưa cho chúng tôi tập xong thì ông đem thu âm tác phẩm vào băng. Nhạc cụ là kèn, là trống, là đàn ghi ta rất thô sơ. Băng sẽ được phát trong những ngày lễ hội, đại hội hay đón tiếp các bạn Lào sang thăm...”.

Có thể kể thêm một số giải thưởng cao quý về văn học, nghệ thuật, như: 4 giải nhì trung ương cho các tác phẩm: “Cây khèn bè”, “Trăng ngàn”, “Đi sao mưa nì”, “Chuyện đóa hoa rừng”, 01 giải nhì cấp tỉnh cho tác phẩm: “Chân dung Nhà giáo Ưu tú người Đan Lai”. Ghi nhận công lao đóng góp của ông, Đảng, nhà nước đã trao tặng những danh hiệu cao quý: Huy hiệu 30, 40, 45, 50, 55 năm tuổi đảng; Huy chương Chiến sỹ Văn hóa; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

Cuộc đời của Trần Vương là một tấm gương về sự trong sáng, giản dị. Dù là một nhạc sĩ nổi tiếng nhưng ông vẫn sống trong căn nhà cấp bốn cũ kĩ với đồng lương hưu ít ỏi, ngày ngày chiến đấu với tuổi già, bệnh tật cho đến cuối đời. Vượt lên muôn vàn khó khăn về vật chất, ông đã cống hiến cho đời với một tâm hồn vô tư, thơ trẻ mà chưa bao giờ đòi hỏi.

Thế là người con ưu tú của núi rừng miền Tây Nghệ An ấy đã ra đi. Linh hồn ông đã về với đại ngàn, với sông sâu, núi thẳm mà nghe tiếng chim muông, tiếng gió ngàn réo gọi. Bản làng nhớ thương ông, những con suối vắng, những nẻo đường xa đã từng lưu dấu chân ông nhớ thương ông; những dấu chân ấy là những nốt nhạc mãi gieo vào không gian núi rừng xứ sở, gieo vào sâu thẳm lòng người. Ngày ngày, những ca khúc của nhạc sĩ Trần Vương vẫn vang vọng trong từng bản làng, trên từng đỉnh núi, vẫn ngân nga cùng tiếng suối reo.



Minh họa: HỮU TUẤN

Cuộc đời đâu đủ dài, hà cố gì mà mệt nhoài lo xa!

KHUYẾT DANH

LTS: Đây là một câu chuyện được dịch giả Khánh Phương đọc được trên báo chí châu Âu và chọn dịch gửi cho Sông Lam, không rõ tên tác giả. Vì vậy, chúng tôi xin mạn phép được để “khuyết danh” ở phần tác giả của truyện ngắn này.

Sarah kết hôn năm 20 tuổi với một người đàn ông mà xét về mọi mặt không phải là xấu, nhưng anh ta không tốt với cô. Chuyện là thế này: Anh ấy không nhất thiết làm điều gì sai trái, anh ấy chỉ không làm gì cả!

Sarah yêu bản thân mình. Chắc chắn rồi, có một số điều cô muốn cải thiện, nhưng cô không có vấn đề gì về tuổi tác, trí thông minh, cơ thể bình

thường, tính cách ổn. Sarah có một sự nghiệp tốt và tự kiếm được nhiều tiền đủ để sống thoải mái.

Sarah biết cách sử dụng các dụng cụ điện, tự sửa xe của mình và tra cứu mọi thứ. Cô có thể nói những gì mình muốn nói, và mong đợi những người khác cũng phải như vậy hoặc gần như vậy. Sarah là trụ cột chính trong gia đình, làm hầu hết mọi việc trong nhà và chủ yếu là một mình nuôi dạy con cái và dành 13 năm cho cuộc hôn nhân vô giá trị. Nhưng bản chất Sarah là người cứng đầu nên vào một ngày, cô không thể nhẫn nhịn để tiếp tục cuộc sống như vậy nữa.

Chồng Sarah cảm thấy như cô không cần bất cứ điều gì từ anh ấy “Em cần gì hỗ trợ đâu nhỉ? Anh thấy em làm được tất cả mọi việc rồi đó thôi”.

Nhưng anh đã nhầm. Sarah rất cần hỗ trợ. Cô cần một đối tác, một người đồng hành để hiểu rằng, mình đã làm việc chăm chỉ như thế nào để giữ cho mọi thứ được suôn sẻ.

Sarah thấy cô đơn về mặt cảm xúc. Cô đã phải vật lộn với chứng vô sinh trong ba năm; đã phải dùng rất nhiều loại thuốc và tiêm khiến cô ốm yếu, mệt mỏi, bốc hỏa, đau nhức cơ thể và đau nửa đầu trong những năm đó. Chưa kể sự buồn chán vất kiệt mỗi tháng khi mà không thấy có vạch hồng trên cái que thử thai chết tiệt đó. Cảm xúc khi trải qua một đồng các xét nghiệm để thụ thai, rồi cái cảm xúc khi chụp ảnh sinh nhật đầu tiên của đứa con người họ hàng... quả thật là sự tra tấn. Sarah rất cởi mở với chuyện này vì nghĩ nó cũng giúp ích cho những người khác.

Chồng cô thậm chí không biết đây là điều cần hỗ trợ. Anh ấy không biết hoặc không cần biết. Và không phải vì Sarah không nói với anh ấy đâu, mà cô đã từng đề cập đến. Anh ấy cứ lơ đãng như vậy và lạc lõng như một cậu bé 5 tuổi bị mắc kẹt trong một cơ thể trưởng thành. Đó chính là điều mà Sarah muốn nói, rằng anh ấy thiếu khả năng hỗ trợ theo cách đó. Và rồi khi có con, anh ấy thực sự trở thành gánh nặng hơn là người hỗ trợ. Sarah đã phải cố gắng cân bằng đến kiệt sức vì mọi thứ, công việc đòi hỏi cao, làm bữa tối và cầu nguyện cùng con cái, trong khi chồng cô ngồi chơi game trên điện thoại và hầu như không để ý đến xung quanh.

Cuối cùng khi không thể chịu được hơn, cô yêu cầu anh ấy rời đi...

Ngay khi anh rời khỏi nhà, mọi thứ đã được cải thiện. Sarah đã có thể thở trở lại. Cô thấy nhẹ nhõm hẳn đi. Sarah thấy vui hơn khi không phải sống cùng anh ta. Cuộc sống trở nên tốt hơn rất nhiều. Cô thấy ổn, không thấy gì là cô đơn ngay cả mỗi khi đêm về, vui 11 về khi lên giường và dễ dàng đi vào giấc ngủ. Cô tự do. Và hạnh phúc.

Sarah có mức lương sáu con số và sống tốt trong khả năng của mình. Cô có gia đình luôn giúp trông chừng con cái khi cần. Cô có những người hàng xóm tuyệt vời và nhà thờ thường xuyên góp mặt bất cứ khi nào cần giúp đỡ. Cả ngày đi làm, trở về nhà thì đứa con 4 tuổi đùa nghịch la hét, đứa con 10 tuổi thì chăm chú vào chương trình truyền hình, chú chó con ngáp ở cửa và con mèo kêu meo

meo dưới chân suốt buổi. Mọi thứ ở đây đều cần cô, trông chờ vào cô. Một mối nhưng cô thấy ổn.

Tất cả đều cần cô. Cảm thấy cần là điều tuyệt vời, cô giống như chiếc cốc cổ chất chiu từng giọt cuối cùng để rót cho gia đình nhỏ của mình, nên đơn giản là không có thời gian nào để dạo chơi đây đó.

Có khi nào nghĩ đến việc hẹn hò không? Chưa, cô chưa từng.

Cô không có thời gian cho hẹn hò, chắc chắn là vậy rồi. Cô đã đủ bận rộn, và rõ ràng là ổn khi một mình. Hơn nữa, ai lại muốn hẹn hò với một người phụ nữ đã có con nhỏ, và hoàn toàn độc lập và rất thành đạt? Sarah chắc như đinh đóng cột rằng mình sẽ không bao giờ tìm hẹn hò chỉ cho "vui vẻ" - chẳng ai có thời gian để hẹn hò cả! Chưa kể, cô sẽ không đi gặp bất cứ ai, tiêu chuẩn của cô rất cao sau lần đổ vỡ với người cũ, và Sarah không có nhu cầu.

Thế rồi, mọi chuyện...

Mùa Hè năm đó, thật tuyệt vời!... Cậu ấy là một thực tập sinh, đẹp trai, làm việc chăm chỉ, dễ thương. Tự sửa xe của mình, tự kiếm tiền chi tiêu. Điều điên rồ là khoảng cách tuổi tác cậu ta kém cô những 10 tuổi. Và Sarah nghĩ bụng "Chả có anh chàng nào lại muốn thư giãn với bà chị lớn hơn nhiều tuổi, rồi lại còn có các con sống ở vùng ngoại ô giản dị nữa chứ".

Một hôm, cậu ta tình cờ trở lại trường vào cuối tuần, và trước sự kinh ngạc của cả hai, cậu ta đã hôn Sarah... và cả hai đã bắt đầu một mối quan hệ kể từ đó.

Oh. Lạy Chúa! Làm sao biết đây là mối quan hệ lành mạnh... Sarah thậm chí cho rằng không thể có mối quan hệ nào với anh chàng này. "Làm gì có chuyện đó" - Cô nghĩ bụng.

Chúa ơi! Sarah không cần phải đoán cậu ta nghĩ gì! Mà cậu ta nói cho cô biết về suy nghĩ của mình đối với cô ra sao! Cậu ta nói cho cô biết, rằng cậu ấy đang nghĩ gì và cảm thấy gì, ngay cả khi chưa biết cô có thích cậu ta hay không. Điều này thật tuyệt làm sao! Như một món quà...

Cậu ta tiêu tiền của mình. Người đàn ông 22 tuổi này cũng có tiền riêng của mình mà không phải phụ thuộc ai. Sarah có thể nói chuyện với cậu ấy cả ngày về những thứ sâu sắc, như những thứ hiện sinh, khoa học, phim ảnh, chương trình truyền hình hoặc sách báo, tin tức...

Cậu ấy quan tâm, hỏi Sarah mỗi ngày "Hôm nay em thế nào?" "Em có vui vẻ không?". Rồi còn bày tỏ về sự nhớ nhung "Anh nhớ em"; "Anh muốn quan tâm đến em"... Vào Ngày lễ tình nhân, cậu ấy đã gửi vào hộp thư của Sarah trên mọi kênh mà cậu ấy có thể nghĩ ra để khiến cô mỉm cười - kèm theo là hình ảnh trái tim ngọt ngào...

Về phần Sarah, cô chả muốn điều gì cả, chả quan tâm đến việc được nhận hoa hay không và cũng chả thiết tha gì đến việc có được tặng đồ trang sức hoặc bất kỳ thứ gì tào lao khác. Tất cả cô chỉ muốn có một người bạn đồng hành mà thôi.

Lần đầu tiên khi Sarah đến căn hộ của cậu ấy (có vài người bạn ở cùng đây phòng), cô đã quá bất ngờ vào hôm đó...

Sarah thiếp đi trên giường của cậu ta và thức giấc khoảng 2-3 giờ sau đó. Cô nói chuyện với một trong những người bạn cùng đây phòng và được biết rằng, cậu ấy đã đi xung quanh tất cả các cửa gần đó và đóng cửa trong khi cô ngủ để đảm bảo rằng tiếng rít không đánh thức cô dậy.

Cậu ấy dọn dẹp, nấu ăn, thử món mới. Cậu ấy trân trọng Sarah. Cậu ấy nói những điều như "wow, bữa tối này thật tuyệt vời, cảm ơn em rất nhiều vì đã nấu ăn!"; "wow, em thực sự giỏi về chuyện này. Điều đó thật tuyệt!".

Sarah chủ động đi đường khá xa để mang chút vui nho nhỏ cho cậu ta nhưng cậu ta lại chính là người mang nhiều niềm vui tới cho cô. Thật khác thường!

Sau khi rời đi, Sarah nghĩ có lẽ nên gọi và nói với cậu ấy rằng "mọi thứ vẫn ổn chứ?" - Chợt, tiếng chuông điện thoại reo. Cậu ấy gọi điện, giọng rất tình cảm "Anh xin lỗi vì đã có ít thời gian với em. Anh nhận ra, rằng sau khi em rời đi, anh cảm thấy mình đã không cư xử chu đáo. Anh rất cảm kích khi em đến."

Cậu ấy gọi điện cho cô khi cô chưa kịp gọi. Sarah nhận ra, rằng "người đàn ông này thật tinh tế".

Cậu ta gọi cho cô để nói về việc lo ngại chưa chu đáo với cô. "Chúa ơi, điều này quá hay". Sarah cho rằng, cô thật lố bịch vì muốn biết cậu ta cảm thấy thế nào về khoảng thời gian buổi chiều hôm đó. Sarah rất muốn hỏi và chưa kịp hỏi thì cậu ấy đã nói cho biết.

"Chết tiệt cậu ta không giống như vẻ bề ngoài non nớt". Sarah thậm chí còn đang không biết làm thế nào để đối phó với một cậu bé trong thân hình người lớn thì cậu ta đã chứng tỏ mình là người trưởng thành... Điều đó quá tuyệt vời!!!

Tuần trước cậu ấy đến ăn tối. Đứa con 4 tuổi của cô có một tâm trạng đặc biệt. Thường thì con bé là đứa trẻ hiếu động lúc nào cũng chạy nhảy xung quanh, nhưng đêm đó con bé lại hiền lành. Sarah đang suy tính về món ăn thì cậu ấy đến, kèm theo là một số thức ăn tối. Cậu ấy nhìn Sarah rồi ôm cô thật nhanh và nói rằng "anh sẽ đưa con gái ra ngoài sân sau chơi một chút, có được không em?".

"Oh, được chứ, xin mời". Khi đi, cậu ta còn dắt theo con chó đi cùng.

"Đang đùa tôi sao". Sarah nghĩ bụng "mình vẫn có thể nấu bữa tối trong khi bọn trẻ vẫn đùa nghịch và con chó vẫn loay hoay". Cô suýt khóc vì cảm động. Cậu ấy bước vào sau một hồi và hỏi "Em có ổn không và anh có thể làm gì để giúp em?".

Sarah vẫn còn khá lo lắng, và chỉ lẩm bầm "ừ, có thể giúp được nhưng tôi thậm chí không biết nữa."

Cậu ấy chỉ ôm cô thật lâu và nói rằng "Anh ở đó vì em, mọi chuyện sẽ ổn thôi". Nói đoạn, cậu ta hôn vào trán Sarah rồi lại quay ra chơi với lũ trẻ bên ngoài. Sau đó cậu ấy dắt chúng vào và nhờ chúng cùng dọn bàn ăn. Cậu ấy đã làm tất cả mọi

thứ. Sarah chưa bao giờ, trong suốt cuộc đời trưởng thành của mình được ngồi xuống ăn tối trong khi có người khác dọn bàn và sắp thức ăn, đồ uống...

Sau bữa tối, cậu ấy nói với lũ trẻ rằng “Chú không thể chơi cùng các cháu được cho đến khi chú giúp mẹ cháu dọn dẹp xong”. Và cậu ấy làm mọi thứ dọn dẹp cho Sarah. Cô quá bất ngờ, thực sự không biết phải làm gì. Sarah không có việc gì để làm nữa. Cô chỉ ngồi nghỉ, ngồi chơi.

Thật sự... rất... tuyệt!

Sarah nói với người đàn ông trẻ tuổi rằng “tôi thật vui, thật tuyệt khi có cậu ở đây, cậu giúp đỡ tôi. Tôi xúc động lắm nhưng tôi cảm thấy không đúng lắm về điều này”. Nhưng, cậu ta lại bảo “Oh không, anh có làm gì đặc biệt đâu. Đó là chuyện bình thường và ai cũng vậy thôi mà”.

Với Sarah thì lại khác. Sarah đã thấy, người đàn ông này làm điều khác xa so với những gì cô đã từng thấy ở người đàn ông trước đó.

Điều điên rồ nhất đối với cô là cậu ấy đã nói “Anh muốn em. Anh yêu em!!!”.

“Chuyện quái gì xảy ra với người đàn ông này vậy??? Cậu ấy đang học năm cuối đại học, cậu ấy có thể làm bất cứ điều gì mình muốn với thế giới ngoài kia. Ổ chắc chắn rồi, cậu ta có thể tìm cách để có được vô số cô gái nóng bỏng bằng tầm tuổi cậu ta. Mà bọn họ lại không có con với những bọn bê khác nữa”.

Cậu ta đã chọn Sarah với hành trang là: những đứa trẻ dại khờ; những vết rạn trên da và sự cần nhằn cuộc sống ngày càng nhiều. Sarah, kẻ cứng đầu và cổ chấp, thất thường. Cô không biết mình đã làm gì để làm anh chàng này mê mệt đến thế. Nhưng thôi, Sarah chả muốn nghĩ nhiều, chả muốn lo xa. Cô từng lo xa, từng nghĩ nhiều ngày trước rồi nhưng cuối cùng cũng có tránh được phiền muộn đâu. Rốt cuộc nỗi lo xa ấy chẳng giúp ích gì. Sarah chỉ cần biết ngay lúc này, tận hưởng cuộc sống hiện tại, ân tình ân nghĩa với người này.

Thật lòng, trái tim Sarah thậm chí còn không biết, rằng cô có cần anh ấy hay không, có yêu anh ta hay không... Nhưng mà, cô chắc chắn, rằng “Mình sẽ làm gì đó để khiến người đàn ông này cảm thấy hạnh phúc, cũng giống như việc cậu ta làm cho mình hạnh phúc mỗi ngày. Cuộc đời đâu đủ dài, hà cớ gì mà mệt nhoài lo xa...”.

KHÁNH PHƯƠNG dịch

KHU DI TÍCH KIM LIÊN

Chúc mừng năm mới - Xuân Nhâm Dần - 2022

Năm 2021, Khu Di tích Kim Liên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nhiều đổi mới trong quản lý, điều hành, xây dựng, chỉnh trang cảnh quan môi trường làm đẹp cho Khu Di tích và thu hút khách tham quan.

Nâng cao chất lượng tuyên truyền, trưng bày, đón tiếp, hướng dẫn phục vụ nhân dân trong tỉnh và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến tham quan tại Khu Di tích (tổ chức tuyên truyền trực tuyến cho các lớp Trung cấp Lý luận chính trị; triển lãm online "Quê hương nghĩa trọng tình cao", "Bác Hồ với ngành Giáo dục"; xây dựng phim tư liệu; trưng bày các chuyên đề ảnh về Bác Hồ,...); đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid.

Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản hiện vật trưng bày (sưu tầm phục chế 53 bài báo có bút tích của Bác Hồ phê đề nghị khen thưởng huy hiệu cho những tập thể và cá nhân ở Nghệ An);

Đón và phục vụ tốt các đoàn khách cấp cao của Đảng và Nhà nước, các đoàn khách trong nước và bạn bè quốc tế về thăm quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phục vụ chu đáo 326 đoàn làm lễ dâng hoa, dâng hương, báo công tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh với nghi lễ trọng thể;

Chăm sóc, bảo vệ, trùng tu, tôn tạo các di tích; làm tốt công tác PCCC, PCCR bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại Khu Di tích;

Tham gia và đạt giải cao tại cuộc thi thuyết minh viên, thi thể thao, thi hát dân ca Ví, Giặm do Sở Du lịch, Sở Văn hóa & Thể thao tổ chức.



ĐỊA CHỈ: XÃ KIM LIÊN, NAM ĐÀN, NGHỆ AN

CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VÀ CÂY XANH HUY HIỆP

HUY HIỆP ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ BỀN VỮNG VÀ GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH
Kính chúc Quý khách năm mới An khang - Thịnh vượng!

*Xuân
Nhậm Dân
2022*

Các lĩnh vực hoạt động:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Chăm sóc, duy tu, bảo dưỡng các công trình cây xanh, cây cảnh.

Những cơ quan, công sở do công ty đảm nhận chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh, cây cảnh:

- Khu Di tích Kim Liên (quê nội, quê ngoại Bác Hồ, Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, khu mộ bà Hoàng Thị Loan).
- Khu Lưu niệm Phan Bội Châu
- Đài Tưởng niệm Xô viết Nghệ Tĩnh
- Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong
- Nhà Lưu niệm Nguyễn Thị Minh Khai
- Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh
- Khu Di tích lịch sử Trường Bồn



Chăm sóc cây xanh ở Khu mộ bà Hoàng Thị Loan



Chăm sóc cây xanh ở Khu lưu niệm Nguyễn Thị Minh Khai



Chăm sóc cây xanh ở Khu Di tích Trường Bồn



Chăm sóc cây xanh ở Khu Di tích Kim Liên

Trụ sở chính: Nhà số 2, ngõ 16, Đ. Phan Sỹ Thục, khối 4, P. Trường Thi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238.3844165 - Fax: 0238.3844165



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN **HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH HÀNG HẢI, PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

THE SIXTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGLE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên giao dịch quốc tế: **PILOTCO VI**



Ông ĐÀO MẠNH HÀ
Bi thư Chi bộ, Chủ tịch Công ty



Ông NGUYỄN ĐỨC BÀY
Giám đốc Công ty

Ngành nghề kinh doanh:

- Cung cấp dịch vụ dẫn tàu biển ra vào các cảng, khu neo đậu tàu, khu chuyển tải; Hỗ trợ, lai dắt tàu biển và các phương tiện nổi;
- Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ; Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển;
- Đào tạo nghề - Huấn luyện hoa tiêu hàng hải;
- Cho thuê văn phòng.



Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Nhâm Dần - 2022

Trụ sở chính

Số 41, đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: (0238).3552305-3520309 * Fax: 0238.3520311
Email: congythoatieukv6@gmail.com

Văn phòng đại diện công ty

Xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Trạm Hoa tiêu Vũng Áng

Khu hành chính dịch vụ hậu cảng - Khu kinh tế Vũng Áng
Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh



Xuân đã về (màu nước giấy dó) - TRÙNG HIỆP



Gói bánh chưng (bột màu) - TRẦN MINH CHÂU



Xuân sang (acrylic) - ĐÌNH TRUYỀN



Nhâm Dần (acrylic) - HỒ THIẾT TRINH



Xuân về với bản (sơn dầu) - HẢI THỌ



Ngày hội (khắc thạch cao) - BẢ SIẾU

Dấu ấn HOÀNG TRUNG

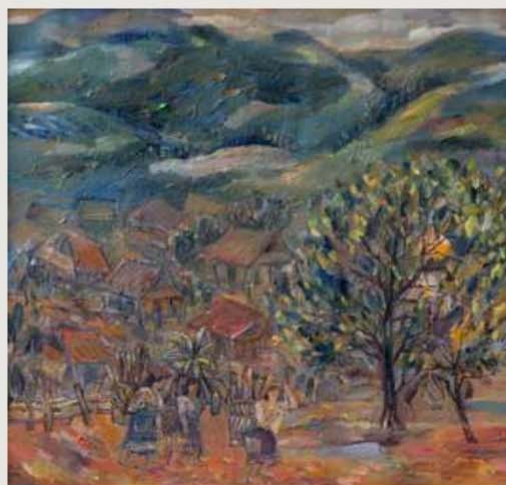
Trần Hoàng Trung sinh năm 1946, quê cha ở Huế, quê mẹ Quỳnh Lưu, Nghệ An, họa sĩ Trần Hoàng Trung theo gia đình về sinh sống tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Năm 1967, họa sĩ Trần Hoàng Trung tốt nghiệp Trung cấp Mỹ thuật Công nghiệp và sau một thời gian công tác, ông tiếp tục theo học Đại học Mỹ thuật Việt Nam. Tốt nghiệp đại học năm 1978, chỉ 1 năm sau đó, Hoàng Trung trở thành hội viên của Hội Mỹ thuật Việt Nam. Ông có nhiều đóng góp cho ngành Văn hóa - thông tin, đặc biệt là hội họa xứ Nghệ. Xin trân trọng giới thiệu chùm tranh của ông với bạn đọc Sáng Lam.



Chân dung tự họa (1991, sơn dầu)



Tĩnh vật (sơn dầu)



Về bản (sơn dầu)



Xóm nhỏ (sơn dầu)



Thuyền trên sông Lam (arcilic trên toan)



Cùng nhau vượt khó - PHAN THẢO ĐAN



Đón giao thừa - HOÀNG TÀI

Các em

Vẽ



Hoa Xuân - HÀ NHƯ



Phong cảnh làng quê 1 - TRƯỜNG HƯNG



Phong cảnh làng quê 2 - TRƯỜNG HƯNG



Tĩnh vật - TRƯỜNG HƯNG

Nhiếp ảnh

Về miền Tây xứ Nghệ

Ảnh: NGUYỄN THANH HẢI



Ảnh: NGUYỄN THANH HẢI



Ảnh: NGUYỄN THANH HẢI



Ảnh: NHẬT THANH



Ảnh: NGUYỄN THANH HẢI

Ảnh: NGUYỄN THANH HẢI



Hương cốm

ĐÔNG THUẬN

Quê tôi ở làng Đông Thuận (Nghị Trung, Nghi Lộc, Nghệ An) có nghề làm bánh cốm mấy chục năm rồi, từ ngày người con gái làng lấy chồng xứ Bắc, khi trở về thăm quê đã nấu mời làng món bánh cốm đặc biệt này. Ăn thấy ngon, thấy đượm nhiều người bắt đầu tìm hiểu sâu hơn về cốm, phát triển thành thương hiệu cốm Đông Thuận với những kỹ thuật khác biệt, cho ra sản phẩm độc đáo, thơm ngon hơn hẳn so với cốm vùng miền khác.

Nếp mới vụ chiêm, hạt mây mẩy, màu sữa được bà và mẹ gánh về, lại thêm mấy lần chọn hạt để làm mẻ cốm đầu mùa. Bánh cốm là thức quà vật có thể ăn quanh năm không ngán, nhưng đầu mùa cốm thường được ấn định là đầu đông. Lúc đó hạt nếp làng đạt độ căng tròn và động sữa nhất cũng là dịp tiết trời se lạnh, phù hợp để quây mật, đóng bánh. Bà và mẹ tất bật sấy nếp, còn lũ chúng tôi quần quýt ngồi bên, mắt chong hóng ngó nghiêmng vào nồi mật vừa độ chín mà bà đang đều tay khuấy đảo. Đôi mắt trẻ thơ háo hức nhìn từng mẻ nếp sàng qua máy thổi phồng lên, mẹ tôi nhanh tay đổ nếp đã thổi vào nồi mật mía trộn sẵn gừng, đường và nước giềng làng trong suốt rồi trộn đều. Vị gừng cay nồng là sáng tạo của bánh cốm Đông Thuận, mẹ tôi bảo gừng phải chọn củ nhỏ, cầm chắc tay, càng già càng tốt. Vị gừng hài hòa với hương nếp mới, làm tôn lên hương vị tinh khiết của ruộng đồng bờ bãi và giúp ấm bụng người thưởng thức trong mùa lạnh.

Gia vị thêm vào cốm cũng khá đa dạng. Có người cầu kỳ hơn thì thêm vào một ít dầu ăn và lạc để thêm độ bóng cũng như thêm thất độ dẻo thơm của cốm. Xong công đoạn nêm nếm gia vị, dùng đôi dũa tre cật đã lên bóng quấy đều cho đến khi tất cả óng lên màu vàng nhạt đặc trưng thì cốm đạt yêu cầu. Nếu như trước đây, bánh cốm Đông Thuận là thức quà quê thỏa lòng những đứa trẻ con thời thiếu đói, thì nay, bánh làng tôi đã trở thành đặc sản của vùng đất gió Lào, cát trắng, được khách phương xa tìm đến mua về làm quà tặng.

Bài: HOÀNG VŨ - Ảnh: QUỐC KHÁNH

